

Larry
Heinemann

CHUYỆN
CỦA

TIỂU THUYẾT

PACO



Nhà xuất bản Phụ nữ

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: **PACO'S STORY**, Larry Heinemann
Nhà xuất bản **FABER AND FABER**, London - Boston, 1987.

Xuất bản theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa **Trident Media Group**
và **Tuttle-Mori Agency Co.**, và Nhà xuất bản **Phụ nữ**.

© Bản quyền tiếng Việt, Nhà xuất bản **Phụ nữ**, 2016.

CHUYỆN CỦA PACO

Larry
Heinemann

*by Larry R. Edin,
Sarah Catherine
Prescott, John*

TIỂU THUYẾT

Người dịch PHẠM ANH TUẤN

Nhà xuất bản Phụ nữ

*Dành tặng vợ tôi, Edie
và các con, Sarah Catherine
và Preston John*

Chuyện của Paco

Larry Heinmann

Larry Heinemann, sinh năm 1944 tại Chicago, Illinois, trong một gia đình thuộc tầng lớp bình dân. Sau khi học xong trung học, ông đi làm rồi học đại học. Ông bỏ học giữa chừng và bị gọi nhập ngũ (năm 1966). Từ tháng 3 năm 1967 đến tháng 3 năm 1968, ông là lính của Sư đoàn hộ binh số 25 tham chiến tại Củ Chi và Dầu Tiếng.

Sau khi giải ngũ, Larry Heinemann theo học môn sáng tác (creative writing) tại Đại học Columbia ở Chicago và từ năm 1971 ông bắt đầu dạy môn sáng tác tại đại học này, cho tới khi ông xuất bản Chuyện của Paco (Paco's Story) năm 1986. Năm 1986, Chuyện của Paco được Giải thưởng Sách Quốc gia dành cho thể loại hư cấu (National Book Award for Fiction), vượt qua bốn nhà văn được đề cử khác trong đó có Toni Morrison là người được Nobel Văn học 5 năm sau đó.

Hiện nay Larry Heinemann là tác giả thường trú (writer-in-residence) tại Đại học Texas A&M University, thành phố College Station, bang Texas.

Nhà xuất bản Phụ nữ

*Lúc đó tôi nghe thấy một tiếng hét lớn bằng tiếng nói của
bộ tộc chúng tôi: “Không được động vào ta! Ta là Ngựa Điên!”*

BLACK ELK^[1], Black Elk kể

Lời tựa

◆ Bảo Ninh

Lần gần nhất chúng tôi gặp nhau cách nay cũng đã cả chục năm. Ở một tiệm rượu phố Bà Triệu. Hôm đó có Trung Trung Đĩnh, Phạm Ngọc Tiến, Nguyễn Thanh Sơn, tôi, Nguyễn Trọng Tín, Larry Heinemann. Trong sáu người riêng có Thanh Sơn là còn trẻ trung và không dự vào cuộc chiến hồi xưa.

Một cuộc rượu khá là trầm. Quân ta thì gặp nhau thường rồi, lại không ai làm thơ nên vốn dĩ đã luôn luôn uống là chính nói chẳng mấy. Còn như Larry, vẻ ngoài cũng đã cho thấy là kiêu lời. Tây, nên tôi khó áng tuổi, nhìn râu tóc đoán chừng giữa năm lăm với sáu mươi. Một anh lính già. Vóc dáng tầm thước, rắn chắc. Ánh mắt sâu, đôi thẳng người đối thoại. Gặp nhau, gọn ghẽ một lời chào. Và một cái bắt tay của lính, xiết chặt, rồi buông ngay. Chỉ vậy thôi đơn giản, xong mục chào hỏi. Không có kêu to lên, không có ôm choàng vỗ vai cọ má này nọ. Năm 98, ở Mỹ, lần đầu gặp gỡ, tôi đã lập tức thấy cảm mến, thấy thoải mái dễ chịu với cái cung cách cư xử thân thiện điềm nhiên vừa đủ của ông nhà văn này. Hai chúng tôi không hoài cổ những chuyện đánh đấm ngoại trừ hỏi nhau ngày xưa thuộc đơn vị nào, tác chiến địa bàn nào. Larry không nói cái câu quen thuộc và muộn màng “Xin lỗi Việt Nam”, không ra ý khổ đau thống thiết thay cho nước Việt người Việt. Hồi đó, ngay những khi cả hai đã kha khá độ cồn, đã ngà ngà, tôi cũng không thấy ở Larry những bột phát lý sự và xúc cảm mà tôi vẫn thường gặp ở người Mỹ và Tây phương nói chung những khi họ trò chuyện với người Việt Nam, nhất là “Việt Nam vi xi như tôi, về Vietnam War.

Gặp lại ở Hà Nội tôi thấy Larry có phần còn trầm hơn lần trước gặp nhau tại Montana. Tất nhiên, vì bây giờ ông là khách. Tuy nhiên, trầm lặng mà không cách biệt, không ủ dột, hay nói cho đúng thì là một sự sôi nổi nhiệt thành được lắng xuống và ẩn đi. Nhờ vào lời dịch của Thanh Sơn, chúng tôi thông thả trò chuyện. Nhà văn Mỹ qua Việt Nam dự định ở lâu đi nhiều. Trước nhất là trở lại Tây Ninh, tìm chốt đóng quân ngày trước, núi

Bà Đen nơi chiến địa ác liệt, xem thử đời sống nhân gian đã hồi sinh thế nào. Rồi về Sài Gòn, địa đạo Củ Chi, căn cứ Đồng Dù. Và sẽ từ đó đi lần ra Bắc: cảng Cam Ranh, biển Nha Trang, Hội An, Mỹ Sơn, đèo Hải Vân, Huế, Quảng Trị, lũng Khe Sanh, nghĩa trang Trường Sơn, cầu Hiền Lương... Trên hành trình dài cây dài ngày ấy, ngoài ý định nhìn ngắm lại phần đời sâu nặng nhất của mình, Larry mong muốn hiểu thêm và kỹ hơn về văn hóa và văn học dân gian của các vùng miền dọc theo đất nước hình chữ S. Nhưng mà cái đích cụ thể Larry định ra cho chuyến đi lại là để khởi sự viết một tác phẩm về hoả xa Đông Dương. Đây là một đề tài mà quả thật là bản thân tôi cũng rất ưa thích và luôn muốn viết.

Hôm ấy, nhóm chúng tôi, người nguyên là du kích Việt Cộng chính hiệu đất Mũi, người là cựu binh bộ đội chủ lực Bắc Việt, người thì từng là một GI sư đoàn 15 Tia chớp Nhiệt đới, ngồi cách ly với nhau, chậm rãi nhâm nhi, cùng nhau trò chuyện luận bàn về phong tục tập quán, về những thần thoại và cổ tích của các làng quê nước Việt, rồi về các cung đường sắt, các nhà ga, cầu cống, bến sông xưa và nay trên dọc đường xuyên Việt. Nhìn ra bên ngoài kia là rộn rã phố xá mùa xuân, tấp nập, nhộn nhịp đời sống Hà Thành. Tính đến mùa xuân đó hòa bình đã được non ba chục năm. Cuộc chiến tranh tàn khốc đè nặng đời người và không ngừng khắc khoải chà xéo ký ức đã thật sự lùi xa, xa lắm rồi...

Gần chục năm qua tôi vẫn thường nhớ lại lần gặp gỡ ấy. Một kỷ niệm dễ chịu, đầm ấm chân thành những tình cảm giản dị mà sâu xa và hiếm có. Tuy nhiên, những khi nhớ lại thế thì tự thâm tâm tôi vẫn cứ thấy gợn lên cảm giác về một sự không trọn vẹn. Tôi thấy mình thật sự có điều không phải lẽ với Larry. Bởi nổi, theo tôi nghĩ, thì chính tôi, chính chúng tôi, những người lính Việt Nam, những nhà văn cựu chiến binh Việt Nam một cách đương nhiên phải là thành phần độc giả mà nhà văn Heinemann muốn có nhất, muốn trao gửi, chia sẻ, bộc bạch, muốn hướng tới nhất cả khi đang viết lẫn khi đã xuất bản tác phẩm. Vậy mà tôi lại đã chưa hề đọc gì hết của ông. Cố nhiên chẳng phải tôi không muốn mà vì làm gì có mà đọc, nhưng dù vậy đây vẫn là một điều thật đáng tiếc và vô cùng đáng buồn. Vô hình chung vẫn là một rào cản, một sự xa cách.

Không được đọc và không đọc được rất nhiều tác phẩm văn học muốn đọc và cần phải đọc, đấy là một trong những hụt hẫng và khiếm khuyết trầm trọng nhất của tôi. Tất nhiên là do zê rô về ngoại ngữ, nhưng cũng là do vì nói chung cái thời của tôi nó như thế. Thời của cha tôi chú tôi không thế. Thời ấy, tầng lớp trí thức, nhà văn, nghệ sĩ cùng toàn thể dân tộc đứng lên giành nền độc lập và tiến hành cuộc Kháng chiến trường kỳ bằng một tinh thần thật sự là không đội trời chung với thực dân Pháp, ấy vậy nhưng họ am hiểu sâu sắc, hoặc chí ít là không hề xa lạ với văn hoá và văn học Pháp. Có thể nói là thế hệ cha tôi đã noi gương sáng của tổ tiên, ngàn năm bất khuất trước phong kiến phương Bắc nhưng không tự ngăn mình thấu hiểu tình tường đất nước và văn hóa Trung Hoa.

Tôi thì biết quá ít về nước Mỹ người Mỹ, hoặc biết theo cái lối rất cũ kỹ, phiến diện và ấu trĩ một thời. Mà cái sự xa lạ ấy quả thật là rất lạ lùng. Bởi vì xét cho cùng thì chẳng có cái nước ngoài nào tác động trực tiếp, ảnh hưởng mạnh mẽ sâu sắc dữ dội đến cuộc đời và cuộc sống của tôi cũng như bạn bè đồng lứa với tôi cho bằng nước Mỹ. Ngay từ tuổi thơ ấu đã nhìn thấy nghe thấy Mỹ quần đảo gầm thét trên bầu trời Hà Nội và tới tập đội bom, gieo chết chóc, tai họa, tan nát, phân ly vào mọi gia đình. Và rồi những năm quân ngũ chiến trường thì miễn bàn khỏi cần kể. Có thời khắc nào trong những năm tháng ấy mà mọi mặt đời sống tinh thần và vật chất của người lính tạm lánh được ra ngoài bầu không gian kín đặc đất trời của cuộc chiến tranh? Người Mỹ người Việt hồi đó gần xa nhau nhất cũng chỉ là cách một tầm trọng pháo và trên cao vài ngàn thước những chiếc oanh tạc cơ đủ loại, gần thì trong tầm đạn AK và MI6, gần hơn nữa thì dao găm, lưỡi lê, báng súng, mặt giáp mặt. Có nghĩa là Việt Mỹ suốt bao nhiêu năm đã hết sức cận kề, dù thời đó cận kề chỉ để nhìn thấy xác của nhau là chính. Nhưng còn sau thời đó, đến bây giờ thì sao? Cũng hết sức là cận kề. Ngày nay, nhất là ở chốn thị thành, bước chân ra cửa, thậm chí ngay trong nhà, bạn lắng nghe và nhìn quanh thử coi, hầu hết những sự vật và thông tin trong đời sống, dù bạn ưa hay ghét, muốn chấp nhận hoặc không muốn gạt bỏ, đều ít nhiều, trực tiếp gián tiếp nhuộm màu sắc Mỹ. Không phải vậy sao?

Có thể nói rằng thế hệ chúng tôi thời đó được sinh ra trên đời, lớn lên, được ăn học nuôi dạy chỉ để hướng tới mục đích là kịp khi đến tuổi thanh niên thì cầm vũ khí chiến đấu chống Mỹ, tuy nhiên, do diễn biến thời cuộc nên vô hình chung lại đã phát sinh một mục tiêu khác nữa dành cho thế hệ cựu chiến binh chúng tôi, ấy là khi đến tuổi trung niên thì kịp tinh tảo và chín chắn gánh vác trách nhiệm đối mới đất nước theo hướng bình thường hóa hội nhập hòa đồng vào với một thế giới có thật, một thế giới rộng lớn đa dạng và muôn màu, một thế giới mà sự phát triển, đường đi nước bước của nó gần bó hiển nhiên và mật thiết với nước Mỹ. Thế nhưng, cái nước Mỹ ấy nó là thế nào, tôi đâu có biết gì đâu. Có người Việt Nam nào cùng một kiểu lý lịch và một học vấn na ná như tôi có được sự am hiểu về nước Mỹ hơn hẳn tôi không? Tôi mong được đọc những cuốn sách viết thật sự khách quan và có độ rộng cùng chiều sâu uyên bác về nước Mỹ, được người Việt viết ra hoặc dịch cũng được, mà không tìm ra.

Riêng về văn học, tôi tự hỏi mình biết gì về văn học thế giới một khi không biết gì đáng kể về văn học Mỹ. Tôi đã đọc các nhà văn Mỹ nào? Vài ba tác phẩm đã dịch ra tiếng Việt của M. Twain, O. Henry, J. London, J. Steinbeck. Ai nữa? E. Hemingway. Thế thôi, hết. Có vẻ là đã có đủ những tác giả nổi bật nhất. Nhưng rõ ràng là không phải thế. Thậm chí chỉ biết đến như thế thì còn tệ hơn là không biết gì hết.

Văn học Mỹ đương đại, các nhà văn Mỹ của đương thời tôi lại càng không hay biết. Và tôi nghĩ, là nhà văn, lại là cựu chiến binh trong chiến tranh chống Mỹ mà không hiểu văn học Mỹ, thì làm sao có thể viết được cho hay, chí ít là có sức thuyết phục, về cuộc chiến tranh ấy. Đặc biệt là khi không đọc không hiểu gì về các tác phẩm của các nhà văn Mỹ mà phần nào cùng kiểu như chúng tôi, đã trưởng thành lên từ cuộc chiến (theo hướng khác, ở phía đối diện, cố nhiên).

Nhà văn Larry Heinemann là tác giả nổi tiếng của văn học Mỹ đương thời. Chưa đọc của ông nhưng qua những gì mắt thấy ở các hiệu sách, ở các buổi hội thảo tác phẩm tại những nơi xa tắp như Missoula, Lubbock, hay tại các trung tâm lớn nhất nước Mỹ như Boston, New York mà tôi biết như thế. Các tác phẩm của nhà văn này, nhất là những cuốn liên quan đến cuộc

chiến ở Việt Nam như *Close Quarter*, *Paco's Story* được tái bản nhiều lần bởi có sức cuốn hút đông đảo độc giả. Dự buổi hội thảo cuốn *Paco's Story* tại Boston, tôi thấy người đến dự không chỉ đông mà còn rất đa dạng: giáo sư, nhà văn, người lớn tuổi, các cựu chiến binh, sinh viên, học sinh trong đó gồm không ít những thanh niên gốc Việt. Câu hỏi được nêu ra thật nhiều và dồn dập. Mặc dù không hiểu, song tôi thấy rõ những câu trả lời của nhà văn và những trích đoạn tác phẩm mà ông đọc lên trước công chúng đã tạo nên những hiệu ứng gần như đối chọi: cười khóc, tán thưởng, giận dữ, vỗ tay và la ó. Tôi hiểu rằng tác phẩm rất hay, hấp dẫn, cảm động, khiến người ta hứng khởi và khoái cảm về nội dung, về giọng văn, cách miêu tả, đối thoại, dẫn chuyện, về cấu trúc và phong thái của tác phẩm, nhưng đồng thời lại làm người ta bị choáng. Ở đời làm gì có nhiều cuốn tiểu thuyết đạt được sức mạnh như vậy. Thú thực là những khi như thế tôi cực kỳ buồn thay cho mình không biết tiếng Anh. Những nhà văn bạn tôi sành Anh ngữ và đã đọc các tiểu thuyết của Heinemann, đều thấy tôi may mắn quen biết ông mà cũng tiếc cho tôi không đọc được của ông ấy.

Ở ta, không phải là người ta chưa hề dịch một tác phẩm nào của Mỹ viết về cuộc chiến tranh Việt Nam. Tuy nhiên hầu hết là hồi ký của các ông tướng ông tá, các chính khách cỡ bự, những tập phóng sự của các ký giả chiến trường hồi xưa, hoặc là những nghiên cứu của các sử gia. Tác phẩm văn học, nhất là tác phẩm của các nhà văn nổi tiếng và vốn là lính thường ở đại đội bộ binh như Larry Heinemann thì dường như vắng mặt hoàn toàn. Vậy mà, thiết nghĩ, chỉ trong những tác phẩm văn học đích thực ấy mới hiện lên đích thực bi kịch Mỹ trong và sau chiến tranh Việt Nam, và mới thực sự cho ta thấy cuộc đời cùng số phận của những người Mỹ lính tráng, nông dân, thợ thuyền, tiểu thị dân... bị chiến tranh dày dọ và giày vò như thế nào. Các tác phẩm văn học ấy dù có thể rất gai góc và gây sốc, song quyết liệt tính hiện thực và đậm tinh thần nhân đạo, sẽ cho người đọc trực diện nhìn thấy những người Mỹ bình dân, họ sướng khổ, buồn vui như thế nào, họ tốt đẹp và xấu xa, họ thù hận và yêu thương, họ thiết tha với hòa bình và căm ghét chiến tranh như thế nào. Chắc hẳn rằng họ cũng như mọi người nghèo, mọi người bình dân trên thế gian này cả thôi.

Đôi lời cùng độc giả

Tên gọi *James* bắt nguồn từ cách gọi *Jim* hoặc *Jack*, hoặc đôi khi là *Jake* theo cách đùa cợt, một thói quen của dân hàng phố khi họ bắt chuyện người hoàn toàn không quen biết - chẳng hạn, khi họ hỏi thăm đường, hỏi giá vé xe buýt chính xác bằng tiền lẻ hoặc xin lửa để châm thuốc. Nhưng bởi vì *Chuyện của Paco* đòi hỏi ngôn ngữ trịnh trọng hơn ngôn ngữ vỉa hè đường phố nên tôi nghĩ *James* thì thích hợp hơn. Tôi cũng định nhắc tới câu nói giễu cợt: "Về nhà đi, James"^{2[1]}. Khi tôi bắt tay vào viết câu chuyện này, một người bạn thân đã hỏi tôi *James* thực ra có phải là James Jones hay không^{3[2]} - một nhà văn có sự nghiệp mà tôi rất ngưỡng mộ (và tôi nghĩ ông bị đánh giá quá thấp); ông mất vì một căn bệnh đau đớn kéo dài ngay trước khi cuốn tiểu thuyết đầu tay của tôi được xuất bản năm 1977. Tôi đã trả lời người bạn đó rằng không phải, rằng *James không phải là James Jones*, nhưng sự trùng hợp ngẫu nhiên này là sự trở trêu quá kỳ lạ khiến tôi không thể cố tình không biết hoặc gạt bỏ.

Nhưng rút cục tôi được biết hóa ra có rất nhiều *James*. Trong Kinh Thánh có hai thánh tông đồ mang tên này: James Nhỏ (là người em ruột hoặc em họ của Jesus ở Nazareth và là tác giả của thư truyền giáo của Thánh James gửi cho các Kitô hữu) và James Lớn. Có nhiều vua của nước Anh tên là James, trong đó James I là người đã cho dịch Kinh Thánh sang tiếng Anh cận đại. Có các "James" trong văn học - James Joyce, Henry James và người anh trai của ông là William James, và James Jones. Và chúng ta có thể kể thêm tướng cướp huyền thoại Jesse James, người em trai Frank James của gã, và băng cướp của nhà James; James Bowie và toàn bộ lính của ông đã thiệt mạng trong trận đánh tại Alamo (người anh trai đã tặng ông con dao săn/chiến đấu nổi tiếng vì được mang tên ông); diễn viên James Dean mà huyền thoại cá nhân đã góp phần định nghĩa thời kỳ hậu Thế chiến II.

Hơn nữa, James còn là tên của người anh trai cả của tôi - tôi không gặp hoặc nhận được tin tức của anh ấy kể từ quãng năm 1970. Cuối cùng, tên của cha tôi là John, nhưng mọi người đều gọi ông là Jack - một tên riêng đôi

khi thay cho James; ông mất chưa đầy hai tuần trước khi tôi xuất bản cuốn tiểu thuyết đầu tay, *Close Quarters* (Giáp lá cà), cái chết của ông quả thực đã khiến cho sự kiện ăn mừng việc ra mắt cuốn sách trở thành mâu thuẫn, ngược đời - một cảm giác mệt mỏi đến kiệt sức vì đau buồn xảy ra cùng thời gian với cảm giác nhẹ nhõm vì cất được gánh nặng.

Điều nói thẳng thứ nhất

James, hãy bắt đầu bằng điều nói thẳng thứ nhất này: đây không phải là câu chuyện chiến tranh. Hãy tổng khứ ra khỏi đây những câu chuyện chiến tranh. Một, hai, ba, hãy vứt tuốt những câu chuyện chiến tranh xuống hồ cùng với cá mú tanh tươi bắn thiu và nước nhớt nhát váng bọt ở bến tàu. Nhưng như thế có uống phí hay không? Tất cả những câu chuyện bép xép, nhào nhoét đó, chúng được sắp xếp có trật tự đâu vào đấy giống như những thứ được dành dụm để rồi sau này đem ra dùng, chúng chất thành đồng nhiều như những viên sỏi rải đường tầm thường, như những tấm thảm cũ mốc meo nổi lênh bênh dưới nước (màu xỉn như chiếc đinh đóng cửa bị gỉ kết lại và bốc một thứ mùi phi văn minh rất riêng biệt). Nhưng thực ra cũng không hẳn là uống phí đâu, bởi vì đây đó và ở chỗ khác, giữa những thứ đáng vứt đi đó vẫn có những câu chuyện đối trá siêu hạng giành được giải thưởng, những câu chuyện vớ vẩn, dễ hiểu, giống như những ổ bánh mì nhỏ xiu nóng hổi tiện lợi dễ làm, tạm ví như vậy, giống như những cú lốp bóng chày tạo thành một đường bay hình vòng cung mềm mại rất đẹp mắt nhưng bị cầu thủ đối phương bắt ngay ưỡn không khi chưa kịp chạm đất.

Nhưng đó chính là cái cách kể chuyện vẫn tồn tại từ xưa tới nay trên thế giới này, hoặc đó là cái cách kể quen thuộc trong những câu chuyện cổ tích. Những người tầm thường giữ chặt dây thắt hầu bao và dây tạp dề trong bàn tay bé nhỏ, mềm mại, ấm áp của họ - bằng một cách chọn từ hoàn hảo và điệu bộ có chuẩn bị - họ tố cáo những câu chuyện chiến tranh giống như gã dị dạng biểu diễn những tiết mục quái gở rất độc ác và kinh tởm tại những hội chợ giải trí vào những thời xa xưa. (Tại một hội chợ giải trí ngày đó, James à, đó là một gã biểu diễn tiết mục dùng răng cắn đứt đầu một con gà hoặc một con rắn sống). Người tố cáo những câu chuyện chiến tranh này đứng thẳng người, tay khoát rộng để nhấn mạnh những chỗ thích hợp, tuyên bố rằng chuyện chiến tranh làm cho những người khác phải ngủ gật trên ghế. (James, trong khi ngược lại thì đúng hơn). Bất cứ gã chủ gian hàng hạng bét

nào đó ở một hội chợ giải trí - miễn là hăn còn sống hoặc không ngồi tù hoặc không bị nhốt trong một nhà thương điên của địa phương – đều sẽ nói với ông là hầu hết mọi người lần nào cũng sẵn sàng trả những đồng tiền kiếm được một cách khó khăn, những tờ tiền mặt, để được xem một cảnh rùng rợn và gớm ghiếc được biểu diễn khéo léo và hấp dẫn trực tiếp.

Số khác (tự cho mình là người có đầu óc tài giỏi và sắc sảo, kiểu như diễn đàn của Thượng Viện, “hãy để tôi đọc bài diễn văn này để ghi vào *Văn Khố Quốc hội*”, giống như những diễn viên trên sân khấu), họ luồn một tay vào bên trong vạt áo gi-lê và điệu dàng đưa mũi giày đánh vécnì bóng lộn về phía trước rồi thề sẽ chết liền nếu như tiếng ngáy vì những câu chuyện chiến tranh không làm rung lạch cách những ô cửa sổ ở quanh vùng cách đó nhiều dặm - tới tận Pokorney hoặc khoảng cách tương tự theo như khẳng định của Văn khố. (James à, Pokorney là một địa điểm có thật, ông có hiểu không, một thị trấn bé tí nằm giữa Wheeling và Half Day, ở chỗ giao cắt giữa xa lộ Liên Bang số 12 và Đường Aptakisic - thị trấn đó có **một trạm xe buýt ở Texaco^{4[1]}**, một lò bánh mì Thụy Điển và motel^{5[2]} Don't Drive Beddie-Bye.

Và một thiếu số khác biệt nhưng hay cường điệu - những gã say mê yêu thuật qua sách vở, những gã chơi nhạc punk đường phố^{6[1]} hiểu biết không đến nơi đến chốn và những gã rao bán lòng ái quốc (James, họ yêu nước để được trả lương đủ để sống lần hồi qua ngày) - những kẻ đó khéo léo hạ thấp đầu xuống rồi nói bóng gió úp mở rằng những tiếng ngáy đó (cái tiếng ngáy đều đều giống như tiếng kêu của con ngỗng trời, run run giật giật từng hồi như con búp bê bằng giẻ rách quật mạnh vào ông khiến cho ông bực bội cáu kỉnh, James à) chỉ đơn giản là vì câu chuyện về Ngày Tận thế^{7[2]} bị tắc nghẽn lại ở cổ họng vì nước bọt, và nó đang cố gắng lấy lại hơi cho một vòng chạy nữa.

Và bọn biểu diễn tiết mục nhai đầu gà, bọn dị dạng và bọn bán hàng lừa đảo trên đời này đều hiểu rằng bọn nhà quê khờ khạo đang nuốt từng lời cò mồi kiểu như vậy, vâng, tôi cá rằng bọn họ đang khoái chí cười vỡ bụng - ha ha ha. James, họ là những người biết nhận ra một lời dối trá nhất hạng. Họ ngả người trên những chiếc ghế gấp xếp dọc trước gian trò chơi - gian trò chơi Bắn chim bồ câu hoặc Ném vòng vào cổ chai hoặc Đoán-xem-có-bao-

nhieu- đồng-xu-trong-lọ, đại loại thế - và họ vỗ đùi đến lằn cả da trong lúc thì thầm với nhau rằng tại nhà quê trên đời này hoàn toàn chẳng hiểu tí gì cả.

Vậy là, theo một số người thì công chúng không hề muốn nghe nói tới Đại đội Alpha - lũ lính trơn chúng tôi - những gã đã quần nát những cánh rừng nhiệt đới và cường hiếp gái trinh trong lúc gò lưng di chuyển từ bãi đáp trực thăng Skator-Gator tới Scat Man Do^{8[3]} (hay gọi thế nào cũng được). Đạo đó chúng tôi sử dụng những tấm bản đồ có từ thời thuộc địa Pháp - tên các thị trấn, các kí hiệu bản đồ và đường mô tả độ cao bị nhàu nát, quần queo và nhòe nhoẹt trông khó hiểu như thổ ngữ Apache của tộc người Chiricahua. Chúng tôi không tài nào đoán nổi một cái chết tiệt gì trên những tấm bản đồ đó nên hoàn toàn không thể phát âm chính xác vị trí của Scat Man Do, nhưng chúng tôi đã hỏi đường và dựa vào cái mũi thính của Trung úy Stennert - đi rất nhanh qua những khu vực có thể xảy ra giao tranh đi qua những bãi chông tre bơi phàn người^{9[4]} miệng rộng như những bãi khai thác đồng, chưa kể những chuồng heo và chuồng gà (gà chạy tán loạn và lông gà rắc khắp nơi nom như vỏ bào). Chúng tôi đã tới chỗ chiếc máy nước nằm trên một bãi đất rộng của Scat Man Do - rồi quay trở lại Bãi đáp Skator-Gator vào buổi chiều - vừa đi vừa gào rất to những mẫu giai điệu trong các bản duy-ê của vợ Simon Boccanegra^{10[5]} và Con tàu ma^{11[6]}. Nhưng tại sao chúng tôi lại đi tới đó, không có ai nói với chúng tôi cả và không một ai trong số chúng tôi - những người còn lại trong số chúng tôi tại thời điểm đó - lại băn khoăn đặt câu hỏi này.

Và một số người tin rằng công chúng không hề muốn biết về cái đêm tại Cứ điểm Sweet Peas khi đại đội giống như bị đá một cú trời giáng vào mặt - một trận đánh giáp lá cà hỗn loạn, giống như một trận ẩu đả ngoài đường phố - và rút cục trong suốt hai tuần lễ chúng tôi vẫn còn khắc ra những mẫu răng bị vỡ và những mẫu da dính đầy máu. Buổi tối hôm đó Trung úy Stennert ra lệnh cho chúng tôi hạ trại trên một sườn dốc đá lởm chởm nằm dưới chân một cao điểm - sai lầm đầu tiên của ông ta (nhưng là sai lầm cuối cùng, dù suy diễn cách nào đi nữa). Và James này, từ hố cá nhân chúng tôi có thể khắc rồi nhổ cục đờm vào hàng cây ở mép ruộng. Trời

mưa tầm tã. Không một ai ngủ được. Vào lúc ngay sau nửa đêm theo mặt đồng hồ dạ quang của Gallagher - một tên người Việt giời đánh nào đó đã nhẹ nhàng bò qua những bụi cây xơ xác để tới rất gần và hắn nói khẽ trong tiếng mưa như trút, “Này, thằng kia! Ri-sốt Ních-Giun chỉ là một đồng cốt chó bắn thiêu!”. Sau đó Paco và tất cả chúng tôi nghe thấy tên người Việt đó cười khúc khích với một tên khác - ti-hi-hi-hi - cứ như thể chúng đã nghĩ ra điều tồi tệ nhất trên đời và nói ra để khích cho chúng tôi nổi khùng lên. Nhưng trước khi tất cả chúng tôi kịp vượt nước mưa ở mặt thì Jonesy nhô đầu khỏi chiếc ba lô từ chỗ ai cũng biết hắn đang làm một giấc chớp mắt - nằm nghỉ ngơi, chúng tôi gọi chệch như thế - rồi đáp lại ngay lập tức bằng giọng thì thầm rất kịch, “Nghe này, đồ mắt một mí, chúng mày nói cái gì tao không hiểu!”. Sau đó chúng đồng thanh đáp lại bằng giọng thì thào rồi cười khúc khích, tiếng cười run run dễ thương như thể chúng là hai đứa trẻ láu cá lên sáu tuổi, “Thằng Mỹ, đêm nay chúng mày sẽ phải chết!” rồi sau đó cười khúc khích thêm một lát nữa. Paco khẽ chớp mắt nhìn lướt thật nhanh sang hai phía như thể muốn nói hắn không thể tin nổi những gì vừa nghe thấy rất rõ rồi lắc đầu gọi to, ‘Bọn mắt một mí chúng mày tưởng đang ở đâu cơ chứ? Trong một bộ phim chết tiệt thuộc loại Bruce Dern - Michael J. Pollard - John Wayne^{12[1]} chắc? Thằng Mỹ, đêm nay chúng mày sẽ phải chết! Đầu óc chúng mày đúng là bắn thiêu!’. Sau đó hắn nhô người lên khỏi chiếc ba lô ướm sững và nhìn về hướng có tiếng cười khúc khích the thé rồi đặt hai tay lên mồm, giống như cái loa, rồi nói, “Cút”, đủ to cho cả đại đội nghe thấy. “Tốt nhất đừng nói hãy làm đi, đồ Mũi tẹt”, hắn nói. “Máu lên cho tao xem nào!”. Đêm hôm đó bọn chúng đã tấn công. Chúng diệt một nửa trung đội 4 và tay lính bộ đàm của Trung úy Stennert vừa được điều động về, còn chúng tôi đã giết được nhiều tên tới mức ông không thể tin nổi. Trung úy nổi cáu với Paco vì hắn đã lảm mồm thiếu cẩn thận khiến cho tay lính bộ đàm của ông ta bị nghèo quá sớm - nhưng rồi trung úy cũng bỏ qua chuyện đó, bởi vì ông ta không đến nỗi “căng thẳng quá”, như Jonesy nhận xét.

Buổi sáng hôm sau chúng tôi thức dậy, giữ sạch bụi trên người, rồi khỏi đồng rác rưởi để lại sau trận oanh tạc - rác rưởi của trận giao tranh và cây cối đổ nát - và đưa người bị thương nhẹ, người bị thương phải nằm cáng và

túi tử thi lên trực thăng. Buổi sáng hôm thứ hai, cảm thấy người khỏe trở lại, James à, chúng tôi khoác ba lô rồi di chuyển chậm vào khu vực hẻo lánh nhất, ẩm ướt nhất của Rừng Sâu^{13[2]} ở phía bắc căn cứ Phuc Luc^{14[3]}, để tìm một thẳng khốn nào đó mà đá đít - bất cứ thẳng khốn nào (ông có hiểu điều đó không, James?) - và để tra hỏi. Vâng, thưa sếp! Chúng tôi đã hành quân từ đầu bên này sang đầu bên kia cái khu rừng chết tiệt đó - đi chéo, đi xiên tùy hứng - không còn bộ dạng hiện đại hoặc phức tạp hay thanh nhã của một toán lính có tổ chức - truy tìm và xử làm gương bất cứ tên khốn nào cười khúc khích mà chúng tôi bắt gặp. Thế rồi vào một buổi sáng đẹp trời và tươi vui sau một tháng trời Binh nhất Elijah Raintree George Washington Carver Jones (gọi tắt là Jonesy, James ạ) đã sưu tầm được ba mươi chín đôi tai người nhăn nheo chỉ còn lại lớp da đã ngả màu đen, hằn sâu chúng vào một mẫu dây thông tin màu đen rồi đặt quanh cái mép uốn cong trên chiếc mũ sắt nom như một vòng hoa. Hắn đã cắt rời tai bằng một chiếc dao cạo có cán nạm ngọc trai nhanh và gọn như người ta cắt một cái mụn cơm to cỡ một quả bóng chày - nhanh và gọn - hắn khoác lác rằng đó là cách mà ông bác của hắn đã lột da một con hươu. Hắn phơi khô những cái tai đó trong hai ngày bằng cách treo chúng lên vành mũ sắt, sau đó nhét chúng vào một chiếc bát tất. Buổi tối khi Trung úy Stennert nghỉ ngơi thì Jonesy thức rất muộn để xâu những cái tai vào mẫu dây điện màu đen trong lúc nhai trệu trạo miếng bít-tết của khẩu phần C.

Và buổi chiều của ngày thứ hai, khi chúng tôi vừa mệt mỏi bước qua cổng phía nam của căn cứ Phuc Luc thì đã thấy tụi mèo nhà^{15[1]} làm việc ở căn cứ trợn tròn mắt nhìn, người co rúm lại, hầu hết đứng nép vào tường (James, ông sẽ thấy thực sự tự hào). Jonesy làm đủ các động tác nhảy múa - hắn nhào người, nhảy theo điệu jazz, lắc hông, vung cao chân, đảo đi đảo lại hai mắt rồi bật tanh tách ngón tay theo nhịp - hắn quay tròn chiếc vòng ra dấu chào vĩnh biệt, lắc cho nó kêu lách cách (làm đủ trò với chiếc vòng làm bằng những cái tai người, James à), nói chung hắn dùng cái vòng như thể đó là cái pom-pom^{16[2]} của các cổ động viên.

Và những người Việt ở căn cứ Phuc Luc cũng không thể không nhìn. Người Việt làm việc ở quầy thu ngân tại các cửa hàng dành cho quân đội

(những phụ nữ trông ngon mắt luôn phải giữ gìn ý tứ để không bị mất việc), hiệu cắt tóc của căn cứ (những tay thợ cắt tóc người Việt có thể hoàn thành một kiểu tóc với giá từ 35 xu tới 6,5 đôla trong vòng mười lăm phút), ngôi nhà lợp mái tranh kiểu cách bán đồ xú-vơ-nia (một gã thương binh của quân đội Việt Nam Cộng hòa có đôi chân khoèo bán bia lon để trong những tủ ướp lạnh ọp ẹp, những chiếc gạt tàn xú-vơ-nia con con rẻ tiền hình con mèo và những chiếc áo vét kiểu thể thao có thêu một bản đồ ở phần lưng kèm dòng chữ Hot Damn - Vietnam^{17[3]} ở bên dưới. James, đừng quên là ban ngày họ là dân thường nhưng ban đêm họ là Việt Cộng; một lần chúng tôi lượm xác một tên Việt Cộng biết gài mìn ở nhà xí khéo léo không kém cắt tóc.

Tất cả người Việt ở căn cứ đã tụ tập ở những lối cửa ra vào và đứng kín bên những cửa sổ, đại loại vậy, trố mắt nhìn Jonesy - và tất cả chúng tôi. Và thế là hẳn bèn biểu diễn một tiết mục đặc biệt, hẳn bắt chước điệu bộ của một thầy mo, hẳn huơ chiếc vòng tai người về phía họ trong lúc ngâm nga những câu thần chú lấp bắp khó hiểu bằng giọng nam trung cầu kinh hay nhất của hẳn và cười phá lên bằng tiếng cười lạnh lùng, độc ác, ghê rợn quen thuộc, rồi hẳn nhảy múa lam trò hề cho bọn mèo nhà đó. Những người khác trong đại đội - chỉ ít những người còn sống sót sau lần ấy - cũng phải bật cười khi nhìn hẳn mặc dù đang mệt mỏi đi trên đoạn đường dài ba trăm mét cuối cùng trước khi tới những căn lều (leo lên một đoạn đường dốc), những vết rộp bị vỡ chảy máu, miệng kêu lạo xạo vì sạn, đai ba lô để lại những vết hẳn cố định trên vai. (Cơ thể con người không bao giờ quen với vật nặng trên vai, James à. Khi khẩu lệnh phát ra, chúng tôi khoác ba lô lên lưng, hít một hơi sâu và nghiêng chặt răng rồi hơi ngả người về phía trước như thể đang bước đi ngược chiều một cơn gió đông-bắc cắt da cắt thịt rồi bước một chân lên. Chỉ một lát sau ông sẽ có một cảm giác đau buốt chạy dọc từ vai xuống thắt lưng nhưng ông sẽ đành bất lực ngoài việc nghiêng chặt răng hơn và tiếp tục bước đi. James, có Chúa chứng giám, ba trăm mét leo dốc cuối cùng đó là ba trăm mét khổ nạn nhất, là điều mắc dịch nhất trong những điều mắc dịch trên toàn Đông Nam Á. Đại úy Courtney Culpepper người không bao giờ bỏ lỡ cơ hội khoe chiếc nhẫn của học viện West Point^{18[1]} trước mặt chúng tôi - một chiếc nhẫn to như chiếc đồng hồ quả quýt hiệu

Hamilton của một trường ga đường sắt - ông ta chẳng bao giờ cho xe tải tới đón chúng tôi ở cổng căn cứ: ông ta nói chúng tôi đã lết về đến đấy thì có thể lết nốt quãng đường còn lại).

Và người ta cũng không tin rằng công chúng muốn biết chúng tôi đã buồn chán muốn chết như thế nào (chết theo nghĩa đen, James à) trong khi ngồi gác hầm boongke. Hồi đó, một số lính bộ binh gọi là gác chốt bảo vệ vòng ngoài còn một số lại gọi là chốt gác bờ ruộng, nhưng đều như nhau cả thôi. Hệ thống hầm boongke, James, gồm những thứ được xây bằng bao cát, rộng rãi, mái thoải thoải, rộng như một trang trại chu vi bốn mươi mẫu Anh^{19[2]}, mỗi hầm bên trong rộng bằng một cái tủ treo quần áo, các hầm boongke nằm thẳng hàng, mỗi hầm cách nhau khoảng bốn mươi mét dọc theo vòng ngoài doanh trại, cách hàng rào dây thép gai và đầm lầy một tầm ném lựu đạn. Chúng tôi ngồi xõm trên một tấm ván gỗ thông, lưng cong xuống và vai gập về phía trước, mắt nhìn chăm chú qua một lỗ châu mai rộng bằng cái khe của hòm thư. Chúng tôi nhìn ra một đầm lầy bắn thiêu cách đó hai trăm mét mà không một tên người Việt đầu óc bình thường nào dám vượt qua ruộng bậc thang bỏ hoang từ lâu và đằng xa là bìa rừng bị tàn phá trơ trụi. (Bìa rừng đó bị trụi xơ xác James à, bởi vì chúng tôi thường xuyên nã đạn vào đó, đơn giản chỉ vì buồn chán). Vâng, chúng tôi nhìn tất cả những thứ đó, nhìn miết cho tới khi hình ảnh cỏ, lau sậy, măng tre, bùn loang loáng ánh trắng và những vì sao ăn sâu vào trong đầu giống như thí nghiệm đầu tiên của Daguerre với bộ phận buồng tối của máy ảnh. Chúng tôi hé mắt nhìn qua lỗ châu mai nhỏ nhử lỗ đít, khẩu M-16 tự động, hai bó lựu đạn mỏ vịt, loại lựu đạn sát thương bằng mảnh nhỏ, được treo trên một sợi dây thép dài khoảng hai sải tay ở phía trên đầu chúng tôi và cứ cách một tiếng vào lúc quá mười lăm phút chúng tôi lại quay điện thoại hữu tuyến để báo cáo tình hình cho hầm boongke chỉ huy nằm ở trên đỉnh đồi ở phía sau cách chúng tôi khoảng năm mươi bước. Bằng một giọng rất thân thiện, chúng tôi gọi “A-lô A-lô, Boongke chỉ huy!”. Tiếng “Đây” phát ra bằng một giọng ngái ngủ nhất gừng được làm dịu đi nhờ năm mươi mét dây thông tin. “Đây là hầm boongke số 7”, chúng tôi đáp lại trong khi liếc nhanh lần cuối

ra phía ngoài - mọi thứ đều tĩnh lặng như tờ gọi cảm giác sợ hãi đến sờn gai ốc. “Mọi thứ đều ô kê. Tuyệt đối yên ổn. Mọi thứ đều ổn. Mọi thứ đều ở trong tình trạng không thể hoàn hảo hơn!”. Và cái giọng ngái ngủ, nhát gừng ấy ngừng một lúc lâu để lấy lại hơi rồi trả lời bằng giọng ề à, “Được, tốt, anh bạn!”.

Và giữa những cú điện thoại gọi lên đồi - và thỉnh thoảng giải lao để đứng từ trong đài ra ngoài - chúng tôi chẳng có gì thú vị hơn để làm là quan sát cái đầm lầy để giết thời gian trong lúc dùng tay mân mê dương vật để khỏi mất thói quen, xuất tinh trong lúc mơ tưởng tới ả gái điểm người lai Âu Á có bầu vú rất khêu gợi đi lưu diễn cùng một nhóm nhạc ba người Philippine và cô ả đi khách với bất cứ tay sĩ quan nào.

Nhóm người Philippine đó rất đặc biệt, James ạ. Một gã chơi cây ghi-ta Hawai như sắp long ra, một gã thổi một chiếc kèn sắc-xô giọng nam cao còn rất mới, và gã thứ ba chơi ắc-cóc-đê-ông điện - và gã đó thực sự biết kéo ắc-coóc-đê-ông, James. Bộ ba này và ả đàn bà biểu diễn tại tất cả những căn cứ nhỏ, trong những phòng ăn tập thể tồi tàn, nhộp nhúa của sĩ quan, trong những câu lạc bộ nhếch nhác dành cho tụi lính trơn ở nam Vĩ tuyến 17 (người ta gọi là Khu phi quân sự) - họ nổi tiếng theo cách riêng giống như chiếc Máy Giặt Charlie huyền thoại trong Chiến dịch Guadalcanal^{20[1]}. Vậy có bao giờ ông tự hỏi vì sao báo chí chẳng bao giờ nhắc tới họ.

Vâng, thưa ông James, cánh phóng viên cư xử tầm tắp cứ như thể toàn bộ mục đích của chúng tôi ở đó là để mua vui cho họ. Họ liếc nhìn chúng tôi bên dưới vành mũ cao bồi kiểu Úc hiệu Abercrombie & Fitch vành hất lên rất mốt ra vẻ muốn nói, “Nào chàng trai, hãy kể cho tôi chuyện gì là lạ đi! Hãy kể điều gì đó thật điên rồ để tôi có thể trích dẫn, điều gì đó *máu me* và *bẩn thỉu*, và hãy kể thật nhanh vì tôi không rảnh cả ngày đâu; tôi phải hoàn thành bài viết cho kịp hạn chót”. Nhưng hầu như người ta chỉ thấy họ ngồi ở quán ba Mark Twain ở khách sạn Hyatt Regency tại Sài Gòn, một chân đặt lên thanh ngang để chân bằng ống chì ở phía dưới còn khuỷu tay chống lên mặt quầy và nốc từng bình đầy rượu cốc-tai si-rô phúc bồn tử và vodka với chanh tươi ướp lạnh - đám bồi bàn gọi đó là thứ đồ uống dành cho dân pê-đê. Cánh phóng viên trẻ, “thời thượng” hơn, thì lén lút nuốt thuốc phiện hoặc

tán thành bột rời cho vào mồm giống như thuốc giảm đau Aspergum, nhưng bài ca của họ cũng giống hệt, “Những gã lính dằn dện này không thể chết khổ chết sở được! Họ phải chết thật cao thượng! Họ tựa vào quầy ba lệch một bên người theo kiểu cao bồi rơm - tay xoay xoay cái que khuấy rượu cốc-tai - mắt nhìn xuống đôi giày đã chiến xù xì hiệu L.L. Bean hoặc đôi giày thể thao Adidas để ba lớp sang trọng, trao đổi với nhau những điều dối trá vớ vẩn, những tin tức chiến tranh ở quê nhà. Một tay phóng viên già người gày đét mắt trắng đục viết thuê cho tuần báo thể thao *Pokorneyville Weekly Voluntee-Register*^{21[2]} kể, Này, Jack, tuần trước tôi đã gặp một thằng thộn da đen mắt lé, nước da sáng bóng đang đào công sự ở Cự điểm Gee-Gaw^{22[3]}. Ở mặt sau chiếc áo vét chống đạn của hắn có dòng chữ thêu nguệch ngoạc, Jack ạ: “Nguyên tắc 1: Không chuốc lấy phiền phức. Nguyên tắc 2: Đừng làm tao mệt óc. Nguyên tắc 3: Giết hết tù binh”. Tôi hỏi hắn là có phải hắn là dân da đen thế hệ thứ tám chẳng - tôi thấy bề ngoài hắn là một gã da đen thế hệ thứ tám - thì hắn đáp (liệu ông có thể trả lời tài hơn hắn không?) “Tôi không phải là thế hệ thứ tám, tôi sinh ra ở Philly^{23[4]}!” Chán thật, ông bạn ạ, bọn da đen này lắm thằng ngu dễ sợ”. Sau đó gã mắt trắng đục đó làm thêm hai tộp hùng dũng cốc-tai si-rô phúc bồn tử, chép môi rồi cười khoan khoái.

James, nghe những cuộc trò chuyện như vậy thì bảo làm sao người ta có thể hi vọng cái thứ phóng viên và nhà báo đó cảm kích được điều gì khó nắm bắt, bí ẩn và đáng thương đã từng xảy ra ở lục địa này kể từ khi những gã thực dân Pháp đầu tiên tới đây, giống như ban nhạc ba người của USO^{24[5]} kia cùng với cô ả quyến rũ, gọi dục. Những gã đó không thể có mặt ở khắp mọi nơi, đúng không?

Nhóm người Philippine đó gào rít lên, cò cử và gãi ghi ta những nốt thăng hoặc nốt giáng trong suốt gần ba tiếng đồng hồ ở góc cuối phòng ăn có ánh sáng đèn điện. Toàn bộ sức quyến rũ ở âm nhạc của họ phụ thuộc vào việc bao giờ họ cũng hát sai một nốt, cho họ tiền, ném cho họ tiền rồi nói, Đây! Chết tiệt, hát tiếp đi!” Họ hát *Orange Blossom Special* và *Home on the Range* và *You Ain't Nothing but a Hound Dog* và *I Can't Get No Satisfaction* theo cách riêng của họ. Và họ hát những ca khúc kiểu như *Good Night Irene*,

và *I Wonder Who's Kissing Her Now* và *I love You a Bushel and a Peck* - thứ âm nhạc chưa ai từng nghe nói tới trừ những gã lính chuyên nghiệp đầu hai thứ tóc. Và ả đàn bà đó, hầu như chỉ mặc độc một mảnh vải bé tí trên người (James, nói thực trông cô ta rất ngon mắt) lắc lắc đôi vú xinh xinh vào thẳng bộ râu của viên đại tá - Đại tá Hubbel đã kiếm cho mình một chiếc ghế của nhà ăn ở hàng trên cùng - và có lẽ tại ả nên ông ta đã phải ngồi dựng thẳng người lên. Các sĩ quan tiểu đoàn và đám ăn theo (trong đó có các cha tuyên úy và các sĩ quan trong đại bản doanh) ngồi sát nhau theo hình bán nguyệt cứ như thể họ ngồi xem duyệt binh vậy. Họ ngồi vắt chéo chân để giấu dương vật đang cứng, cố gắng tạo vẻ mặt thờ ơ và thản nhiên (kiểu cách của một sĩ quan hào hiệp), cố gắng không để chúng tôi, những con ruồi, bu lấy mặt. Số còn lại của đại đội, đám lính quèn chúng tôi, đứng chen chúc nhau, người trên ghế kẻ trên bàn, có người một tay bám lên thanh xà ngang - miệng thêm rõ dãi, nốc bia lấy từ tủ ướp lạnh và mỗi người tự tìm cách để tự thỏa mãn mình, cổ tay của chúng tôi như thể một vật đang bay bổng bồng bềnh, James ạ; nó chỉ còn là một đốm mờ nhạt. Và ả điểm đó nhảy vọt vọt người rồi đi lại nghênh ngang gần như trần truồng, lắc đôi vú be bé dầm mồ hôi giống như một người đang tung hai chiếc bánh hamburger loáng mỡ môi chiếc nặng nửa cân và dư cái mu be bé xinh xinh về phía trước theo nhịp đều đều và dứt khoát - ta-tada-ha-humpa, ta-tada-ha-humpa, ta-tada-ha-humpa, ha-whooh! Thế rồi có hai gã da đen của trung đội phục kích số 3 bắt đầu vỗ tay theo nhịp rồi gào lên, “Nửa đi, cô em xinh tươi, xoay hai cái của nợ ấy vào râu của anh đi! Nào, Lông Mu, sao không ngồi úp vào mặt anh đây này - a ha ha”.

(Nói thật nhé, James, liệu ông có hi vọng chúng ta nhìn thấy cảnh đó trong phim ảnh hay không?)

Nhưng đặc biệt nhất là người ta nghĩ rằng công chúng không hề muốn biết về cái đêm hôm đó tại Cú điểm Harriette - một nơi nằm ở xa hơn bãi đáp Skator-Gator và nằm rất gần một khóm những ngôi nhà tranh vách đất mà tất cả chúng tôi gọi tên là Gookville - cả đại đội chúng tôi, trừ một gã duy nhất, đã bị giết. James, cả đại đội bị giết; như thịt băm. Cả đại đội trừ

Paco bỗng nhiên được đề cử và biểu quyết đưa vào Ngôi Nhà Danh dự. Đại đội nghỉ đêm tại một địa điểm chật hẹp trong tâm trạng hồi hộp sợ hãi đã đụng độ rất ác liệt với một tiểu đoàn lính chính quy của quân đội Bắc Việt - xác chết, vỏ đạn, ổ đạn còn nguyên dầu mỡ và lựu đạn thối vương vãi khắp nơi, và tất cả chúng tôi đều sắp hết đạn. Trung úy Stennert ngồi xồm bên chiếc bộ đàm gào lên bằng giọng khàn khàn để thông báo tọa độ cho tất cả các đơn vị pháo binh, máy bay ném bom và trực thăng chiến đấu nằm trong tầm sóng vô tuyến, như thể việc làm này sắp trở nên vô ích thì đột nhiên - vù- không gian rung chuyển, tiếng gió luồn lách, rít, réo vù vù bởi hàng nghìn loạt đạn. Chúng tôi hầu như không nhìn thấy gì vì khói thuốc và bụi đất bị cày tung lên sau những loạt đạn lóe sáng, nhưng tất cả đều ngược mắt lên trời - cả lính Mỹ lẫn lính Việt - và hiểu rằng mỗi loạt đạn đang bay tới sẽ là loạt đạn cuối cùng còn lại do Thượng đế tạo ra, một cuộc tấn công dữ dội, giống như một trận cuồng phong chết chóc đầm máu, một trận đại hồng thủy hủy diệt tất cả. Chúng tôi biết mặt đất ở bên dưới bụng chúng tôi (và những rừng cây, thành phố và cả chúng tôi) sắp bị tán vụn thành tro (James, chúng tôi thực sự muốn nói là bị *tán thành bột*), mịn tới mức người ta dùng một cọng rơm để cời cũng chẳng tìm thấy gì; tiếng rít đình tai nhức óc ở khắp nơi, chúng tôi đoán đạn pháo đã khoét những cái hố to như nền nhà. Chúng tôi không biết những người khác của đại đội đang làm gì lúc ấy, và cả lính Việt nữa, nhưng lính của tiểu đội 2 thuộc trung đội 2 đã trao đổi với nhau cái ánh mắt rất đặc trưng ở tất cả những tình huống thảm họa trong lúc họ nhìn khắp lượt từng nạn nhân một. Lúc ấy chúng tôi tính toán rằng không thể tự đào nhanh cho mình một cái hố đủ sâu; không thể bò xuống đủ sâu bên dưới một cái gì đó dày thế này; không thể vút súng và những đồ dùng khác rồi sợ hãi bỏ chạy khỏi đó thật nhanh hòng thoát khỏi một loạt đạn tiếp theo. Chúng tôi nhìn nhau khắp lượt như muốn nói, “Ô, mẹ kiếp! Tụi mày xem, đây không phải là trận đánh thuộc loại thông thường, quen thuộc. Một trận đánh như thế này có thể thối bay không sót một ai”. Có Chúa chứng giám, James, có những ngày khắc nghiệt tới mức chúng tôi chỉ muốn vứt bỏ tất cả và chuồn - khi ấy chúng tôi hoàn toàn chẳng còn việc gì làm ngoài sợ hãi chờ đợi và buông xuôi. Paco cởi chiếc khăn quần đầu rồi đổ nốt chỗ nước

trong bị đông lên chiếc khăn, lau mặt và tay sau đó vắt kiệt rồi lại quần quanh cổ - cái nút thắt nằm lệch sang một bên. Jonesy nằm duỗi người, đầu đặt trên ba lô chuẩn bị đánh một giấc quen thuộc. Hầu hết những người khác chỉ ngồi yên tại chỗ, luồn những ngón tay vào tóc để làm sao cho tề chỉnh nhất. Gallager, người có một hình xăm con rồng đỏ-và-đen trên cánh tay từ cổ tay tới khuỷu, cởi cúc áo và phúi bụi trên người rồi ngồi vắt chéo chân, hai bàn tay chắp lại đặt trên đùi trong tư thế trầm ngâm. Một lát sau đó tất cả mọi người trong tầm nghe đều im bật và một không khí im lặng hồi hộp len lỏi qua đám người đó như thể một luồng gió mạnh thổi linh hồn rập những thân cây. Rồi chúng tôi nghe thấy một luồng hơi phát ra bởi đường đi của đạn cối, giống như một luồng gió nhẹ thổi trong hang - một cảm giác lạnh buốt trên mặt, khó chịu nhưng khiến người ta tỉnh táo - như thể những viên đạn đó là những bông hoa của cây bông đang bay lặng lẽ thong thả về phía chúng tôi. Chúng tôi ngược nhìn nhau khắp lượt một lần nữa như để nói, “Không có gì nghiêm trọng đâu. Hẹn gặp lại sau. Mẹ kiếp! Lại bắt đầu rồi!”.

Và chưa kịp dứt lời, James, chúng tôi đã gào lên thật khủng khiếp và tất cả mọi thứ ở trong vòng bán kính mười hai cây số đều cháy thành than; mọi thứ đều bốc mùi tro than, xương tủy và bất cứ vật gì bắt lửa; tất cả mọi thứ - quân hàm, những mẩu thịt vụn, thư nhà, những mảnh bao cát và ba lô và tiền MPC²⁵[1], rác rưởi của rừng và rác rưởi xác chết - tất cả mọi thứ ở bên ngoài bìa rừng trông giống như một bãi nôn màu gỉ sắt.

Vâng, thưa ông James, chúng tôi gào đến mức hai hòn đá dòn ngược, ép lên cơ hoành, gào rất nhiều những câu chửi rửa tục tĩu. Khi những vật dơ dáy đó nổ, chúng tôi biến mất, chỉ còn lại như một *luồng khói*; đúng hơn, chúng tôi biến mất như đụn cát vì một cơn gió mạnh thổi đều đều từ ngoài khơi - lần lượt từng hạt cát mắc dính. Chúng tôi biến mất giống như người ta thả cục đất vào một cốc nước to trong vắt - những hạt đất tạo thành vệt dài ở phía sau cục đất cho tới khi cục đất tan hết và dưới đáy cốc chỉ còn lại một cái màng xoáy. (James, điều đó không có nghĩa là không đau đớn. Ô, đó là cảm giác nhột nhột nhưng rất đau đớn. Đầu tiên là cảm giác có một vật gì đó liên tục vỗ nhẹ lên đỉnh đầu - giống như ông bác béo phì vỗ vỗ lên mũ của đứa cháu trong lúc ngửa hẳn ra phía sau và khoác lác những câu vớ vẩn rằng

ông tự hào biết bao về cái cách chăm chỉ việc nhà của đứa cháu. Nhưng sau đó là một cái gì đó quá cực mạnh - giống như thằng nhà quê xấu trai ở lớp cuối trung học lao vào trong phòng thay đồ rồi quá mạnh cái góc của chiếc khăn tắm ướn sủng lên đầu mọi người. Một cú đau điếng!

Ừ! Chúng tôi bị hất ngược về phía sau và mặc sức gào lên thật khủng khiếp đến nỗi các anh chị em tín hữu ở nửa bên kia của trái đất phải bỏ chạy khỏi buổi giảng đạo thức tình niềm tin Phúc Âm của Linh mục Doo-dah^{26[1]} - chúng tôi muốn nói là họ lao vọt ra, James à; chúng tôi muốn nói là họ trong lúc vội vã đã làm bong lớp vécnì của cánh cửa ra vào. Vị linh mục phúc hậu bước tới bước lui ở phía sau lan can của bục giảng kinh, ông hét to và trở nên phấn khích, đập hai bàn tay to vâm nung núc thịt vào với nhau, cảnh cáo những kẻ có tội - bim-bam-bum - và cầu xin lòng khoan dung của Đức Jesus Nhân từ. Vâng, thưa sếp, tiếng gào của chúng tôi đập vào mái tôn như cơn dông mưa đá, theo định nghĩa của từ điển, rồi lao xuống qua đường thông gió của lò sưởi than - “A-su!” . Những kẻ có tội đó giật nảy người lùi lại hai ba hàng ghế như thể người anh em Doo-dah của họ đã ném vật gì nóng rẫy vào mặt họ. Họ giơ tay lên trời, vẫy tay và hét to, “Xin chúc mừng Thiên Chúa”, “Xin được như nguyền”, “Xin cảm tạ Thiên Chúa!”, “Hãy cứu vớt chúng con, Đức Jesus!”. Sau đó họ vơ cuốn Kinh thánh quăn góc và chiếc khăn choàng đan thủ công được truyền lại đời ông bà cụ kỵ rồi biến khỏi đó. Vâng, thưa ông James, tối hôm đó rất nhiều người trong số anh chị em lương thiện của chúng tôi đã thực sự xúc động vì được Chúa ban ơn. Và người anh em Doo-dah bị bỏ mặc một mình, ông ta vẫn đứng giữa đám bụi đang tan dần, từ tốn gãi gãi cái đầu hói bóng loáng, vẻ trầm ngâm - ông ta tự hỏi chính xác bằng cách nào mà ông ta đã làm được điều kỳ diệu này?

Ôi, chúng tôi đã tan biến rất nhanh, tất cả trừ Paco, nhưng tiếng gào của chúng tôi xuyên thủng tầng ô-dôn, xuyên qua ánh sáng Bắc cực nom giống như tấm rèm che của quán cà phê, và cứ tiếp tục xuyên mãi; được giải thoát khỏi tội lỗi, mới tinh, còn trinh nguyên - và bằng một tần số hoàn hảo, tiếng gào đó xuyên thấu tới tận Vũ trụ Bất diệt của Chúa. Ở tí tận nơi đó, hơi nóng sẽ làm nhãn cầu mắt của chúng tôi khô nhăn nheo lại giống như những

quả nho sấy, ở nơi đó hơi lạnh sẽ khiến cho hơi thở của chúng tôi bị đông lại như những tấm chất dẻo.

Và con người vẫn chết từ bao thiên niên kỷ nay (James, tất cả chúng ta đều phải chết), cho tới khi chúng tôi chỉ còn là một hạt bụi nhỏ hơn cả bụi phấn, mịn tới mức bụi phấn vẫn còn là thô, giống như một bãi liếm²⁷[2] hôm xuống nhả nhụi - nhưng tiếng gào thét làm đông cứng mạch máu đó vẫn tiếp tục khua vang khắp Đất trời, giống như tiếng kêu một con ruồi bọ muỗi mắt trong một toa xe chở hàng, chỉ có điều vang to hơn.

Kế hoạch kỳ diệu của Chúa

Anh lính Paco của chúng tôi không chết, lẽ ra chắc hẳn phải chết mới đúng, hẳn nằm ngửa mặt lên trời, người đầy những vết rạch sâu, những vết bỏng giộp to đầy nước, và đôi chân bị vỡ, vỡ vụn. Hẳn đắm mình trong vũng bùn trơn mịn đó, bùn bám đầy người hẳn và những vật xung quanh, và đã khô thành một lớp vảy lẫn đất cát bốc mùi khó chịu. Hẳn nằm ở đó bất động suốt đêm và cả ngày hôm sau, rồi nửa ngày hôm sau nữa, hai gót chân bị móc vào một rễ cây leo lắm mấu bị cháy gần thành than cứng. Trong cái đêm dài đầu tiên ấy, nhờ hơi sương ngấm qua lớp quần áo rách tả tơi hẳn tỉnh lại trong bóng đêm và không hiểu chuyện gì đã xảy đến với mình.

Mình bị thương rất nặng, hẳn nghĩ thầm, nhưng hẳn không thể cất nổi lời hay thậm chí hiểu được điều ấy mà chỉ đoán vậy khi nhìn xuống người hẳn, nhìn thấy rõ từng vết cắt rộng hoác vì đạn, từng vết cháy miệng vết thương nhăn nheo lại, từng chỗ xương gãy vụn.

Đầu tiên hẳn dồn toàn bộ sự chú ý đáng kể để lắng nghe - tiếng khóc, tiếng thở khan nặng nhọc, tiếng những người bị thương khác đang khe khẽ hỏi xin nước uống, kêu viên y sĩ tên Jigs, cầu xin lòng nhân từ của Chúa. (James, có Chúa chứng giám, ông sẽ thấy mọi thứ nghe được trên đời này đều là vớ vẩn hết cho tới khi ông nghe thấy những âm thanh khe khẽ rõ rệt từng tiếng một trong đêm tối, “Cứu tôi với” - mặc dù người ta nói rằng tiếng kêu của loài ngựa bị thương còn tệ hơn). Paco chờ đợi, hai mắt nhắm lại, hẳn nín thở vì sợ run người khi nghe thấy những giọng khan và the thé; hẳn kiên nhẫn chờ đợi một tiếng thì thầm đáp lại. Nhưng dĩ nhiên hẳn chẳng nghe thấy gì.

Hẳn nằm như vậy ở đó, gần như nằm im vì có cảm giác khó chịu - có một vật gì đó ngo ngoậy - cho tới khi hẳn hiểu ra đó là một sinh vật, tuồng như là một con thú nhỏ có bộ lông xù cứng đang bò tới chỗ hẳn để tìm hơi ấm - rồi hẳn ngạc nhiên nhìn lên vòm trời hun hút tối đen, hẳn nhìn không rõ

vì mắt bị vấy đầy đất bùn lẫn với máu. Buổi sáng hôm sau, mặt trời lên, nhanh chóng làm tan sương mù, và tia nắng chiếu xiên vào mặt hắc, nhưng hắc không thể nhấc nổi cánh tay ra khỏi bùn để che mắt, không thể nghiêng đầu sang một bên. Suốt cái ngày oi bức và chói chang hôm đó, ánh nắng rơi vào mắt hắc xót như muối, và nước rỉ ra từ vết thương nát bét đau buốt trên đầu bết vào tóc và da đầu khiến hắc ngứa kinh khủng. Vào quầng giữa chiều, người hắc đầy ruồi bọ bị thu hút bởi mùi hôi thối bốc ra từ những chỗ lở loét thịt lộ ra đã bắt đầu nhiễm trùng chỉ cần chạm nhẹ vào là trào mủ - ruồi trâu màu đen, giòi bé tí màu trắng suốt, muối mắt cắn như véo mạnh.

Trong suốt đêm thứ hai và nửa ngày hôm sau, Paco nằm đó hầu như không nhúc nhích, người nóng hầm hập vì sốt và gần như mê sảng. Đại đội Bravo (họ không được trang bị gì nhiều) và tay y sĩ quân y trẻ tuổi người khảng khiu phờ phạc đã tới để tìm những người còn sống sót của đại đội Alpha, và mãi gần trưa họ mới tìm thấy Paco khi hắc đang thoi thóp.

Tay y sĩ quân y của Đại đội Bravo tìm thấy Paco sẽ kể đi kể lại câu chuyện này nhiều lần (nhiều năm sau đó) tại quán rượu Weiss. Đó sẽ là lúc cuối ngày. Ánh sáng trong vắt sẽ chiếu qua những vuông cửa sổ mặt tiền quay về hướng bắc của quán rượu, bầu cửa lốm đốm những giọt nước và đặt rất nhiều những chậu phong lữ thảo, vi-ô-lét châu Phi và tía tô tây thân dài ngoẵng có vẩy sù sì. Ánh sáng sẽ chạm vào mép những chiếc bàn thép, vào mặt lưng uốn cong của những chiếc ghế làm bằng loại gỗ có thể uốn được, và sẽ tạo ra một vệt ánh sáng sắc mịn trên mặt sàn gỗ ghép đầy những vết trầy xước. Tay y sĩ quân y, giờ đã già hơn, mập ra và trông tiều tụy đi, thường ngồi ngả hắc lưng trên một chiếc ghế dựa kê cột kệ và ăn trứng luộc kỹ đã để lạnh cứng (mỗi miếng cắn lại được chấm vào muối và mù-tạt cay xé lưỡi). Trọn cả buổi chiều và buổi tối gã sẽ uống hết vại bia này đến vại bia khác trộn lẫn với những cốc nhỏ rượu whiskey hoặc rượu trắng - một thứ hồ lốn nặng nhưng dở ẹc - và gã sẽ uống cạn một hơi.

Tay y sĩ quân y sẽ bắt đầu trong lúc liếm qua bọt bia ở mép, “chúng tôi sống hai tháng liền trong rừng, lần đó ở mãi tận trong một khu Rừng Sâu”. “Và trong suốt mười chín ngày đầu tiên mỗi ngày mắc dịch chính tôi là

người đã di tản những binh lính tử trận, những xác chết, ông có hiểu không?, và cả những người bị thương. Chẳng ngày nào chúng tôi không nhận được lệnh”. Lần nào gã cũng nhắc lại y nguyên như vậy khi kể câu chuyện, ngừng một lát để rót rượu whiskey vào một cái cốc nhỏ rồi đổ tất cùng với đá vào cốc bia của gã. “Họ ra lệnh cho chúng tôi bao vây một đại đội Bắc Việt, và lính ngã xuống như ruồi, Jack ạ - cái nóng khủng khiếp khiến người ta kiệt sức, những cuộc phục kích thông thường, những gã bắn tỉa, mìn định hướng của Trung Cộng to như cái lốp máy kéo, những thằng ngốc lao vào chỗ lửa đạn vì tưởng mình là anh hùng. Những gã đầu bị vỡ toác ra như quả óc chó, máu chảy ra từ tai và da đầu. Có gã ngực bị bẹp nát vì dính phải những bẫy mìn đáng sợ. Những gã chân bị cụt đến tận bẹn, từ chỗ đó ngược trở lên bị mảnh đạn găm kín vì dính trọn một trái lựu đạn bắn bằng súng phóng lựu của Trung Cộng - loại súng phóng lựu chống tăng. Mẹ kiếp! Chỗ nào cũng thấy máu me tởm lợm và người tôi chỗ nào cũng thấy máu. Đến giờ nhiều đêm tôi vẫn nằm mơ thấy cảnh tượng đó - trong ác mộng, tôi thấy những con quái vật bốc ra mùi rất khó chịu, những cỗ máy dơ dáy nom giống như những vòng ngựa gỗ đang cố chộp lấy tôi, những thầy phù thủy sùi bọt mép một mắt ác hiểm khiến tôi rùng mình sợ toát mồ hôi hột giống như vừa uống một liều thuốc chữa sốt rét.

“Cứ cách một quãng thời gian nào đó, đại đội lại thức dậy vào buổi sáng, mỗi buổi sáng chết tiệt, và đợi những chiếc trực thăng hạ cánh tại một nơi nào đấy. Có những ngày chúng tôi không phải rời khỏi chỗ dừng chân nghỉ đêm. Thật khủng khiếp, có gã ngốc tội nghiệp đang ăn sáng - và thế là, Jack ạ, chỉ còn sót lại mỗi chiếc thìa nhựa của hắn. Tôi vừa băng bó thật nhanh những gã tội nghiệp đó để đưa lên trực thăng vừa nói nhỏ, “không, cậu không được chết, đồ ngốc”. “*Hãy tin tưởng tôi!*” và họ mỉm cười đáp lại “Cám ơn” cứ như thể họ thực sự tin vào câu nói vớ vẩn đó, rồi mắt họ trợn ngược (“Cám ơn”), rồi đầu họ đổ oặt sang một bên (“Cám ơn”) rồi họ thiếp đi vì sốc và chết trước khi trực thăng di tản tới chỗ chúng tôi. Và như thường lệ viên đại úy bao giờ cũng nổi cơn điên, ông ta gào những câu bậy bạ khó hiểu qua bộ đàm; sau đó ông ta tức giận ném ống nghe xuống đất rồi dùng chân đá tung nó lên rồi ném mũ xuống đất và giẫm chân lên. “Với lũ mắ

dịch này thì bao giờ cuộc chiến chết tiệt mới chấm dứt”, ông ta định nói tới những chiếc trực thăng di tản.

“Và đôi khi trực thăng đến kịp nhưng chẳng có gì chắc chắn. Chúng tôi đưa một gã lên trực thăng thì mười phút sau viên đại úy nhận được tin qua bộ đàm rằng gã đó đã DOA^{28[1]} - đến nơi thì đã chết - đã ngoẻo trên đường đi. Chúng tôi đứng đợi tại chỗ, không hề muốn nhận được tin này. Viên đại úy cho gọi tôi tới rồi bỗng nổi cơn điên tiết quở trách thái độ gây rối trật tự, mắt ông ta long lên sòng sọc và nước bọt ở mồm có lẫn máu vì nướu răng của ông ta bị viêm. Ông ta điên *hắn* rồi.

“Mỗi ngày, mỗi một ngày chết tiệt đều có người chết trong lúc đang chiến đấu, Jack à” tay y sĩ quân y sẽ nói và gật đầu trong lúc hát hàm về phía người phục vụ quán. Người phục vụ sẽ đặt một cái cốc dưới cái vòi rồi ấn xuống. “Sáng, trưa, và tối. Mẹ kiếp”.

“Rồi một tối chúng tôi nhận được tin Đại đội Alpha đang giao chiến rất ác liệt, họ bị tấn công và đã đánh trả, đúng lúc ấy có tiếng *bùm-bùm-bùm!* Một tiếng động to khác thường - lúc đó tôi nghĩ đó là một cuộc pháo kích, nhưng *tiếng động* đó chắc hẳn phải phát ra từ một cái gì đó khủng khiếp chưa từng thấy. Chúng tôi nhận được một cú bộ đàm của Đại tá Hubbel ra lệnh tới đó để kiểm tra xem sao vì ông mất liên lạc qua bộ đàm với Đại đội Alpha. Viên đại úy đứng dậy. “Mẹ kiếp”, ông ta nói. “Sao lão khốn già đó không một lần chịu nhấc đít nhảy lên chiếc trực thăng rồi tự mình làm lấy. Sao lão không thể chọn người khác để thay thế. Thôi nào, tất cả đứng dậy!” ông ta ra lệnh, “Lên đường” rồi đi một vòng lấy chân đá giục mọi người đứng lên.

“Dù sao viên đại úy cũng đang thấy sốt ruột, ông ta thực sự là một người hăng hái tới mức phát ghét - đang hi vọng được tặng tấm Huy chương Trái tim Tím và những huy chương khác - chúng tôi mặc trang phục rồi xuất phát vào lúc nửa đêm. Ờ, chết tiệt, chúng tôi mới đi khỏi chỗ đó được khoảng hai trăm mét thì nhóm tiền trạm rơi vào ổ phục kích - chúng tôi tiêu diệt ba tên lính phục kích bằng một cơn mưa lựu đạn. Nhưng chúng tôi có một người bị giết và hai người bị thương. Đại úy rất cáu và lại nổi cơn điên tiết, và mãi tới rạng sáng chúng tôi mới lại xuất phát. Chúng tôi sục sạo khắp

khu rừng đéo nào đó - Rừng Sâu, ông có hiểu không - suốt đêm hôm đó, ngày hôm sau, một đêm nữa và cái ngày hôm đó. Và chúng tôi liên tục bị lạc đường. Chó thật, Jack, chưa thấy ở đâu nhiều gã ngốc như ở Đại đội Bravo. Đại úy mở nắp chiếc la bàn như cút dùng chung của đại đội, đặt nó lên tấm bản đồ của đại đội để tìm phương hướng, trở mắt nhìn lên mặt đồng hồ rồi nói một mình, “Cái vật mắc dịch gì thế này? Hàng lĩnh thường khi mua Cracker Jack^{29[1]} à?”, ông ta đập chiếc la bàn vào đùi như thể nó bị đầy nước bên trong và có thể làm thế sẽ có tác dụng. Sau đó ông ta lại nổi cơn điên tiết thứ hai, đá thúng đựng nĩa rồi uống một ngụm nước cho dịu cơn tức giận và chúng tôi lại tiếp tục lên đường”.

Tay y sĩ quân y sẽ bóc vỏ những quả trứng luộc già, sau đó cẩn thận bẻ quả trứng thành hai phần gần như bằng nhau.

“Ờ, cuối cùng vào cuối buổi sáng ngày thứ hai thì chúng tôi tìm thấy Cú điểm Harriette và những gì còn lại của Đại đội Alpha, tức là những gì chỉ còn là một cái mùi mà tôi không thể so sánh với bất kỳ mùi nào tôi đã từng ngửi thấy từ trước. Không còn gì sót lại ở đó, Jack à, ngay cả cái ấp và cái lô cốt cũ kiểu Pháp, chỉ còn duy nhất một anh chàng đó, cái anh chàng khốn khổ khốn nạn đó. Toàn bộ Đại đội Alpha đã bị tiêu diệt. Toàn bộ đại đội, chỉ trừ một mình anh chàng đó, đã bị tấn công và tất cả đều bị giết trừ anh chàng này. Vậy, sao hắn không chết? Hắn đã bị thương từ một ngày rưỡi trước đó. Sao hắn không chết vì mất máu? Sao hắn không quăn queo lại vì phơi nắng giống như một miếng thịt mỡ xông khói được rán khô quăn? Toàn bộ chỗ đó bốc mùi hôi thối. Hắn bốc mùi hôi thối. Tôi thường tự hỏi tại sao lúc đó chúng tôi lại không đi tiếp. Bọn chúng tôi đứng tại vị trí tất cả đều quá biết đó từng là hầm chỉ huy tại Cú điểm Harriette - *tất cả* đều đã từng có thời gian ở Harriette, ông có hiểu không. Chúng tôi quan sát kỹ càng khắp xung quanh - hầm, hào đều bị biến mất, cây cối hầu như không còn - và chúng tôi hiểu rằng sẽ không thể lượm đủ những gì còn lại của những gã tội nghiệp này để nhét đầy một tá sọt bé”. Tay y sĩ quân y sẽ ngả người trên ghế rồi ngược nhìn người phục vụ đang nghe câu chuyện dễ đã đến hàng trăm lần, đang từ tốn nhìn quanh quầy ba của anh ta và đếm số cốc mà tay y sĩ quân y đã nốc cạn.

Vào cái ngày hôm đó tại Cứ điểm Harriette, viên đại úy (một người có cơ thể vạm vỡ và đầu óc chín chắn, James, nhưng vì vận xui triền miên nên ông ta dễ mất bình tĩnh, dễ tức giận, dễ bối rối và cáu kỉnh, đã tức tối đến phát điên) đứng bên cạnh tay y sĩ quân y và nhân viên bộ đàm cùng những người khác nữa bên cạnh vị trí của hầm chỉ huy, ông ta đứng thẳng băng trên một khúc thân cây, hai ngón tay cái ngoắc vào dây ba lô - chiếc ba lô lèn chặt mọi thứ cao ngất ngưỡng như mọi chiếc ba lô khác trong đại đội. Ông ta trân trân nhìn khắp bãi tử thi tan hoang - rùng mình nổi da gà như lên cơn sốt - trong lúc tự nhủ “Chết như thế này thì thật khốn khổ, ghê tởm quá, đúng là đen đủi đến chịu được, xin Chúa tha thứ, đội ơn Đức Mẹ Đồng trinh Mary rất thánh, Nữ hoàng của Thiên giới, Đức Mẹ đã hoài thai Thiên Chúa, ít nhất lần này vẫn chưa phải là con và lính của con”.

Tay y sĩ quân y sẽ nói, tiếp tục kể trong lúc phết mù- tạt lên miếng lòng đỏ trứng, “và khi chúng tôi tìm thấy anh chàng còn sống trong trận đánh ác liệt đó thì hẳn đang lên cơn sốt cao, ướm đầm mồ hôi, hẳn đang nói thì thầm điều gì đó không thể nghe rõ và kêu khóc. Trên người hẳn không còn cái thẻ bài nhận dạng bắt buộc phải có nên có trời mới biết hẳn là ai. Nhưng tại sao hẳn còn sống, không một ai có thể đoán nổi. Tôi không biết, và tôi cũng không muốn tìm hiểu. Hẳn ngược nhìn tôi, cố gắng gây thiện cảm hay sao ấy. Hẳn biết mình bị thương rất nặng. Chẳng cần giỏi giang gì cũng biết được điều đó. Đôi chân của hẳn bị xé rách nát giống như người ta bẻ cành củi để nhóm lửa đến nỗi lính cứu thương của chiếc trực thăng di tản phải thả hẳn vào một túi đựng tử thi để không bỏ sót cái gì trừ cái lỗ đít của hẳn - mặc dù hẳn vẫn còn con cu và hai hòn dái, ông hiểu tôi nói chứ. Toàn bộ những gì còn lại trên người hẳn lúc này nom giống như người ta dùng một cái vồ có cán dài để dần miếng thịt cho mềm.

“Tôi nhìn kỹ anh chàng đó, ruồi và bọ phủ bám dày đặc trên người khiến cơ thể chỉ còn là vật gì đó không rõ nét, Jack à - giống như một vật gì bị rơi tung. Tôi thấy ớn đến chịu được”.

Tay y sĩ quân y trẻ tuổi đứng cạnh đại úy và những người khác, tất cả cúi xuống nhìn Paco, và đột nhiên tay y sĩ quân y cảm thấy trong người gợn

lên một cảm giác chán chường oán giận khiến mặt gã trắng nhợt, và gã tức giận, thấy bất lực.

“Tôi quay sang một y sĩ khác trong đại đội, cái tay từ chối nhập ngũ vì lương tâm - một tân binh mới toanh - nói, “Mẹ kiếp, Jack, hay cậu tên gì ơi, cậu hãy làm đi. Tôi thấy người không khỏe, tôi phát ớn đéo chịu nổi vì phải ôm những thằng chó này. Tôi chịu đựng thế đủ rồi. Tôi sẽ xin nghỉ...”.

Nhưng tay lính từ chối nhập ngũ do bức bối và ngượng đã vừa làm lóng ngóng vừa chửi thề, nói chung hăn cứ làm rối tung cả lên đến nỗi tay y tá thứ nhất phải gạt hăn sang một bên để làm nốt, áp dụng các phương tiện sơ cứu mà anh ta có để buộc garô và mọi thứ khác. Anh ta hỏi Paco những câu hỏi bằng một giọng khàn khàn, “Cậu là ai? Có chuyện gì đã xảy ra ở đây? Cậu là ai? Có chuyện quái gì đã xảy ra ở đây?”. Nhưng Paco chỉ khóc, nước mắt tuôn lã chã - mồm miệng hăn đầy nước mắt nóng hổi. Trong lúc chờ trực thăng tới, tay y sĩ ngồi sụp xuống bên cạnh Paco để lau khuôn mặt đen sạm, phồng rộp vì nắng mặt trời của hăn bằng một góc vạt áo thấm nước khiến má của hăn đau nhói và cạo những hạt sạn ở những chỗ thịt trơ ra trên đôi môi nứt nẻ đang rỉ máu của hăn.

Khi còng của chiếc trực thăng di tản trượt trên mặt đất bùn tại khu vực Cứ điểm Harriette rồi dừng lại, đầu tiên là ngập đến mắt cá và sau đó là ngập đến ống quyển, đám lính cứu thương của chiếc trực thăng nhìn tay y sĩ của Đại đội Alpha bằng một cái nhìn thoáng qua đầy vẻ thương hại. Tay y sĩ quân y nhìn đám lính cứu thương của trực thăng di tản (mặc áo T-shirt màu ô-liu nhạt, quần dài và dày cao cổ đã chiến sạch sẽ, được chăm sóc chu đáo) đang nhẹ nhàng đặt Paco vào trong một chiếc túi đựng tử thi kéo phéc-mơ-tuya kín tới thắt lưng. Gã giúp hai người của Đại đội Bravo khuân cáng lên trực thăng rồi giúp họ cố định chiếc cáng lên sàn trong khoang chứa của trực thăng. Sau đó gã quay lại chỗ chiếc ba lô và túi đồ cứu thương của mình, giầy gã kê lạo xạo trên mặt bùn đã cứng như thể một cánh đồng đóng băng sau trận bão tuyết. Chiếc trực thăng bốc lên cách mặt đất chỉ vài xăng-ti-mét, dừng lại lơ lửng trên không rồi chúc mũi xuống để lướt một vòng cung rộng về phía trước sau đó bắt đầu bay lên cao, liên tục tăng tốc và độ cao. Lính cứu thương đứng bên cạnh cáng của Paco, cố làm dịu bớt những

tiếng khóc nức nở bằng giọng khàn đục của hắn, họ nhìn xuống mặt đất cát mịn và những cái đầu trần và lưng trần của lính thuộc Đại đội Bravo đang đi thu nhặt những thiết bị và dụng cụ chiến đấu bị bỏ lại, lượm những mảnh vụn và khúc thi thể để cho vào các túi đựng tử thi. Chiếc trực thăng lượn một vòng rộng trên Cú điểm Harriette và cánh rừng để thoát ra khỏi khu vực bốc mùi hôi thối, bay là là bên trên những ngọn cây, làm cho chúng giống như những cơn sóng cuộn. Trong lúc trực thăng đang bay trên trời thì lính cứu thương, bằng bàn tay kiên quyết và chính xác, nhặt những con bọ và mẫu gỗ vụn ra khỏi những vết thương trên người Paco, họ nghĩ, “ít nhất thì cũng không phải là một tá” - sàn trực thăng vậy đầy máu và mùi hôi thối của rừng già lẫn vào quần áo, râu, tóc của họ trong suốt cái ngày mắc dịch đó.

Hai y sĩ của đại đội Bravo đứng quanh quần bên máy bộ đàm, họ nghĩ rằng sắp sửa nghe tin anh lính Paco của chúng tôi đã chết trên trực thăng - tại sao cái gã tội nghiệp thứ hai mươi này lại khác biệt kia chứ? Một mối, đỡ dần, nghệt thở vì nóng, tâm trạng lo lắng vì chờ đợi, tay y sĩ quần y tin chắc sẽ nghe thấy thông báo rằng tay lính được tìm thấy của Đại đội Alpha được chở trên chiếc trực thăng người đã nát bét tởm như những bông hoa công-phét-ti dính máu bay trước gió, chỉ có lỗ đít của hắn là còn nguyên vẹn, bởi vì gã nhìn thấy cái cách tay phi công cho chiếc trực thăng bay hết tốc độ, như bao giờ cũng vậy, để quay về bệnh viện dã chiến, cánh cửa của chiếc trực thăng mở to như miệng cống. Tay y sĩ quân y tưởng tượng hoài trong đầu cái cảnh lính cứu thương của chiếc trực thăng di tản nhiều ngày sau đó sẽ bức bối than phiền về máu vãi đầy sàn máy bay - mặc dù làm gì có nhiều máu như thế - họ bình luận với nhau về anh chàng tội nghiệp của Đại đội Alpha đã sống sót trong một trận đánh khủng khiếp và sau hai ngày nằm một mình ngoài trời, và “trông hắn như một đồng thịt nát nhừ”. Rồi sau đó, tay y sĩ quân y còn tưởng tượng rằng sau khi phần lớn cơ thể của hắn đã bị ném vào cánh quạt quay tít của động cơ, lính cứu thương sẽ lâu bầu, miệng méo xệch, “Đánh cuộc là anh ta sẽ không qua khỏi. Cam đoan anh ta sẽ khó lòng đi qua được bộ phận phân loại thương binh. Nhất định anh ta sẽ chết vào quãng giờ ăn tối”.

Buổi tối hôm đó trong sự riêng tư kín đáo và bóng tối yên tĩnh (dưới cơn mưa rào gió mùa mãi không ngớt, tất cả lính của đại đội đều ngồi với vẻ mặt rầu rĩ và không thể ngủ được, và thỉnh thoảng tay y sĩ quân y lại liếc nhìn chiếc bộ đàm, gã vẫn chờ tin tức thông báo anh lính của Đại đội Alpha đã chết - sự chờ đợi lúc này đã khiến tay y sĩ quân y mỗi lúc một thêm khó chịu và gã đã lên cơn đau tim. Những cơn đau co thắt dữ dội kéo dài ở ngực, hơi thở bị ngắt quãng, cảm giác tê tê bì bì dọc cánh tay trái và vùng mặt bên trái, và cơn thở dốc kịch phát kéo dài một cách đáng sợ. Gã thở hỗn hển, mặt nhẵn nhụi và bối rối không hiểu cơn đau này là gì - cơn đau ấy cứ như thể có ai đó thò tay bóp quả tim của gã - nhưng sau đó gã đoán ra, một cơn đau tim, không gì tệ hơn, một tình trạng nghẽn mạch máu; ông tưởng tượng nổi không?

Sáng hôm sau, trong ánh nắng rực rỡ và ấm áp của buổi sáng, khi những đám mây gió mùa ở phía tây đang tan dần, tay y sĩ thức dậy, vừa ngáp vừa duỗi chân tay (cảm giác buồn nôn dữ dội do chứng nghẽn mạch vẫn không thuyên giảm), rồi gã nhìn khắp lượt, bộ mặt ủ ê, cảnh chết chóc và đổ nát, và những đồng đội của gã tại Đại đội Bravo (ai trong số họ sẽ chết hôm nay?). Và, James, gã nhìn cứ như thể lần đầu tiên gã nhận ra sự ghê tởm hiển nhiên, tuyệt đối của nơi này - sự ghê tởm thô thiển thấm vào mọi thứ, sự ghê tởm sống sượng và khiến người ta bàng hoàng. Gã đột nhiên có cảm giác rút cục gã sẵn sàng thú nhận rằng dù gã làm gì, dù gã làm được bao nhiêu thì việc làm của gã cũng chẳng bao giờ đủ; dù gã làm việc cố gắng và gọng gàng hết sức - bằng thái độ nghiêm túc thực sự - người bị thương vẫn chết (ông chỉ có thể buộc garô chặt ở một mức độ nào đó thôi, James; ông không thể tiếp nước cho vết thương ở bụng; ông không thể tiêm một liều moócphin cho người bị thương ở đầu). Gã đứng dậy, ở trần ở phần trên, quai đeo của chiếc quần dài ướt sũng trĩu xuống, đôi tất len dính sát vào da chân trắng bột vì nước, gã cố nén những giọt nước mắt chán nản chỉ chực trào ra. Gã bước tới một vũng nước bùn nông ở giữa khu hạ trại rồi ngồi xổm trên vũng nước, cúi xuống múc liên tục từng vốc nước đầy - thứ nước sền sệt vì tro và bùn - rồi ép chặt bàn tay vào mặt rồi vỗ vỗ và giật da mặt giống như người say rượu thường làm. Gã thực tay sâu hơn xuống vũng

nước (bùn trôi tuột giữa các ngón tay của gã) rồi siết thành nắm đấm, thậm chí ép chặt các khớp tay để có lực đòn bẩy, cho tới khi toàn bộ những gì gã còn lại trong bàn tay chỉ là hai cục bùn nhỏ ướt nhèo bốc mùi đặc trưng của xác chết.

(Và tay y sĩ quân y đang ngồi bên chiếc bàn trong quán rượu Weiss, James, sẽ bất ngờ xòe bàn tay ra rồi đặt ngửa tay lên mặt bàn rồi nhìn cục chai màu vàng và những đường vân tay dính đầy dầu máy. Mỗi lần kể chuyện gã đều nhớ lại những cục bùn màu xám được tạo ra trong bàn tay nắm chặt và gã sẽ tưởng tượng thấy mùi của những xác chết bốc lên mặt gã giống như hơi nóng phả mạnh từ một bếp lò).

Gã thả những cục đất trở lại vũng nước đục rồi đứng lên và bỏ đi chỗ khác. Và không kể cho bất kỳ ai về cơn đau tim của mình - ngoan cố chịu đựng cơn buồn nôn vẫn chưa dịu đi - tay y sĩ quân y nhặt túi đồ cứu thương và chiếc ba lô ướt sũng rồi đi thẳng tới chỗ đại úy để thông báo ý định nghỉ việc của mình.

Đại úy đang đứng ăn một miếng bánh mì của khẩu phần C - một cái cục nom giống một vật nặng và rắn, có kích thước gần bằng một chiếc bánh xốp, James ạ, bên ngoài lấm tấm những hạt bột mì, ăn vào thấy nhạt nhẽo, được đựng trong một cái hộp thiếc nhỏ màu xanh lá cây - và uống chung với ba hay bốn lính khác một cốc nước khử trùng clo rất nặng của căng-tin (nước có vị đắng của i-ốt khiến chúng tôi nhổ nước miếng suốt ngày cũng không sao hết được trong miệng cái dư vị tanh tanh của thuốc). Những lính khác thấy tay y sĩ đi đến chỗ đại úy thì bỏ đi chỗ khác, biết chắc rằng gã đó tới để nói chuyện giữa đàn ông với nhau. Và khi tay y sĩ chỉ còn cách đại úy vài bước chân, gã quăng cái túi cứu thương xuống đất rồi bắt đầu ngay theo cách tốt nhất mà gã có thể làm: “Tôi xin nghỉ việc. Khi cái trực thăng chết tiệt đó tới đây, tôi sẽ đi và ông không thể ngăn tôi. Tôi sẽ không quay lại đây và ông không thể bắt tôi quay lại. Tôi thà chịu khổ vì bị giam tại LBJ³⁰[1]”, tay y sĩ nói cứ như thể gã đã học thuộc lòng, rồi nhìn thẳng vào mặt đại úy lúc này đã ngừng ăn, cầm hộp bánh mì ở trước mặt bằng ngón tay cái và hai ngón tay đặt ở trên, vụn bánh bị ướt dính trên các ngón tay (James, tay y sĩ định nói tới trại giam của quân đội tại Long Bình - chúng tôi gọi là LBJ).

“Tôi thà chịu khổ vì bị giam tại LBJ”, tay y sĩ nhắc lại bằng giọng đột nhiên to và dứt khoát. “Tôi không nói bậy bạ đâu và tôi không điên - tôi sẽ không làm y tá quân y cho đại đội của ông nữa!”. Viên đại úy kiên nhẫn lắng nghe những câu nói thì thầm như đớp hơi đó - tay vẫn cầm cái hộp bánh mì giở ra trước mặt - trong suốt thời gian đó mắt ông ta vẫn nhìn vào bộ mặt đau khổ của tay y sĩ, và ông ta không phản đối.

Đại úy đáp, “Được. Khi trực thăng tới cậu hãy lên đó và trở về căn cứ. Mặc áo vào. Cầm theo túi cứu thương; mang theo ba lô của cậu; để lại khẩu súng ngắn” rồi chỉ tay vào khẩu 45 li đeo ở hông của tay y sĩ - khẩu 45 li đó, James à, đã được truyền tay giữa các y sĩ của đại đội trong suốt bốn năm sau đó. Để khỏi phải làm công việc giấy tờ, tay y sĩ được phân công làm y sĩ tại bộ phận cấp cứu dã chiến tại khu vực bảo vệ vòng ngoài của doanh trại cố định của căn cứ tại Phúc Luc - một thứ nhân viên văn phòng trực ca đêm - một công việc không đòi hỏi gì nhiều; đại úy nghĩ thầm “Hãy chiều theo ý thích của cái thằng của nợ này”.

Một y sĩ trẻ hơn được gọi tới. Tay y sĩ già hơn lấy khẩu 45 ly ra khỏi bao da rồi trao nó cho tay y sĩ kia, gã cầm cái khóa của thắt lưng bằng vải lắt thật mạnh để giật nó ra khỏi hông rồi gần như ném nó cho gã kia (gã này cách đây hai năm bị ban tuyển quân phân loại là lính từ chối nhập ngũ vì lương tâm nhưng thấy gã vẫn sẵn sàng phục vụ nên họ phân gã làm y sĩ quân y). Sau đó tay y sĩ già hơn thọc tay vào túi áo khoác lấy mấy băng đạn dự trữ mỗi băng có 8 viên; rồi gã nắm lấy cổ tay của tay y sĩ trẻ hơn để đặt những băng đạn sáng bóng đó vào tay anh ta giống như gã đang thanh toán một khoản tiền cá cược theo cái cách phô trương và ngang ngạnh thường thấy ở một số gã lính.

“Cầm lấy. Đối xử tốt với họ” tay y sĩ già nói, “hãy nhớ là toàn bộ công việc của cậu ở đây là băng bó cho họ, tiêm cho họ một mũi rồi đưa lên trực thăng. Hẹn gặp lại”. Rồi gã cúi xuống cầm lấy đồ và bước tới chỗ đậu trực thăng. Cả đại đội nhìn theo lưng tay y sĩ, vuốt những giọt nước mưa trên mặt, trệu trạo nhai khẩu phần ăn bị ngấm nước mưa và chuẩn bị sẵn sàng cho lần xuất kích quen thuộc vào sáng hôm sau. Đại úy và toàn bộ lính của

ông nghĩ trong đầu “Cái thằng hãm tài đó đã đi khỏi đây rồi, bây giờ có lẽ vận may sẽ khác!”.

James, quả đúng là vận may đã khác, nhưng không nhiều.

Tay y sĩ leo lên chiếc trực thăng tới lượm những túi tử thi và những chiếc thùng cách nhiệt đựng khẩu phần ăn hình thù như cái bồn tắm và có kích thước như cái thùng bảo ôn hiệu Coleman (chúng tôi gọi là nôi) của bữa tối hôm trước. Gã ngồi phịch xuống chiếc ghế dài ở vị trí cạnh chỗ đặt súng máy ở cửa bên trái, ba lô và túi cứu thương đặt ở giữa hai chân, khẩu súng trường đã nạp đạn gác lên đùi. Tay y sĩ nhảy ngay xuống đất khi chiếc trực thăng vừa chạm đường băng của căn cứ Phuc Luc, như thể gã bị bắn bằng một chiếc ná, quàng lên vai chiếc ba lô nặng trĩu còn vai kia đeo chiếc túi cứu thương, trông như bọc quần áo của một tay lang thang ma cà bông. Gã rời khỏi đường băng phẳng lì và lem luốc dầu mỡ của căn cứ như thể trong đời gã chưa bao giờ nhìn thấy chiếc máy bay trực thăng đó rồi đi lên con đường dốc ở hướng bắc để tới khu nhà của tiểu đoàn và Đại đội Bravo. Gã đi ngang qua khu nhà của bộ tham mưu của căn cứ nơi lính văn phòng của lữ đoàn đang đi lại dưới chỗ có bóng mát, một tay cầm ly vodka pha tonic còn tay kia cầm điệu xì-gà dài. Gã đi ngang qua khu nhà của công binh (tập đoàn Pacific Architects and Engineers^{31[1]}, chúng tôi gọi là PA & E) với những xe thùng lọc nước và máy trộn bê tông di động, nhà tắm bằng bê tông lắp ghép và tủ nước đá loại to. Gã đi ngang qua những dãy nhà u ám, vắng lặng như tờ của Đại đội Alpha lúc này lúc nhúc những luật sư của văn phòng Tổng công tố viên của quân đội Hoa Kỳ^{32[2]}, những nhân viên tình nguyện của Hội Chữ thập đỏ đến từ khắp nơi, và những phóng viên tự do thuộc loại chó săn chim (và những loại tương tự) chuyên tìm chuyện để bôi mớ và họ kiếm tiền rất dễ nhờ viết bài cho *Times*, *Washington Post* và *The Chicago Tribune* và những báo khác. Người ta sẽ thấy những dòng tít lớn như:

CỬ ĐIỂM HARRIETTE BỊ XÓA SỔ
ẢNH ĐỘC QUYỀN
BỘ QUỐC PHÒNG HỨA SẼ TẶNG THÊM QUÂN

Họ đứng thành từng nhóm nhỏ, trở mắt ra nhìn ngó ngẩn, viết nguệch ngoạc những dòng ghi chép và những cái tên một cách rất hăng hái, chụp vội cho nhau những kiểu ảnh và quấy rầy nhau vì những câu hỏi, lời bình luận, thì thầm những lời trao đổi riêng. Họ lục lọi những chiếc rương con, túi dệt và túi bằng vải không thấm nước, lật và lật lên xem những vật dụng trong đồng đồ dùng cá nhân chẳng liên quan gì đến công việc của họ, mồm ngậm tẩu thuốc đã tắt ngấm rồi lắc đầu ra vẻ như chuyện này thật vô cùng đáng thương.

Cuối cùng người ta thấy tay y sĩ quân y đang bước nhanh trên con đường dốc dẫn đến khu nhà của Đại đội Bravo. Lính văn phòng của đại đội (đang điền các mẫu tờ khai), lính nấu ăn (đang khuấy bột trái cây) và những thương binh nhẹ (được giao những công việc bàn giấy nhẹ nhàng) đều phải ngược lên nhìn khi tay y sĩ đi tới cứ như thể gã là một bóng ma xuất hiện - “Tay y sĩ này đang làm cái quái gì ở trong căn cứ vậy”, họ nói chuyện với nhau, “và tại sao những người khác của đại đội chết tiệt vẫn đang ở ngoài chiến trường?”. Tay y sĩ rẽ ngoặt sang trái để đi vào một con đường khác dẫn tới khu nhà của đại đội vắng lặng rồi mất hút trong căn lều của gã. Gã treo ba lô, dụng cụ đeo trên người và túi cứu thương lên tấm ván đầu giường do gã tự tạo, cởi chiếc áo sơ mi bốc mùi khó chịu của rừng rậm rồi đi thẳng ra hố xí ở phía sau để đi ỉa. Sau đó, mệt mỏi, mặt nhợt nhạt như người ngã bệnh, gã quăng phịch người xuống giường, để nguyên cả giày và mọi thứ trên người, rồi rơi vào giấc ngủ hầu như ngay lập tức. Gã tỉnh giấc vào chiều muộn, hơi đã gần tối, người đầm đìa mồ hôi, mặt gã sưng húp và đỏ phừng phừng vì ngủ, mồm gã khô như rang; chiếc túi ngủ chần bông và chiếc áo poncho^{33[3]} gã dùng làm đệm bị ướt sũng.

Lúc này mọi người khắp căn cứ đã truyền nhau tin tức về tay y sĩ quân y đã tìm thấy Paco và ngay sau đó đã xin thôi việc. Buổi tối hôm đó gã ngồi bó gối trong căn lều, ăn nốt chỗ còn lại của khẩu phần loại C, hút hết sạch một gói cần sa, nghe tiếng động rất khó chịu của chiếc máy chữ hiệu Underwood của tay thư ký của đại đội - tạch-tạch-tạch-tạch-tạch-tạch - anh ta đang viết thư cho nhà kể về người lính còn sống sót của Đại đội Alpha và tay y sĩ quân y, thỉnh thoảng lại nhìn trộm tay y sĩ qua cánh cửa có lưới che

của văn phòng của Đại đội. Trong suốt nhiều tuần lễ và tháng trời sau đó cho tới khi đến lượt được hồi hương, tay y sĩ quân y thường ngồi ở bậc thềm trước nhà được xếp bằng những hòm đạn (kẻ hãm tài của đại đội), chống tay lên một cái chổi quét nhà thông thường và quan sát qua tấm màn cửa bằng vải bay phấp phới những người lính còn lại của Đại đội Bravo đi ra mặt trận rồi trở về - bộ dạng của họ sau mỗi lần như vậy lại nom thảm hại, khốn khổ, lấm lét hơn lần trước. Bao giờ cũng thấy bớt đi những khuôn mặt khi mỗi lần họ mệt mỏi lướt qua đoạn đường đồi dài ba trăm mét cuối cùng từ cổng căn cứ; bao giờ cũng có những khuôn mặt lạ, nhợt nhạt và ngơ ngác mỗi khi đại đội rời doanh trại. Và ông có biết không, sau một hoặc sáu tháng, mỗi khi đại đội trở về qua cái cổng để đi lên đồi thì không thể phân biệt được những gã đó là mới hay cũ, ngoại trừ đôi mắt. Những đôi mắt trở nên vu vơ hơn.

Và mười, mười hai, mười lăm năm sau, tay y sĩ quân y sẽ hằng đêm dùng đưa người trên một chiếc ghế gần những thùng bia được xếp thành một bức tường cao ở phía sau quán rượu *Weiss* trong lúc kể những câu chuyện của gã. Khi chiều đã tàn (lúc trời bắt đầu tối sầm), tay y sĩ quân y đã say thực sự, nhưng gã vẫn còn đập được vỏ quả trứng luộc già và gọt gòn bẻ quả trứng làm đôi rồi chấm vào muối và phết mù-tạt cay xé lưỡi lên mỗi miếng cắn. Và nếu chưa quá say gã vẫn tiếp tục uống bia lẫn với rượu (cho đến một năm kia gã uống đến phát bệnh, và chết vì rượu). Hầu như đêm nào trong tuần gã cũng ngồi đó và khoác lác rằng đáng lẽ gã đã có thể trở thành một người ra trò. “Lẽ ra đã trở thành một bác sĩ giỏi đểch chịu được, ông có nghe không?” gã sẽ nói với như vậy, James, bằng cái giọng lắp bắp say rượu. “Nếu không có cái thẳng nhãi đó, cái thẳng quái gở đó”, nó không chết, mà đáng lẽ nó phải chết mới đúng.

Lời cảm ơn của một dân tộc biết tri ân

Vào lúc xế chiều của ngày đầu xuân nắng chói chang và hanh khô, một chiếc xe buýt đường dài sơn màu xám bạc bò lên đoạn đường dốc dài một phần tư dặm nối từ xa lộ liên bang với một biển báo STOP to ở phía đông thị trấn Boone. Phần lớn hành khách đều ngo ngoáy chân tay, tỉnh dậy khỏi giấc ngủ gà gật không cưỡng nổi trong suốt chuyến đi thông chiều. Người lái xe - một người đàn ông có nét mặt thanh tú và cân đối, móng tay được chăm sóc kỹ và bụng hơi phệ - giảm số mà xe vẫn không bị lắc mạnh, mồm nhai ngấu nghiến một thanh kẹo cao su bạc hà mới, mỗi lần ông ta ngoác miệng rộng lại phát ra những tiếng kêu đôm đốp. Khi tới gần đỉnh dốc ông ta giảm số một lần nữa, cho xe chạy qua biển báo STOP rồi rẽ vào một quốc lộ hai làn được bảo dưỡng rất tốt. Ông ta cho xe ịch lăn tiếp trên mặt đường rải nhựa bị mặt trời hun nóng của trạm xe buýt Texaco nơi ông ta thường dừng lại để nghỉ chân mười phút. Ông ta cho xe chạy một vòng rộng trước mặt khu nhà văn phòng trước khi chiếc xe lắc nhẹ rồi dừng hẳn lại. Ông ta kéo phanh tay, tắt máy, tháo phanh hơi kèm theo một luồng hơi mạnh nhưng rất êm.

Sau đó người lái xe ngó sát vào chiếc gương chiếu hậu và nhìn thấy nhiều khuôn mặt đang nhìn ông ta, ông ta xoay nhẹ người trên ghế rồi nói bằng một giọng nhẹ và rõ, “Đây là bến đỗ Boone. Xe sẽ khởi hành sau mười phút. Tất cả hành khách đi Boone thì xuống bến này”. Mọi người bắt đầu nặng nhọc nhấc mình khỏi ghế, người tê cứng và mệt lử sau chuyến đi. Người lái xe lấy phiếu hành trình để ở tấm che nắng trong buồng lái, tờ giấy được gấp kiểu cách làm ba giống như một bức thư công vụ, rồi ông ta dùng bút chì điền giờ đến và giờ đi trong lúc liếc nhìn vào chiếc đồng hồ Thụy Sĩ chuyên dụng đeo ở cổ tay (chiếc đồng hồ đó chính xác như một chiếc đồng hồ bấm giờ, James à). Ông ta cất tờ phiếu được gấp cẩn thận đó trở lại chỗ cũ, vươn vai đứng dậy, và cẩn thận cởi cúc tay áo sơ mi là cứng rồi lại cài

cúc lại. Và lúc ông ta vừa làm xong việc đó và kiểm tra lại lần nữa các ghế ngồi trên xe thì chỉ còn hai người vẫn chưa xuống, cả hai vẫn đang ngủ.

Hành khách thứ nhất là một phụ nữ da đen có tuổi người mảnh dẻ ngồi nép người trên một ghế sát cửa sổ gần đầu xe, bà ta đang ngủ rất say, tay ôm chặt vào lòng chiếc túi du lịch đã sờn rách đầy những cuộn len, những đồ lặt vặt đang đan dở, và một túi nilông nhỏ đựng những quả mận âm ẩm vì hấp hơi. Để nhìn thấy người đang ngủ thứ hai - anh chàng Paco của chúng tôi - người lái xe phải kiễng chân, nghển cổ trong lúc cúi người về phía trước. Paco đang nằm cuộn người lệch sang một bên trên chiếc ghế cạnh lối đi giữa ở gần cuối xe, cắm kê vào chỗ hõm trên vai, tay kẹp giữa hai đùi còn chiếc gậy bằng gỗ óc chó màu sẫm được kẹp giữa hai ghế ngồi. Thực ra hẳn không ngủ, tuy phải gập cong người trong tư thế khó chịu nhưng hẳn thấy đầu vầng vất tới mức hầu như đỡ đỡ không biết gì sau khi uống thêm vài liều thuốc - thuốc giãn cơ và chống trầm cảm. Hẳn thấy đau ở vùng thắt lưng, như mọi hành khách khác, và đầu đau dữ dội. Thời gian này hẳn thường bị những cơn đau đầu như vậy. Hẳn thường xuyên vận động, cố gắng chịu đựng và quên đi cảm giác kim châm liên tục và nóng rực ở đùi và hông. Tình trạng đau nhức và co quắp của hẳn tồi tệ tới mức hẳn có cố gắng duỗi chân duỗi tay hay há to mồm để thở, tập thể dục hoặc trị liệu, đều vô tác dụng. Cảm giác khó chịu, người nóng rực đến ngộp thở, như bị rất nhiều vật nhọn châm vào người hoặc vật gì đó liên tục gõ vào người hầu như là tình trạng thường xuyên lúc hẳn thức.

Nhưng người lái xe đang nghiêng người về phía lối đi giữa để nhìn Paco hoàn toàn không biết gì về chuyện này. Tất cả những gì ông ta nhìn thấy là một gã trẻ tuổi tàn tật bên cạnh là một chiếc gậy nhỏ. Lúc Paco bước lên xe, người lái xe đã đoán hẳn là một gã quân nhân (và James ạ, rất dễ nhận ra một lính Mỹ ở nước ngoài trở về nước - gầy gò, ánh mắt khàng khác, tóc húi cua kiểu lính), ba phần tư là mặc những bộ quần áo rẻ tiền hết mốt. Người lái xe nhả mặt, nhai kẹo cao su kêu đôm đốp và lắc đầu. Ông ta đã lái xe buýt từ hai mươi tư năm nay và đã gặp đủ thứ chuyện: những gã quái gở cụt một chân ôm ấp những gã quái gở cụt cả hai chân trên chiếc ghế dài ở cuối xe; những gã cao bồi ở Colorado cướp giật túi tiền trên xe ở Elko,

Nevada, sau đó nhảy ra ngoài cùng túi tiền khi xe buýt đi được nửa đường tới Salt Lake rồi sau đó lại quay trở lại chỗ cũ để thực hiện phi vụ khác; khách du lịch không để ý nên đã lên nhầm xe ở bến tại Lafayette rồi nhún vai cho qua để xe đưa tới tận bến cuối; ba gái già ở Georgia cãi lộn vì giai; một lão già bị chết trong lúc ngủ khi xe đang vào Duluth, người lão bốc mùi hôi thối vì ỉa ra quần, và tất cả hành khách đòi được hoàn trả tiền vé. Có một ả lùn và béo mặc chứng cuồng dâm leo đèo đi theo một đội bóng bầu dục nghiệp dư từ Denver tới Santa Fe; một cặp sinh đôi giống hệt nhau cùng bị tật sứt môi nhưng chưa vá lại, họ cố gắng thế nào cũng không thể làm cho người khác hiểu được họ đang nói gì, “Xờ-mi-xờ- mu-xờ-mít-xờ-mát” khiến người lái xe cười vỡ bụng suốt từ Bakersfield tới lối rẽ đi Sacramento; một bà già lắm cấm nọ ở Watseka nói lảm bảm với người lái xe và với bất cứ ai nghe bà ta nói, vừa thở khò khè vừa cười khúc khích, “Này con trai, ta nhớ rất rõ cái đạo chính chiếc xe buýt này thường cho ta xuống trước cửa khách sạn Drake ở phố Walton” - kiếp này thì không, người lái xe nghĩ thầm trong đầu - “và một anh chàng gác cổng người da màu rất chu đáo và dễ thương đỡ ta bước xuống một cách rất nhẹ nhàng và lịch sự, anh ta lúc nào cũng đội một chiếc mũ to bằng lông hải li, áo đuôi tôm bằng nhung đỏ, giày da đánh véc ni bóng lộn với ghệt mắt cá màu ghi óng ánh. Rất Đẹp trai, lúc nào cũng sạch sẽ chẵn chu không chê vào đâu được. Chu cha!” bà ta nói. Có lần vào một buổi chiều, hai gã nhà quê trông mặt mũi đần độn (nhưng chắc chắn chúng là bọn lừa đảo chuyên nghiệp, theo lời của tay cảnh sát ở Memphis), đã “phê thuốc” và rút dao nhọn định cướp tiền của ông ta và chiếc xe buýt để đi tới Duckbutter Ridge hoặc một nơi khi ho cò gáy nào đó. Ông ta bám chặt lấy vô lăng bằng cả hai bàn tay, cố ý cho chúng nhìn thấy các khớp ngón tay chuyển thành màu trắng rồi bảo chúng gập con dao mắc dịch đó lại và ngồi xuống! - vừa nói vừa nghiêng răng - và ông ta rất ngạc nhiên khi thấy chúng làm theo. Có những gã lên xe trông mặt mũi xấu xí đến nỗi người ta nghĩ là Thượng đế đã nặn ra chúng là những kẻ xấu xí nhất rồi Người lấy gậy chọc cho nát; có một bà già người to và béo, ông ta chưa từng thấy ai to béo như bà ta, đã đe dọa ông ta bởi vì bà ta đã trả tiền vé, bà ta nói thế - trả bằng tiền mặt, bà ta luôn miệng khoe khoang - nhưng phải chặt bà ta làm

nhiều mảnh mới đưa được bà ta qua bậc lên xuống để lên xe và chắc chắn sẽ chẳng có chiếc ghế nào vừa cho bà ta. Đồi phải gió, bà ta nổi cáu, và cừ vầy vầy cái vé nhỏ xíu như vầy một chiếc khăn tay. Có những Hướng đạo sinh nam ngơ ngác vì ngạc nhiên bởi lẽ lần đầu tiên chúng được đi qua cây cầu George Washington để vào thành phố New York (“Ui chao, nhìn những ngọn đèn kia!”; những thủy thủ hứng tình đang trên đường tới San Diego để mò gái; những gã pêđê ở New Orleans ăn mặc quần áo giả trang của lễ hội Mardi Gras^{34[1]} (chúng thủ thỉ tán tỉnh nhau, “Này, Georgette, em lộng lẫy quá”), mắt chúng đờ đẫn vì phê thuốc kích thích và cần sa. Có những lính thủy đánh bộ ở trại huấn luyện trên đảo Parris (làm như ghê gớm lắm, người lái xe nghĩ thầm) đang trên đường sang Việt Nam và họ say mềm vì rượu vodka nấu lậu, rống lên những bài hành khúc hoặc nhại những bài hành khúc:

*Tao đích biết nhưng nghe kể lại,
Gái Eskimo cái hăm cũng lạnh.
Tao quen một người đàn bà mặc áo đen,
Nàng kiếm sống bằng cách nằm giữa.*

*Tao đúng hay sai?
Mày đúng!
Tao đúng hay sai?
Mày đúng!*

*Tao không muốn ngồi một chỗ than thở!
Tao không muốn tự hỏi tại sao!
Tao chỉ muốn đánh nhau và chết!*

*Tao đúng hay sai?
Mày đúng!
Tao đúng hay sai?
Mày đúng!*

Và họ phun vào mặt nhau những câu mệnh lệnh: “Quay trái quay, đồng cô. Chân trái, bước! Trước mặt chỉ huy phải giữ thể diện cho tao, nếu không thì liệu hồn. E hèm!”. Họ cười, mặt nhăn nhó, nốc rượu vodka rẻ tiền và nặng và nhún nhảy trên ghế. “Con bé đó trông có được không?”. Có người giơ ngón tay ra hiệu cho người lái xe dừng xe tại một ngã tư bụi mù giao cắt Topeka và Salina, một ông già đầu hói mắt trắng đục và bà vợ già béo lùn đang vụng về ôm hôn cậu con trai của họ. Thằng nhóc, người gầy nhẳng và có cặp mắt lồi, chỉ nhìn thấy cổ và cái mũi, (rút cục) sắp lên đường gia nhập Hải quân và trông anh chàng có vẻ như đang phải chịu đựng lần cuối cơn bộc lộ tình cảm tràn trề lối bạch này; bà vợ bé nhỏ khóc ướt đầm chiếc khăn lau bát giắt ở tạp dề; ông bố cố làm bộ hãnh diện! - có thể nhận ra điều đó ở ánh mắt long lanh của ông ta.

Người lái xe buýt nghiêng đầu nhìn dọc lối đi giữa và quan sát Paco. Ông ta đã nhìn thấy những lính Mỹ trở về nhà điệu bộ còn tởm hơn anh chàng này. Cút, xét đại để thì anh ta vẫn còn khá hơn - nếu đây là Triều Tiên năm 1953 thì có lẽ anh ta đã chết rồi; nếu đây là mùa hè năm 1945, anh ta có lẽ đã bị lãng quên từ lâu. Người lái xe đi lại chỗ Paco, tay bám vào lưng những chiếc ghế như thể ông ta đang bước đi trên một mặt phẳng nghiêng. “Này, nhóc”, ông ta gọi bằng một giọng rõ và dứt khoát, mồm nhai kẹo cao su kêu đôm đốp. “Dậy đi. Tối Boon rồi. Tối bên anh định xuống rồi, khéo lại quên”, ông ta nói trong khi hít hà mùi bạc hà trong bộ râu và thận trọng giữ khoảng cách. (Người lái xe đã học được một điều từ những ví dụ sinh động nhiều năm trước đây, James ạ, là nên thận trọng và cảnh giác khi đánh thức hành khách xuống bến; ông ta chỉ để tâm tới việc cầm lái và “Chừng nào mà hành khách không bỏ lại một xác chết nào” thì ông ta hầu như bỏ qua phía đuôi xe”. Người lái xe biết chắc anh ta không có người quen trong thị trấn này và ông ta muốn tranh thủ nửa giờ đi ăn tối rồi quay về xe.

“Dậy đi, nhóc”, ông ta nhắc lại, giọng gay gắt hơn. Bến cuối rồi”.

Paco vẫn ngủ, mắt nhắm nghiền.

“Dậy mau, anh lính. Bến cuối rồi”, người lái xe nói, đung đưa hông, cổ tình nhấn mạnh từng từ một. “Nhắc dít lên và đứng dậy. Vào vị trí nhảy dù”.

Paco cựa quậy người, hẳn đã nghe thấy câu cuối.

“Thế chứ. Bến cuối rồi. Lẹ lên”, người lái xe nói.

Đột nhiên Paco giật mình ngồi thẳng dậy, người lái xe giật mình phát hoảng (ông ta sẽ không ngạc nhiên nếu Paco lao vào người ông ta - tụi du côn này đã từng làm điều còn tồi tệ hơn); ông ta vội nhảy lùi lại, nhường chỗ cho Paco đứng dậy, duỗi chân tay và lấy đồ của hắn. Một lát sau Paco đã xuống tới bậc lên xuống dưới cùng của xe, một tay cầm cái túi xách nhà binh³⁵[1] còn tay kia cầm chiếc gậy bằng gỗ óc chó màu sẫm, trước mặt chỗ hắn đang đứng ở bìa rừng là cánh đồng rộng và rừng cây xanh rì, hơi nóng của mặt trời đang lặn phả thẳng vào mặt hắn, bóng của hắn kéo dài ra. Mây bắt đầu che phủ bầu trời rạng rỡ ngày xuân và một mùi mưa ẩm ướt tinh khiết tràn ngập không khí.

Người phụ nữ da đen có tuổi người gày gò giả dờ đang ngủ (đang mơ màng thưởng thức hương thơm tỏa ra từ những quả mận âm ẩm vì bị hấp hơi), đang quan sát Paco và người lái xe qua khe hở của những nếp nhăn trên mi mắt.

Trong lúc đó người lái xe đứng ở ngay sau lưng Paco - cả hai đều cảm thấy hơi nóng mặt trời phả lên mặt, mùi cơn mưa sắp kéo tới, mùi khí thải của xe chạy bằng dầu diesel và mùi tỏa ra từ những quả mận âm ẩm - người lái xe vừa chạm nhẹ vào người Paco vừa nói, “Thị trấn nằm về phía tây. Không khó khăn gì đâu, nhóc, sắp tới giờ tan tầm. Đứng đây đợi thế nào cũng có người đi qua đây về thị trấn để xin quá giang. Tất cả các quán ba tốt đều nằm trong thị trấn”. Paco, đầu vẫn còn váng vất, tin đại vào lời của ông ta, hắn đặt chân xuống mặt đường rải nhựa rồi bước đi khắp khểnh - chứng chuột rút, cơn đau ở chân, túi xách nhà binh chật căng, chiếc gậy gỗ óc chó màu sẫm và những thứ khác - vòng ra phía sau ngôi nhà để tới khu vực vệ sinh dành cho nam giới nồng nặc mùi thuốc khử trùng.

Tới lúc đó, James à, lúc chiếc xe buýt liên tiểu bang vào bến thì cũng là lúc đám thợ máy ngừng tay để nghỉ giải lao. Họ thường uể oải ngồi ghé trên mép chiếc bàn ở gần cửa ra vào, người vẫn bận nguyên bộ quần liền áo đầy dầu mỡ, uống cà phê trong những chiếc cốc nhựa cáu bẩn, loại dùng cho những chuyến đi chơi và ăn ngoài trời. Những hôm trời lạnh ông chủ thường

cho phép làm một chai whiskey^{36[2]} rẻ tiền để trong ngăn kéo lẫn với chồng tạp chí khiêu dâm (*All Star Tit Queens* và *Bikes, Black Leather* hoặc *Big Broads*).

Sau khi Paco đi khuất, người lái xe vào trong bến, tự rót cho mình một cốc cà phê đặc, nóng rất môi, đứng trong chiếc cốc bằng giấy xộp, tán gẫu với hai thợ máy - Chuck và Duck - chào hỏi họ, sau đó ông ta kín đáo tập hợp hành khách để lên xe, nhẹ nhàng nói với họ rằng đã sắp hết giờ nghỉ. Người lái xe khởi động xe, đợi cho đủ áp suất hơi; mọi người lên xe để đi nốt chặng cuối cùng trước giờ cơm tối. Trong lúc đó, Paco người cời trần đang dùng tay vốc nước lạnh vãi lên người, rửa nghiêng chặt, nín thở. Sau đó hắn lau tay và mặt và nách bằng một nắm khăn giấy ẩm và mềm như giấy báo, bôi lên ngực nước hoa cạo râu loại rẻ tiền, mặc một chiếc sơ-mi sạch nhẵn nhúm và một chiếc áo gió hàng đồ cũ mua tại cửa hàng của tổ chức từ thiện Đội quân Cứu tế^{37[1]}. Người lái xe nhìn vào gương chiếu hậu ở bên ngoài để chờ Paco và khi nhìn thấy hắn từ góc sau nhà đi ra, ông ta vào số một rồi cho xe lăn bánh trong lúc nói to cho mọi người biết bến đỗ tiếp theo vào giờ cơm tối. Chiếc xe rẽ vào đường hai chiều; Paco đi qua bãi đỗ xe rải nhựa đường, hơi nóng bốc lên chui qua lớp đế mỏng của đôi giày. Người lái xe cầm lái một cách nhẹ nhàng bằng một tay, tay kia thò vào chiếc túi nằm ở dưới ghế ngồi để lấy chiếc kính râm phi công nhãn hiệu Bausch & Lomb; Paco đứng bên lề đường rải sỏi, cạnh chiếc túi xách căng phồng. Hắn chống hai tay lên chiếc gậy để ngồi xuống và quan sát những làn khí thải màu xanh-đen của xe cộ đi qua và bụi xoáy thành lốc lấp lánh phía sau chiếc xe buýt. Người lái xe chỉnh chiếc kính phi công, liếc nhìn vào chiếc gương chiếu hậu bên ngoài và thấy Paco ngồi lên chiếc túi xách căng phồng của hắn, và bằng động tác nôn nóng nhưng từ tốn, ông ta cho xe đi vào đoạn đường dốc nối với xa lộ liên bang. Lúc này người phụ nữ da đen có tuổi - suốt cả buổi chiều hôm đó ôm chặt chiếc túi du lịch vào lòng ngủ gục mệt mỏi - đột nhiên mở mắt. Trước đó chỉ một lát bà ta đã nhìn thấy Paco (bà ta vẫn chưa quên cảnh tượng người lái xe với Paco năm phút trước đó), chiếc gậy của anh ta nhỏ trông như cây bút chì còn đôi mắt trông như cái đầu đinh ghim, và đột nhiên bà ta nhớ lại rõ từng chi tiết đứa con trai của bà

từ chiến trường Triều Tiên trở về năm 1953 đứng ở lối cửa ra vào của ngôi nhà cũ tồi tàn trong bộ quần áo ka-ki rộng thùng thình đầy bụi bặm sau chuyến đi đường trường; nó không dả động một lời nào về chiến tranh; kể từ sau đó nó luôn rầu rĩ và trở nên bất kham khiến những người sống xung quanh hiểu lầm nó là thằng lười biếng, vô tích sự; kể từ sau đó nó rơi vào tâm trạng lúc nào cũng âu sầu. Paco nhìn chăm chú chiếc xe, cái phần sườn xe nhô lên (nhìn thấy tròng mắt trắng đục trên đôi mắt ti hí của người phụ nữ đứng tuổi) cho tới khi chiếc xe đi xuống đoạn đường dốc rồi mất hút - hẳn nghĩ trong đầu “Đây chắc chắn đó phải lần đầu tiên mình bị bỏ rơi”; hẳn nghĩ trong đầu cái điều mà bất cứ tên lính trơn nào có lẽ cũng sẽ nghĩ như thế “Bất kể điều gì xảy ra, Jack, bất kể điều gì sẽ xảy ra tiếp theo (và tôi có quan tâm, ông có hiểu không), cứ đi tiếp rồi xoay sở sau”.

Sau khi chiếc xe buýt rời bến, hai anh chàng thợ máy uống nốt chỗ cà phê còn lại trong cốc, thấy phần chân trở lại, theo cách nói của ông chủ, và quay lại làm việc. Trong suốt thời gian đó, một trong hai người (đó là Chuck) liên tục lắc bàn tay và các ngón tay, cười nhún nhó vì đau cốt gây sự chú ý của mọi người, anh ta cố làm dịu cảm giác đau đớn do vết thương ở các đốt ngón tay do đã để bàn tay bị kẹt trong bộ truyền lực trong động cơ của chiếc xe Chevy được kích cao rồi đặt trên cái bệ ở góc trong - thịt lò ra ở các đốt tay dính đầy chất dung môi. Qua cửa sổ (bám đầy những sọc bẩn) anh ta nhìn thấy Paco đang ngồi giạng chân trên chiếc túi xách nhà binh, lơ đãng chọc mũi gậy bật đồng xuống lớp sỏi rải không chặt dưới chân hắn. Anh chàng thợ máy trẻ nhìn thấy chiếc gậy bằng gỗ óc chó và nghĩ “Một gã chân đi cà nhắc thế kia có chuyện gì mà phải vẩy xe đi quá giang nhỉ? Ôi dào, trên đời này có đủ loại người và mình nghĩ cũng phải có người nọ người kia”. Anh ta rót thêm cho mình một cốc cà phê nữa rồi lại ghé người ngồi lên mép chiếc bàn cái dính đầy dầu mỡ, vắt tréo chân và nói bằng giọng lè nhè, “Này, Duck! Hay là lấy chiếc Rupert cà tàng cho anh chàng kia đi quá giang vào thị trấn” - Rupert là chiếc xe cứu hộ của trạm xe buýt, một chiếc GMC sơn màu sắc lòe loẹt, được lắp thêm một số bộ phận, tua tua ba hay bốn loại ăng-ten và rất nhiều đèn xi-nhan màu trắng và màu hổ phách -

“Có thể tôi sẽ ghé qua bệnh viện để nhờ Mildred băng bó hộ cái tay!”, anh ta nói rồi lắc bàn tay bị đau thêm hai ba cái nữa.

Anh chàng thợ máy kia, lớn hơn hai tuổi - người thấp và đậm, bộ áo liền quần bật khuy đến tận bụng dưới - đang bối tung một ngăn kéo đựng dụng cụ ở trên cao. Anh ta dừng tay khi tìm thấy cái đèn căn lửa³⁸[1]. “Không!”. - Ở bên ngoài, Paco đang đứng dưới lòng đường vươn vai và ngáp - “Không! Cứ để anh ta đi bộ. Cậu chỉ kiểm soát vớ vẩn để vào thị trấn rồi la cà ở chỗ Rita. Nếu chưa có việc gì làm thì hãy cho chiếc Chevy vào bãi đậu rồi đưa chiếc Olds vào trong để tháo bộ lốp đi mùa đông. Bánh xe để ở trong cốp sau. Làm nhanh lên, ông chủ bảo khách hàng sáu giờ sẽ tới lấy xe đấy”.

Nghe thấy thế, anh chàng thợ máy trẻ vứt cốc cà phê đang uống dở vào một cái thùng đựng dầu cũ, trong đó chất đầy những đồ bỏ đi tích lại của bất kỳ một trạm sửa xe bận rộn nào nằm gần xa lộ. Anh ta đâm bổ ra ngoài, đi về phía chiếc xe Olds. Nhưng càng lắc bàn tay, trong lúc mặt nhăn nhó rất kịch, anh ta càng không nén nổi tò mò nên rút cục anh ta đã đi vòng ra phía sau chiếc Olds để leo lên chiếc xe cứu hộ - chữ Rupert được in ngược trên nắp máy phía trước để có thể đọc nó trong gương chiếu hậu. Xe có một con búp bê Kewpie³⁹[2] xinh xinh màu nom như sáp trang trí trong buồng lái và cục sáp khử mùi treo ở sau chiếc gương chiếu hậu, một giá treo súng gắn dọc ô kính phía sau ghế ngồi, ghế được bọc bằng vải da giả nhãn hiệu Naugahyde, vô lăng có gắn một núm nhựa⁴⁰[3], một bộ lốp to để đi trên băng tuyết, tấm chắn bùn to như thảm chùi chân trước cửa ra vào (đính rất nhiều hạt phản quang màu tím), một cái lưỡi ủi tuyết tráng chất Teflon và bậc lên xuống trông vui mắt; toàn bộ cái cỗ máy kỳ cục đó được sơn màu hạt dẻ và da cam trông như đoàn tàu Hiawatha của công ty đường sắt Milwaukee Road⁴¹[4] - thân xe nhẵn nhụi những đường kẻ trang trí uốn lượn màu trắng bạc-và-đen và đường viền nẹp cờ-rôm lấp lánh. Ban đêm, dưới ánh sáng của rất nhiều chiếc đèn nông to, chiếc xe đó tỏa ánh sáng ấm áp như một cây thông Nô-en.

Anh chàng thợ máy trẻ tuổi khởi động chiếc xe - những cái ống dựng thẳng có đầu uốn gập về phía sau buồng lái rung bần bật, tiếng động làm

kính cửa sổ của trạm kêu lách cách - rồi thản nhiên lái xe ra đường cái lớn và cho Paco quá giang tới thị trấn. Người thợ máy lớn tuổi đứng ở chỗ cửa lớn, tay cầm cái đèn căn lửa trông như một khẩu súng lục đồ chơi, la to, “Cậu sẽ quay về ngay, nghe rõ không? Cậu phải quay về đây ngay! Bao nhiêu là việc phải làm đây này! Nhờ Mildred chữa cái tay của nợ đó xong rồi Quay về ngay! Nghe rõ không?”. Rồi anh ta lăm bắm, “Đồ lười như chó!”

Anh chàng thợ máy trẻ lái xe từ tốn, luôn để ý tới tốc độ, hiển nhiên không gì phải vội vàng trong một ngày mùa xuân đẹp trời thế này. Và tất nhiên để lấp thời gian, anh ta và Paco nói chuyện với nhau, anh ta vừa điều khiển xe bằng cái núm trên vô-lăng vừa đặt những câu hỏi còn Paco về ngượng nghịu ngồi nhô người lên phía trước trên chiếc ghế băng⁴²[5] - hẳn biết ơn vì được cho đi quá giang, ông có hiểu không - chiếc túi xách nhà binh của hắn đặt ở giữa hai chân, hắn lịch sự đáp trong lúc mắt vẫn quan sát phố xá bên ngoài. “Anh từ đâu đến? Anh đang định đi đâu? Sao lại có cái gậy này? Chiến tranh có tệ như người ta nói không? Ồ, chân tôi bị đau - tôi bị tật suốt đời - nếu không chắc chắn tôi đã nhập ngũ, tôi cam đoan là thế!”. Paco nói với anh chàng đó là anh ta chẳng bỏ lỡ điều mắc dịch nào cả, hắn nói rằng anh ta nên xem mình là người may mắn. Và sau khi đi được khoảng hai cây số thì rút cục cuộc nói chuyện nhạt dần rồi chuyển thành sự im lặng ngượng nghịu, nhưng anh chàng đó vẫn thích nói nhăng cuội nên cuối cùng lại hỏi, “Chuyện gì đã xảy ra sau khi họ đưa anh ra khỏi chỗ đó?” - sau khi Paco nhắc tới cuộc tàn sát tại Cứ điểm Harriette.

Paco ngồi dịch người thêm về phía trước trên ghế băng ấm áp, hắn không dám dựa lưng vào ghế cho dễ chịu bởi vì thuốc đã khiến hắn mờ mắt và hắn không muốn bị ngủ gật. Hắn nắm chiếc gậy bằng hai tay rồi xoay xoay mấy vòng. “Chẳng có gì to tát, tôi nghĩ thế”, hắn nói trong lúc liếc mắt sang bên nhìn anh ta đang lái xe với một tay đặt trên chiếc núm trên vô-lăng còn tay kia gõ gõ theo nhịp 4/4 vào cái hốc trên cửa xe - các đốt ngón tay bê bết máu bị đỏ ửng, bị tê cóng vì thời tiết lạnh.

“Họ chích mooc-phin cho tôi nhiều quá khiến tôi chẳng nhớ rõ”, “anh có hiểu không?”, Paco nói và chủ đề chấm dứt ở đó.

Nhưng Paco nhớ rất rõ và rõ từng chi tiết.

Có một dấu chữ thập lớn đỏ tươi trên nền màu trắng ở bụng chiếc trực thăng cứu thương tới tìm kiếm hân, và gần như hân vừa vào trong khoang là chiếc trực thăng lập tức vọt lên, nhanh chóng tăng tốc và lấy độ cao. Paco thấy bụng nôn nao và hân thấy rất chóng mặt, và hân muốn nôn. Hân nhớ lại những bộ mặt răn rỏi rám nắng của những người lính cứu thương, và những câu tầm phào của họ về những mảnh vụn bắn thiu nằm trong những vết thương trên người Paco - giòi ở những chỗ mưng mủ (hân có cảm giác gần giống như được vuốt ve kích thích), vảy mềm như bột biển ở những chỗ bỏng giộp bị vỡ và những mảng bunn khô cứng. Hân nhớ lại cái cảm giác đặc biệt (sau khi được tiêm liên tục mấy liều moóc-phin) lúc tay y tá bạo dạn nhất - một gã trông vẻ ngoài nghiêm nghị và có những ngón tay tiếp xúc nhẹ nhàng, mát lạnh và dứt khoát - bắt đầu nhặt những mẫu vải và giảm gỗ, những mẫu da cháy sém, giòn tan, dài và quăn như vỏ sò (cảm giác bỏng rát ở những chỗ thịt lòi ra ngoài đỏ lỏm) - những người lính cứu thương kể rằng giống như bóc những mảnh sơn cũ ra khỏi một lớp sơn dày mới quét vẫn còn dính. Trong lúc đó, những lính cứu thương khác đổ dành Paco, họ nói chuyện để vỗ về hân, “Mọi chuyện sẽ ổn, này! Ráng chịu thêm mười phút nữa là xong. Giỏi lắm! Lì như cậu thì không thể chết ở đây được, có phải không?”. Và họ cứ liên tục nói với hân là mọi chuyện sẽ ổn như thế đó là một phần công việc của họ. Họ hỏi hân như thét lên để át tiếng rít của động cơ “Cậu là ai, Jack? Tên cậu là gì? Có chuyện gì đã xảy ra ở đó?”. Trong suốt thời gian ấy, Paco chỉ có một ý nghĩ duy nhất trong đầu, ý nghĩ đó rõ rệt như một giấc mơ muôn màu sắc - *mày không được chết* - mỗi một từ dội lại giống như có người nào nói rất to, cử động nhanh làm đau buốt chỗ thịt bị sưng tấy trên miệng - *mày không được chết* - giống như những từ ngữ lặp lại trong một câu thần chú, như thế hân cảm thấy cơ thể mình bị co nhỏ lại ngay lập tức nếu như không nói ra câu ấy. Và hân nhớ lại là đã không kìm nổi nước mắt (trong lúc một nửa số lính cứu thương lúc đó chỉ chờ đợi một nụ cười yếu ớt, can đảm), nước dãi chảy ra từ miệng sưng phồng của hân và nước mắt nóng hổi cứ thế chảy giàn giụa trên mắt và mũi hân - bởi vì hân đã sống; bởi vì hân đã thoát chết (nhờ vận may của Chúa, James) - cảm giác

hơi nước mát lạnh trên mặt hăn vì gió thổi mạnh từ cánh quạt động cơ của chiếc trực thăng. Hăn nhớ lại là đã bay cao cỡ một nghìn feet, trực chỉ doanh trại vòng ngoài ở phía tây căn cứ Phuc Luc (để chiếc trực thăng có thể đổi hướng rồi bay thẳng tới đường băng của bệnh viện mà không cần phải lượn vòng tròn bên trên những căn lều của bệnh viện để bay theo hướng gió thổi) - tay phi công trẻ lái trực thăng thảnh thơi lại ngoái đầu lại hỏi tình hình anh chàng bị thương và đám lính cứu thương đáp, “Cứ khẩn trương lên, Jack!”. Và tay phi công trẻ thảnh thơi lại bay chệch hướng khi qua những đám mây tích khổng lồ của mùa mưa để tránh luồng gió xoáy mạnh, cho trực thăng bay với tốc độ nhanh nhất, James, bay hết công suất cho phép của động cơ.

Paco ngهن cổ để nhìn qua cánh cửa mở của chiếc trực thăng, lúc đó đang là giữa trưa, hăn nhớ lại, tứ phía trước mắt hăn là một bức tranh toàn cảnh những đám mây đông trong ánh nắng rực rỡ - trắng như lông cừu hoặc có màu thép xám, hoặc đen sẫm như bóng đêm. Chúng trôi bồng bềnh trên bầu trời cách mặt đất hàng trăm mét, phồng lên thật hùng vĩ giống như những vũ nữ Tây Ban Nha đứng thẳng người dậy sau tư thế khế nhún đầu gối cúi đầu chào thật thấp, hai cánh tay dang rộng sang hai bên (một hình ảnh choáng ngợp về quyền năng của Chúa mà chúng ta được chứng kiến trên một quy mô nhỏ, James à). Mây cuộn cuộn như sóng đang trôi chậm rãi ở tít mãi trên cao phía trên đầu Paco và những người lính cứu thương; có đám mây di chuyển lặng lẽ; số khác biến thành mưa như trút, những trận mưa tầm tã của mùa mưa biến mặt đất thành bùn nhão nhoét. Tất cả những trận mưa đông đó đột ngột chuyển hướng giống như người mộng du đang leo lên một cầu thang rộng dẫn đến một ban công, Paco nghĩ trong đầu trong lúc nhìn ra bên ngoài chiếc trực thăng - nước mưa trút xuống nhịp nhàng giống như cái đuôi váy dài lê thê làm bằng đăng ten trên bộ áo dài dạ hội bằng vải mỏng tang kéo thành một vệt ở phía sau những thiếu nữ đang say ngủ. Sau đó hăn thấy những đám mây tích giống như những phụ nữ trẻ khắc khổ, tóc xõa, đang đứng rải rác trên một bờ ke bằng đá nhẵn bóng để đợi một con tàu ma, chẳng hạn; tất cả đều úp hai bàn tay nhỏ nhắn sạch sẽ lên cái bụng to lùm lùm; người nọ đứng cách người kia một khoảng cách xa,

trong lúc đó những con chim bồ câu mỡ thức ăn dưới chân họ, tranh nhau những mẩu vụn thức ăn, và mặt trời tỏa hơi nóng ngộp thở lên tất cả.

Ở rất xa bên dưới chiếc trực thăng, rừng già trông mềm mại như bọt biển, như thể Paco có thể thò tay xuống đó - giống như vục tay vào đồng bọt dày màu xanh trong bồn tắm - rồi múc một vốc bọt; Paco tin chắc đó sẽ là thứ bọt có mùi thơm phức nhất. Thịnh thoảng, những tia nắng rực rỡ bắt gặp những mảng màu nước - ruộng lúa và kênh tưới tiêu hoặc những vũng ao quen thuộc nằm ở đằng sau những ngôi nhà tranh hoặc những khúc sông lấp ló dưới tán cây rừng và những hố bom to như những lô đất - ánh sáng phản chiếu vào mắt hắt giống như một tia ánh sáng rất sắc chiếu qua khe hở của một hàng rào gỗ, chói và lóa mắt hơn cả tia lửa ở họng súng. Paco nhìn những chỗ rừng bị phát quang vì những hố bom rộng ngập đầy nước, đoàn xe tải đang chạy trong rừng cây, hắt nhìn những đoạn đường cong và cơn mưa đông - bụi bốc lên ở những chỗ khô ráo trên mặt đường - những chỗ trước đây là bãi đậu xe tăng, bánh xích đã cày thành những đường rãnh trên lớp cỏ mềm ẩm ướt.

Paco và đám lính cứu thương bay trong thứ ánh sáng mờ mờ kỳ lạ, ghé rợn đó, giữa ban ngày, giữa bầu trời sức mùi hơi nước tích điện. Mưa rơi xiên xiên (bụi nước bị hút vào những cánh quạt đang quay), giống như một màn sương mờ mờ; nắng mặt trời như thiêu đốt của buổi giữa trưa lại chiếu xiên về một phía khác làm cho màu sắc và vùng tối được phân biệt dứt khoát và sống động, giống như một khuôn mặt rạng rỡ và sắc cạnh mà ta nhìn thấy qua một chiếc gương trong vắt.

Chiếc trực thăng bay rất nhanh qua khu vực bảo vệ vòng ngoài của căn cứ Phúc Luc, bay qua dãy hầm boongke nóng ngộp ngạt, nòng súng chĩa tua tua lên trời, rồi sau đó rẽ về phía đông theo hướng gió thổi để bay tới khu nhà bệnh viện được xây bằng những bao cát (James, ông có thể nhìn thấy những chữ thập màu đỏ trên rất nhiều mái nhà của khu bệnh viện - không khí bên trong trực thăng đang bay bên trên mặt đất trống và những mái nhà bằng tôn bồng nóng rực và sáng sủa). Hầu hết những người đang làm việc trên đường băng dành cho trực thăng đều ngừng tay ngược nhìn chiếc trực thăng đang lượn bay trên trời - mọi người đều hiểu rõ rằng người duy nhất

sống sót trong trận đánh khủng khiếp của Đại đội Alpha đang ở trên chiếc trực thăng đó, anh ta được bọc trong một chiếc túi đựng tử thi phéc-mơ-tuya kéo đến bụng và anh ta vẫn còn sống (ông có thể hiểu được chuyện như vậy không!), nếu không tay phi công sẽ không tiếp tục bay rất dữ như vậy. Chiếc trực thăng đột nhiên chúc xuống, nhắm thẳng đường băng bé tí nằm ở cuối lối đi tạm lát ván dành cho người đi bộ ở trước cửa trạm phân loại thương binh. Chiếc trực thăng hạ cánh nhanh và dứt khoát xuống bãi đáp. Bác sĩ của trạm phân loại thương binh, lính của bộ phận Nhà xác nom mệt mỏi, mắng sét áo may bằng lụa bóng, và những người đi ngang qua hoặc những người hiếu kỳ, xúm lại để giúp - hoặc chỉ để trở mắt nhìn ngó ngẩn, dĩ nhiên rồi; hoặc để cầu cho tai qua nạn khỏi, có thể như thế, James - họ đưa Paco vào bên trong căn lều tối và ngột ngạt của trạm phân loại thương binh rồi đặt hẳn lên một chiếc cang cao ngang ngực để tay sĩ quan ban kiểm tra - tất cả mọi người đều bàn tán, chụp ảnh.

Bộ phận phân loại thương binh nằm ở phía sau bệnh viện, nơi lính khiêng cang thương binh được đưa từ chiến trường tới, đứng xếp hàng; ai đến trước được phục vụ trước, ông có hiểu không. Một bác sĩ sẽ kiểm tra, phân loại thương binh, so sánh và cân nhắc rồi quyết định ai sẽ vào phòng mổ đầu tiên, ai thứ hai, ai cuối cùng - và ai sẽ bị loại ra. Trong trường hợp cực kỳ khẩn cấp, những ca không thể cứu được nữa sẽ được tiêm thuốc, thường là một liều cao moóc-phin, rồi được chuyển tới khu dành cho người hấp hối và họ bị bỏ mặc cho chết một mình ở đó. Và một khi đã được đưa tới khu dành cho người hấp hối, James, ông coi như đã là người chết rồi - bất kể ông nằm ở đó bao lâu. Nhưng Paco, lúc này là người thương binh vô danh nổi tiếng trong trận thảm sát của Đại đội Alpha, đã được chăm sóc với tất cả sự chu đáo.

Tay bác sĩ, một thiếu tá mặt xanh xao nhợt nhạt, mặc một chiếc áo choàng bờ-lu sạch sẽ được nhét vội vào trong giày ủng dã chiến, khệnh khạng bước vào căn lều phân loại thương binh ngoài trời, chùi tay vào chiếc tạp dề có dính những vết máu giống như bà vợ của một ông hàng cá. Ông ta nhìn Paco và ngay lập tức hiểu rằng hẳn không đủ sức để lên bàn mổ. Ông ta cũng hiểu rằng trạm sắp ngập mặt vì những thương binh khác cũng bị

thương nặng không kém và rất nhiều người trong số họ được chuyển đến từ trận giao tranh đẫm máu tại Cú điểm Francesca ngay sau khi một chiếc trực thăng có thể vượt qua hỏa lực ác liệt từ mặt đất và súng phóng rốc-két, rằng họ - bác sĩ, hộ lý lẫn y sĩ - rất có thể sẽ phải làm việc suốt đêm nay. Thực ra mà nói, James à, những gì đã xảy ra cũng gần như thế. Tay bác sĩ kéo phéc-mơ-tuya của túi tử thi đựng Paco - mùi hôi thối tanh tưởi của những vết thương trên người Paco, từ ruột gan của Paco, bốc thẳng lên mặt ông ta. Ông ta vạch các mép túi đầy máu sang hai bên rồi thò tay vào trong nâng một mẫu vải lên để kiểm tra các vết thương có mủ và những mảnh xương lòi qua lớp da. “Trời đất quỷ thần”, ông ta nói khẽ, “anh ta bị bỏ mặc thế này đã bao lâu rồi? - tên anh ta là gì?”.

“Gần hai ngày”, tay y sĩ có đôi tay khéo léo đáp. “Anh ta là lính của Đại đội Alpha và anh ta vẫn chưa nói tên anh ta là gì, thưa sếp”.

(Chắc đây phải là một trận đánh ác liệt lắm, đám lính cứu thương và hộ lý vừa nói với nhau trong lúc ngó nhìn hẩn, trước khi họ kết thúc đêm bị bõm trong máu).

Tay thiếu tá nhìn kỹ Paco một lần nữa rồi nói, “Tốt rồi”. Sau đó, bởi vì Paco bốc mùi dơ dáy và người dính đầy những bùn đất và mảnh đạn bé tí nên ông ta ra lệnh, “Đưa người này sang phòng bên rồi cọ rửa anh ta thật kỹ”, rồi ông ta buông tay thả mép túi tử thi xuống và chùi bàn tay vào tạp dề - mũi chun lại giống như tất cả những người khác - “Sau đó ta sẽ kiểm tra kỹ anh ta rồi sẽ bắt đầu tiến hành chữa cho anh ta”. Các y sĩ của bộ phận phân loại thương binh tiêm thêm cho Paco một liều moóc-phin, vớ hai chai xà phòng y tế nhãn hiệu Phisohex và một nắm bàn chải cọ rửa, nâng hẩn và cẳng cao lên rồi đẩy sang một buồng nhỏ ở bên cạnh.

Paco nhớ lại tấm rèm cửa bẩn bằng vải cứng được các y sĩ kéo vào, bóng đèn sáng rực treo bằng những sợi dây tự tạo rọi thẳng xuống mặt hẩn, đám y sĩ mồ hôi nhễ nhại, túi rác ở góc phòng xệ nặng vì chứa những đồ bông băng dùng tạm ngoài chiến trường nay đã mục thối - không khí hôi hám ngọt ngào đến nghộp thở. Thật kỳ cục là hẩn còn nhớ cái mùi hóa chất giòn ngọt của xà phòng và tiếng lũng bống của nước bọt xà phòng.

Moócphin khiến cho Paco có cảm giác mê mẩn ấm áp (giống như được ủ ấm dưới lớp chăn dày và cứng) trong lúc họ thoa xà phòng y tế lên ngực và cánh tay của hắn rồi bắt đầu cọ xát. Khi liều moócphin bắt đầu đạt tác dụng cao nhất, Paco chỉ còn một cảm không rõ ràng về một vật gì đang mài, thế thôi, giống như có ai dùng một cái thìa gỗ cùn để moi cùi đầy thớ và hạt của một quả bí ngô chín nẫu; giống như âm thanh lúc người ta chải mạnh miếng vải thô. Hắn nhớ lại lúc đó đầu của hắn lắc lư trên chiếc gối nhỏ bệt gí (được may bằng vải bao bì trong đó nhét đầy bông băng lòng nhùng), và cuối cùng hắn không thể cưỡng nổi cảm giác buồn ngủ dễ chịu sau gần hai ngày thường xuyên ở trong trạng thái chịu đựng và chờ đợi cái chết. (Nó gần giống như giây phút đầu tiên sau khi ông cởi bỏ chiếc ba lô nặng 30-40-50 kg - cái khoảnh khắc lặng đi, tê dại, khó tả khi vai, phổi, thắt lưng của ông dường như nhẹ bỗng và toàn bộ thân người có cảm giác ngứa râm ran, tim đập mạnh, đau nhức, khó chịu - giống như bị tê bại một bàn chân và đùi. Nó giống như rút cục một công việc nặng nhọc đã kết thúc; không phải là kết thúc một cách tốt đẹp, James, mà chỉ đơn giản là đã kết thúc).

Hồi đó dùng xà phòng PhisoHex và bàn chải y tế để lấy những mảnh đạn ra là một thủ tục sơ cứu phổ biến - sự dễ chịu của thương binh chẳng liên quan gì đến thủ tục này và hầu hết đều không được tiêm moócphin, “Phí thuốc giảm đau, Jack!” - dĩ nhiên thủ tục này phổ biến hơn so với việc bắt một lính tân binh của bộ phận phân loại thương binh dùng một cái kéo cắt móng tay, một cái kính lúp và một lọ ô-xy già để nhổ hàng trăm mảnh đạn. Vì thế các y sĩ mặt nhăn nhó vì mùi tanh tươi mặc dù họ đeo khẩu trang, đã dùng kéo phẫu thuật lột từng tí một chiếc túi đựng tử thi bằng cao su màu đen và cắt từng miếng vải quần áo trên người Paco để lau rửa người hắn chuẩn bị cho cuộc phẫu thuật đầu tiên.

Paco thức giấc chắc vào quãng nửa đêm trong ngôi nhà lắp ghép bằng tôn chập chội bắn thiêu nóng ngột ngạt, Phòng Hồi sức, thuốc gây mê đã hết tác dụng nên hắn thấy chân và lưng có cảm giác như kim châm, giống như có người dùng một cái kéo thợ may to như kéo xén lông cừu để rạch - kết, kết, kết (cô y tá trực đêm có bộ ngực căng tròn đang ngồi bên dưới quầng sáng nhỏ của bóng đèn để viết gì đó vào các bảng biểu bằng một mẫu bút

chì) - Paco nghĩ trong đầu rằng nếu một cánh tay hoặc một cái chân bị cắt bỏ thì về sau cái chỗ bị cắt sẽ thường có cảm giác ngứa ngứa hoặc nóng hoặc lạnh. Hắn có cảm giác khăn trải giường căng ra rồi chùng lại dưới người hắn; hắn cảm thấy hắn đang thở. Hắn nghe thấy tiếng côn trùng va phải tấm lưới bằng đồng của cánh cửa ra vào bên dưới ánh sáng điện ở mái hiên, tiếng rít của một chiếc radio ở đâu đó (người ta gọi là “tín hiệu của người chết”), có người đang đi trên lối đi tạm lát ván ở bên ngoài, miếng ván bập bênh trên những vũng nước cạn. Tất cả diễn ra gần như đồng thời với những tiếng rên liên tục, nhịp nhàng, đều đều của một người nào đó - một thương binh khác trong phòng đang thở thật chậm để khỏi chú ý tới một vết thương rất đau đớn. Paco chớp mắt nhìn và gọi thầm, “Này”, chỉ cốt để nghe thấy giọng nói của chính mình - giống như ông tự cấu vào người mình, James, để chứng minh ông là có thật, dù sao cũng đang tỉnh táo và còn sống. Cô y tá có bộ ngực căng tròn đột nhiên ngẩng đầu lên và nhìn dọc lối đi, nhìn nhanh một lượt căn phòng đầy những thân thể khỏe mạnh cường tráng bỗng dừng trở thành tàn phế (trong phút chốc bị cửa cụt chân tay, vỡ hộp sọ, bị cắt một bộ phận cơ thể hoặc bị lôi lục phủ ngũ tạng, hoặc mặt bị phá hủy bởi đạn súng Ak ở tầm gần - viên đạn vẫn nằm trong đầu - mùi mồ hôi hôi hám nồng nặc); rất nhiều chai huyết tương và những ống màu hổ phách treo lủng lẳng; một chiếc quạt cây to đang quay tít ở góc nhà; những chiếc khay bằng thép không gỉ được xếp ngăn nắp trên những chiếc bàn ở đầu giường; những vệt sáng hắt lên trần nhà hình vòm bằng tôn. Ngay sau khi cô y tá bắt đầu để mắt tới mọi người trong phòng thì lập tức tất cả bắt đầu phát ra những tiếng động lách cách, tiếng thở hỗn hển, tiếng huýt gió, tiếng vật gì va đập, tiếng cọt kẹt chói tai, và những người đàn ông bắt đầu giật nảy mình lên hoặc nấc lên, nhưng vẫn đang ngủ rất say. Họ bị mê lử vì thuốc giảm đau nên họ không thể nhìn, không thể nhận ra, không thể nghĩ thấy bất cứ gì ngoài mùi thuốc hôi thối, tằm lợm từ bông băng và máu rỉ ra ở chỗ thịt thối rửa trên mặt đã đóng vảy - mọi thứ dường như ở bên dưới họ, ở đằng sau họ hoặc ở một nơi nào đó hoặc ở lơ lửng trên trời cách xa họ hàng triệu cây số, hoặc ở tít tận tầng trời thứ tám trăm, không thể thăm dò, không thể đi tới, vượt ra ngoài tầm của họ; chỉ có những tiếng vọng. Một người đang nghiêng rằng,

mặt nhăn nhó, mắt trợn lên. Một người khác nằm duỗi người, những ngón chân gập vào bên trong, trán nhăn lại, nheo mắt nhìn như thể anh ta đang đếm những toa xe của một đoàn tàu hàng đang chạy qua. Một người nữa đập chân như thể anh ta đang đập xe đạp và quần quai người giống như người ta rắc muối hạt to lên giường của anh ta, hơi nước phụt ra đều đều từ những cái lỗ trên mặt nạ ô-xy của anh ta. Cô y tá nhìn thấy Paco duỗi thẳng người gây tiếng động sột soạt, hắt đang dùng hai bàn tay túm chặt lấy vải trải giường rồi kéo mạnh để cố nhìn về phía cuối giường chỗ có đôi chân bó bột và băng bó của hắt nom to như cái cột. Cô ta bỏ dở công việc giấy tờ để đi ngay tới chỗ hắt và nhẹ nhàng ngồi xuống sát mép giường. Thoạt tiên cô ta trấn an hắt, nói cho hắt hay hắt đang ở đâu: “phòng hậu phẫu của bệnh viện đã chiến, anh vừa trải qua một cuộc phẫu thuật, anh sẽ còn phải mổ nữa, nhưng anh đã qua khỏi rồi”, cô ta nói rồi đưa cho hắt một cốc nước ấm ấm, tay giữ chặt cái cốc giấy cao trong lúc hắt hút mạnh qua cái ống hút bằng nhựa; bao giờ Paco cũng nhớ nhất cái giọng rất trầm, rất nữ tính của cô ta. Cô ta hỏi, “Tên anh là gì? Nói cho tôi biết tên anh là gì”. Hắt nói tên của mình nhưng hắt phát hiện ra rằng hắt chỉ có thể nói được có vậy, và đúng lúc ấy hắt cố dùng các đầu ngón tay túm lấy quần của cô ta - hai bàn tay của hắt bị những vết rạch sâu, thâm tím, bóng rộp, được băng bó chặt. Hắt muốn hỏi cô ta xem tất cả những thương binh này là ai; có ai thuộc Đại đội Alpha không, có bất cứ ai thuộc Cứ điểm Harriette hay không? “Không”, cô ta đáp rành rọt, đoán được ý của hắt, “họ ở Cứ điểm Francesca. Anh là người duy nhất ở Harriette”. Paco buông tay cho người rơi trở lại về phía sau, vẫn tiếp tục băn khoăn về chuyện này, nghiền ngẫm nó. Cô ta tiêm cho hắt một mũi moócphin nữa - tay bác sĩ giải phẫu đã chỉ thị cho phép tiêm cho hắt nhiều mũi nhưng không nhiều quá bởi vì nếu thẳng nhãi đó mà nghèo thì bất cứ thẳng khốn có thẩm quyền chỉ huy cũng sẽ chửi ông ta và sự nghiệp của ông ta sẽ gặp rắc rối không thể cứu vãn. Rồi cô ta kéo lại cái khăn trải giường cho phẳng (mùi da thịt thơm) - Paco bao giờ cũng nhớ lại cái mùi xà phòng nhàn Ivory của cô ta và khuôn mặt tươi tắn của cô ta trong căn phòng sáng mờ mờ và chiếc áo choàng ôm chặt lấy cơ thể khi cô ta di chuyển. Cô ta tháo những chỗ bông băng đã khô cứng (Paco bị thôi miên vì những tiếng kêu rắc rắc

của bông băng khô cứng, rất nhiều bông băng đã khô cứng) rồi cô ta lau khắp người hấn bằng một chiếc khăn tắm nhỏ mềm nhúng trong một cái chậu nông nước được lấy từ tủ nước đá của phòng hồi sức. Cô y tá bắt tay vào việc bằng sự bình thản và kiên trì dịu dàng của những phụ nữ hiểu rõ nhu cầu và tác dụng của sự âu yếm thể xác - cảm giác thích được đụng chạm âu yếm và ân cần nhiều lần giống như một sự vuốt ve - cô ta lau sạch người hấn từng tí một bằng chiếc khăn mát lạnh và đôi tay ấm áp. Ngay sau khi cô ta vừa bắt đầu, Paco đã bị cứng (chẳng có gì là bất thường cả, James; dù sao chúng tôi đã ở ngoài chiến trường gần bốn mươi lăm ngày và trước đó nhiều tháng trời Paco không hề ngủ với đàn bà). Cô y tá lau vùng bụng của Paco và nhìn thấy cu của hấn dựng đứng (bị bó chặt bằng khoảng hơn một chục đường khâu thắt nút); Paco rất bối rối - người phụ nữ này là một y tá, dù sao thì cũng là một người lạ, một viên chức, khỉ gió thật!), nhưng cô ta đã làm hấn cụt hứng bằng cách vỗ nhẹ móng tay gần chục cái vào dương vật của hấn - giống như cô ta búng ngón tay vào xơ-ranh chứa moóc-phin để gạt bỏ bọt không khí, chỉ có điều mạnh hơn. Cô ta rửa mặt và tai cho hấn, dùng ngón tay và bàn tay vuốt ngược tóc hấn ra phía sau. Cô ta thay băng các vết thương của hấn, kéo chăn lên tận cằm hấn và hấn nhanh chóng ngủ thiếp đi. Buổi sáng hôm sau, trước giờ điểm tâm, tay thiếu tá (nom rất mệt mỏi) đi một vòng lần lượt các phòng - trong bộ quần áo bác sĩ sạch bong, trước tiên ông ta kiểm tra Paco và khoảng hơn chục thương binh khác. Cô y tá ngực căng tròn, một tay đặt trên thành giường của Paco, đã bình thản nêu ý kiến rằng cô nghĩ anh chàng trong vụ tàn sát Đại đội Alpha sẽ qua khỏi (không nhân viên nào của bệnh viện gọi hấn bằng cái tên thật). Và dần dần, mỗi ngày một, sức khỏe của hấn khá hơn mặc dù trong nhiều tuần lễ hấn vẫn tiếp tục đi ra thứ phân sền sệt màu đen.

Một tay quỹ sứ nào đó đã nhét những mảnh đạn (những mảnh kim loại nom giống như vỏ bào và có màu như cùi dừa), những viên đạn méo mó, những vỏ đạn bằng đồng bị xé rách nham nhở, những mẫu xương mà các bác sĩ không thể gắn trở lại - tất tậ - vào trong một cái lọ có nắp rồi giúi vào trong đồng hồ dùng cá nhân ít ỏi của Paco (được tìm thấy từ hành trang của hấn tại Đại đội Alpha) được cất bên dưới cái bàn ở đầu giường. Nhiều tuần

sau đó, trong lúc tìm kiếm đồ của mình, Paco lần đầu tiên nhìn thấy cái đồng hồ lớn đó, nó đã khiến hần nhớ lại những cái đĩa nông người ta dùng để đựng những vật lưu niệm nho nhỏ rẻ tiền, trong đó đựng đầy những cái ghim cài áo, cúc áo và những linh tinh khác mà người ta giữ lại đơn giản chỉ vì lý do tình cảm. Paco dĩ nhiên đã giữ lại cái lọ đó.

Cô y tá trực đêm chăm sóc hần chu đáo, chuyện trò với hần, che chở hần trước những nhân viên thiện nguyện của Hội Chữ Thập Đỏ và cha tuyên úy của lữ đoàn. Từ chiếc ghế của cô ta tại vị trí trực của y tá ở đầu kia của căn phòng, cô ta quan sát hần ngủ, hằng tối tắm rửa cho hần bằng chiếc khăn mềm mại duy nhất và lần nào cũng đem lại tác dụng dễ chịu như nhau. Rồi một tối, không lâu sau khi hần tới đây, trong lúc cô ta đang tắm cho hần, cô ta lau sạch xà phòng trên tay rồi kích thích cho hần cương cứng. Dương vật của hần, chi chít những mũi khâu, ngồng lên giữa hai đùi của hần kèm theo những động tác giật giật thật nhanh - cu của hần cương cứng lên nom thật rắn chắc và đẹp, mặc dù trong trạng thái hoa mắt vì moóc-phin, hần chỉ cảm nhận được một sự viên mãn rất đặc biệt. Người phụ nữ đó một tay cầm dương vật của hần còn tay kia vuốt ve bụng hần, cúi xuống dùng lưỡi liếm xoay tròn đầu dương vật (nó bóng lên như một quả mận ngâm dầu) và dùng những đầu ngón tay ấm áp từ từ xoa nhẹ nó càng lúc càng nhiều (những vết khâu bị kéo căng ra khiến hần đau nhói). Hần đặt hai bàn tay của mình lên đầu của cô ta rồi luồn những ngón tay vào trong mớ tóc cắt ngắn - hần thấy mê mê trong lúc tận hưởng khoái cảm tuyệt vời (giống như một cơn đau răng nhẹ). Cô ta xóc lọ cho hần rất lâu, hần cảm thấy sự ngập ngừng, sự khẩn cấp khủng khiếp không thể tránh khỏi. Cô ta cũng nhận ra điều ấy (hần thót cơ hông bên dưới vải băng bó), với tay lấy một miếng bông to rồi đặt nhanh lên đầu dương vật của hần. Khi hần đạt tới cực khoái, cảm giác sung sướng cứ thế kéo dài mà hần không sao kìm nổi. Cô ta lau người cho hần, rắc phấn vào bẹn hần, và Paco cảm thấy dễ chịu bất chấp những mũi khâu - hoàn toàn dễ chịu.

Rồi một buổi tối Paco bất ngờ được đánh thức nhẹ nhàng bởi hai bác sĩ to cao, hần được gây mê bằng một mũi moóc-phin ngoài kế hoạch, được đặt lên một chiếc cang của phòng hồi sức rồi được đưa lên một chiếc trục thăng

UH-1 bình thường đang đợi, nhấp nháy đèn, trên bãi đỗ của trực thăng cứu thương, rồi được chở tới căn cứ Tân Sơn Nhứt ở ngoại ô Sài Gòn cùng với tất cả mọi thứ trên người hấn - các vết thương bó bột, các chai huyết tương, các ống dẫn và những thứ khác. Paco và một số thương binh nặng khác, cộng với hai gã mà họ phải đợi hơn hai tiếng đồng hồ, được cột chặt vào những chiếc giá ba tầng trong ánh sáng điện đỏ mờ mờ của khoang chở hàng rộng rãi, được tiêm thêm một mũi liều cao moóc-phin thứ hai rồi được chở tới những bệnh viện ở Nhật Bản, ở đó họ có thể được chữa trị, được lắp các bộ phận giả và cấy da tốt hơn, đại loại thế; ở đó họ có thể dưỡng bệnh trong sự tiện nghi tối đa và sự yên tĩnh tuyệt vời. Trong suốt chuyến bay, những cái tủ sắt liên tục bật tung cửa rồi lại đập mạnh, chiếc máy bay xóc, lắc và rung giống như hàng ngàn mũi kim châm vào người. Paco nằm trên cáng, hai cánh tay áp chặt vào hai bên sườn, bàn tay nắm chặt đặt trên háng. Hấn nghiêng rãnh, xoay đầu sang hai bên để làm dịu cơn đau và ráng hết sức chịu đựng (giống như những thương binh kia) trong sự im lặng đau đớn. Thời gian bay là đúng năm tiếng đồng hồ không kém một phút. Hai trong số những thương binh trên chiếc máy bay đó, họ được cứu trong một trận đánh ác liệt gần Ban Mê Thuật, khóc thút thít, sau đó đã chết vì chảy máu bởi vì các bác sĩ không thể cầm máu các vết thương đang thấm qua tất cả mọi thứ - vải băng bó tại trận địa và vải băng bó tại bệnh viện, chiếc chăn bé tí và vải bố của chiếc cáng - máu có màu óng ánh.

Một tối trong bệnh viện ở Nhật Bản, một đại tá bốn sao có khuôn mặt xanh xao từ đại bản doanh của bộ chỉ huy cố vấn Mỹ của Tướng Westmoreland tại Sài Gòn, theo sau là một đoàn gồm những bác sĩ hiệu kỳ và những cô y tá hạnh kiểm tốt, đã tới buồng của Paco để trao cho hấn những tấm huy chương - một huy chương Trái tim Tím⁴³[1] và một huy chương Ngôi sao Đồng⁴⁴[2]. Viên đại tá đeo một chiếc nhẫn cưới to tướng, tay áo xắn gọn gàng bên trên khuỷu tay, quần nhà binh may đo vừa vặn nhét gọn gàng trong đôi ủng dã chiến đánh xi bóng loáng. Paco vẫn bị băng bó từ đầu đến chân, chân và hông của hấn được giữ bất động bằng những khuôn thạch cao cứng. Đại tá cúi xuống đầu giường - các bác sĩ xen vào để tháo bớt một vài chỗ băng bó quanh đầu Paco - và mắt của ông ta đột nhiên để lộ ra

vẻ sừng sốt khi các bác sĩ lần lượt tháo những chỗ băng bó và đại tá đã nhìn thấy những vết thương của Paco. Đột nhiên ông ta thấy lúng túng, ông ta mở chiếc túi da nhỏ rồi đặt hai hộp huy chương lên trên chiếc bàn ở đầu giường. Ông ta túm một ít vải trên bộ pijama bệnh viện của Paco ở chỗ túi áo ngực rồi luồn cái đinh ghim của huy chương Trái tim Tím xuyên qua đó và gài nó lại. Bàn tay sạch sẽ, móng tay được cắt sửa, tỏa ra mùi thuốc lá tẩu dặt tiền phong vị đồng quê. “Vì những vết thương đã phải chịu đựng”, ông ta nói bằng một giọng nhỏ nhẹ và đều đều, vừa vặn đủ to để tất cả mọi người trong buồng đều nghe thấy. Sau đó ông ta cầm lấy chiếc huy chương Ngôi sao Đồng. “Vì lòng dũng cảm đặc biệt”, ông ta nói, nhắc lại một câu nói chính trong những lời tuyên dương, rồi cài chiếc huy chương khiến nó bị oằn xuống bên cạnh chiếc huy chương kia đến nỗi mọi người trong căn buồng chỉ chiếu sáng vừa đủ rì rầm bình luận về nỗi hai chiếc huy chương đã bị treo lủng lẳng nom rất kỳ cục trên những chỗ băng bó trên người hăn. Đại tá cúi xuống thấp hơn nữa, hơi ghé người Paco xuống tấm đệm, và thì thầm điều gì đó vào tai hăn. Paco không sao nhớ nổi ông ta đã nói gì khi ấy mặc dù nhiều lần hăn đã cố suy nghĩ tìm hiểu, nhưng bao giờ hăn cũng nhớ lại cái hơi thở âm ẩm phả vào đầu và tóc của hăn. (Lúc ấy hăn nhớ lại rất rõ những ngày hăn còn bé và những buổi tối nọ cha hăn đi chiếc dép lê bằng da và mặc chiếc quần ngủ rộng thùng thình bước vào phòng ngủ của hăn đã tắt đèn, lặng lẽ ngồi xuống mép giường và hát cho hăn ngủ bằng giọng thì thầm khàn khàn:

*Ông ba bị đến kìa,
Bước chân nhẹ nhàng,
Nhón chân đi vòng quanh,
Bàn tay bé nhỏ rắc cát,
Vào đôi mắt những em bé đang buồn ngủ.*

Paco nhớ lại bàn tay ấm áp và rắn chắc của cha lúc ông xoa lưng cho hăn, và bài hát của ông bao giờ cũng dỗ hăn ngáp vì buồn ngủ, và cái cách cha cúi xuống để hôn hăn khi ông hát xong).

Đại tá vung về chạm tay vào những dải ruy-băng, hai chiếc hộp nhỏ và những tờ giấy lụa ghi lời tuyên dương, đôi mắt của người đàn ông đó ươn ướt khi ông đứng dậy để rời khỏi căn buồng, ông chào Paco “Tạm biệt, anh trung sĩ”, theo sát ông là các bác sĩ và y tá.

Đó là lý do Paco không bao giờ vứt những chiếc huy chương đó hoặc đem chúng tới hiệu cầm đồ mặc dù rất nhiều lần hắn định làm thế và mặc dù những tấm huy chương đó là những vật hoàn toàn vô giá trị - Quân đội phân phát chúng như bông ngô, ông có hiểu không, giống như những tấm vé dùng lại khi một trận đấu bị hoãn do thời tiết xấu. Hắn vẫn giữ trong lòng hồi ức về cái hôn và câu nói thì thầm hôm đó. Hắn vẫn còn giữ những chiếc huy chương, chúng được đặt trong bộ đồ cạo râu nằm trong chiếc túi xách nhà binh để ở bên dưới ghế ngồi trên chiếc xe cứu hộ của trạm xe buýt Texaco - những chiếc hộp đựng huy chương dính đầy bọt cạo râu, ngấm mùi nước thơm xoa mặt rẻ tiền và hai tờ giấy tuyên dương bị gấp làm tám như những vỉ diêm nhỏ.

Paco vào thành phố

Anh chàng thợ máy lái chiếc xe cứu hộ đi vào quốc lộ tiểu bang hai làn rồi chạy về hướng ngoại ô của thị trấn, đi qua những ngôi nhà một tầng thanh nhả, được xây chắc chắn, và những xe moóc cắm trại loại nhỏ nom sạch sẽ và đỗ thành hàng lối. Anh ta cho xe rẽ vào bãi đỗ xe rộng rãi sỏi nhỏ của quán *Tender Tap* của Rita, ngay trước mặt là cây cầu bắc qua sông, xích kéo, xà beng và những dụng cụ nặng khác phát ra những tiếng kêu loảng xoảng ở thùng sau của xe.

Ồ, quán của Rita nom giống như rất nhiều quán rượu ở ven những xa lộ trên thế giới rộng lớn này - một con đường nhỏ nứt nẻ dẫn vào quán, những bụi cây thấp ở mặt tiền, cửa sổ kính màu với những biển quảng cáo nhãn hiệu bia bằng đèn neon nhấp nháy, và một tờ đề-can hình chiếc cốc lớn dán trên kính ở cửa trước - một hình nhân lùn gầy còm cười nhả răng ngớ ngẩn, mũi giống như tay nắm cửa, đôi mắt ốc nhồi nhìn hiêng hiếng, hai má tròn đỏ ửng lấm tấm mụn trứng cá, tay cầm một tờ giấy cuộn ở góc trên và góc dưới (giống như một bản tuyên bố, James à) ghi thế này:

CỜ TRẦN
KHÔNG ĐI GIÀY
MIỄN PHỤC VỤ

Ai đó đã viết ở bên dưới:

MIỄN PHỤC VỤ HƯỚNG ĐẠO SINH

Và một người nào đó đã viết thêm ở bên dưới:

MIỄN PHỤC VỤ CỨT

Đỗ trong bãi đậu xe là những chiếc Old⁴⁵[1], Merc, Buick và Caddy (tất cả đều bị xếp nhíp sau), những chiếc Chevy bị gở lỗ chỗ, những chiếc xe tải nhỏ cũ kỹ, những chiếc xe tải nhỏ kín dùm cho việc giao hàng, và cuối cùng nhưng không phải là kém quan trọng, là hai chiếc xe ben tự động của các nhân viên quản lý đường bộ của quận Wyandotte có bộ phận rắc cát⁴⁶[2] vẫn còn gắn ở phía sau.

Chuck, anh chàng thợ máy, đỗ xe vào bãi. Paco cầm lấy chiếc túi xách nhà binh, ngỏ lời cảm ơn vì anh ta đã cho quá giang xa đến thế, rồi định đi về phía cây cầu. Nhưng tay thợ máy, không phân biệt được thế nào mới là đủ, năn nỉ được đãi Paco một cốc bia, vừa nói vừa kéo tay hắn, “Đi nào, ông bạn. Tôi chỉ vừa giúp anh thôi mà. Vào đi”.

Đúng lúc ấy trời bắt đầu mưa lác rắc nên Paco chịu thua lòng hiếu khách và cả hai cùng đi vào quán của Rita.

Bao giờ cũng có thể đoán được những khách quen nếu nhìn vào những gì đậu trong bãi đỗ xe. Những người chào hàng tới để quảng cáo bộ dụng cụ sửa xe Snap-on, radio gắn trên xe hơi, Kinh Thánh và những tài liệu khác liên quan đến đức tin (*Tìm thấy Thượng đế, Làm sao để thoát khỏi những bất hạnh trong cuộc sống, Hãy cư xử tự nhiên với Đấng Giê-su!*)-, họ uống whiskey không pha. Những kẻ thất bại tay trắng và những thợ công nhật vô tích sự đang trên đường tới California hoặc Nevada hoặc Oregon hay Alaska để thử nốt vận may cuối cùng; họ uống bia Mỹ loại rẻ tiền nhất ở quán của Rita. Những gã ném tiền trợ cấp cựu chiến binh vào những đêm chơi bài poker, họ đang trên đường tới Florida kiếm một miếng đất rẻ như bùn để “đầu tư”; họ uống Jack Daniel's⁴⁷[1] bỏ thêm nước. Những kẻ đầu cơ ít vốn, họ coi phong cảnh miền quê chỉ như của cải và tiền bạc tiết kiệm để dưỡng già - hãy năng nhặt chặt bị, Jack, rồi té nhanh; họ uống whiskey với đá ở quầy ba. Chưa hết, còn có hai chiếc xe tải chở đầy những gã nhà quê của hạt quản lý đường bộ của quận Wyandotte, họ có tác phong nhanh nhẹn nhưng lười nhác, bao giờ họ cũng ngồi ở quán của Rita một tiếng trước khi hết ca làm rồi phóng nhanh về ga ra để chấm công. Họ ngồi tì hân bụng vào quầy ba, nốc bia hơi Pabst Blue Ribbon rút từ vòi hoặc bia chai Hamm's, khoe

những chiếc nhẫn đeo ngón út, chùng đôi giày ủng bảo hộ cao trên đầu gối nom rất mới và ngẫu giống như giày kỵ mã, dây giày giống dây của giày leo núi, và áo gi-lê bảo hộ (một mặt là màu ngụy trang còn mặt kia là màu da cam phản quang). Họ đem theo những túi nhỏ bằng da đựng thuốc lá sợi hoặc bánh thuốc lá sợi nhãn Day's Work, Red Man và Mail Pouch hoặc thuốc lá bột để hít đựng trong hộp thiếc. Tất cả đều đội mũ lưỡi trai giống mũ của người chơi bóng chày - mũ mới tinh trên có in logo của trang trại De Kalb, một con heo cười toe toét hay một con gà trống giống lơ-go hay một bắp ngô vàng rộm đang bay.

Tất cả khách trong quán đang uống bia hoặc một đồ uống khác, nhắm nháp bỏng ngô được hâm nóng lại, Beer Nuts^{48[2]} hoặc Slim Jims^{49[3]}, và chọc ghẹo Rita, một phụ nữ cao lớn khỏe mạnh để đầu xù, mặc bộ quần áo đồng phục màu đỏ và đen của người chạy bàn, và có một “cặp vú to và đẹp”, đám nhà quê đó sẽ nói với ông như vậy, James. Rita rất biết cách ve vãn người nổi nhất trong đám, cô ta ngả đầu ra phía sau và dùng hai bàn tay đập đập vào chỗ hõm trên ngực, cười phá lên rồi nói, “Ôi, George Luntke! Ôi, Georgie, ông đúng là một gã rất giỏi chòng ghẹo! Đúng là một thằng cha mắc dịch!

*Georgie Porgie, bánh pút-đinh và bánh nướng,
Hôn các cô gái rồi làm họ khóc...*^{50[4]}

Cô ta nói một câu bắt chước vần của bài thơ, “Sao, ông cũng có kém cạnh gì, lão già hư đốn”. Rita đùa với bất cứ ai, khách quen hay khách lạ. Cô ta biết cách xoay tiền bo của khách, biết cách làm cho người khác mời mình những ly rượu pha thêm nước hoặc biết cách đãi tất cả khách trong quán một châu rượu nhân sinh nhật một người nào đó (hoặc một dịp được phía ra) để khuyến khích khách uống rượu.

Ở phía trên đầu của Rita phía sau giá để cốc chén, có một bóng đèn chiếu sáng trưng mọi thứ trong quán - rượu đang rót, đồng hồ đeo tay, tóc sạch sẽ, nhẫn, bùa, vòng bằng vàng tây, bút máy cài túi áo, sơn móng tay, cổ áo hồ bột cứng óng ánh, và gổ ốp trang trí ở nhiều chỗ. Đám nhà quê đang

ngồi với nhau ở góc cuối quầy ba để chơi trò súc sắc ăn bia, niềm nở chào Chuck và tiếp đón Paco bằng cái nhìn lạnh lùng. Ngay sau đó họ hỏi Chuck về Duck, người thợ máy kia. Họ chọc ghẹo Chuck về việc chỉ vì hai đốt ngón tay trầy da thôi mà làm như chuyện ghê gớm lắm khi anh ta giơ bàn tay của mình cho Rita xem hồng xin một chút tình thương mẫu tử và sự chăm sóc không cần thiết.

“Tộ... nghiệp thằng bé Chuckie”, một người trong đám nhà quê (mặc một chiếc áo bằng vải len màu xanh pha xám) ca bằng một giọng thiếu nảo. “Bị đau mấy ngón tay xinh xinh. Nên không thể sờ soạng bằng ngón tay bằng bố xấu xí kia”, gã đó làm điệu bộ xúc động, dựa người vào quầy rượu, liếc nhìn những gã nhà quê còn lại. “Nếu cô nàng nhìn thấy rõ cái của khi đó giữa thanh thiên bạch nhật, cô ta sẽ nói, “Ôi, Chuckie-wuckie, kinh tởm quá! Hãy ngoan ngoãn đút cái đó vào túi quần như một cậu bé ngoan nào. Em chỉ thích lăn lộn với anh trên cỏ khô, cậu bé của em ạ, nhưng tối nay anh có cái giẻ rách ấy trên ngón tay, anh yêu. Gọi cho em khi nào anh chữa khỏi tay nhé?”. Gã mặc áo vải len đập tay xuống mặt quầy ba, xoay tròn người trên ghế đầu, vốc quân súc sắc rồi uống cốc bia của mình trong lúc những người khác cười phá lên. Ngay cả Chuck cũng cười, anh ta đã quen với việc mình là mục tiêu của những câu đùa và trò chơi khăm của họ.

“Mình giống hệt một gã tân binh dẻo nào đó”, Paco nghĩ thầm trong lúc duỗi một chân lên trên một chiếc ghế đầu và móc cây gậy lên trên quầy ba. Hãy gọi một cốc bia, uống xong và đợi trời tạnh thì lên đường.

Một gã ngồi ở giữa quầy ba cười toe toét vì trò đùa nói trên, ném một ít tiền lẻ lên mặt quầy giữa những cốc uống bia, khăn ăn và những chỗ rượu bị đổ ra trên mặt quầy và đề nghị đãi anh chàng ấy một ly “whiskey đích thực để hấn có thêm can đảm” khi người ta mỗ bàn tay của hấn một lần cho mãi mãi. Rita nhấn vôi lấy bia cho Paco và anh chàng thợ máy sau đó đi vào trong để tìm bộ dụng cụ sơ cứu. Một gã nhà quê khác, gã có yết hầu nhọn như cái khuỷu tay, hát hăm về phía Paco trong lúc nói bằng giọng vừa lịch sự vừa hăm dọa, “Ê, Chuckie, bạn cậu là ai thế?”.

Paco lấy ngón tay lau cốc bia đầm hơi nước. “Tên tôi là Paco. Vừa đến đây bằng xe buýt. Tìm việc làm; các anh có biết chỗ nào không? Tìm một

chỗ để ở lại”. Đó là tất cả những gì hắn nói, hắn nghĩ trong đầu, “Hãy trả lời thẳng, nói bằng một giọng bình thường, uống hết bia đợi trời tạnh thì ra khỏi đây”.

Gã có vết hằn nhọn nhoài người trên mặt quầy chỗ bóng đèn rọi xuống và nói, “Cút lăm, ông bạn ơi, cứ việc đi tìm cho đến khi mòn gót giày. Người ta nói thế nhỉ?”

“Anh định nói là ở đây không có việc làm?”, Paco hỏi.

“Không có việc làm ở cái chốn khi ho cò gáy này đâu, không có đâu, tôi nói thế đấy. Không đúng sao?”, anh ta nói rồi nhìn những gã nhà què khác trong đội của mình. Ai cũng sẽ nói như thế. Cái xưởng đúc phò phạch thì sớm muộn sẽ đóng cửa bất cứ lúc nào. Tuyến đường sắt trước đây tuyển dụng bất cứ thằng vô công rồi nghề tàn tật nào mà họ bắt gặp trên đường” - gã đó chợt nhìn thấy chiếc gậy của Paco, ai trong quán cũng đều nhìn thấy - “thì ngay cả họ bây giờ cũng trở nên kén cá chọn canh và hầu như chẳng tuyển dụng người nữa. Gã Fisher của xưởng Griffin cứ mỗi kỳ trả lương lại sa thải một đồng công nhân”. (Tất cả những lời khuyên này, James, là của một anh chàng suốt đời - cách này hay cách khác - sống bằng trợ cấp thất nghiệp và anh ta có được công việc tại hạt quản lý đường bộ của Quận là nhờ ông cậu của anh ta. Trong ba mươi năm tới anh ta sẽ xúc cát, muối rắc đường để làm tan tuyết và nhựa đường trên thùng sau của một chiếc xe ben bằng một cái xẻng cán dài - với mức lương phổ thông, dĩ nhiên. Và nếu anh ta cư xử tốt và được mấy ông bạn chí cốt của ông cậu chấp nhận, một ngày nào đó anh ta sẽ được giao một chiếc xe tải hạng nặng hoặc chiếc máy xúc hoặc thậm chí một chiếc xe lu - với mức lương phổ thông. Và anh ta sẽ có một cuộc sống nghỉ hưu tử tế chẳng kém cạnh ai, với một cái bụng phệ nhưng chưa bao giờ trong đời anh ta lao động trung thực lấy một ngày).

“Đây là lời khuyên của tôi”, gã đó nói trong lúc lấy một nhúm to sợi lá bạc hà đặt xuống dưới lưỡi, “hãy quay lại Texaco ngay rồi lên chuyến xe buýt đầu tiên để đi khỏi đây, hãy đi thật xa chừng nào mà anh vẫn còn tiền để làm điều ấy” - đó chính là cái cách mà Paco đã làm để đi tới tận nơi này, James à.

Và tất cả những điều này diễn ra trong lúc Chuck đặt bàn tay của anh ta lên một chiếc gạt tàn thủy tinh còn Rita liên tục đổ từng cốc dung dịch ô-xi già lên những đốt ngón tay chảy máu dơ dáy của anh ta. Chuck nhìn trân trân về phía trước, nốc từng cốc bia với sự tập trung đặc biệt. Paco nhìn anh ta giữ bàn tay thẳng dơ trên chiếc gạt tàn, dung dịch ô-xi già sủi bọt. Hẳn lịch sự tới mức khoa trương và chẳng hứng thú gì khi nghe gã nhà quê đó nói, hẳn để ý nhiều hơn tới cơn đau đang tăng dần khiến bụng hẳn nóng rực và cơn đau lan dần sang vùng thắt lưng, hẳn từ tốn uống cạn cốc bia (trong lúc nghe những dấu hiệu báo trận mưa đang yếu dần) - cơn mưa ngớt không hề làm cho cơ thể của hẳn dịu đi, ông có hiểu không - đôi mắt của hẳn lơ đãng và mệt mỏi vì chuyến đi bằng xe buýt. Đột nhiên hẳn cảm thấy thực sự ngộp thở vì mùi rượu trong quán; hẳn cảm thấy cơn mưa yếu dần rồi tạnh hẳn. Hẳn cầm lấy đồ của mình lên rồi đi về phía cửa ra vào, cảm ơn anh chàng vì lòng mến khách; hẳn nghĩ thầm trong đầu, “Rồi mày sẽ thấy phát bực vì những con người này!”

Không khí ngoài trời mát lạnh và ẩm ướt nhưng có điều gì đó khiến người ta có cảm giác mặt trời sắp xuất hiện. Paco đi quanh co giữa những chiếc xe hơi đang đậu, hẳn định đi qua cây cầu để vào thị trấn nằm cách đó không đầy ba trăm bước. Hẳn gượng cười nhả nhó vì cơn đau lại xuất hiện, mỗi lúc một tăng vì thuốc đang dần dần hết tác dụng; hẳn tự nhủ “Mày có hai việc phải làm trước khi trời tối, tìm việc làm và một chỗ ngủ; bất cứ công việc mắc dịch nào, tất nhiên, kể cả việc làm công nhật rẻ mạt, và một chỗ để ở lâu dài chứ không phải là một chỗ tá túc”. Tôi đã phát ớn vì những chỗ người ta cho tá túc, phát ớn vì ngủ ngoài trời có bao nhiêu quần áo đều quần hết lên người, mẹ kiếp ông có thể tin như thế đi; phát ớn vì những vựa cỏ ẩm mốc gây ngứa ngáy, những bệnh viện (những nơi người ta cho phép ngủ nhờ), và những nhà trọ tập thể bẩn như cứt, nồng nặc mùi thuốc diệt gián.

Không khí quanh hẳn đượm mùi nước mưa bốc hơi từ mặt đường rải nhựa màu thép xám - mùi thơm nhẹ nhẹ dễ nhận thấy của mặt đất ẩm ướt - những tán lá lấp lánh nước mưa làm lóa mắt hẳn, hơi lạnh ngấm đều đều vào giày và bàn chân đau nhức của hẳn. Paco rào bước đi về phía chiếc cầu

khung thép mảnh khảnh nom như tấm mạng nhện (ngành kỹ thuật gọi đó là cầu khung thép kiểu Howe, ông có hiểu không) - mặt đường đi trên cầu được rải nhựa đường dày hơn một foot^{51[1]} và nước chảy xuống rãnh thoát nước trông giống như nước bùn bị đóng băng. Những bộ phận bằng sắt nhằng nhịt nhau - dầm kéo, dầm xoắn và những thanh giằng ngang ở bên trên trông giống cái lưới mắt cáo - được thiết kế rất thanh thoát. Cây cầu đã cũ - được cạo gỉ rồi sơn lại rồi lại cạo gỉ rồi sơn lại nhiều lần đến nỗi tấm biển ghi tên nhà thầu không thể đọc nổi và không thể đoán nó được xây vào năm nào. (Lão già Cruikshank sống ở bến tàu ở Andresen ở phía hạ du sẽ kể lại rằng hồi còn bé ông từng là cậu bé xách nước cho đội thi công cây cầu này. “Đó là năm 1904, cùng năm đó xưởng đúc bắt đầu chế tạo những nồi hơi và những bộ phận khác cho tuyến đường sắt”).

Bao giờ Paco cũng nhớ lại lúc đi bộ qua cây cầu này, James, với thị trấn nằm ở ngay trước mặt. Ngay bên dưới, cách chừng tám đến mười mét là cái đập ngăn lũ cao và vững chắc (giống như những công trình công cộng được xây trong những năm 1930). Nước tràn qua bề mặt của con đập xây bằng đá và bê tông, nom giống như một tấm khăn, một hành trình lặng lẽ, không thể cưỡng lại, một ánh sáng phản chiếu lấp lánh như ánh bạc, mềm mại, không thay đổi, và tiếng của hàng ngàn lít nước điên cuồng đổ xuống dòng sông, như thôi miên hoặc giống như trong một giấc chiêm bao, cứ ngân mãi trong ký ức của Paco. Ở phía bên phải, xa tít về phía thượng du hắt hắt chỉ nhìn thấy một vùng nước sâu rộng mênh mông, mặt nước phẳng lặng, lung linh giống như chân trời trên một sa mạc nóng bỏng. Những cây thích và sồi, cây sung Ai Cập, cây óc chó và những bụi liễu già rậm rạp rủ xuống mặt nước. Ở phía hạ du, dòng nước xoáy mạnh khi chảy qua lòng sông có những rạch đá; dòng sông tách ra, xòe ra thành nhiều dòng chảy giống như một hình tam giác giữa lòng sông có sỏi to như nắm tay hoặc mỏng như miếng bánh quế, những dòng nước đó chảy chậm rãi qua lòng sông lác đác sỏi đó rồi lại nhập lại với nhau làm thành một dòng chảy thẳng băng chảy qua chỗ nước sâu tới thắt lưng giữa những mố cầu xây bằng đá của chiếc cầu đường sắt xấu khủng khiếp kia. Sau đó dòng nước bắt đầu chảy xiết, sủi bọt, mất hút trong

khu rừng rồi tiếp tục băng qua những đồng cỏ gia súc mọc rải rác hoa cỏ và khu rừng cây lấy gỗ rậm rạp hơn.

Dòng nước dâng lên rồi cuộn cuộn đổ xuống làm bốc lên một màn sương mù dày đặc. Đúng vào lúc ấy Paco đột nhiên thấy có cảm giác ớn lạnh và hân hoan có một trực cảm - một linh cảm thực sự, James à - về việc hân sẽ cảm thấy thế nào khi trở nên rất già.

(Thình thoảng sương mù bốc lên từ mặt nước sỏi bọt tạo ra một cầu vồng ở phía xa - bao giờ cũng vào buổi sáng, khi ánh sáng tạo ra một góc vừa đủ. Cái cầu vồng ấy, chắc chắn và tráng lệ như cột⁵²[1], quét lên bầu trời một hình vòng cung duyên dáng rồi biến mất sau những thanh dầm bằng sắt bên dưới có những con dơi treo người bám vào đó và những tổ chuột. Đôi khi xuất hiện cầu vồng đôi. Bọn con trai trong thị trấn ra bờ sông săn ếch bằng cung tên, tất cả ở độ tuổi tám đến mười ba, bất chợt phát hiện ra những chiếc cầu vồng đó, chúng sung sướng đến run người, chúng ngược nhìn lên bầu trời, trong lòng lấy làm kinh ngạc, thét to gọi nhau, “Này, nhìn nó kìa”, - không phải bao giờ chúng cũng hiểu được đó là điều may mắn của chúng: nhiều năm sau này chúng sẽ nghĩ cuộc đời may mắn của chúng, những may mắn bất ngờ liên miên, đều là nhờ sự tài giỏi ích kỷ của chúng hoặc do khả năng gan góc của chúng chứ không phải bởi vì biết bao những niềm vui sướng tình cờ mà không gì so sánh nổi, ông có hiểu không, James).

Những đám mây u ám bao phủ khắp bầu trời bên trên thị trấn và những đồi cây dốc đứng bao quanh thị trấn, nhưng một phút sau ánh nắng chiếu xuyên qua lớp mây u ám đó, hoàng hôn đang đến gần và đột nhiên - giống như ta đột ngột hít một hơi thật nhanh vì ngạc nhiên về điều gì đó - một thứ ánh sáng chói chang, gay gắt, giống như một cơn mưa rào mùa xuân, tràn ngập phố xá và không gian. Tất cả mọi màu sắc đều sáng rực rỡ - màu vàng chói của chồi cây, màu xanh tươi của cây non, màu đỏ sẫm của cây cầu gỗ, màu đen bóng của những mảng nhựa đường mới vá, màu mạ crôm sáng long lanh của những chiếc xe đậu dọc con phố. Toàn bộ thị trấn hiện ra trước mắt hân (và cả chúng tôi nữa, James, nom thật hấp dẫn, huyền ảo và khủng khiếp như một kỳ quan được phát hiện; giống như một câu đố có thưởng - dãy cửa hiệu cũ kỹ có cửa sổ kính to màu tối và cửa ra vào hai cánh hẹp, nhà làm

bằng khung gỗ hoặc xây gạch đỏ với một tầng duy nhất, mái lợp amiăng hoặc tôn xiêu vẹo thùng lỗ chỗ vì mưa nắng; từng cái đỉnh gỉ, từng viên đá lát vỉa hè, mỗi một vết gợn nhỏ trên tấm kính cửa sổ, mỗi chuyển động nhấp nhô gợi cảm của đám mây ở trên cao, chỗ này một nét đỏ nhạt, chỗ kia một nét vẽ màu đỏ tươi hoặc những nét to màu hồng hoặc màu xám, ở tít tận phía xa là một màu gỉ đồng ướt lấp lánh trông giống như một khúc cá hồi vừa được bắt ở sông Hoh.

Cái ánh sáng màu vàng rực ấy khiến người ta phải nheo mắt - Paco đang đi ngược chiều ánh sáng đó, hắn cảm thấy uế oải vì hơi nóng phả vào mặt, ngực và bụng, hầu như không thể nhận ra hắn đang đi khắp khiêng, một tay cầm chiếc gậy bằng gỗ óc chó màu sẫm, tay kia xách chiếc túi xách nhà binh căng phồng (mấy đôi tất được gấp cẩn thận, một chiếc quần bò Levi's dự trữ, áo sơ mi lao động, mấy chiếc áo thun đã sờn, một bộ đồ cạo râu, hai chiếc huy chương, giấy khen và những thứ linh tinh khác), hắn vẫn tiếp tục nghĩ trong đầu “Mày phải tìm được việc làm và một chỗ để ở lại”.

Nơi đầu tiên hắn tình cờ nhìn thấy là cửa hiệu bán đồ khô của lão Elliot nằm ở bên tay trái - tấm biển hiệu choán hết tủ kính bày hàng, mặt tiền bị gỉ lỗ chỗ.

Bên trong tủ kính mặt tiền, một tấm biển con được đặt dựng đứng trên một chiếc ghế trẻ em kiểu cổ với dòng chữ đọc lên như sau:

- Vâng -
Chúng tôi
- Mở cửa -

và cánh cửa lưới sắt khép hờ, nhưng Paco không nhìn thấy ánh đèn bên trong. Hắn đặt đồ đạc sang một bên, dán mắt vào kính (có những vệt nước mưa), lấy tay che mắt. Hắn nhòm vào trong, nghe thấy tiếng lẩm bẫm, nhưng hầu như không nhìn thấy gì. Hắn nhìn qua tấm ri đô mỏng ở gian trong, nhìn thấy một chiếc ghế bành Lincoln chân thấp bên dưới ánh đèn ôn hòa sáng rực, lưng ghế uốn cong được đan bằng mây; sàn nhà vương vãi những tờ báo dính lem luốc những vết bột nhào màu đỏ - và phía sau chiếc

ghế là một đồng lộn xộn những dụng cụ làm mộc được đặt trên một chiếc bàn thợ chân cao. Một bóng đèn ở mặt tiền của cửa hiệu bật sáng, Paco hít một hơi, bước vào rồi dừng lại ở chỗ cửa ra vào đợi cho mắt quen với bóng tối. Căn phòng có mùi nhựa thông hăng hắc, mùi quần áo ngấm nước đá, mùi keo dán làm từ động vật và mùi ẩm mốc bốc ra từ các thùng các-tông đựng những cuốn sách cũ bìa mềm. Cửa hiệu chật chội được xếp cao đến tận trần những chiếc rương thủy thủ bị mối xông, đồ gỗ phong cách quê mùa sơn sặc sỡ được xếp thành đồng lộn xộn, những chiếc xô đựng đầy đến miệng những đồ vật sứt mẻ, những thùng đựng bia chai cũ và những chiếc sọt đựng quần áo chất đầy những dụng cụ làm bếp bỏ đi. Phía bên cạnh, dưới ánh đèn sáng chói của chiếc đèn dáng cổ ngỗng uốn cong đặt trên một chiếc bàn giấy lớn có nhiều ô ngăn kéo, lão Ellis ngồi vắt vẻo trên một chiếc ghế đầu bằng sắt, cái lưng bè bè cúi xuống một miếng kê bằng nỉ xanh (bị cọ xát đến nhẵn bóng như da một con sơn dương); lão đang tháo các bộ phận bên trong của một chiếc đồng hồ quả lắc. Phần lớn các ngăn kéo đều để mở, để lộ những chồng mắt kính đồng hồ, những hộp nhỏ bằng thiếc đựng bánh răng, lò xo và chìa khóa lên giây đồng hồ, những khay đựng giũa và kẹp, nhíp, kìm mỏ vịt và những dụng cụ kim hoàn tinh xảo khác - được lão sưu tầm vào những lúc rảnh rỗi trong suốt cuộc đời lao động của lão.

Nếu có ai hỏi lão Elliot rằng làm sao mà lão lại tới sống ở cái thị trấn bé nhỏ này, lão sẽ kể bằng giọng lè nhè, bất trị của dân vùng trung Âu - đánh vật với việc phát ra từng nguyên âm và phụ âm - “tôi *tóng* ủng cho Hồng Quân”, lão nói rồi nhẹ nhàng đặt chiếc đồng hồ xuống, ngược nhìn lên. “*Tong* thời kỳ cách mạng năm một nghìn chín *chăm* mười bảy và mười tám, khi ấy tôi còn trẻ và chẳng biết chuyện gì ra chuyện gì. Tôi điên tiết khi quân lừa đảo khốn kiếp đó không muốn *chả* tiền! Tôi bảo thẳng chính ủy đều giả đó “chúng mày chẳng khác gì một bọn Cô-dắc ăn cướp chết tiệt. Chúng mày nhận ủng mà không thanh toán tiền. Chúng mày *nấy* thực phẩm mà chẳng thanh toán đồng đeo nào. Hóa ra vẫn còn những thằng tàn sát người Do Thái ở trong thành phố *lày*. Tao đá vào cuộc cách mạng của chúng mày, đồng-chí đồng cheo đeo gì! Tao khạc nhổ!”. Thế là tôi đến xứ *lày* và mở cửa hiệu *lày*”. Lão Elliot kiếm được rất nhiều tiền bằng cách đánh

lừa những người nông dân tại những buổi bán đấu giá và bán hàng tồn kho. Tên thật của lão đã bị vứt bỏ tại Đảo Ellis⁵³[1], nó đã bị quên hẳn từ lâu, và bây giờ lão xưng tên mình là Henry Frazier Elliot. “Kiếm được đồng nào là tôi dành dụm hết. Gửi cho bà nhà tôi - Darinka. Giờ thì bà ấy đã mất rồi - cầu Thánh Konstance ở Kiev đoái hoài tới bà ấy”, lão nói trong lúc làm dấu thánh từ phải sang trái theo cách của người theo đạo Chính thống.

Lão già cúi gập người xuống mặt bàn, mãi mê nghiên cứu công việc của mình - lão đeo một đôi kính to gọng vàng, một miếng kính phóng đại của thợ đồng hồ, một kính lúp, được kẹp vào gọng kính vàng đó và bẻ quặp xuống một bên mắt. Làm việc chậm rãi, kiên trì và tỉ mỉ, và tiếp tục câu chuyện với Darinka, bà vợ đã mất từ lâu của lão - “Thế đấy, Darinka, tôi bảo với cái anh chàng trong thị trấn, “cậu chỉ cần đánh một chiếc xe tải to đầy tiền tới đây - toàn bộ là tiền mặt. Tôi già rồi nên không thích phiền phức vì những tấm séc và ba cái thứ vớ vẩn đó. Tôi cam đoan rằng cậu sẽ không đến đây rồi ra về tay không đâu. Hãy mang cho tôi tiền giấy mới lán coóng, cậu quả là một anh chàng tốt bụng!”. Bà thấy phi vụ đó thế nào, Darinka?”.

Sau đó lão Elliot tiếp tục công việc, trong lúc đợi Darinka trả lời lão dùng một chiếc nhíp mỏ dài để lục tìm một con vít nhỏ trong một ngăn kéo nông. Đúng lúc lão Elliot hít một hơi, nghỉ tay để nói chuyện một lát nữa với Darinka thì Paco gõ nhẹ chiếc gậy vào chân bàn rồi nói, “Xin lỗi bác”. Lão Elliots giật nảy mình, ngẩng đầu lên nhìn cái bóng nghiêng nghiêng của Paco nom giống như một bóng ma tương phản với ánh sáng cuối buổi chiều chói gắt hôm đó. “Hả?”, lão già hỏi, hạ thấp cằm để nhìn Paco qua cặp kính và chiếc kính lúp.

“Tôi muốn gặp bác để xin một việc làm”, Paco nói to và rõ ràng, tì lên chiếc gậy, nhìn lão già rồi lại liếc nhìn ra chỗ khác.

“Việc *nằm*? Việc *nằm* à? A-ha, Darinka ơi, anh chàng này đang đi tìm việc cơ đấy!”, lão Elliot la lớn, liếc nhìn ra phía sau. “Anh muốn nói tới công việc gì?”. Lão già cười khoái trá một mình, giơ chiếc nhíp kẹp một cái bánh răng sắc nhọn của bộ phận hện giờ của đồng hồ rồi cẩn thận xem xét nó ở ngay bên dưới ánh sáng chói gắt của chiếc đèn hình cổ ngỗng.

Paco đáp bằng giọng kiên quyết và tự tin nhất, trong lúc nhìn thấy qua tấm rèm ở ô cửa một chiếc ghế bành đang trong quá trình phục chế lại mặt ghế và lưng ghế bằng mây đan: “Tôi đang tìm bất cứ một công việc nào ổn định. Tôi có thể học làm bất cứ công việc gì trong cửa hiệu này”.

Lão Elliot, hay quên và khó tính đến mức không thể chịu nổi cách làm việc của bất cứ ai, nói, “Thôi được, hãy để tôi hỏi anh một câu, được không? Một anh chàng trẻ trung như anh tại sao lại dùng chiếc gậy kia?”, rồi lão thọc mạnh chiếc nhíp vào không khí, sang bên trái.

Paco xoay xoay cái gậy hai hoặc ba lần như thể hắn muốn bắt chặt nó vào sàn nhà - mỗi lần quay nửa vòng.

James, đã bao nhiêu lần rồi, Paco phải trả lời câu hỏi đó? Hắn đã kể đi kể lại nhiều lần, kể cả những chi tiết tầm thường nhất, hắn kể tóm tắt, kể như thể đó là một câu chuyện đùa vớ vẩn đểch nào đó (đến nỗi cả câu chuyện của hắn ứa ra những mâu thuẫn trở trêu, những sự cay đắng mỉa mai); hắn kể cho những gã say rượu lúc hắn đã say mèm; kể cho bạn học cũ thời trung học gặp lại hoàn toàn do tình cờ (những gã mà Paco ngỡ đã tổng khứ từ lâu và không bao giờ nghĩ sẽ gặp lại trong quãng đời còn lại); kể cho những người đàn bà đang kiên nhẫn chờ cho hắn kết thúc câu chuyện để đưa hắn lên giường rồi tự mình nhìn và sờ vào những vết sẹo của hắn. Có những người hắn đã kể lại toàn bộ câu chuyện không giấu giếm một điều gì, kể về nỗi khiếp sợ khốn khổ làm cho tâm hồn con người trở nên đê tiện, kể về công việc bẩn thỉu, mệt mỏi, cực khổ của một thằng lính trơn (gạt sang một bên sự giết chóc tàn bạo); kể về việc hắn đã bị thương như thế nào, hắn đã sống sót kỳ lạ ra sao trong cuộc tàn sát ấy - bị bỏ lại trong tình trạng gần như đã chết, James, ông có hiểu không. “Trong một ngày rười tôi đã nghĩ rằng mỗi hơi thở của tôi sẽ là hơi thở cuối cùng và tôi chắc chắn sẽ chết. Như cứt, điều buồn cười là cái Cứt điểm Harriette chết tiệt ấy lại được coi là một miếng bánh ngon ăn, giống như người ta trở về ngủ đêm trong ngôi nhà nơi đã lớn lên - thật không tin nổi”, hắn kể với những người đó.

Paco (đứng cạnh một chiếc bàn trên đó có một chồng những tấm phim đèn chiếu hình nổi cũ kỹ về St. Petersburg, Khartoum, Lisbon và San Francisco) lập tức rút gọn toàn bộ câu chuyện thành một câu duy nhất hết

sức đơn giản, hần đứng ngay ngăn lại (cố gắng đứng thẳng người nhất có thể) rồi nhìn thẳng vào mặt lão già và nói cộc lốc, “tôi bị thương trong chiến tranh”. Hần đứng thẳng người, giống như hần đang giãn nở. (Đột nhiên có cái gì đó như dòng điện chạy qua, James ạ).

Lão Elliot nghe thấy “bị thương trong chiến tranh” bèn hạ thấp cằm nhìn qua đôi kính - chiếc gậy bằng gỗ óc chó màu sẫm, giày lao động, chiếc quần bò bạc thếp, áo sơ-mi nhàu nát và diện mạo mệt mỏi vì đi đường. Có điều gì đó trong giọng nói, trong âm lượng giọng nói của Paco, điều gì đó trong sự hiện diện vật chất của hần - lão già nhìn thấy Paco hiện ra lơ mơ trong ánh sáng ở chỗ cửa ra vào. Rồi đột nhiên lão thấy không kìm nổi một cảm xúc đang dâng lên và tháo tung những hồi ức dồn dập của hơn năm mươi năm trước.

Lão già, khi đó mười lăm tuổi, tay bám chặt vào thanh vịn và nắm đấm ở cửa lên xuống của một toa xe chở súc vật đang chạy về phía đông khi lão đào ngũ khỏi quân đội của Sa hoàng vào năm 1917 một lần cho mãi mãi, lão luôn chiếc thắt lưng vòng qua thanh vịn cho thêm chắc chắn, đi cả ngày lẫn đêm suốt một tuần lễ dưới trời mưa tuyết giá lạnh, ngả người ra phía ngoài để đái, nhìn thấy những toa xe khác cũng có những người đào ngũ - vai của lão sưng tấy, tím bầm hàng tuần sau đó vì bị lắc mạnh. Lão hồi tưởng lại kỵ binh đã tấn công vào ngôi làng của lão. Những tảng thịt mỡ ngựa được lột da bằng dao nhíp, được chặt nhỏ bằng rìu bổ củi rồi treo trên những rui kèo bằng gỗ trên mái của ngôi nhà nơi cả gia đình lão ẩn nấp - máu từ thịt mới mổ chảy thành giọt xuống đồng rơm cao lùn bùng tới đầu gối (pốc- pốc- pốc...). Lính kỵ binh cười ngựa không thẳng yên, chân quấn vải, súng trường đeo chéo sau lưng trông giống như bao đựng cung tên; da đen sạm, râu mọc xồm xoàm và người hôi hám bắn thiu vì sống bữa đói bữa no trong rừng; chúng quất những người đàn ông gan dạ nhất trong làng bằng những chiếc roi da ngắn và dày. Những tên lính tản ra để đi tới từng ngôi nhà trong làng, vét sạch các chạn thức ăn rồi nhét hết vào những chiếc túi vải. Trong lúc ấy những con ngựa lùn, lông rậm trông giống như những kiện bông, đứng xung quanh chiếc giếng của làng trong thứ phân sền sệt, người chúng bốc hơi và hơi thở khàn khàn tạo ra những đám hơi nước (chúng bay là là mặt đất bởi

vì trời rất lạnh). Cả lũ đề tiện đó, mặt mũi hung dữ sừng sĩa cúi xuống nhìn, la hét và cười nhạo trong lúc những ông già bà cả trong làng (trong đó có cha tôi) gom những đồng xu bằng vàng và bằng đồng rồi đặt vào trong chiếc mũ lông dơi dày của tên chỉ huy đội kỵ binh. Lính kỵ binh trêu chọc trẻ con bằng cách giả đồ thọc lưỡi lê và kiếm, và sờ soạng phụ nữ đang run lấy bầy, chiếc khăn bà già quấn chặt lấy đầu và mặt, vẻ rất xấu hổ. Gia súc kêu inh ỏi trong lúc bị dồn qua cánh đồng bùn tuyết nhão nhoét để tới khu rừng. Sau đó những tên kỵ binh lực lưỡng nhất đã chặt đầu những người đàn ông trong làng, giết họ bằng một cái rìu mà chúng vớ được - chân tay bị trói, quỳ rạp người xuống van xin được tha; gáy bị chém từng nhát như gỗ; những cái đầu lâu bị chặt đứt lẫn lông lốc trong bùn; những cái xác không đầu đổ về phía trước, máu xối ra từ những vết thương to tướng. Nhiều mùa đông sau, lão đã bỏ trốn cùng với bộ đồ nghề đóng giày: đi bằng đường bộ tới Ba Lan, tới nước Đức (trên đường đi lão đã học được nghề sửa chữa đồng hồ), rồi lão tới nước Anh và Mỹ; khi đi qua nước Nga lão thấy rất nhiều lính ngồi bắt tréo chân, trước mặt là một khẩu súng máy hoặc một ụ gác được xây bằng những bao cát tại một nơi xa lắc xa lơ không một bóng người, vai họ gập cong, đầu cúi xuống, cánh tay và mặt mũi đang bị tuyết dần dần phủ kín - không một xu dính túi, họ bị đóng băng thành một khối trông giống như những người đang ngủ gật gục mặt xuống đĩa đầy ú ụ thức ăn.

Lão Elliot ngồi trên chiếc ghế đầu cao bằng sắt ở phía sau chiếc bàn thợ trong cửa hiệu chật chội của lão, nhìn trân trân vào khoảng không, nhớ lại tất cả mọi chuyện. Ngay lúc này và tại đây lão có thể dễ dàng nhắm mắt và ngửi thấy mùi của bụi rơi lấm tấm qua những vệt nắng mặt trời sáng chói lọt qua những khe hở của gian chái nơi gia đình lão đang ẩn nấp trong đồng cỏ, lo sợ cho mạng sống của họ. Lão có thể ngửi thấy mùi những súc thịt thú rừng bắt đầu có mùi ôi đang đung đưa trong không khí, có thể nghe thấy tiếng kêu cọt kẹt của những sợi dây cứng nhắc được bện bằng vải. Đến lúc này lão bắt đầu thấy bối rối và đột nhiên trong lòng cảm thấy buồn bã thấm thía, tuyệt đối, đến nỗi lão chỉ có thể nghĩ ra một câu hỏi duy nhất để hỏi Paco, “Đó là cuộc chiến tranh nào, chàng trai?” - tất cả những hồi ức trên vẫn còn sống động, giằng xé trong lão.

Và biết bao nhiêu lần rồi, James à, người ta đã nhìn Paco một cách dò xét và kẻ cả rồi hỏi, “Đó là cuộc chiến tranh nào?” cứ như thể chưa một từ nào về cái điều vớ vẩn này đã để lộ ra cho báo chí. Paco trả lời lão Elliot - bất chấp lão già là người thật thà, đang tức giận và vô hại - gần giống hết như những lần trả lời khác, “Bác nói thế nào chứ, đó là cuộc Chiến tranh Việt Nam”. Lão già vắn vẹo người trên ghế, lắc đầu - lão chưa bao giờ nghe nói tới cái địa điểm ấy - nhưng trước khi lão kịp trả lời thì Paco đã định quay gót, ra khỏi cửa và bước ra không khí mát rượi bên ngoài.

“Xin lỗi đã làm phiền bác”, hắn nói khẽ, ngụ ý nói tới chuyện xin việc làm rồi khép cánh cửa lưới lại ở phía sau hắn.

Lão Elliot vẫn nhìn chăm chăm vào không khí, búng cái mắt kính lúp xuống một bên mắt, hạ thấp chiếc đèn cổ ngỗng để chiếu rõ hơn vào sản phẩm của lão, tự nói với mình bằng tiếng Nga, “Tôi đang làm đến đâu rồi nhỉ, Darinka?”. Lão ngoái đầu nhìn ra phía sau về phía chiếc máy khâu Singer còn mới toanh, những ngăn kéo nhét đầy những phụ tùng linh tinh. Lão thấy bối rối và hoang mang. “Darinka? Bà nó có thấy anh ta rất giống Dmitri con trai của Lyuba không?”.

Hơi nước dày đặc dầm mùi nhựa đường và mùi sắt bị đốt nóng bốc lên từ mặt đường rộng bị mặt trời hun nóng. Paco đi về phía hiệu cắt tóc của Hennig, hơi nước âm ỉ lúc này đã bốc lên tới tận đầu gối hắn và hắn có cảm giác ngứa ngáy, găm nhấm, đau nhói ở vùng bụng và lưng giống như tiếng vo ve của một tổ ong bị hun khói.

Lão Elliot lắc đầu, dùng chiếc kim mở vệt ấn một bánh răng hện giờ hình nón vào trong một cái trục, lão hoàn toàn đồng ý với chính mình, “đúng là rất giống Dmitri!” (tối hôm đó ở gian sau của cửa hiệu nơi lão dùng làm chỗ ở trong lúc cời quần áo đi ngủ lão sẽ nói chuyện với Darinka về Paco và hàng tá điều khác mà lão đã chứng kiến và tưởng tượng trong ngày hôm đó. Lão sẽ ngồi xuống mép giường, nhắm nháp một cốc to whiskey không đá. Con chó già Spice của lão, một con chó giống Labrador bốc mùi hôi hám đang nằm ngủ, hầu như không nhìn thấy nó giữa những tấm kính màu và những con búp bê bằng sứ vẽ tay, nó sẽ liếm cái lưới dài ram ráp lên những ngón chân đỏ tía của lão để ăn muối. Lão già đột nhiên sẽ ngược nhìn làm

như có ai đó đã vỗ lên đỉnh đầu của lão - hơi ấm của whiskey không đá bốc lên khiến lão cay mắt mũi. Và rút cục sự thật về Paco đã trở nên rõ ràng đối với lão, chàng trai đó lúc chiều đã vào cửa hiệu của lão để hỏi xin việc - chỉ có thể thôi. Lão sẽ nhìn chăm chăm vào một chiếc đèn bằng kim loại hình một vũ nữ múa hula⁵⁴[1] ở đầu giường của lão - làn da của cô ta màu nâu, đầu vú và đôi môi màu hồng, đôi mắt và mái tóc màu đen. Lão sẽ buột miệng thốt ra trong lúc nhìn chiếc đèn, “Ơi mà Darinka ơi! Dmitri, con trai của Lyuba đã chết từ bốn mươi lăm năm nay rồi! Không thể là nó được!”).

Paco băng qua đường để sang cửa hiệu cắt tóc của Hennig giống như hần bước lên một sân khấu - cửa kính của hiệu cắt tóc khá to và đèn được thấp sáng rực. Một biển hiệu cắt tóc hình trụ nằm ở cạnh cửa ra vào đang quay chậm chậm. Ở bên trong cửa hiệu, những chậu rửa bằng sứ, những chiếc ghế quay tay dành cho khách và gạch gốm lát nền nhà màu đen - trắng ánh lên những tia lấp lánh dưới ánh đèn neon - tường được ốp những tấm gương được chạm khắc và ở cuối căn phòng có một chiếc ghế băng cũ kỹ dùng để ngồi đánh giày. Hennig, một gã cao to tóc xoắn xức dầu vuốt ngược về phía sau, hai chân đứng giạng như đang kéo nước giếng, lúc làm việc gã thích đứng ở vị trí đối diện cửa sổ để có thể theo dõi người đi qua kẻ đi lại. Lúc Paco khom người bước vào cửa hiệu của Elliot, gã nhìn kiểu tóc quê kệch xấu xí của Paco đã biết ngay đó là một lính Mỹ mà chẳng cần phải nhìn lại đến lần thứ hai, ông có hiểu không, James. (Gã sẽ bình luận trong lúc đi những nhát kéo giống như cây đũa của một nhạc trưởng, “Tất cả những gì tôi phải nói với ông về chuyện này là ở trong quân đội bất cứ tay bị thịt đần độn nào chỉ cần biết cầm cái lược cũng có quyền cắt tóc cho ông. Toàn bộ những gì những gã ngốc này biết làm là xoẹt-xoẹt- xoẹt” - Gã làm điệu bộ khua kéo trong không khí - 'Người tiếp theo!')). Hennig chậm rãi chải tóc cho khách, vẩy nước rồi ép sát tóc xuống - bàn tay của gã có mùi xì gà, hành tây và thuốc nhuộm tóc. Gã đi kéo một vòng theo chiều này rồi lại theo chiều kia, không lúc nào ngơi tay kéo, dùng mắt ước lượng cái đầu của khách giống như một nhân viên đặc điền đang đo một mảnh đất. Người đàn ông đang ngồi trên ghế, ông Holland, chủ hiệu tạp hóa trong khu trung tâm mua sắm nằm ở phía tây thị trấn, ngồi thẳng đườn lưng, vẻ nghiêm nghị

căng thẳng, đầu gối nhô lên dưới tấm áo choàng rộng, cảm thấy rất không thoải mái cứ như ông ta đang ở trong phòng khám răng. Hennig tiếp tục công việc, chải, cắt, nói chuyện với những người khách đang đợi đến lượt, làm hai động tác cắt kéo chắc nịch trong không khí để chỉ vào Paco khiến mọi con mắt trong cửa hiệu đều hướng vào Paco khi hắn bước vào cửa (làm phát ra tiếng kêu leng keng của cái chuông bé móc vào một sợi dây) - Holland liếc mắt lườm Paco.

Hennig chỉ tay vào chiếc ghế ở cuối hàng gần cửa ra vào, ra hiệu cho Paco ngồi xuống đó rồi nói, “Tôi sẽ làm cho anh ngay bây giờ đây”. Paco ngồi xuống, đẩy chiếc túi xách nhà binh vào trong gầm ghế rồi cởi áo khoác.

Ở đầu kia của hàng ghế có một người đàn ông to cao béo phị mà tất cả mọi người gọi tên là Russell. Mọi chỗ trên người ông ta đều màu mỡ - tóc trên đầu rậm và dựng đứng, mũi tẹt, dáng người như bò mộng, ngón tay ngắn, dày và mềm, đôi chân ngắn mập, bàn chân to. Ngồi bên cạnh ông ta là bà vợ, Muriel, người cũng béo tốt nhão nhoẹt không kém (“Tôi thích kiểu người nhỏ nhắn nhưng béo tốt, các vị có hiểu không, nó giống như thể đêm nào tôi cũng được nằm bên cạnh một cái mông đít nóng bỏng, các vị hiểu ý tôi nói chứ, a-ha-ha”). “Bà vợ bé nhỏ”, như cách ông ta gọi, đi đôi giày nhãn Hush Puppies và tất nilông cao tới đầu gối, hai tuần một lần bao giờ bà cũng đi cùng chồng tới hiệu cắt tóc để giám sát, dặn dò Hennig điều này điều nọ, thanh toán đúng một đôla tiền giấy hoặc tiền xu - tờ giấy bạc được gấp cuộn lại theo cách rất kỳ cục còn tiền xu thì vẫn còn chưa bay hết mùi kẹo si-rô.

Ngồi cạnh Muriel là lão già Cruilshank làm nghề bán mỗi câu sống tại bến tàu ở Andressen. Lão có thú vui ngồi ở phía sau cửa hiệu bán mỗi câu ở mạn thượng du con sông để ngắm cây cầu - lão nhớ lại hai tháng trời cả thung lũng đều nghe thấy tiếng búa tán đinh rivê của thợ sắt; người ta đã phải chặt vật thể nào để đặt những thanh dầm xoắn cuối cùng vào đúng vị trí; hai công nhân đã tử vong; và đủ mọi thứ chuyện. Cruilshank lật qua những số báo cũ của tờ *Popular Mechanics* và *Field and Stream* đã nhàu nát như giẻ rách vì dở xem nhiều lần.

Ngồi bên cạnh Cruikshank là Virgil Harriman, một lính cứu hỏa của thị trấn thích tranh luận về bóng chày.

Sau khi tất cả mọi người đã kịp nhìn kỹ Paco, Hennig xoay người lại nhìn Russell, kín đáo chỉ tay vào ông ta rồi gật đầu, chắc là để ra hiệu, James ạ.

Russell nhắc người lên và cúi về phía trước giống như ông ta sắp tiết lộ với mọi người một bí mật lớn, rồi nói (cứ như thể ông ta đã luyện tập cả buổi chiều hôm đó, James ạ), “Nào, nói thử xem, có ai biết tuần trước có một anh chàng bị bắn chết tại chỗ?”. Russell nhìn xung quanh. Vợ ông ta ngồi ngả người về phía sau, chân bắt chéo tận đầu gối, tay giữ chặt chiếc túi xách tay, vẻ mặt tươi cười rạng rỡ. Cruikshank và Harriman xoay người trên ghế, đảo mắt cứ như thể họ sắp nghe không biết đến lần thứ mấy một câu chuyện bịa đặt nhảm tằm nào đó. Holland ngồi bất động, cặp mắt sáng liếc nhìn Russell, chớp mạnh khi Hennig cắt một lọn tóc. Lúc này Hennig cúi hẳn người xuống, nhón chân tiến lại chỗ Russell, lắc đầu, chậm rãi và tự tin, rồi vui vẻ thì thầm bằng một giọng rất kịch, “Sao, vì lòng nhân từ, Russell, không, tôi không nhớ ông đã bao giờ kể. Chuyện xảy ra thế nào hả?”, gã hỏi với giọng giả đò ngạc nhiên.

Russell, một người ba hoa bẩm sinh, dùng mu bàn tay và cả năm ngón quệt mồm, đặt bàn tay lên đầu gối rồi bắt đầu kể.

“Chà” ông ta nói, “Phải nói đây đúng là một câu chuyện bất hạnh chưa từng thấy”. Ông ta nhìn chăm chăm khắp lượt để gây sự chú ý của mọi người. “Một thằng nhà quê mặt bóng nhẫy - đen như đất nồi, cho phép tôi bổ sung - đã bị bắn chết tươi trong khi hắn định ăn cướp tại Hội chợ Bingo của Hội Elks^{55[1]}. Tính đến Thứ Năm này là được ba tuần. Các vị chắc đã đọc trên báo rồi?”. Henrtig tĩa tọt vài chỗ, cắt cây kéo lách cách vào không khí rồi lắc đầu nhẹ ra ý chưa đọc. “Vâng, lúc đó tôi đang ở đấy nên tôi có thể cam đoan với các vị rằng tôi đã nhìn kỹ thằng đó đã làm cái điều hoàn toàn đại dột đơn giản chỉ vì ngu (thứ lỗi cho thứ tiếng Pháp của tôi, bà nó nhé) - ý tôi muốn nói tới những việc làm ngớ ngẩn nhất của bọn da đen - nhưng cái vụ cuối cùng của nó thì ngu nhất hạng. Cái thằng đó - tên nó là Rufus hoặc Zebedee hay Snowflake hoặc một cái tên ngớ ngẩn kiểu ấy - chắc là một nhân viên phụ việc hoặc nhân viên rửa bát ở nhà bếp phía sau. Ồ, nó biết khá rõ sơ đồ của chỗ đó nhưng chắc hẳn nó kém khôn bởi vì nó không tính

được rằng Hội chợ Bingo của Hội Elks được quản lý bởi vợ của hai viên cảnh sát - oa-ha-ha. Để tôi kể cho nghe, nó có bộ mặt rất buồn cười của một thằng da đen khi biết được điều này - oa-ha-ha. Hai người phụ nữ, hai bà vợ - Effie Webb và Darlene Jean Miller - đang ngồi bên một cái bàn đánh bài nằm ở ngay góc khuất sau cánh cửa ra vào và giá treo áo khoác, họ đang đếm tiền thu được buổi tối và phân loại các cuống phiếu linh thường, nhăm nháp cốc-tai Wallbangers và thì thầm với nhau những câu chuyện tục tĩu. “Đâu là sự khác nhau giữa thô tục và bệnh hoạn?”, một bà hỏi, đầu cúi xuống lấy tay che miệng. “Thô tục là khi anh ta chỉ nhổ một cái lông, chỉ hiểu không, còn bệnh hoạn là khi anh ta xơi cả con gà mái! Nói thế không có gì quá đáng”. Và bất ngờ thằng nhóc đó lượn tới chỗ bàn đánh bài và rút khẩu súng lục bé tí cỡ nòng 22 li (thứ lỗi cho thứ tiếng Pháp của tôi, bà nó nhé) và nói - các vị có hình dung nổi không - “Đưa tiền mau thì sống”, và với tay tóm lấy chiếc thùng đựng tiền vừa hay đang đầy ắp tiền (tối hôm đó họ thu được quãng 260 đôla tiền chơi bingo, đều là từ 1 đôla và 5 đôla hoặc 10 đôla). Đúng như tôi nghĩ, tối hôm đó không phải là tối thằng đó chơi bingo gặp hên - oa-ha-ha - bởi vì các ông chồng của họ đang đứng hút thuốc và tán gẫu ở góc nhà gần chỗ mắc treo áo khoác (thứ lỗi cho thứ tiếng Pháp của tôi, bà nó nhé), một tai nghe tiếng gọi bộ đàm của các xe tuần tra còn tai kia nghe tiếng Clementine Agee xướng to các con số của trò chơi bingo. Vừa nghe thấy “... đưa tiền mau thì sống”, họ từ góc hành lang nhảy ra, nhất loạt chìa cục sắt (đấy là cách họ gọi súng) vào thẳng nhai khốn nạn rồi nói “Đứng lại! Cảnh sát đây!” và thằng nhãi đó chưa kịp chớp mắt và nuốt nước miếng thì họ đã bắn thẳng vào hăn sáu hay bảy viên đạn - khiến hăn không còn toàn thân, theo như cách nói nào đó (thứ lỗi cho thứ tiếng Pháp của tôi, bà nó nhé - oa-ha-ha).

“Thằng đó chảy máu như lợn bị chọc tiết và đi thẳng xuống địa ngục trước khi kịp đổ gục người xuống - Tù binh chiến tranh!”. Russell nói, hai tay bất ngờ giơ lên cao, mắt mở to. “Và suốt thời gian còn lại của buổi tối hôm đó chúng tôi tìm những viên đạn găm trong đồ đạc bằng gỗ để lấy chúng ra. Vâng, thưa Ngài, khi khách chơi bingo nghe thấy tiếng ồn ào, họ nháo nhào lao ra hành lang, há hốc miệng ra nhìn - mọi người bàn tán đến

mọi cả mồm - và vào lúc đóng cửa thì khắp các góc nhà đều có những vết máu. Bà vợ bé nhỏ của tôi đây đã phải ở lại làm thêm giờ để lau dọn sạch sẽ”.

Bà vợ của Russell thôi ngồi bắt tréo chân, người hơi cúi về phía trước, tay nới lỏng chiếc túi xách. Bà ta thọc tay vào sườn Russell, cấu mạnh vào cánh tay ông ta rồi nói, “*Malcolm Herbert Russell*, tôi thực sự muốn ông sửa đổi cách ăn nói, nhưng mà đúng thế đấy, Hennig ạ, ông lão nhà tôi kể đúng sự thật đấy. Những vết “dơ”, chúng tôi khẳng định như vậy, có ở khắp trên sàn nhà, nhà vệ sinh, thậm chí ở phòng chứa thực phẩm ở phía sau nơi câu lạc bộ Elks cất giữ những đồ vật trang trí lễ Giáng sinh và Ngày Valentin”.

Khi Russell kết thúc câu chuyện và bà vợ của ông ta phụ họa một câu vớ vẩn thì Hennig cũng cắt xong cho Holland và đang mài lưỡi dao cạo như thể đang đu đưa một lưỡi liềm - mỗi cú quét trên đá mài lại phát ra tiếng kêu của thép không gỉ. Sau đó Hennig dùng mặt sau của các ngón tay lấy một nhúm bột cạo xà phòng rồi hào phóng thoa và tấp lên gáy và tai của Holland - Holland liếc mắt theo dõi. Sau đó Hennig choàng một chiếc khăn tắm sạch lên vai của Holland và bắt đầu tỉa tóc vừa cắt, một tay giữ chặt cái đầu của ông già để nghiêng nó sang bên này, bên kia. Hennig khéo léo cầm chiếc dao cạo, lách những đường gọn và nhanh quanh tai và gáy, thỉnh thoảng lại lau sạch bột xà phòng ở lưỡi dao cạo, và chỉ một loáng đã hoàn thành công việc. Mọi người đều nhìn đôi mắt của Holland lờm lờm trái, lờm lờm phải, không biểu lộ tình cảm gì cả. Họ nghe thấy tiếng lưỡi dao sột soạt trên làn da, tiếng rung của thép được mài sắc.

Giữa lúc đang còn giở tay, Hennig nhìn Paco rồi hỏi, “Tôi giúp gì được cho anh?”.

Và Paco, người có thể nhận ra loại người lười biếng (và những loại người bất tài an phận thủ thường) khi nhìn họ, khi hẩn liếc nhìn tất cả những người đang ngồi trên ghế, hẩn dừng đứng chiếc gậy ở giữa hai chân, quan sát Holland nhìn Hennig trong lúc gã lau lưỡi dao cạo vào chiếc khăn tắm. Paco nói, “Thực ra tôi không vào đây để cắt tóc”.

Và Paco chưa kịp nói thêm một lời nào nữa thì Russell đã hỏi, “Vậy anh vào đây làm gì?”.

Paco đáp, “Tôi vừa xuống xe ở Texaco. Tôi vào thị trấn để tìm việc làm, tìm một chỗ để ở lại”. “Thế à”, Russell nghĩ thầm. “Quán ba nằm ở bên kia đường”, Paco liếc nhìn phía sau ông ta theo hướng của quán Tender Tap của Rita, “chật cứng những gã rượu chè bê tha và những gã dẻo mồm nhưng chẳng động chân động tay làm bất cứ việc gì. Còn ông già ở bên kia đường” - Paco dùng cán của chiếc gậy ra hiệu phía bên kia đường - “luôn mồm nói chuyện với một người nào đó vắng mặt - nhưng tôi đồ rằng các ông đều đã biết phần nào chuyện này”.

Tất cả mọi người đều biết về Elliot và bà vợ đã mất của lão, Darinka. Ông Henry Frazier Elliot là một người nước ngoài đến sống ở đây, lão có cách cư xử kỳ quặc - “gàn dở”, Russell nói - lão ăn nói “kỳ cục”, ăn mặc “kỳ cục”, say mê một “công việc kinh doanh kỳ cục”: mua sạch hàng nông trại bán đấu giá và của cải tịch biên của người nghèo”, Russell kể. “Mẹ kiếp, như thế có thể gọi là công việc kinh doanh đứng đắn của một tín đồ Cơ đốc được không?”. Russell thấy ông Elliot kinh doanh theo cách “kỳ cục”, “bán cái thứ đồ tạp nham - thế mà người ta gọi đó là đồ cổ đấy, có nghe rõ không? - cho những người phân phối ở những thành phố lớn. Đúng là một lão già lẩn thẩn, kỳ quặc”, Russell sẽ kể với ông như vậy.

Harriman - một người bà con xa với dòng họ Harriman ở miền Trung của tiểu bang New York - một trong số những lính cứu hỏa ít ỏi của thị trấn từ nhiều năm nay, “Đây là công việc tốt nhất của tôi”, gã sẽ nói như vậy, gã làm việc lảng tránh ở đồn cảnh sát, theo học chương trình đào tạo kinh doanh từ xa, tự học nấu ăn và sửa chữa đồ chơi của trẻ em và chưa bao giờ bận tâm tới công việc. Russell xoay sở chỗ này chỗ kia, kiếm đủ tiền để sống bằng công việc tu bổ và “sửa chữa nhà” không đến nỗi tồi. Xét mọi nhẽ thì Russell là người ích kỷ và khó gần - “Chẳng ai giúp đỡ tôi cả” (mặc dù rất nhiều người đã từng giúp ông ta) - và nếu ông ta có nghe ngóng thấy có công việc nào thì cũng chẳng hé môi nói cho Paco biết. Còn Charles T. Holland, chủ tiệm hàng khô, từ nãy giờ vẫn nhìn Paco chăm chú - một cựu chiến binh, Holland nghĩ trong đầu, loại người đó thì ta nên chủ động giúp đỡ, mái tóc của anh ta được cắt khá gọn, nhưng chiếc gậy kia, bộ quần áo tả tơi kia và ánh mắt khang khác của anh ta (có phải tất cả bọn họ đều có ánh

mắt như thế?) cũng chẳng thuyết phục nổi ai mua tặng một đôi giày tử tế, hãy tin tôi đi. Với lại người ta đã nghe quá nhiều câu chuyện về cách cư xử đột nhiên rất kỳ cục của họ. ĐỪNG, Holland này tốt nhất là không, ông ta nghĩ trong đầu.

Hennig rót nước thơm vào lòng bàn tay, vỗ lên gáy của Holland rồi xoa. Holland giật nảy mình vì cảm giác buốt lạnh, nói: “Tôi thực sự muốn giúp anh, chàng trai ạ, nhưng tôi chẳng nghe nói tới bất kỳ công việc nào. Còn anh?”, ông ta quay sang hỏi Hennig lúc này vừa xong công việc của mình. Hennig cời chiếc tạp dề, thả cho nó trượt ra khỏi đầu gối của Holland rồi giữ nhẹ. Gã liếc nhìn dò xét Russell và Muriel, lão Cruikshank và Harriman rồi nói: “Tôi chẳng biết gì cả. Còn các ông?”. Tất cả mọi người đều lắc đầu. Hennig bèn nói: “Sao anh không thử tới tiệm giặt là Boussierre ở bên kia đường. Họ có một tấm bảng ghi các tin rao vặt để phục vụ các khách hàng của họ. Có thể anh sẽ tìm thấy điều gì đó. Xin lỗi tôi không thể giúp gì được, chàng trai ạ”.

Vậy là trước khi Holland rút ví ra để trả tiền, trước khi Russell đứng dậy, kéo quần lên rồi ngồi yên vị trên chiếc ghế cắt tóc ấm áp, trước khi Muriel nhắm mắt trên mép ghế, thì Paco đã nói lời cảm ơn rồi biến mất sau cánh cửa cùng chiếc túi xách nhà binh và chiếc gậy bằng gỗ óc chó màu sẫm. Hắn bước ra ngoài trời, vẫn thứ ánh sáng vàng chói lọi trong làn mưa xuân, đi sang bên kia đường xuyên qua làn hơi nước đặc như bộ lông thú bốc lên đến mắt cá chân từ mặt đường rải nhựa - hơi nóng của mặt đường nhựa thấm qua giày, hơi nước mát lạnh có mùi nước mưa sạch sẽ bọc quanh hai ống chân của hắn.

Hennig đứng bên cạnh hộp đựng tiền, đang xếp lại tiền trong lúc mắt vẫn nhìn Paco - tất cả mọi người đều dõi theo Paco và buông một lô những lời đùa cợt vớ vẩn, James, vì họ tin chắc sẽ chẳng bao giờ còn gặp lại hắn. “Những anh chàng tham chiến ở Việt Nam đều tin chắc chúng ta nợ họ điều gì đó, có phải thế không nhỉ?”.

Paco đi quanh co giữa những chiếc xe đang đậu trên bãi, càng lúc càng phải gắng sức vì những cơn đau ở lưng và chân, hắn ngửi thấy mùi xà phòng và mùi quần áo, mùi thuốc tẩy và hơi nước nóng của tiệm giặt là Boussierre.

Hắn bước qua cánh cửa được chèn để mở ngõ - những chiếc máy giặt nằm dọc một bức tường, nhiều chiếc rung bần bật phát ra tiếng kêu ro ro trong lúc quay để vắt kiệt những mẻ quần áo. Nằm dọc bức tường thứ hai là khoảng mười hai hay mười ba chiếc máy sấy đang phát ra tiếng động âm ỉ - những cái nút và dây đai phát ra tiếng lách cách rất to. Ở giữa hai bức tường là rất nhiều những chiếc bàn rộng, chân thấp và có thể gấp lại được. Bốn cô gái trẻ đang đứng rải rác bên cạnh những chiếc bàn, lưng quay ra phía cửa ra vào, họ đang gấp quần áo đã giặt vẫn còn nóng được bỏ trong những chiếc túi vải to. Họ không nhìn hoặc nghe thấy Paco khi hắn bước vào, họ đang xem một bộ phim nhiều tập trên một chiếc tivi cỡ to đặt ở góc trong của tiệm giặt, thỉnh thoảng lại thò tay vào trong những chiếc túi vải để lấy ra một vật gì đấy - bút tất hoặc quần đùi, khăn mùi soa, vải phủ sofa hoặc áo sơ mi. Họ ôm từng chiếc vào người, gấp rất nhanh và khéo rồi xếp từng chiếc lên chiếc bàn ở trước mặt. Nhưng họ vẫn không rời mắt khỏi màn hình của chiếc tivi để xem một người đàn ông đáng vẻ quý phái mặc chiếc áo sơ mi bằng vải flanel rộng thùng thình và chiếc quần nhung sọc kẻ, anh ta đang đọc một tờ báo trải rộng trên một chiếc bàn ăn, đánh dấu các tin rao vặt bằng một chiếc bút dạ trong lúc trả lời những câu hỏi sốt sắng từ một người phụ nữ đang bận tay bên chậu rửa bát trông có vẻ như là bà mẹ, anh ta trả lời các câu hỏi một cách rất cẩn kẽ giống như một người kể chuyện hoặc một luật sư. Các cô gái giặt là đang theo dõi cuộc đối thoại chậm rãi, họ vừa chăm chú vừa mê mẩn, họ chỉ thỉnh thoảng cúi xuống để vuốt cho phẳng những chỗ vải nhăn nheo, kiểm tra xem có chiếc khuy nào bị đứt và dùng móng tay giặt những sợi vải thừa rồi búng vào không khí như búng tàn thuốc lá.

Paco đứng ở lối cửa ra vào, chống tay hết sức lên chiếc gậy, James ạ, hắn đưa mắt quan sát tiệm giặt là để tìm chiếc bảng thông báo trữ danh và đúng lúc ấy những cô gái đó - chiếc áo đồng phục của học sinh trung học, vạt áo ngắn bỏ ra ngoài ôm quanh hông - đã làm hắn nhớ lại những cô gái người Việt tại tiệm giặt bằng tay bẩn như nhà thổ ở Ham Lom^{56[1]} (chúng tôi đặt tên là Gookville) nằm ở bên kia đường, đối diện với Cờ điểm Harriette. Hàng ngày vào lúc chiều tối, quần áo đựng trong những chiếc sọt đầy ắp được chở bằng xe Lambretta ba bánh và xe Honda từ căn cứ Phúc Lục vào

trong cái ấp đó và rất nhiều những cái ấp khác ở cái chốn khi ho cò gáy này. Vào buổi sáng, Paco và chúng tôi, James ạ, thường nằm ườn trên cái mái nóng và lổn nhổn của một chiếc hầm boongke nào đó ở khu vực bảo vệ vòng ngoài của căn cứ (cái mái hầm đó dày bằng chiều cao của chúng tôi) dùng ống nhòm của Lester (lính bắn tỉa của đại đội) để quan sát tụi con gái đó đang giặt quần áo trên một bãi đất phẳng và trống cách đó 135-150 mét. Mấy con ấ này (tất cả đều mười lăm, mười sáu hoặc mười bảy tuổi, ông có hiểu không) làm việc quần xắn đến tận bẹn, mở bột cúc của chiếc áo bà ba bó sát người để hở người ra và mái tóc đen dài được hất ngược ra đằng sau rồi túm lại thành búi nhỏ bên dưới chiếc nón rộng - cơ thể của họ lấp lánh mồ hôi, những bầu vú mới nhú lắc lư, đung đưa nhẹ nhàng. Họ giặt những mẻ quần áo trong những bồn lớn - quân phục đã chiến và quần áo rách mặc lúc thường của lính - đổ nước xà phòng ra cái sân của ngôi nhà mái lợp rơm rồi sau đó phơi quần áo rõ nước tong tong và đang bốc hơi nóng lên một cái phen tre trong nắng mặt trời thiêu đốt. Nhìn mấy con ấ này làm việc, James, bao giờ chúng tôi cũng bị kích thích chim cứng lên.

Paco nhìn thấy ngay cái bảng thông báo nằm ở góc gần khuất sau chiếc máy bán côca côla lon. Các thông báo được viết tay nguệch ngoạc bằng chữ in hoặc được đánh máy bằng khổ chữ 9/12 lên những mẫu phong bì hoặc những mẫu bì của hộp đựng xà phòng giặt rồi được dính lên phớt đen bằng ghim rệp và ghim bấm, ghim nhọn hoặc đinh cỡ nhỏ.

Và tất cả được viết đại loại như sau:

THÔNG BÁO:

Bữa Fishfry⁵⁷[2] của giáo khu vào các chiều thứ Sáu.

Đến một mình hoặc đông người đều được phục vụ không hạn chế.

Cần gấp đi quá giang xe tới Detroit.

Có thể thay nhau cầm lái. Chịu chi phí xăng.

Hội trường của Hội Ái hữu Tự do thần thánh.
Gặp gỡ Chúa Jesus. Hãy tự cứu rồi! Đóng góp tự
nguyện. Tụng danh Chúa!

CẦN BÁN:

Xe Chevy đời 1956. Máy sạch sẽ. Tình trạng
mới tinh. Một số bộ phận được chế tạo theo đơn
đặt riêng. Xem là tin liền.

Cỏ khô đóng kiện, bán theo xe tải hoặc bán lẻ
từng kiện.

Cỏ khô, rơm, cách nhiệt cho nhà ở lưu động.

Nhà ba phòng ngủ có vườn cây được chăm sóc
tốt. Rất nhiều cây đại hoàng và măng tây. Vẫn
tắt: chuyển về sống tại Florida.

Giá cả ưu tiên cho gia đình thực sự cần mua.
(ĐÃ BÁN)

Máy giặt và máy sấy công nghiệp.

Đã qua sử dụng nhiều, nhưng giá rẻ. Gặp chủ
nhân.

Có đủ các loại sản phẩm Amway, kể cả vitamin
và các sản phẩm hỗ trợ sức khỏe và sắc đẹp.
Mua ngay trước khi tăng giá. Hãy gọi cho
Russell.

TÌM VIỆC LÀM:

Trông trẻ tại nhà bạn. Ngày hoặc đêm.

Khi bạn vắng nhà, bạn muốn có người tốt nhất ở trong nhà.

Hãy gọi cho Thelma hoặc Beulah.

Chuyên gia chăm sóc tóc. Đến phục vụ tận nhà.

Cho thuê xe tải - chl nhận tiền mặt - cần bán củi khô dùng để sưởi, tính theo mét khối. Giao hàng tận nhà.

Nhận cày bằng máy trên mọi diện tích. Tiền công tính theo giờ.

Tối thiểu 20 đôla một giờ. Gọi điện để biết chi tiết.

Nhận làm các công việc vặt. Có thể làm mọi công việc. Chuyên môn chính là chất hàng lên xe và bốc vác. Hãy gọi ngay cho Russell.

Tìm mạch nước ngầm và khoan giếng. Đảm bảo tìm thấy mạch nước. Có thư giới thiệu. Không tìm thấy mạch nước không lấy tiền.

Sửa chữa xe hơi. Tất cả các loại xe. Nhận làm cả các công việc liên quan đến vỏ xe. Có thể sửa chữa bất kỳ bệnh gì. Mọi công việc đều được đảm bảo.

Dọn dẹp nhà cửa vào mùa xuân, nhanh và cẩn thận. Sàn nhà, cửa sổ, tầng hầm, gara ô tô, tầng áp mái, chuyên môn về ngoại thất. Dọn rác. Hãy cho biết yêu cầu. Đừng chậm trễ. Gọi cho Russell ngay hôm nay!

CẦN TUYỂN NGƯỜI

Đàn ông hoặc thiếu niên biết nghề chế biến bơ sữa. Tiền công tính theo tỉ lệ phần trăm lãi, nuôi ăn ở.

Tìm người sống cùng để bầu bạn và chăm sóc người cô bị tàn tật. Sạch sẽ, biết ăn nói, giọng đọc sách dễ chịu. Công việc phù hợp với một nữ sinh trung học siêng đi lễ nhà thờ. Hãy đích thân gọi điện và chuẩn bị sẵn giấy chứng nhận người theo đạo Cơ đốc.

Làm thêm tại nhà qua điện thoại để phân phát miễn phí các mẫu sản phẩm khuyến mại và các sản phẩm y tế cá nhân nhãn hiệu nổi tiếng trong nước. Công việc này không phải là mảnh lời quảng cáo. Chỉ những người nghiêm túc, năng động, mong muốn thành công hãy đăng ký.

Làm việc công nhật. Trả lương công nhật. Thời gian làm việc tùy chọn. Biết nhiều nghề càng tốt, nhưng cũng có nhiều công việc không đòi hỏi tay nghề chuyên môn. xếp hàng nộp đơn tại quán

của Rita vào đúng 5 giờ sáng, trừ các ngày Chủ nhật.

Đó là nội dung chính trên chiếc bảng đó.

Paco dụi mắt và xoa mặt, tự nhủ “Trời ạ, mình cứ tưởng là còn có những thứ gì đó khác ngoài thứ này”. Cái thị trấn nhà quê bé tí chết tiệt. Sao mình không có thêm hai đôla để đi tới thị trấn kế tiếp nhỉ? (Paco đã dốc hết tiền trong túi để đưa cho người lái xe rồi nói, “Khi nào hết tiền thì cho tôi xuống”, và số tiền đó đã đưa hắn tới tận bến xe buýt Texaco). Trong trường hợp tệ nhất mình sẽ xếp hàng ở chỗ Rita để kiếm một việc làm công nhật - mình tin là công việc ở đó cũng còn hơn khối việc vớ vẩn mình đã từng làm trước đây. Hắn quay gót bước trở lại đường phố, nắng vẫn chưa dịu và hơi nước dày đặc bốc lên tới đầu gối của hắn.

Hắn bước qua đường để đi về phía hiệu thuốc và bước vào sâu phía trong hiệu thuốc dưới ánh đèn neon sáng gắt, tay được sĩ đang ngồi sau một cái quầy cao ngang ngực. Paco hỏi xin việc ông ta, tự nhủ mình có thể sử dụng được máy tính tiền; mình biết quản lý tiền; chẳng cần giỏi giang gì cũng biết bán báo và tạp chí, thuốc lá và những đồ lặt vặt, đại loại thế. Nhưng tay được sĩ cúi người qua quầy bàn, nhìn Paco qua khe hở giữa những chiếc hộp đựng mẫu thuốc Alka-Seltzer và những hộp đựng bao cao su, và biết ngay lập tức rằng Paco đang dùng thuốc giảm đau, James à, rồi tính toán rằng nếu y để cho người này đứng trông quầy hàng thì lượng hàng bán ra của y sẽ sụt giảm 35 phần trăm trong chín mươi ngày.

“Tôi rất lấy làm tiếc”, y nói rồi quay mặt đi chỗ khác, lục lọi trong ngăn kéo để làm gì đó. “Tôi không giúp gì được. Không được”.

Paco nặng nhọc quay gót - bụng hắn đau từng cơn đều đều và nóng rất giống như một cái cờ đuôi nheo kêu phật phật vì gió mạnh. Hắn bước ra ngoài trời, lẩn vào trong hơi ẩm mát lạnh và nắng mặt trời ấm áp, đi sang đường và ngay trước mặt là cửa ra vào của một cửa hiệu bán phụ tùng ô-tô. Dây cu-roa của quạt động cơ và dây ống của bộ phận tản nhiệt treo ở khắp nơi - mùi cao su mới và dầu nhớt sạch tỏa ra khắp cửa hiệu. “Tôi đang tìm

việc làm”, hắn nói với nhân viên bán hàng - gã đó một tay đang cầm một chiếc bảng kẹp những tờ hóa đơn còn tay kia cầm những chiếc hộp đựng phụ tùng. “Anh đã thử tới xưởng đúc chưa?”, gã đó hỏi trong lúc khom người đi xuống một lối đi giữa các kệ hàng, miệng lẩm bẩm “lò xo van, lò xo van. Lò xo van E-44 ở đâu? Đây rồi!”. Gã chộp lấy một chiếc hộp, quay trở lại quầy bán hàng. “Anh đã thử tới chỗ Rita chưa?”

“Rồi”, Paco đáp, “nhưng đời tôi làm việc công nhật thế là đủ rồi”. Người bán hàng đi chậm lại, xuất hiện ở chỗ lối đi và nghĩ trong đầu “Không hiểu sao những gã vô công rồi nghề này lại kén cá chọn canh như vậy - ôi dào, công việc là công việc. Con người ta đi làm, hết giờ thì về nhà, có gì đâu mà phải nghĩ xa xôi; theo mình chỗ nào cũng vớ vẩn cả thôi”.

Sau đó gã lại biến mất ở sau một lối đi khác, gã tìm những miếng đệm ở nắp đậy chiếc van, những chiếc vòng của ống bô và đinh ốc của biển số xe bằng nhựa.

Ngay lập tức Paco bước sang đường và bước vào một đại lý bán bảo hiểm - văn phòng duy nhất trên phố có lò sưởi ấm đang bật. Những chiếc lò sưởi cao ngang đầu gối kêu ùng ục, lách cách. Trên tường treo đầy những phần thưởng của đội bóng softball^{58[1]} của giáo khu và những tấm bằng khen bán hàng màu sắc lấp lánh. Văn phòng kín đáo và tĩnh lặng như một thư viện, người phụ nữ ngồi sau chiếc bàn ở gần cửa ra vào nhất đang nhâm nhi trà chanh nóng trong lúc dùng một cây bút chì vót rất nhọn để đánh dấu những cái tên trong danh sách khách hàng thuê bao điện thoại. Bà ta co duỗi đôi chân sau tấm ván của chiếc bàn để tập thể dục cho các ngón chân.

“Gì thế, chàng trai?, bà ta hỏi khi Paco bước vào, bật ra một tiếng rung khe khẽ êm ái. “Tôi có thể giúp được gì?”.

Paco cố đứng thẳng người lên và hỏi xem có nơi nào cần tuyển người làm không.

“À ra thế, chàng trai”, bà ta nói, ngồi ngả người ra phía sau, từ tốn quan sát Paco bằng một ánh mắt giống hệt như những người khác trong thị trấn. “Tôi thực sự không biết một ai. Anh đã hỏi ông Hennig ở hiệu cắt tóc chưa? Mọi khi trên tấm bảng ở chỗ Boussierre vẫn đăng các tin rao tìm người làm những công việc khoán, đại loại thế”. Bà ta cân nhắc giọng nói của Paco - bà

ta làm công việc chào hàng qua điện thoại, bán các dụng cụ nhà bếp, đơn đặt tạp chí và hợp đồng bảo hiểm. Nghe cách Paco nói thì bà ta kết luận rằng hẳn sẽ không thật sự phù hợp với công việc này - ở phía trong, James à, có một căn buồng kín như hũ nút trong đó có sáu chiếc điện thoại. “Anh đã tới hỏi cửa hàng McDonald ở trung tâm thương mại chưa? Hiện tại chúng tôi không tìm kiếm cộng sự và thông thường chúng tôi chỉ tuyển dụng khi người xin việc có thư giới thiệu của một đại lý khác và có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm và bất động sản. Tôi chắc anh cũng thông cảm. Tôi rất tiếc không thể giúp gì được anh” nói xong bà ta cầm lấy tách trà và rút cây bút chì ra khỏi mái tóc.

Trong nháy mắt Paco đã lại ở trên vỉa hè, những giọt mưa rào cuối cùng chảy lách cách trong ống máng ở tầng trệt - vẫn là nắng vàng xuyên qua làn mưa xuân chiếu thẳng vào mặt hẳn khiến hẳn phải nheo mắt. Hẳn đứng ở góc đường và nhìn bao quát phần còn lại của con phố. Chéo góc với chỗ hẳn đứng, ở bên kia đường, là một quán ăn có vẻ bên ngoài bản thiêu mang biển hiệu *Texas Lunch*, có một mái che bằng khung hình chữ V bọc đồng ở lối cửa ra vào và cửa sổ to ở mặt tiền bám đầy hơi nước đọng thành giọt. Đối diện với *Texas Lunch* - cách một lối đi rộng lát gạch là Khách sạn Geronimo có mái hiên rộng rãi với những chiếc ghế xếp và ghế bành bằng mây đan ở đó những người cũ kỹ và nhàn rỗi (như lão già Cruikshank) hai tay đặt lên đầu gối, đầu cúi khom về phía trước ngồi sưởi nắng để trị bệnh viêm khớp, tán gẫu, đưa chuyện về người khác và nhổ bã thuốc lá nhai xuống đất. Ở trên một cửa sổ là một tấm biển đơn giản có viết dòng chữ:

CHO THUÊ PHÒNG THEO NGÀY,
TUẦN HOẶC THÁNG
(hỏi Earl)

Và ở trên một cửa sổ khác là một tấm biển hiệu bằng đèn nêông có dòng chữ:

KHÁCH SẠN Earl và Myrna

Có phục vụ bia và đồ ăn nhẹ

Xa hơn nữa, phía đối diện với chỗ Paco đang đứng là *Savic and Sons*, một cửa hàng gia đình bán đồ ngũ kim, James ạ, họ bán ví đựng tiền xu, găng tay hở ngón và những thứ linh tinh khác - kiểu như đồ bắt được - treo lủng lẳng bằng những sợi dây dài trên cửa sổ mặt tiền. Rồi phía sau chỗ Paco đang đứng trên vỉa hè và ở đằng sau khách sạn Geronimo là một nhà ga gần như bỏ hoang. Thẳng tắp về phía xa hơn nữa là những ngôi nhà một tầng giản dị được xây lùi vào phía trong, một cửa hàng trước đây của chuỗi cửa hàng bán trà A & P nay được đặt gọi là Cửa hàng bán Quần áo Hạ giá Clarence, một cửa hàng bán đồ rẻ tiền và những ngôi nhà một tầng khác nằm khuất sau những hàng rào cây tử đinh hương và hoa tú cầu. Bên phải Texas Lunch là quả đồi duy nhất thực sự đáng gọi là đồi của thị trấn với những con phố ngoằn ngoèo và những ngôi nhà nằm trên sườn đồi khá dốc. Paco vui sướng tận hưởng cái mùi vị ấm áp hăng hăng của nhựa đường nóng bốc lên từ mặt đường và cả mùi thơm cám dỗ của mỡ và muối. Hắn nhìn chăm chú vào Texas Lunch (có một người đang dùng một đầu chiếc khăn ăn để tẩy một vết bẩn trên mặt kính), tính toán xem còn bao nhiêu tiền (hắn biết rõ tới từng xu, James ạ) - một đôla và 46 xu: bốn đồng 25 xu là một đôla; ba đồng 10 xu, ba đồng 5 xu và một đồng 1 xu duy nhất tổng cộng là 46 xu.

Hắn đi chéo qua ngã tư, đi qua ánh sáng chói gắt - cái ánh sáng làm hắn chói mắt lúc này - để bước vào bóng râm mát dịu khiến hắn có cảm giác ngứa râm ran ở mặt nhưng đôi mắt thì dễ chịu. Hắn vẫn không rời mắt khỏi cái cửa ra vào to có hai cánh. Trên một ô kính cửa sổ nước mưa chảy rờn rờn có tên của quán ăn, TEXAS LUNCH, còn trên ô kính thứ hai là chữ ĂN TRƯA kèm theo là một tấm biển nhỏ có chữ MÓN ỚT NẤU KIỂU MEXICO. Paco tính nhẩm nhanh chắc đủ tiền để gọi một món ớt và bánh sò ⁵⁹[1] (những quán ăn như thế này bao giờ cũng phục vụ miễn phí một món ăn thêm là bánh sò) và một hoặc hai tách cà phê cho ấm người để tiếp tục chịu đựng. Một chiếc xe hiệu Jaguar XKE mui trần màu hạt dẻ sáng bóng, thứ màu hạt dẻ giống như màu của xe cứu hỏa, đang đậu ở ngay sát vỉa hè trước mặt, hơi nước bốc lên tay nắm cửa ra vào. Paco liếc nhìn vào bên trong xe

trong lúc hắn đi ngang qua - nước đọng trong chiếc gạt tàn, một chiếc áo thun sũng mồ hôi được cuộn tròn đặt trên ghế ngồi phía sau, bên cạnh là một đôi dép tông. Những điều thuốc lá và kính râm bị đắm nước mưa, cuốn sổ tay bỏ túi và cây bút bi, chiếc la bàn và những chiếc lược bằng sừng và một chiếc ví đầm bằng da cá sấu. Chiếc vỏ hộp sắt kê lách cách đang nguội dần. Hắn đi lên vỉa hè rồi bước qua chiếc mái che khung bằng đồng đã bị biến đổi màu sắc vì lớp bột màu xanh đặc trưng của gỉ đồng. Và tất cả diễn ra rất nhanh - tia nắng rất chiếu xiên, hơi nước mùi hăng hăng dày đặc đến nỗi người ta cứ ngỡ đôi chân của hắn bị cắt cụt đến đầu gối, mùi thức ăn bắt đầu khiến dạ dày của hắn réo âm âm. Khi hắn vừa đặt chân lên bậc thềm được gia cố bằng sắt ở các mép thì gió lùa không khí ấm áp qua cánh cửa đôi to khiến tóc hắn dựng lên và chiếc áo gió bị thổi phồng lên, và khi Paco bước qua cửa ra vào để vào bên trong quán Texas Lunch thì hắn thấy như thể đang bước vào căn bếp của ai đó. Paco trông nhợt nhạt và mệt mỏi, trông hắn thất sắc và toàn thân hắn ngứa râm ran. Hắn chọn một cái ghế nằm ở giữa dọc theo quầy rượu bằng phooc-mi-ca, móc chiếc gậy vào cái gờ và thả chiếc túi xách nhà binh xuống dưới chân. Một phụ nữ trẻ ngồi bên quầy rượu ở vị trí gần cửa ra vào, tách cà phê để trước mặt, chiếc quần soóc và áo chên chơi hockey bị sũng nước mưa dính chặt vào người - cô ta đang giết thời gian; chiếc XKE đang đậu bên vỉa hè và chiếc áo thun sặc sỡ là của cô ta. Đằng sau quầy rượu là một chiếc máy tính tiền có tay quay cũ kỹ, một vỉ nướng bằng sắt màu ghi, một lò ga bốn bếp, một nồi áp suất hiệu Anets, một lò điện nướng bánh mỗi lần được bốn lát và một chiếc chảo rán to (mỡ đang sôi sùng sục) và một tủ lạnh to như một cái tủ treo quần áo. Ở tít phía trong, tại vị trí tất cả mọi người đều nhìn thấy, là vị trí của người rửa bát - Texas Lunch quá chật để đặt máy rửa bát, ông có hiểu không, vì thế công việc rửa bát đĩa được làm bằng tay. Một anh chàng mặt lưỡi cày đang cúi người xuống một chiếc bồn rửa bát to hai chậu (giống hệt những chiếc bồn ở căn-tin của quân đội Mỹ ở trong nước, James ạ), anh ta vừa lẩm bầm nói vừa hát trong lúc quăng những chồng đĩa và những chiếc đĩa đặc biệt vào trong cái chậu ngập đến tận miệng nước bọt xà phòng nóng.

Ernest Monroe, chủ quán ăn, đang đứng bên sau quầy, chạy ra chỗ gần cửa ra vào để làm nhanh vài hơi thuốc (ông ta sẽ kể với ông, James ạ, “tôi đã mua lại cái quán này từ hai người Hy Lạp; không thể hiểu nổi làm sao mà hai gã đó lại có thể sở hữu một nơi có tên như Texas Lunch thế này, nhưng họ đã từng ở đây còn tôi hiện đang ở đây). Ông ta nhìn thấy Paco gần như xộc vào quán rồi đi thẳng tới chỗ giữa quầy. Ông ta hoàn toàn nhận ra cái nhìn chăm chăm của Paco từ cách xa một nghìn mét, cái vẻ ngoài xanh xao kiệt sức được thấy rõ từ đầu đến chân. Ernest ném mẩu thuốc lá vào cái thùng rác ướt, cầm lấy một bảng thực đơn ở trên cái giá nằm ở mặt sau một trong những chiếc hộp đựng khăn ăn nằm rải rác trên mặt quầy, đưa nó cho Paco và rót cho hắn một cốc nước, Paco uống một mạch (khát và mất nước). Ernest rót cho hắn một cốc nữa, Paco cũng uống một mạch, Ernest rót thêm một cốc nữa, Paco uống từng ngụm.

“Cà phê nhé?”. Ernest hỏi, thừa biết rằng ngoài bất cứ thứ gì những gã này đủ tiền mua - đôi khi chỉ là một cái bánh nướng xốp, đôi khi là một miếng bánh ngọt, đôi khi một bữa lót dạ gồm bít tết với trứng bất kể thời gian nào trong ngày - bất kể họ gọi món gì khác thì bao giờ họ cũng muốn gọi cà phê. Paco gật đầu, nhìn chăm chăm vào cái nồi nấu món ớt trên bếp ga, miệng nồi dính những vệt thịt bò bị cháy. Ernest lau tay vào tạp dề, gấp nó làm hai rồi gấp tiếp làm hai thành miếng lót dày ở trước bụng rồi rót cà phê cho Paco vào trong một cái cốc có hình dáng tròn tiện lợi, tay cầm dày, kiểu những chiếc cốc mà ta thường nhìn thấy ở quán ăn tự phục vụ tại những khách sạn ven đường. Paco xem lướt từ trên xuống dưới bảng thực đơn có một trang duy nhất, chủ định biết giá của món thịt bò hầm ớt rồi mới hỏi món bánh sò (đôi khi được cộng thêm vào món chính). Hắn rót một nửa in-sơ sữa rồi rót tiếp thêm nữa vào trong cái cốc (đây gọi là cà phê kiểu Boston, James) và rất nhiều đường, hết thìa đây này đến thìa đây khác.

“Món ớt giá bao nhiêu?”. Paco hỏi vì không tìm thấy món đó trên bảng thực đơn, nhưng mắt vẫn không rời cái nồi - đã đến lúc sẵn sàng hứa hẹn bất cứ điều gì miễn là giải thoát khỏi cảm giác đau nhói ở bụng vì đói còn cao.

Ernest quay lại cầm lấy cái môi có cán dài để đảo đáy nồi. Ớt bốc khói và kêu ùng ục. “Một suất ớt nấu kiểu Mehico do quán chúng tôi tự tay nấu -

chắc chắn vừa bổ lại vừa no bụng - kèm theo cà phê chỉ phải trả tổng cộng một đôla mười bảy xu chưa kể tiền boa. Dùng với bánh sò và một chiếc thìa to. Món này làm người ẩm lên rất nhiều. Anh muốn ăn không” - Paco gật đầu, tỏ vẻ biết ơn - “Cho tôi thêm nước lọc!”, hắn không uống theo ngụm mà uống lèo một mạch. Ernest đem món ớt tới (thịt bò với gia vị là ớt, thìa là, tỏi, ớt ngọt, kinh giới và chỉ dùng bột ngô cho sánh - không có đậu hạt, không mì ống, không bất kỳ thứ gì khác, ông biết không), đặt chiếc đĩa ngay dưới mũi Paco. Mùi thơm hấp dẫn của gia vị ngọt, cay bốc lên mặt hắn - làm hắn cay mắt; nước miếng ứa ra trong miệng hắn. Hắn bẻ một miếng bánh sò rồi rưới ớt còn nóng lên đến nỗi tạo thành một cái vỏ trên bề mặt giống như cái màng của sữa nóng trong một cái cốc lạnh. Ernest đứng cạnh hắn, ông ta đi một chiếc giày da to có những vết đốm bẩn vì nước tinh bột khoai tây. Monroe là một người đàn ông cao lớn, là khách hàng tốt nhất của chính mình, ông ta có những vết sẹo vì dao cắt và những vết bỏng vì mỡ trên mu bàn tay; lái một chiếc xe hiệu Mercury đời 1848 màu kem còn mới tinh và ông ta đã tham gia Thế chiến II trong lực lượng lính thủy đánh bộ. (Nói cho cậu biết một điều này, anh bạn trẻ ạ, một khi đã là một tên lính thủy đánh bộ mắc dịch của Hải quân Mỹ thì suốt đời anh sẽ là một tên lính thủy đánh bộ mắc dịch”).

Paco cúi xuống đĩa thịt bò hầm ớt, ăn chậm rãi, thường thức nó, ớt làm miệng hắn cay xè; hắn liên tục bỏ thêm vào đĩa những miếng bánh sò, uống ực một hơi từng cốc nước lạnh để chống mất nước, nhấp từng ngụm cà phê Boston pha rất nhiều đường. Vào đúng lúc này, cái ánh sáng vàng chói nhòa đi trong làn mưa xuân lúc này chiếu một vệt thẳng vào cánh cửa sau (một sự hiện diện hoàn toàn bất ngờ khiến mọi người đều giật mình nheo mắt lại), nó chiếu sáng tất cả mọi thứ - dụng cụ nấu nướng công nghiệp, những bếp đun bằng gang, xẻng nấu ăn và những cái thìa bóng loáng vù dùng nhiều - những tay cầm bằng gỗ sáng bóng nước gỗ. Cái ánh sáng rực rỡ trong trẻo này còn bị dội lại từ những ngôi nhà ở bên kia đường, ánh sáng chói lòa lung linh tràn vào những ô cửa sổ rờn rờn nước mưa nom như ánh nắng mặt trời rực rỡ chiếu qua một kính chắn gió xe hơi lấm bùn và dường như làm tăng thêm

mùi vị của con phố - vỏ hộp sắt của chiếc xe hơi hiệu XKE, nhựa đường bị mặt trời hun nóng bốc hơi và được tưới mát bởi cơn mưa.

Paco tiếp tục ăn, rút cục đầu óc hẳn đã hết mụ mị, hẳn nhớ ra là trời vừa mưa (vì nhận ra đôi giày bị ẩm ướt); Ernest Monroe làm một điều thuốc nữa và bắt đầu tranh luận với Peterson, nhân viên rửa bát, ông ta đang nhớ lại cơn mưa xuất hiện đột ngột lúc này đã tràn vào quán qua cửa ra vào như thế nào. Người phụ nữ trẻ - James, tên cô ta là Betsy Sherburne - đang ngồi trên chiếc ghế ở gần cửa ra vào nhất, một chân móc ở bên dưới, đang nhai cái đuôi tóc cột kiểu đuôi ngựa và nghịch với chiếc cốc uống cà phê và chùm chìa khóa - cô ta đang quan sát Paco, ông có thể coi đó là điều chắc chắn, James ạ, cô ta bị kích thích trí tò mò; cô ta thấy hẳn hấp dẫn, không nghi ngờ gì nữa - cô nàng đang nhớ lại mình đã phải chạy dưới cơn mưa rào lạnh buốt như thế nào khi từ Griffin tới đây.

Lúc đó, đúng lúc người thợ máy và Paco bước vào quán Tender Tap của Rita thì Betsy, từ hướng khác đi tới trên chiếc xe mui trần hiệu Jaguar XKE có màu giống xe cứu hỏa, cố chạy trước cơn mưa rào đang bất ngờ đổ xuống thành phố. Khi *frông*^{60[1]} đã đi qua, nhiệt độ hạ xuống 15 độ và cô ta giống như đang lái xe vào trong bóng đêm (tối tới mức như vậy đấy, James ạ). Cô ta hạ mui xe xuống - “muộn quá rồi, đồ chó đẻ!”, - radio bật to hết cỡ và máy sưởi đặt ở chế độ cao nhất để sưởi ấm đôi chân. Cô ta lái xe vào thị trấn, đỗ xe cạnh vỉa hè ở chân dốc trước mặt Texas Lunch, nhảy ra khỏi xe - trời vẫn còn mưa xối xả, ông biết không - rồi chạy nhón chân vào bên trong, quần áo cô ta dính chặt vào người. Ngay cả Ernest, người đã biết Betsy hầu như từ khi cô ta còn bé - đủ già để làm bố cô ta - cũng phải thừa nhận rằng nhìn thấy cô ta lao vào trong quán trong bộ quần áo ướt sũng dính chặt vào người như vậy bao giờ ông cũng thấy bị kích thích ở bụng dưới.

Vào đúng lúc đó, James à, chúng tôi có thể đứng ở ngoài trời, đứng ở chỗ viền bóng râm của cái ánh sáng rực rỡ đó của lúc chiều muộn, những giọt nước mưa cuối cùng đang rỏ tong tỏng trên mái ô văng nhanh như tiếng trống dồn; tiếng nước mưa rỏ xuống tấm ván rêu mốc trơn chuôi nghe to như tiếng vỗ tay. Chúng tôi có thể đứng trong làn hơi nước ẩm áp đó - hơi nước bốc lên đến tận đầu gối - và nhìn qua phía trên cái chiếc đồng hồ bọc

gỗ hồng sắc và nắp ca pô múp về phía trước của chiếc xe hiệu XKE của Betsy để ngăn cô ta đang cúi xuống cốc cà phê và chùm chìa khóa của mình, cô ta đang vừa cúi lại vừa vui; cô ta đang giết thời gian, ánh sáng chói lọi khiến cô ta lóa mắt và rọi xuống mặt đất cái bóng rất rõ của cô ta. Mái tóc rậm của cô ta dầm nước mưa được vắn thành một cái đuôi ngựa dày và rậm - nhìn từ xa nó trông như được rắc phấn trắng; một ít tóc bết vào gáy và trán; chiếc áo dệt kim chơi hockey của học sinh trung học và chiếc quần bò xố gấu ướt sũng bó chặt vào người một cách khó chịu. Chúng tôi có thể đứng trong bóng râm mát rượi đó, thoát khỏi cái ánh sáng vàng chói nhòa đi trong làn mưa xuân ấy, James à, và kìa! Vào giây phút đó, Betsy đẹp hơn bao giờ hết và sẽ chẳng bao giờ nàng còn đẹp như vậy nữa.

Giả sử chúng tôi có cách nào đó chụp được toàn bộ hình ảnh này: hơi nước ẩm có mùi thơm bốc lên tới đầu gối, chiếc xe hiệu XKE đọng những hạt nước mưa, hình uốn cong gọn gàng và duyên dáng của kính chắn gió phía trước tương phản với đường cong duyên dáng của nắp capô thoải về phía trước, mùi của động cơ đang nóng được bảo dưỡng tốt và da bọc ghế đắt tiền bị ẩm; mái hiên xiêu vẹo bằng đồng đã lên gỉ xanh; ánh sáng chói gắt lọt qua cửa sau của quán - cũng cắt một cái bóng rõ nét của Paco - đan chéo với ánh sáng khuếch tán dịu dịu ở khắp nơi, nó được phản chiếu từ những ngôi nhà ở bên kia đường, khúc xạ qua cửa ra vào có rèm che kiểu nhà ở trang trại đồng quê và những ô cửa sổ nước mưa tạo thành những vệt nước và những tấm rèm bằng vải ca-rô màu xanh sáng kiểu hay dùng trong các quán cà phê; khuôn mặt và cơ thể ẩm ướt và mát lạnh của Betsy trông giống như đồng được đánh bóng kỹ bằng tay (kèm theo mùi vị đặc trưng của thời tiết ẩm ướt và da bọc ghế ẩm ướt tỏa ra từ người cô ta); những tia sáng lấp lánh phản chiếu từ những dụng cụ nấu ăn; mùi thơm ngào ngạt của ớt nấu với gia vị, dưa muối, bát đĩa bị mờ xỉn vì chất tẩy của nước rửa bát; những tờ giấy keo dính diệt ruồi hình xoắn ốc lốm đốm đen được treo trên trần nhà trông giống như thạch nhũ; và mùi của lớp nước đóng băng dày và khô bám trên tấm kính của chiếc tủ lạnh to; tất cả những cái đó hòa nhập với vẻ khoái lạc gợi tình của Betsy - nếu cái toàn thể đó, nếu toàn bộ hình ảnh đó có thể được chụp lấy và đóng băng lại - chứ không chỉ đơn thuần được

chụp bằng máy ảnh, ông lưu ý nhé, không chỉ đơn thuần ghi lại bằng máy quay phim - thì nhiều năm sau chúng ta có thể lấy nó ra, James ạ, rồi nhìn nhau và nói, “Ngày ấy cô ta đẹp làm sao!”.

Và Paco không bỏ qua cái khoảnh khắc ấy, ông nên biết điều đó. Betsy không phải là thiên thần đối với bất kỳ ai, ông có hiểu không - bà mẹ đã nói thẳng vào mặt cô ta là “đồ dĩ rác”. Hầu hết bọn thanh niên hay la cà ở quán của Rita đều rất thích cô ta, họ gọi cô ta là “bảng xổ số của thị trấn” và họ ba hoa về cái hăm tuyệt vời của cô ta - “cái hăm nhìn là muốn ăn liền”, gã có yếm hầu đã nói vậy.

Chính Betsy là người lúc trước đã lấy một nắm giấy ăn rẻ tiền để lau kính - cô ta lau những chỗ hơi nước đọng cho tới khi giấy ăn biến thành một cục bột giấy - vừa lau vừa quan sát Paco bước hình chữ chi trên mặt đường bốc hơi nước dẫn tới Texas Lunch, nhìn thấy Paco mỗi lúc một từ người nặng nề hơn lên chiếc gậy bằng gỗ óc chó màu sẫm của hắn.

Cô ta ngồi trên chiếc ghế ở vị trí đầu tiên, người ẩm ướt và run vì lạnh, nghĩ trong đầu rằng sẽ thú vị biết mấy nếu được ngủ với Paco, chuốc rượu cho hắn say rồi đưa về nhà rồi hai người sẽ làm tình trên chiếc ghế xô-fa ở căn phòng nhỏ làm thêm (bố mẹ cô ta đang có chuyến du lịch hàng năm bằng tàu biển vòng quanh thế giới; cô ta tưởng tượng rằng sáng hôm sau hắn sẽ thức dậy trước, tắm trong bồn của người giúp việc rồi bước ra đứng ở cửa thông ra hiên nhà có lưới sắt để ngăn hàng rào bằng những bụi cây rậm rạp sum suê và hoa cẩm tú cầu nở trắng như màu bạc chạy xuống tận bờ sông. Ánh nắng ban mai phản chiếu từ mặt nước con sông lên sườn đồi, bên dưới những vòm cây (đường ngắm của Paco trùng với góc của ánh sáng). Và ánh sáng phản chiếu từ mặt nước tạo thành những vệt ngoằn ngoèo, run run, nhấp nhô trên khắp trần của mái hiên - và khuôn mặt của Paco cũng lung linh ánh nắng.

Betsy ngồi trong Texas Lunch, trong ánh sáng chói gắt sau cơn bão, để tưởng tượng toàn bộ chuyện này. Cô ta cũng tưởng tượng những cái sẹo nổi cuộn trên lưng của hắn từ trên xuống dưới, và cái cách mà những vết sẹo đó biến mất sau đôi vai và bên dưới mái tóc của hắn; cái cách cô ta sẽ tựa đầu lên vai hắn và vuốt ve những vết sẹo trên bụng hắn (nhìn thấy cu của hắn

dựng lên, cô ta sẽ dùng các đầu ngón tay giật nó giống như cô ta đang vuốt mượt một bộ lông), những vết sẹo màu hồng và tím tủa ra theo mọi hướng - cái bụng cuộn cuộn thịt săn chắc của Paco, những chỗ nổi lên ở những vết sẹo (cô ta ngỡ như nghe thấy tim của hắn đập). Cô ta tưởng tượng sẽ lần theo những vết sẹo của hắn như thể chúng là chữ nổi của người mù, như thể mỗi một vết sẹo có một câu chuyện riêng. Betsy ngồi ở đó, một chân gác ở bên dưới, đang nhai cái đuôi tóc đuôi ngựa và tưởng tượng cô ta và Paco trở thành người tình của nhau, nhưng đó là một rung động thôi thúc mà cả hai đều không làm theo, James ạ, mặc dù mùa hè năm đó họ đã tình cờ gặp nhau không biết bao nhiêu lần.

Paco đã lấy lại sắc mặt; má hắn đỏ ửng, hắn cảm thấy rút cục bụng ấm lại nhờ rượu whiskey - chưa kể cái món ớt nấu gia vị và cà phê nóng. Cuối cùng hắn ngược nhìn lên, đặt thìa xuống và hỏi thêm cà phê. Ernest rót đầy cốc cà phê và nhìn hai người - Paco ngồi ở một đầu và Betsy ngồi ở đầu bên kia của dãy ghế bên quầy - và ông ta muốn cười phá lên. Nhưng đúng lúc ấy ông ta chợt hiểu ra rằng thức ăn và Betsy không phải là những thứ duy nhất khiến Paco bận tâm và trước khi Paco kịp cất lời thì ông ta đã quay lại nói với người rửa bát, “Này, Peterson! Ngừng tay rồi chạy tới chỗ Elliot hỏi xem ông ta đã sửa xong chiếc ghế xích đu của tôi chưa”. Anh ta thả một chồng đĩa nữa vào nước rửa bát nóng sủi bọt, giật phắt chiếc tạp dề khỏi người (lốm đốm những vết bẩn) rồi động tác tiếp theo là quay người và lao nhanh ra ngoài qua chiếc cửa to ở lối sau nhà.

Paco vươn vai, muốn tìm cái gì để dựa lưng, nhưng hắn cảm thấy ấm áp và lấy lại sinh khí. Hắn rút một bao thuốc lá nhần nheo từ trong chiếc áo sơ-mi vải flannel và châm một điếu.

Ernest xuất hiện với một bình cà phê mới, sau khi đã hâm nóng cốc cà phê của Paco. “Anh biết làm công việc rửa bát chứ?”, ông ta hỏi trong lúc dùng đưa chiếc cốc thủy tinh Pyrex về phía chiếc bồn rửa bát. Betsy ngoái cổ lại nhìn hai người.

“Tiền công bao nhiêu?”. Paco hỏi, linh cảm rằng hắn cần phải tỏ ra thật khôn khéo.

“Tôi đang trả cho anh chàng kia 2 đôla một giờ, nhưng anh ta vô tích sự. Tôi sẽ trả cho anh 2 đôla 25 xu. Nếu anh được việc, tôi sẽ nâng lên thành ba đôla. Chúng tôi mở cửa lúc 6 giờ sáng và đóng cửa lúc 11 giờ đêm, tuần làm việc sáu ngày. Anh sẽ bắt đầu làm việc lúc mười giờ rưỡi hoặc mười một giờ sáng, bê bát đĩa, rửa bát cứ thứ gì trong bếp, có thể làm phục vụ bàn khi chúng tôi đông khách. Không có gì phức tạp cả, chỉ cần hỏi khách gọi gì rồi nói lại với tôi. Nếu họ gọi món không có trong thực đơn, hãy bảo họ cuộc bộ tới tận Hogadorn rồi gọi món “Razzberry” ở quán Ngày tận thế. Sau khi quán đóng cửa, anh sẽ rửa tất cả bát đĩa, lau khô rồi xếp gọn gàng vào một chỗ. Thông thường chúng tôi khóa cửa vào quãng nửa đêm. Có chỗ ở chưa?”. Paco định nói chưa có nhưng chưa kịp mở miệng thì Ernest đã nói, “Anh sang khách sạn Earl and Myrna ở đối diện bên kia đường rồi nói với họ là anh làm việc cho tôi. Chỗ đó sạch sẽ, đừng dẫn, lại gần nên anh có thể thức dậy muộn”. Ông ta bước sang một bên rồi đi xuống chỗ máy tính tiền ở gần chỗ Betsy ngồi, mở ngăn đựng tiền, lấy ra một tờ hai mươi đôla. “Đây là hai mươi “đô” tạm ứng. Hãy trả trước cho Earl. Hiểu không?”.

“Hiểu, cảm ơn”, Paco đáp, hắn cảm thấy lưng kêu răng rắc vì đau.

“Tốt”, Ernest nói. “Như thế là 2 đôla 25 xu một giờ. Tôi nuôi ăn, miễn là anh đừng ăn thùng nôi trôi rế nhà tôi ra. Nhưng có một câu hỏi”, rút cục ông ta cũng tò mò - Betsy nghe ngóng - “Vì sao lại có cái gậy kia?”

Paco khịt khịt mũi, nhìn những vết sẹo vì dao nhà bếp trên mu bàn tay của Ernest, cầm lấy cốc cà phê, hơi ấm dễ chịu tỏa ra từ cốc cà phê, gần như khiến hắn thấy đau, và hắn nhìn xuống cái tay cầm hình cong vui mắt, mặt gỗ đã bị rạn, của chiếc gậy bằng gỗ óc chó, rồi nói, “Tôi bị thương trong chiến tranh”. Hắn đột nhiên thấy toàn thân đau nhức như có vật gì cứng đâm, từ đỉnh đầu tới gan bàn chân.

Betsy giật nảy người ra đằng sau như thể bị ai đó cấu - cô ta nhìn ra chỗ khác rồi nhìn xuống đất, gõ chùm chìa khóa vào cốc cà phê. Cô ta chỉ có thể hình dung ra những vết sẹo trên gáy của hắn giống như một tờ giấy nển gói thịt gà thông thường bị vo tròn lại rồi sau đó được trải ra và vuốt cho phẳng, tờ giấy phát ra tiếng kêu răng rắc.

“Tôi cũng vậy”, Ernest nói rồi vạch chiếc áo phông để cho xem vết sẹo màu sẫm hình lưỡi liềm ở bên phải ngực.

“Thôi, hẹn gặp ông vào sáng mai. Quãng mười giờ rưỡi, như ông vừa nói”, Paco nói, và Ernest gật đầu. Paco cầm lấy tiền và nhét vào túi áo khoác, cầm chiếc gậy và nhặt chiếc túi xách nhà binh lên - Ernest nói, “Hẹn gặp anh vào sáng mai, chào nhé!”; Paco đáp, “Cảm ơn vì đã cho tôi việc làm!”. - rồi ra khỏi quán. Hắn sang đường để đi tới Khách sạn, thỏa thuận nhanh chóng với Earl, một người đàn ông Ailen mặt mũi hồng hào, một phòng ở tầng trên, tắm một chậu nước nóng thật đã ở nhà tắm nằm ở cuối hành lang, nuốt chửng liều thuốc chống trầm cảm và thuốc giãn cơ dành cho chiều tối sau đó lên giường ngủ mà không buồn cả dờ dề đặc.

Quán Texas Lunch

Nào, chuyện này chẳng liên quan gì đến câu chuyện của chúng tôi, James à, nhưng bao giờ người ta cũng có thể đánh giá một nơi nếu nhìn vào kiểu cách thực đơn của họ.

Trước hết, có một vỉ nướng xúc xích ở ngoài trời, thực đơn được gắn trên những tấm nhựa màu đục đặt trên một cái quầy bằng gỗ dán cao đến ngực; cái lò bị dính lem luốc mỡ lưu cữu nhiều năm, thoang thoang mùi nước chanh còn sót lại và vương đầy bụi cát bay từ những lối đi lót ván dẫn tới một bãi biển rẻ tiền. Một đầu bếp trông ngô ngố, vụng về, một tay cầm một chiếc xẻng để lật thức ăn trên một cái vỉ nướng bị cháy đen còn tay kia cầm một chiếc đĩa xiên thức ăn, tất cả mọi người đều nhìn thấy mồ hôi của anh ta rỏ xuống thức ăn. Gia vị - ketchup đỏ tươi và mù tạc vàng óng ánh - được đựng trong những cái bình dung tích một gallon có nút ở trên nắp để ấn xuống cho phòi ra và nước dấm được rót từng giọt vào một chiếc thìa nhân Ekco có đáy bằng⁶¹[1].

Sau đó là một bảng thực đơn của nhà hàng, một quầy rượu thích hợp, những khách hàng quen sống ở khu vực xung quanh, họ thực sự ngày càng đông nhờ dịch vụ đặt hàng nhanh bánh pizza qua điện thoại; một đội bóng mềm, được quản lý rất tốt bởi ba người di cư là anh em với nhau, cộng với sự giúp đỡ rất lớn của bà mẹ bé nhỏ da trắng bệch của họ và hai ông bác không nói được tiếng Anh. Hai ông bác vui tính này làm việc trong nhà bếp (“Ở quê nhà chúng tôi không có cơ hội”, họ sẽ nói với ông như vậy nếu có dịp), họ hát những khúc nhạc của Caruso⁶²[2] và nhổ bã thuốc lá nhai ra sàn nhà. Họ lau bầu, họ vã mồ hôi, họ đánh trung tiện, họ chửi thề rất nhiều bằng tiếng Ý của vùng Napoli, nhất là khi thanh tra y tế của quận tới ngó nghiêng kiểm tra quán, họ gọi những viên thanh tra đó là bọn đàn độn đáng nguyên rủa, những đứa con hoang xấu xa của những mục đàn bà hư hỏng ăn trộm cừu - họ cười nhả nhổ và nháy mắt với nhau trong lúc vừa làm bánh pizza bằng tay vừa nhảy nhót hò hét khắp nhà bếp. Những người phục vụ

bàn, tất cả đều là những phụ nữ đứng tuổi, được trang bị đồng phục từ đầu đến chân trông vừa kệch cỡm vừa trẻ con, một sự pha trộn giữa đồng phục của nhân viên bán xăng và hộ lý có bằng; những người da đen có tuổi ăn mặc rách rưới làm công việc rửa bát và cai quản những người anh em dân đen hơn họ: những người thu dọn bát đĩa, đổ rác và làm các công việc ở quầy rượu. Đồ ăn ở đây nhạt nhẽo, bảng thực đơn bẩn thỉu, giống như ở *Texas Lunch*; đồ ăn giống hệt nhau, nói riêng với ông như thế, James ạ - nhưng ở đây bảng thực đơn to như một tờ báo lá cải, cứng như giấy gói áo sơ-mi và viết trông giống như một bảng giờ tàu. Mọi thứ vớ vẩn đều được mô tả như là ngon bổ, có nhiều gia vị cay, có hương thơm hoặc hương vị; cà phê ở đây nổi tiếng, muốn uống bao nhiêu tùy thích; còn tất cả các món khác đều có hương vị vừa ý, hấp dẫn, có lợi cho sức khỏe, tráng dương!

Có hàng ngàn những quán ăn như vậy, James à, mỗi quán đều có mẹo quảng cáo cường điệu. Một quán nọ có một chiếc bể cá dung tích hàng trăm lít được thắp đèn sáng trưng, bên trong có một dải san hô ngầm và một cái xác tàu đắm lúc nhúc những giống cá nhiệt đới hình thù xấu xí rất đắt tiền. Một quán khác lại có nhân viên chạy bàn kiêm ca sĩ rất xinh đẹp, họ mặc quần soóc da, áo sơ mi màu sáng, nơ con bướm phát sáng, họ nổi tiếng vì hát *a cappella*^{63[1]} của vùng Tyroli hơn là vì sự phục vụ. Một quán khác nữa lại cho dán lên tường những bức tranh rẻ tiền nhái theo tranh của hãng *Currier and Ives*, các mô hình tàu thủy kiểu cổ (gọi một bầu không khí câu lạc bộ thuộc loại như *Liên đoàn Ivy*^{64[2]}), họ có một sở thích đa cảm dành cho cái thứ được gọi là “bánh sữa nhân trái cây” (giống như chúng ta thích bánh hồ đào, James à) và những món tráng miệng trông lòe loẹt còn phảng phất cái vị tanh của kim loại được họ phục vụ với sự phô trương tự mãn cố ý giống như cách diễn hài thô kệch của Hugh Griffith trong phim *Tom Jones* - “Lạy Chúa! Tránh ra nào! [phù!] Nhìn đây, sếp!”. Rồi một quán có một tay đầu bếp bá láp giống như một diễn viên tồi, gã mặc một chiếc áo choàng màu trắng hồ bột cứng, quàng một chiếc khăn màu xanh sáng và đứng sau một cái lò nướng đặt trên một cái bục kê cao để tất cả mọi người đều nhìn thấy. Gã đi lại ở phía sau một cái vỉ nướng to tướng - khói của mỡ sôi bị hút ngay lập tức vào trong chiếc quạt thông gió kêu vù vù - gã lật những miếng

thịt tấm gia vị (“Gà giò nào!”), những miếng bít-tết bị quá lửa (“Thịt bò nào!”) và những rẻ sườn dài như cánh tay (“Sườn nào, *cưng!*”).

Còn có loại quán ở đó thực đơn do bồi bàn mang đến cho ông, các trang của thực đơn được đục những lỗ to rồi được khâu lại với nhau bằng một sợi dây màu vàng có thắt một quả tua đu đưa ở phía trên đầu của ông - danh sách rượu vang được đóng thành một quyển riêng trông giống như một cuốn album ảnh cưới. Trước đây bồi bàn thường là dân Paris, sau đó là những người Phổ, bây giờ họ có thể là người **Phổ⁶⁵[3]**, người xứ Basque hoặc người Việt Nam. Người chơi piano (tên là Horst hoặc đại loại thế) mặc một bộ complê đen và có một chiếc nơ con bướm đã sờn nom giống như một tài xế, ngồi sau một chiếc piano cánh loại nhỏ, “chơi piano” và sẵn sàng đáp ứng những đề nghị của khách. Vì mục đích này, có một chiếc cốc uống rượu mạnh to như chiếc ấm samovar⁶⁶[4] trong đó người ta nhét một vài tờ mười và năm đôla để bất cứ ai cũng có thể nhận ra sự gợi ý. Còn về các món ăn - Nửa con gà tươi nấu sốt Tarragon hoặc Món Thịt Bê hoặc Món Hàm Hăng Ngày hoặc Nồi Súp to - đồ ăn, James, được chuẩn bị trong nhà bếp ở dưới tầng hầm, vừa sạch sẽ vừa hiện đại, âm ỉ và tắt nập như có báo động cháy cấp độ ba. Bếp trưởng - một người Tây Ban Nha lực lưỡng, thô lỗ - đầu đội chiếc mũ bếp trưởng được gấp bẹt lại nom giống như một cái nấm, chiếc áo bị bật gần hết các cúc nên đám phụ nữ trong bếp có thể nhìn thấy bộ ngực của ông ta. Ông ta ngồi giạng chân trên một chiếc ghế đầu to, uống trà đen đắng hoặc rượu vang rẻ tiền, chỉ huy các phụ bếp bằng một giọng to và gay gắt và dùng một cái gắp than để vục hoặc kẹp bất cứ ai ở trong tầm với của ông ta - “Đun gần sôi thì ninh nhỏ lửa, đồ dần... Thái, thái, thái, chặt, chặt, chặt... Thêm tỏi vào, Renni, đồ ngốc, rồi rửa tay đi... Đảo kỹ bông cải xanh, đồ nát rượu... *Rắc*, rắc pho mát giống như mây dùng ngón cái và ngón trỏ để đếm các đồng xu trên bàn tay, như thế... Đổ cái nước sốt này đi! Mày định đầu độc tao đấy à, đồ dòi bọ? Đóng phéc- mớ-tuya lại rồi kéo quần cao lên, đây không phải là quán trọ đâu!”

Cũng có những quán ăn nhỏ có vẻ bề ngoài bẩn thỉu ở những thị trấn nhỏ - giống như *Texas Lunch* - ở đây thực đơn chỉ là một tờ giấy đánh máy dùng nhiều lần đã sờn, người ta đút nó vào trong một túi nhựa cứng màu

đen, một chiếc kẹp con bằng kim loại được khâu vào cái túi nhựa đó để kẹp những tờ thông báo Món Đặc Biệt Của Ngày. Các tờ thực đơn được xếp trong những vật trông giống như cái giá đặt dọc mặt quầy rượu bọc vải nhựa và ở sau những hộp đựng giấy ăn và những lọ muối và hạt tiêu. Ở phần trên của tờ thực đơn cái bản đó chỉ là một danh sách liệt kê đại loại thế này:

Súp của ngày

Nước quả

Xa-lát

và ở dưới cùng của tờ giấy đó, dưới tên gọi gộp chung là Tráng Miệng, là:

Kem

Nước quả

Bánh nướng

Bánh kem

Hoa quả dầm

và ở phần giữa của tờ giấy ta có thể tìm thấy tất cả những món khác:

Bánh hambơơ

Hambơơ các loại nhân

Hambơơ các loại nhân, gồm cả

Khoai tây rán kiểu Pháp hoặc khoai tây áp

chảo

đại loại như vậy. (Và ông nên biết một điều rằng, James, thực đơn nói tất cả thì có nghĩa là tất cả - ketchup mua ở cửa hàng mang về, mù tạt Brazil xay bằng tay, cà chua giống Early Girl thái lát mỏng chứ không phải là cắt thành những khúc to, dưa chuột ngâm, rau diếp xoắn hoặc rau diếp tím). Và khi bước vào quán ông sẽ biết ngay hôm nay sẽ có món súp gì, bởi vì có một cái nồi đầy súp đang đặt trên cái bếp ở bên cạnh lò nướng và cái chảo to có cái môi cán dài dính cạnh của những hạt đỗ bị vỡ, súp kem nấm và những món khác nữa.

Như vậy là ở thị trấn Boon có hai quán ăn: *Apocalypse*, một quán dành cho những người ăn chay nằm ở phía tây thị trấn tại vị trí cũ của khu đất Hogadorn, và *Texas Lunch* nằm ở chân ngọn đồi trong thị trấn, đối diện với khách sạn Geronimo.

Nổi tiếng nhất trong thực đơn của *Apocalypse* là món có tên là Điều Bất Ngờ Từ Đồ Tương, một thứ cháo màu xám sền sệt lổn nhổn được nấu bằng đậu tương Mexico, đậu phụ tự làm, một nắm to thảo mộc trồng trong vườn và một loại dấm nhầy nhầy, tất cả những thứ đó được đun cho gần sôi rồi ninh âm ỉ trong nhiều giờ, bốc mùi ra khắp cả quán như một thùng 20 gallon kim-chi Triều Tiên. Đầu bếp - vừa là chủ quán vừa là người điều hành - một lão già híp-pi vui tính, mọi người gọi lão là “Razzberry”, lão có bộ râu dài như chiếc xăm và tóc được tết thành những lọn xoắn dài rủ xuống, lão thích đi lại nghênh ngang trong phòng ăn trong bộ quần áo lao động hiệu Lee, James, để cổ vũ khách hàng và những tay bọ đầu cũng ăn, “Ăn! Ăn đi! Ai rồi chẳng phải chết!” trong lúc lão ăn chiếc hộp kem tươi Reddi Wip, mỗi lần như thế hai má đầy lông lá của lão lại phồng lên và đôi mắt tròn như lỗ đáo. (Hộp Reddi Wip phát ra tiếng kêu như nước rửa bát đang bị hút xuống ống cống, giống như tiếng kêu của rất nhiều con ngỗng).

Nơi thứ hai là *Texas Lunch* do Ernest Monroe sở hữu và quản lý, ông ta từng là một lính thủy đánh bộ tham gia trận Iwo Jima trong Thế chiến II. (Ông ta sẽ kể cho ông nghe, nhất là sau khi đã uống hai cốc vai rượu vang hồng ngọt lịm được ông ta nấu dưới tầng hầm, “Trận Guadalcanal suýt xơi hai hòn dái của tôi, nhưng trận Iwo Jima mới thực sự là bản tuyên ngôn độc lập chết tiệt của tôi”). *Texas Lunch* có cửa sổ cao và rộng ở mặt tiền, rèm cửa sổ bằng vải sọc chỉ cao lưng chừng, trần nhà cao được ốp theo lối cổ bằng những tấm tôn dập, một tá ghế đẩu nằm dọc theo quầy rượu và một nửa tá bàn ăn bốn chỗ phủ bằng vải dầu. Các món trong ngày đều rất đơn giản, James ạ - có ngày thì đậu và xúc xích Frankfurter, hôm khác là gan nấu với hành; sườn heo nướng, mì Ý lasagna, món ớt hầm kiểu Mehico, thịt băm viên, các món cá rán theo mùa, ớt ngọt nhồi thịt cừu và gạo, xúc xích Thuringe trộn khoai tây kiểu Đức - nhưng ông sẽ có một khẩu phần bình dân trong một thị trấn bình dân, và chẳng một ai phàn nàn gì nhiều.

Trong cái đêm đầu tiên trong thị trấn, Paco đã ngủ liền mười hai tiếng và thức dậy vào lúc ngày đã sáng bảnh, hẳn cảm thấy tương đối khỏe khoắn, sẵn sàng cho công việc. Hẳn rửa mặt, mặc bộ quần áo sạch và bước sang bên kia đường ngay sau lúc mười giờ. Ernest nhanh chóng chỉ cho hẳn chỗ để bát đĩa, khu vực phía sau nhà bếp, chậu rửa bát (ông ta gọi là cái cầu trượt nhỏ, James à) và giải thích sơ qua sơ đồ của quán rồi để mặc cho Paco tự mình tìm hiểu, xoay sở. Và lại, ông ta còn phải vào bếp chế biến thức ăn.

Bây giờ, James, liên quan đến một số cảnh tượng sắp được mô tả và để hiểu rõ hơn tất cả những cảnh tượng tương tự diễn ra tại *Texas Lunch*, chúng ta hãy xem thử cái cách Paco rửa bát đĩa như thế nào.

Hẳn bước vào qua cửa sau, treo gậy lên chiếc đinh trên vách bên của cái kệ nằm gần chiếc radio rồi mặc tạp dề - một miếng vải lớn có một dây buộc vòng quanh cổ và những dây buộc dài đủ quấn hai vòng quanh eo. Lúc này quán ăn mới chỉ đông khách phần nửa. Hẳn cho nước vào đầy các chậu rửa, đổ hai cốc đầy bột xút công nghiệp vào cái ngăn sâu bên phải và hai hoặc ba cốc nước rửa bát vào ngăn bên trái, đổ nước nóng vào cho ngập tới khoảng hai phần ba - sao cho nóng nhưng không bị bỏng tay. (Quy định y tế của quận ghi rõ rằng mỗi lần rửa chỉ được phép pha rất ít chất tẩy “vào nước máy đun thật nóng, sau đó bát đĩa phải được sấy khô ở nơi thoáng khí rồi mới được đem ra dùng”. Sau đó hẳn rót cho mình một cốc cà phê kiểu Boston cho rất nhiều đường, rồi đi thu dọn những cái khay chất bát đĩa cao ngất ngưỡng, thỉnh thoảng lại tình cờ đụng vào chiếc gậy khiến nó đung đưa.

Khách ở *Texas Lunch* ăn làm ba đợt riêng biệt, và lúc nào cũng có bát đĩa để rửa. Ernest mở cửa lúc sáu giờ sáng và phục vụ bữa điểm tâm cho tốp làm ca một trên đường tới nơi làm việc, sau đó là phục vụ tốp của ca hai và tốp tan ca ba. Vào tầm giữa buổi chiều, ông ta phục vụ tốp bắt đầu vào ca hai và tốp tan ca một và cuối cùng vào lúc tối muộn ông ta phục vụ bữa chính cho những người tan ca đào huyệt - theo cách một số người gọi “ca

ba”. Ngoài ra vào những giờ đã định còn có bữa sáng, bữa trưa và bữa tối thông thường.

Paco xếp khay ăn lên cái giá úp cho ráo nước ở bên phải, rồi xếp đồ thủy tinh, cốc uống cà phê và đĩa (hắn khum bàn tay lại thành hình cái chén để vun những thứ bỏ đi cho vào cái thùng rác cũ bằng sắt mạ kẽm, rác ùn lên lòe cả ra ngoài) sau đó bắt đầu ngâm đồ dao đĩa vào trong chậu rửa đầy dung dịch xút đặt ở dưới đất bên cạnh xi-phông.

Đầu tiên và trước hết là rửa đồ thủy tinh và một tá hoặc hơn một tá cốc uống cà phê. Hắn lấy cái rửa chai treo trên tường xuống, một dụng cụ nặng như chì có hai chổi lông dài và cứng, rồi ném nó vào trong chậu rửa. Sau đó hắn hít một hơi - xin nhớ là nước rất nóng - rồi cầm lấy một lúc hai ly thủy tinh, thọc bàn chải vào bên trong, xoắn nhanh hai lần, nhúng một hoặc hai lần trong bồn nước tráng (mùi thuốc thoang thoảng của nước xút nhờn nhớt bốc lên đầu hắn) rồi hắn đặt những chiếc ly thành hàng ngay ngắn trên chiếc giá nghiêng ở bên trái (được lót một tấm lưới cao su mềm). Toàn bộ bồn rửa đều nóng không thể chạm tay vào, xin nhớ như vậy, James ạ - Paco cúi người xuống chậu rửa và chậu tráng, hơi nóng bốc thẳng vào vùng giữa hai bẹn và bụng; hắn có thói quen đứng lên trên một cái thùng Pepsi-Cola để không bị ướt người và móc cái khóa thắt lưng vào cái mép cong cong của chậu rửa để giữ thăng bằng. Nhưng lần rửa bát đầu tiên bao giờ cũng là tệ hại nhất, một cực hình, “Một công việc khắc nghiệt thực sự”, Paco sẽ nói với ông như vậy, James ạ, sẵn sàng cho ông xem cánh tay bị trầy da, “nhưng tôi đã trải qua điều còn tồi tệ hơn, cho nên thế này không hề hắn gì”. Vào lúc hắn đã rửa xong một nửa số ly thủy tinh và cốc thì lại có một đợt thu dọn khay ăn khác – tới lúc này hắn vẫn chưa đụng tay tới một chiếc đĩa nào - khách ăn đông rộ lên lúc sáng sớm bắt đầu thưa dần. Paco lại đi một vòng khắp phòng, nhặt từng cái khay, dừng lại để rót thêm cà phê vào những cái cốc và dọn đĩa trên quầy. Công việc nhếch nhác nhưng có phương pháp - mỗi thứ đều có chỗ riêng của nó, James ạ, và tất cả mọi thứ đều nằm đúng chỗ của nó - ly và cốc được rửa ngay tức thì, được tráng sạch rồi xếp cho ráo nước từng cặp một, đĩa được xếp thành chồng, dao đĩa được thả vào trong

chậu rửa đặt dưới đất để ngâm còn xoong và chảo nấu ăn đã dùng xong trước thì được xối nước sau đó xịt nước cọ rửa.

Khi hăn đã rửa xong những chiếc ly thủy tinh thì xong việc với cái dụng cụ có lông cứng và dài đó và hăn bắt đầu với những chồng đĩa ăn món chính, những chiếc đĩa thường, những chiếc đĩa con đựng món phụ, bát đựng ngũ cốc, cốc cà phê uống thêm, bình đựng sữa uống cà phê bằng kim loại mạ thiếc, đĩa đựng bơ và các đĩa đựng món tráng miệng - mang được nhiều nhất có thể. Thông thường chỉ một phút ngâm trong cái chậu rửa đó là đủ cho bất kỳ cái đĩa nào, James ạ - trong lúc đó Paco đi thu dọn một cái khay khác chất đầy đĩa, nốc cạn cốc cà phê của mình, đi tiểu (không thêm rửa tay) - sau đó hăn cúi xuống chậu rửa, cầm lấy chiếc chổi có lông cứng, lấy hơi lần nữa (nên nhớ là nước vẫn còn nóng) rồi bắt đầu cọ rửa bất cứ thứ gì tay nắm được, miễn cưỡng ném nó vào trong chậu nước tráng. Khi chậu nước tráng đầy nước đến tận miệng, hăn thọc cả tay xuống nhắc ngược cả chồng đĩa có thể cầm vừa tay rồi đặt lên cái giá nghiêng ở phía sau những ly thủy tinh và cốc (lúc này đã gần ráo nước), hăn xếp những chiếc đĩa nom giống như những lát bánh mì được thái rất đẹp. Hăn cho thêm đĩa vào trong chậu rửa, lau khô tay và trước khi những chiếc đĩa đang ráo nước này có thể ráo nước làm ướt đồ thủy tinh thì hăn đã mang những chiếc ly và cốc tới khu vực ở phía trước nhà bếp, cạnh chiếc máy làm mát nước và máy pha cà phê bằng thủy tinh Pyrex. Sau đó hăn rửa loạt đĩa tiếp theo. Khi loạt đĩa đầu tiên để trên chiếc giá nghiêng đã ráo hết nước, hăn xếp chúng thành chồng rồi mang ra ngoài quầy - đĩa dùng cho món chính thì ở trên cái giá nằm phía trên lò nướng, bát đặt cạnh chiếc bếp đun bằng áp suất trên đó ở vị trí trong cùng có nồi súp đang đun sôi nhỏ lửa - bát đĩa va chạm vào nhau kêu lách cách. Khi loạt đĩa đầu tiên đã được rửa xong (có cái vẫn còn đang ở trong chậu tráng, có cái đang ráo nước), Paco cúi xuống bên dưới bồn rửa và kéo cái chậu ngâm rất kỹ những bộ đồ ăn. Hăn cầm lấy một nắm dao, đĩa và thìa rồi ném vào trong dung dịch xút, thỉnh thoảng cọ rửa thêm cho sạch vật này hoặc vật kia. Sau khi các bộ đồ ăn đã được súc rửa sạch, hăn bày chúng ra trên tấm lưới cao su trên giá nghiêng để chúng không bị dính những đốm gỉ sắt. (Nếu tay thanh tra của quận tới kiểm tra, bao giờ y cũng gọi điện trước

một ngày. Paco sẽ cọ từng cái dao đĩa bằng nước cọ rửa nhà bếp với một miếng bùi nhùi bằng thép, rửa tất cả trong dung dịch xút đậm đặc khiến hăn muốn ói mửa rồi sau đó dùng một chiếc khăn sạch lau cho tới kỳ không còn một vết bẩn - cách lau khô thủ công này hoàn toàn trái ngược với quan điểm của quận về thế nào là vệ sinh và có lợi cho sức khỏe, song như thế viên thanh tra sẽ không thể chê trách vào đâu được). Sau khi dao, đĩa, thìa đã khô thì hăn dùng tay bốc và quăng vào những chiếc thùng bằng cao su màu xám ở bên dưới quầy ăn để Ernest có thể dễ dàng thò tay xuống lấy ra một bộ đồ ăn.

Sau khi đã xong việc với đồ thủy tinh, đĩa và dao đĩa, Paco bắt đầu rửa tới nồi, chảo, khay nướng bánh và xiên nướng thịt, liễn sành và chảo rán. Sau khi hăn rửa xong những thứ này thì khay ăn lại chất đống nên Paco xếp gọn dụng cụ làm bếp vào một chỗ rồi đi một lượt khắp phòng ăn một lần nữa, nhưng trước tiên hăn tháo nước ở các chậu rửa, cọ rửa cho sạch rồi đổ đầy nước (bao giờ cũng là nước nóng nhất có thể). Giữa chừng công việc này là những lúc gián đoạn liên tục: gọi lấy thêm cốc uống cà phê, thìa, đĩa ăn món chính, những người giao hàng tới - người giao bánh mì, người giao thịt, thợ giặt, người cung cấp sữa tươi. Tất cả bọn họ đều đến vào những giờ khác nhau và lần nào Paco cũng phải ngừng tay để giúp họ dỡ hàng.

Vào một lúc nào đó giữa lúc đang làm việc, Paco ăn bữa điểm tâm của mình, quay ra đi tiểu, bổ sung cốc uống cà phê, bỏ thêm giấy ăn vào hộp, dọn dẹp thêm bát đĩa - phụ thêm vào việc chạy bàn - đi lấy thực phẩm trong tủ lạnh cho Ernest.

Quá trình diễn ra tuần tự và máy móc, James, người ta chỉ nhìn thấy hai cánh tay và tấm lưng của hăn, một chân hăn lúc đứng dịch sang bên này, lúc đứng dịch sang bên kia: Paco cúi xuống chiếc bồn rửa bát, làm bẩn nước nóng pha dung dịch xút và nước tẩy vào chiếc áo phông, quần và chiếc tạp dề hai lớp; móng tay của hăn trắng bột vì mỡ, má của hăn hóp lại và một mắt nhắm tịt vì hăn thường xuyên ngậm miếng thuốc lá trên miệng. Đầu tiên là đĩa của bữa điểm tâm (thường là toàn bộ đĩa của quán) và một vài cái nồi và chảo rán, sau đó là cao điểm bữa trưa và số nồi và chảo còn lại, tiếp đó là rửa toàn bộ số bát đĩa cho kịp bữa chiều (tới mức Paco chỉ cần nhìn là nhận

ra rất nhiều chiếc đĩa trong số đó và hầu hết các dụng cụ nấu bếp; ông nên biết là có những thứ hắt rửa một ngày năm hoặc sáu lần). Vào quăng trưa, Ernest bật đài sóng AM để nắm tin tức vật giá - các chủ trang trại trong lúc ăn trưa nghe rất chăm chú - (“... giá lúa mì trong tháng 9 tăng 50 xen một giạ, đàn gia súc 300 con giảm 32 xen một kg, đàn cừu 150 con tăng từ 25 xen đến 50 xen một kg, hạt đậu tương giao hàng vào tháng 12 giá giữ nguyên hoặc tăng tối đa 10 xen một kg...”) và thời tiết (“Áp suất cao vẫn tiếp tục duy trì cho tới thứ Ba, thưa quý vị, sau đây là tin vui: trời chắc chắn sẽ có mưa. Thời tiết ảm trong hai ngày cuối tuần và sau đó tiếp tục có mưa...”) và nhạc rock and roll⁶⁷[1] (ban nhạc Rolling Stones⁶⁸[2] rên rĩ “Ngựa hoang, ngựa hoang không thể kéo anh đi xa” - Paco hình dung họ đang ngã người về phía sau và rít lên “Ngựa hoang, ngựa hoang...”). Có những buổi Paco có thể ngồi xuống ăn bữa trưa - một chiếc bánh hambơơ 200 gam bằng bánh mì đen cùng với đầy đủ rau và gia vị (Paco chỉ cần tự mình làm lấy) và một cốc to sinh tố xay trộn sữa sau đó ra phía sau hút vọi một điều thuốc (trong lúc đi nhân thể dọn luôn thùng rác), một cốc cà phê nữa kiểu Boston với rất nhiều đường, rồi quay lại làm việc.

Quăng tám giờ tối, Paco thấy lưng nóng rát vì đau nhức, chân đau và mặt ngứa râm ran, và hắt đã chuẩn bị sẵn thuốc.

Vào lúc cuối giờ buổi tối, khi trời đã tối hắt, Big Buddy (tay kiếm lâm của quận, một gã to cao hơn Russell) và sĩ quan cảnh sát Miller và Webb (hai cảnh sát trực ca đêm của thị trấn) đột ngột rẽ vào quán, vẻ tự nhiên và quyết đoán, để ăn chực bữa tối. Lần nào Ernest cũng vồn vã (“Càng tốt, nếu không chúng ta cũng vứt chỗ thức ăn thừa đó đi!”, ông ta sẽ nói như vậy, James ạ - “Cơm thì bao giờ và ở bất cứ đâu cũng vậy thôi, chàng trai ạ. Đừng bao giờ từ chối nuôi cảnh sát”). Big Buddy đậu xe đi tuần ở trước cửa (ở vị trí ấy thì cả thị trấn đều khó lòng không nhìn thấy chiếc xe), bước vào bên trong, bao súng ngắn kê cột kệ, đặt một chân lên một chiếc ghế ở chính giữa theo cách thoải mái nhất có thể rồi vỗ bàn tay xuống quầy ăn-táp-táp-pi-ti-táp-táp-táp :

Mở cửa ra, Henry,

Để tôi vào trong đó!

Sau đó y quay sang gọi Paco lúc đó đang làm việc ở phía trong: “Chà, con Sên⁶⁹[1], lính mới hay hóm chưa kìa!”. Đối lại bao giờ Paco cũng ngược nhìn rồi đáp, “Sĩ quan Walsh, đừng gọi tôi là con Sên”. Một lát sau đó, Miller và Webb bước vào, họ bao giờ cũng ăn mặc cực kỳ diện, James ạ: quân phục màu xanh với các đường li được may nổi, các đường viền màu đỏ, còi bằng bạc, phù hiệu có ghi tên, ngù vai đặc biệt, thắt lưng bao đạn kiểu cách, bình xịt hcti cay, còng số tám và những thứ linh tinh khác. Có tối họ ngồi rất lâu, vừa ăn vừa nói chuyện gẫu.

Sau khi quán đóng cửa, Paco rửa nốt bát đĩa còn lại, lau bàn ăn, ghế và mặt quầy ăn, dùng khăn khô lau cái chụp máy hút gió ở phía trên vỉ nướng và nồi áp suất, mang nốt các túi rác ra ngoài và lau sàn nhà ăn bằng giẻ lau khô. Mỗi tối thứ Bảy Paco lại cọ rửa bếp lò, tủ lạnh chứa thực phẩm và cạo sạch xi-phông ở bên dưới bồn rửa - chiếc xi-phông to như một chiếc hộp đựng giày. Hắn mở nắp, lấy tấm lọc ra rồi cạo cái chất sền sền màu xám hôi thối rồi cho vào thùng rác. James, mỗi lần làm công việc rửa xi-phông này, Paco lại nhớ lại lúc hắn năm một mình một ngày rười tại cứ điểm Harriette - mùi hôi thối bốc lên từ rất nhiều những xác người chết đã hầu như thối rửa - và vì thế hắn trở về nhà vào các ngày thứ Bảy bao giờ cũng phải kiếm một ly rượu, “Cho whiskey, cảm ơn. Không cần đá”, hắn sẽ nói như vậy với Myrna tại Khách sạn Geronimo.

Nhân lúc chúng ta đang đề cập đề tài làm việc, James, có một sự thật hiển nhiên là khi những tên lính trơn chúng tôi thuộc Đại đội Alpha mệt mỏi quay về căn cứ tại Phuc Luc để nghỉ ngơi hai ngày (chúng tôi gọi là đổi phiên), thì Trung úy Stennert có thể dễ dàng hầu như bỏ qua việc chúng tôi đang làm gì miễn là “tất cả những thằng đĩ đực” phải có mặt đúng giờ vào lúc điểm danh buổi sáng. Chúng tôi hầu như chẳng bao giờ nói điều gì quan trọng với ông ta và Stennert rút cục cũng hiểu ra và ông ta hầu như không bao giờ hỏi han gì nhiều. Một số người trong chúng tôi thường lén đi tới các chỗ chơi gái quen biết trong thị trấn. Một số thường la cà quanh khu vực của đại đội để chăm sóc bệnh tiêu chảy, chúng tôi uống bất cứ thứ gì có thể mở

nấp, viết thư cho nhà và chơi bài poke với số tiền đặt cọc không nhiều. Những người bị thương còn có thể đi lại được thì nốc thuốc an thần và thuốc kháng sinh, cố gắng nghỉ ngơi theo cách tốt nhất để lấy lại sức cho lần xuất kích tiếp theo.

Nhưng Paco, Gallagher, Jonesy và Jigs, tay y sĩ quân y, và một số người khác thường tụ tập tại hầm boongke số 5 ở phía đông khu vực bảo vệ vòng ngoài của căn cứ - cái boongke ấy, James à, cao tới ngực và rộng bằng một gara đỗ được hai xe hơi - chúng tôi có thể yên tâm ngồi ở đó để uống bia và hút cần sa trong lúc chuyện gẫu. Dù có bôi cái thứ thuốc diệt côn trùng có mùi hôi hôi lên người thì suốt đêm chúng tôi vẫn phải đập muỗi. Đó là một cử động liên tục của đầu và bàn tay, James, lặng lẽ đập chúng hoặc xua chúng đi chỗ khác hoặc gãi nhẹ. Jigs thường mang đến cái gì đó để làm nước quả ép và một chiếc ghế ba chân thó được từ lều của lính cứu thương. Paco mang tới chiếc ghế cũ bằng vải bố loại dùng để ngồi trên bãi cỏ và hẵn thường ngồi lọt thỏm trong đó đầu gối nhô cao nom giống như hẵn đang ngồi trong một cái thùng. Gallagher thường ngồi trên một cái thùng đạn bằng gỗ nom như cái bậc thang dưới cùng của thềm lên xuống của nhà của hẵn ở quê nhà, hẵn thường ngồi tựa vào thành boongke để hút hơi mát vào lưng - những bao cát đã bị bục vì súng cối nã trúng hoặc đạn cối rơi cạnh đó. Jonesy ngồi trên mép của mái lợp hơi nghiêng của boongke ở ngay phía trên chỗ của Gallagher, đôi chân đu đưa, lưng tựa vào những cuộn dây kẽm gai, cách đó một trăm mét về phía đối diện là đầm lầy bùn nổi bong bóng và bìa rừng xơ xác. Chúng tôi nói chuyện thì thầm nên Jonesy phải gần như cúi gập người xuống.

Nếu ông đứng ở một khoảng cách hơi xa hai người đó một chút, James, ông sẽ chỉ thề rằng Gallagher và Jonesy sao nom giống như một thứ động vật tô-tem - nhiều người đã nói như vậy: nước da màu nâu nhạt gần với màu tro, móng tay hồng tươi, đôi mắt đen lạnh lợi trông cuốn hút; vết sẹo thâm nằm dọc hàm bên dưới môi; da mặt có nhiều vết đỏ sưng lên do cạo râu; khẩu súng ngắn được tra dầu bóng loáng nằm chéo bụng, và một đôi giày đã chiến được chăm sóc cẩn thận trông đen bóng (hẵn sẽ nói với ông: “Làm thẳng đàn ông dù sao cũng phải có cái đeo gì đó để mà hãnh diện”). Cái mặt

ngắn và mập của Gallagher hầu như nằm giữa hai đầu gối của Jonesy, đôi tai của gã bẹt gí, cái cổ ngắn và mập và những ngón tay chuối mẩn (“Đù mẹ, mày được giải Đôi Găng Vàng rồi đấy”, chúng tôi chọc gã rồi cười phá lên; gã cười nhăn nhó, chọc lại ngay, “Đù mẹ, mày thì có”, mắt gã nhấp nháy, nắm chặt các ngón tay lại thành nắm đấm). Gã quàng quanh cổ một chiếc khăn màu xanh, khẩu Magnum 357 nhét trong bao đeo ở vai, chân bám chặt xuống mặt đất, hình con rồng đỏ-và-đen từ cổ tay tới khuỷu tay được xăm trong một lần đi nghỉ phép tại Băng Cốc lấp lánh trông giống như một chiến lợi phẩm dưới ánh trăng (“Kiếm được cái này tại một tiệm xăm trổ”, gã khoác lác kể, “chỗ đó vừa là tiệm hút vừa là nhà thổ của bọn pêđê. Lão già đó chắc hẳn phải có hàng ngàn mẫu, rút cục tớ lựa được cái của nợ này. Đẹp đấy chứ”, gã vừa nói vừa giơ ra cho mọi người xem.

Một tối Gallagher mang đến một chai Johnnie Walker nhãn đỏ. “Tớ và thằng Paco đã thó được chai Johny Dub-ya^{zo[1]} này”, rồi Gallagher huơ chai rượu trước mặt mọi người, “thó của tay đại úy Culpepper đạo đức giả”. Gallagher hất hàm ra hiệu về phía căn lều của Culpepper trên gò đất cao - bóng của tay đại úy đang cúi gập người xuống trò chơi ghép chữ - “Tội gì mà để lại cái chai thối này cho ông ta trong khi tụi mình có thể dùng búa đinh đập vỡ cổ chai rồi đổ cho tới cạn không còn một giọt vào trong cái bồn vệ sinh của Đại đội Bravo ở ngay bên kia đường!”. Gallagher chỉ tay về phía những căn lều của Đại đội Bravo rồi khướ tay hai ba cái trước mặt để bắt muỗi. Gã mở nút chai, làm một ngụm lớn - đó là chai rượu của gã mà, James - rồi chuyền cái chai cho người khác. (Chai rượu cứ với dần từng ngụm một trong suốt buổi tối hôm ấy và có thể nghe thấy cái chai phát ra tiếng óc ách mỗi lúc một rõ hơn, âm thanh dội lại mỗi lúc một êm dịu hơn).

Paco bỏ bia ra còn Jonesy và Jigs làm nước quả rồi phân phát cho mọi người. Sau đó chúng tôi ngồi im lặng rất lâu, bị nuốt chửng trong cái nhóm nhỏ đó, uống rượu và hút thuốc - ngẫm nghĩ tư lự.

Gallagher người mỗi lúc một mềm nhũn, tựa vào thành boongke, miệng khê lẩm bẩm. Nếu chăm chú nghe có thể thấy gã lặp đi lặp lại “Cứt! Cứt đéo chịu được!”, bằng một giọng gằm gù nhát gừng. Hai ngày trước đó, một lính của Đại đội Bravo đã bị nát một cánh tay vì một quả đạn súng cối bắn chặn,

và Gallagher đang nghiền ngẫm về sự kiện này. Gallagher đã chứng kiến sự việc đó hoàn toàn ngẫu nhiên, nhưng không phải gã đang quan tâm tới bản thân sự kiện đó: gã lính đó đã được kéo vào trong boongke với cánh tay còn lại trông giống một bộ phận của môn giải phẫu, quả đạn súng cối 60 ly rơi rất gần gã đó kèm theo một tiếng “tách” to khi nó phát nổ, để lại một cái hố chỉ rộng hơn một vết giày một chút. Không đâu, Gallagher không nghĩ tới điều đó - “Đã chứng kiến chuyện đó nhiều rồi, Jack!” - gã chỉ nghĩ tới cái vẻ ngồ ngộ, ngớ ngẩn trên gương mặt của gã lính đó khi gã nhồm người dậy và nhìn thật lâu xuống chỗ ngay bên dưới khuỷu tay, chỗ còn sót lại của cánh tay bị cắt - rách toét trông giống như những sợi tua của chiếc áo bằng da hoẵng. Hoặc như sau này Gallagher đã kể cho Trung úy Stennert: “Nom giống hệt như khi ông cuộn một tờ báo lại rồi nhét vào phía trước của một cái quạt cây đang chạy tít, thừa sếp”, trong lúc nhìn chăm chăm vào mặt Stennert như thể chính ông ta đã làm việc đó.

Paco nhìn Gallagher dùng lưỡi tớp tớp bọt bia, hẩn nhìn chăm chăm vết hằn phẳng lì do cái chai whiskey tạo ra trên mặt đất tơ mềm giữa hai chân của Gallagher. Paco biết Gallagher đang suy nghĩ miên man về toàn bộ những điều trên, nhưng đột nhiên toàn bộ cơ thể gã run rẩy giống như một con ngựa đang xua những con ruồi và gã lãng sang chủ đề về bản thân hẩn. Gã rút một điếu xì gà (dạo đó gã hút xì gà nhãn Antonio Y Cleopatra) rồi châm thuốc bằng chiếc bật lửa Zippo trứ danh “Cút mẹ mày đi cho rồi” - đầu điếu xì gà nhanh chóng đỏ rực lên và một đám khói bốc lên quanh đầu điếu thuốc; không khí yên lặng, khói thuốc bốc thẳng lên thành một tia sáng mờ mờ rất lạ trong ánh trăng vắng vặc không bị vật gì che khuất.

(Hầu hết lính của đại đội đều có một chiếc bật lửa Zippo mua tại cửa hàng dành cho quân đội, James à, và nhiều người đã thuê khắc câu thơ nhại đoạn thứ tư của bài *Thánh Thi* 23:

*Ờ, dù tao bước đi qua thung lũng bóng chết,
tao sẽ chẳng sợ tai họa nào:
bởi tao là thẳng khốn nạn nhất trong cái thung lũng ấy.*

Nhưng Gallagher, gã sát thủ của đại đội, gã hay pha trò của đại đội, một gã vừa giản dị vừa thô lỗ, lại cho khắc trên chiếc Zippo của gã câu đối đáp có thể áp dụng trong mọi trường hợp:

Cút mẹ mày đi, nhóc.

Gallagher nhìn Paco tuồng như hai người có chung một điều bí mật, rồi nói: “Thỉnh thoảng tớ nghĩ tới ông già của tớ. Còn cậu?”. Paco, người có cha mất đã lâu, đáp: “Có”. Gallagher tu từng ngụm whiskey khi cái chai được chuyển đến chỗ gã rồi hắng giọng âm ỉ. Giọng nói của gã không có biểu hiện gì buồn bã, giống hệt như vào cái đêm gã kể cho chúng tôi về một người anh trai của gã bị chết trong một vụ tai nạn xe hơi - trời mưa như trút nước, chiếc xe bị trượt và thành xe va mạnh vào một bức tường chống.

“Bố tớ lái xe buýt ở thành phố Chicago - Công ty Xe khách Chicago thuộc Cơ quan Vận tải Công cộng Chicago; ông ấy lái qua các tuyến phố như trục phía Tây và Lincoln, Kedzie-Kimball-California và Lunt-Touhy, Broadway và Đường Sheridan. Tớ nhớ rằng ông ấy thường trở về nhà vào buổi tối người mệt bã ra, đờ đẫn. Các anh trai tớ, mẹ và tớ đã ngồi vào bàn ăn tối và mọi người nghe thấy tiếng ông ấy và đôi giày cao su mắc dịch đang bước lên bậc thềm của hiên nhà và sau đó ông thành linh xuất hiện ở cửa ra vào. Cả nhà ngoái đầu lại và nhìn thấy hình ông ấy trong chiếc gương lớn treo ở phía trên chiếc xôfa trong phòng khách. Cái nẹp bằng đồng trên cửa ra vào lần nào cũng phát ra tiếng kêu từng từng - mẹ để nguyên như vậy để dù có ai muốn mở nhẹ nhàng thế nào thì cánh cửa vẫn phát ra tiếng kêu từng từng đó (có lẽ các cậu sẽ trợn tròn mắt vì ngạc nhiên); không có chuyện ra vào ngôi nhà mà bà ấy không biết. Đang giữa mùa đông chết giẫm, các cậu có hiểu không, nên bố tớ mặc chiếc áo khoác dày và nặng có cái cổ to dựng đứng, hơi giống chiếc áo va-rơ to xù của công nhân đường sắt chỉ có điều nhiều túi hơn và nặng hơn rất nhiều, và một găng tay làm vườn bình thường. Tớ cam đoan là ngoài đôi găng đó ra tớ không nghĩ ông già tớ từng có một đôi găng tay tử tế nào trong cả cuộc đời chết tiệt của ông ấy.

“Cả nhà tiếp tục ăn nhưng tớ vẫn quan sát bố tớ cởi quần áo. Đầu tiên ông ấy tháo đôi găng tay, rút từng ngón tay một rồi hơ ngửa bàn tay bên trên chiếc lò sưởi thấp ở gần cửa ra vào. Vào mùa xuân, những ngón tay của ông cuộn lại trông giống như những cái móng vuốt, sợi bông bị các ngón tay làm sòn, bị xoắn ra và dính vào cả các đốt ngón tay. Tiếp đó đến chiếc khăn quàng màu xám mà bác gái của tớ đã tặng vào một năm nào đó, chiếc khăn, cái vật ấy được quàng quanh cổ của bố tớ và thắt nút lại nom giống như chiếc cà-vạt to. Sau đó ông ấy cởi khuy áo khoác - những chiếc khuy to như đồng đôla bằng bạc - rồi cởi áo và khăn rồi treo lên cái móc ở chỗ trong cùng của tủ. Cái tủ to bằng đồng thau đó có thể treo được cả một góc tư con bò. Sau đó ông cởi hai chiếc áo pun, một chiếc dày và rộng nom giống như áo của người chơi gôn còn ở bên trong là một chiếc áo bằng sợi dệt rất mịn, màu xanh nước biển, cổ hình chữ V mà ông ấy đã mua từ đời nào đời nào và có rất nhiều những miếng vá và mạng. Trong suốt thời gian này ông ấy vẫn đi nguyên đôi giày chết tiệt xấu xí ngoại cỡ to như hai cái xô đựng than, giày đã cởi dây nhưng chiếc quần bằng vải xéc thô vẫn nhét trong giày, trông cực kỳ nhếch nhác: Ông tháo cái vật mắc dịch ấy ra khỏi chân và nếu trước đó trời mưa hoặc có tuyết, tuyết tan và bùn sẽ bắn tung tóe lên tất cả những bức tranh quý của mẹ. Đôi giày được đặt trên cái khay nướng bánh lớn ở sau cánh cửa.

“Sau đó ông ấy bắt đầu với những dụng cụ của người lái xe buýt: kìm bấm vé, hộp đựng tiền, chiếc đồng hồ, và chiếc thắt lưng da to dùng mà những người lái xe thường đeo. Cái hộp đựng tiền to bằng cái hãm bằng gang ở cửa bếp. Có một khe cho đồng 1 xen, hai khe cho đồng 5 xen, một khe cho đồng 10 xen, hai khe cho đồng 25 xen và một khe cho đồng 50 xen. Tớ đoán là chiếc hộp có thể đựng được 35 hoặc 40 đôla. Có một cái khe dành cho đồng đôla bằng bạc, nhưng ông ấy không bao giờ dùng đến. Không hiểu sao cái khe này luôn đeo vận xui, có lần ông ấy đã nói với tớ. Tiếp theo là cái kìm bấm vé ông đựng trong cái bao da khắc ba chữ cái đầu của tên ông - DDG - và được kẹp ở thắt lưng. Chiếc kìm bấm rất nặng, được sản xuất tại Đức, khi bấm nó tạo ra một cái lỗ hình ngôi sao. Ông đặt cái hộp đựng tiền và chiếc kìm bấm lên chiếc bàn có cánh lật của mẹ tớ, mặt bàn đầy

những vết lõm và vết xước, và xám xịt vì những đốm nước. Sau đó ông rút chiếc đồng hồ ra khỏi túi ngực áo sơ mi nơi ông để chiếc bút chì; chiếc đồng hồ to như bàn tay, 17 chân kính, chữ số La Mã và kim giây mảnh như một chiếc kim khâu. Ông đặt chiếc đồng hồ xuống bên cạnh cái hộp đựng tiền và chiếc kim bấm vé. “Tớ còn nhớ”, Gallagher nói, khịt mũi và nhe răng cười, “vào dịp Lễ Tạ ơn và Giáng sinh ông ấy thường lôi cái vật chết tiệt ấy ra rồi nói dóc với các ông cậu của tớ rằng chiếc đồng hồ có giá bằng một tháng lương của ông ấy và khiến gia đình tớ phải nhin ăn. Ông ấy buộc chiếc đồng hồ vào một sợi dây tết bằng da dài một sải tay, sợi dây rủ xuống đầu gối ông ấy trong lúc ông đang lái xe và ông có thói quen lần sợi dây đó giữa các ngón tay, mân mê nó, tuốt từng mũi đan, giống như người già lần tràng hạt trong nhà thờ. Ông đặt chiếc đồng hồ xuống bên cạnh chiếc hộp đựng tiền và cái kim bấm rồi quấn sợi dây quanh chiếc đồng hồ giống như một thủy thủ ngày Chủ nhật cuộn dây trên boong tàu”. Và Gallagher làm động tác cuộn sợi dây đó trong không khí để tất cả đều có thể nhìn thấy dù trời đang tối.

Gallagher rót một ít rượu whiskey vào bia của gã, quấy đều một hai lần rồi tợp một ngụm. “Sau đó ông ấy tháo thắt lưng ông ấy đang đeo trên người, và tớ cam đoan với các cậu là tớ có thể nghe thấy cái vật chết tiệt ấy kêu lách cách cùng với mỗi một vòng cởi. Nghe tiếng động của cái thắt lưng chết tiệt đó tớ có thể biết ngay buổi tối hôm đó sẽ như thế nào. Nếu một tối nọ tớ thấy ông ấy bối rối rất dữ thì có thể ai đó sẽ chờ đợi một trận đòn. Ông già tớ sẽ cuộn cái thắt lưng chết tiệt đó vào bàn tay, đặt nó xuống chiếc bàn có cánh lật rồi dùng đầu thắt lưng phía có khóa để che các khe đựng xu của hộp đựng tiền. Có Chúa chứng giám, Jack, nhìn vào chồng tiền cao thấp hoặc sức nặng của các đồng xu trong lòng bàn tay là ông ấy có thể biết được chỗ đó là bao nhiêu. Lạy Chúa hãy rủ lòng thương cái thằng ngốc tội nghiệp đã thó của ông ấy dù một đồng mười xu, ông ấy sẽ biết ngay. Tớ nhớ nhiều đêm trong lúc đang lên gác để ngủ tớ ngoái đầu lại để nhìn xuống chỗ bậc thang cuối cùng và cái bàn có cánh lật và ở đó có cái hộp đựng tiền mắc dịch đó, đầy chật tiền, cái đầu có khóa của chiếc thắt lưng to bản mắc dịch đó được đặt nằm bên trên, lúc ấy trông nó giản dị và vô tình như là ta từ phía

sau đặt tay lên vai một người nào đó. Chính chiếc thắt lưng này ông ấy đã dùng để đánh đòn anh em tớ, các cậu có hiểu không? Tớ nhớ nhiều đêm nằm co tròn người thu lu trong chăn nghe thấy tiếng một ông anh nào đó của tớ bị ăn đòn - bọn họ nhảy lò cò, bò như cua quanh phòng ở nhà dưới - ông già tớ đuổi theo, xô đổ đồ đạc và vụt họ bằng cái thắt lưng chết tiệt đó, vừa găm, thét tức giận. “Đồ cứt đái xấu xa!”. Tớ lấy chăn, khăn trải giường hay gối bịt tai mà vẫn nghe thấy tiếng cái thắt lưng chết tiệt đó rề trong không khí rít lên. Các anh trai tớ và tớ vẫn còn lưu những vết sẹo vì cái khóa thắt lưng khốn nạn đó, đó là một loại khóa bình thường hình vuông được làm bằng niken nhẵn bóng với một cái chốt ngang dày.

“Bất kể chuyện gì”, Gallagher nói, dùng một lát để kéo một hơi xì-gà rồi thổi thành những vòng tròn khói trong không khí tĩnh lặng của ban đêm, “ông già tớ thường đứng trước cái tủ treo quần áo để “sắp xếp công việc đầu vào đây”, như cách ông ấy nói. Có tối ông ấy trở về nhà và ngồi luôn vào bàn ăn, có tối ông ấy đi thẳng lên tầng trên, nhưng có tối ông ấy loạng choạng đi vào phòng khách và ngồi sụp xuống chiếc ghế bành. Người ông gần như gấp làm hai, hai tay ôm lấy đầu, mắt gần như không nhìn thấy gì vì những cơn đau đầu, ông ra sức bóp da đầu bằng những ngón tay đỏ ửng lên vì lạnh cóng, mắt ông sáng rực, có màu đỏ lẫn màu trắng đục; đôi khi những cơn đau đầu chết tiệt đó kéo dài suốt đêm; nhiều năm sau này ông đã kể cho tớ nghe rằng những lúc ấy ông có cảm tưởng đầu của ông ấy rũ xuống như một cục sáp nóng.

“Mẹ, các anh trai tớ và tớ ngồi quanh bàn ăn, nhìn ông ấy, và tớ nhìn lâu nhất - việc tớ là đứa bé nhất trong nhà có liên quan đến điều này, tớ cho là thế. Thịnh thoảng ông ấy đứng rất lâu trước cái tủ treo áo đó - trong cái tủ đó nhà tớ treo đủ thứ, các cậu hiểu không: quần áo để chơi bóng bầu dục, dụng cụ sửa xe, bộ cờ Tỉ phú, bóng chày, đèn pin, tạp chí Reader's Digest, bộ tàu hỏa đồ chơi của hãng Lionel, áo khoác, ủng và túi đi chợ. Ông đứng ở đó trong đôi ủng cao su và chiếc áo khoác to và nặng, sặc mùi dầu mazut và khói dầu điêzen, vẻ mặt ông đột nhiên nhợt đi và đồ dẫn vì kiệt sức như thế ông vừa thức dậy và không sao tin nổi mình đang ở đâu và đang nhìn thấy gì.

“Cứt thật”, Gallagher tức giận nói (“Say mềm như bún”, như Jonesy thường nói). “Ông già tởm cả đời làm việc cực nhọc mà rút cục tất cả những gì ông nhận được là hai bàn tay bị hủy hoại, hai mắt mờ và một tấm thân lụ khụ.

“Còn điều này nữa, các cậu biết không”, Gallagher nói, khịt mũi và cười thích thú vì sự trớ trêu vừa phát hiện, sau đó hắt nốc một hơi dài cái hỗn hợp rượu và bia do hắt tự pha. “Vết mặt của ông ấy giống vết mặt của gã dờ hơi tội nghiệp của Đại đội Bravo bị thương cách đó hai ngày lúc hắt lết người ra khỏi boong-ke và nhìn chăm chú rất lâu vào cái chỗ còn sót lại trên cánh tay của hắt. Sau đó cơn đau bắt đầu lan lên đầu và mặt của gã đó và kể từ lúc đó gã la hét không ngừng”. Mỗi khi nhớ lại những tiếng la hét đó, tụi tởm đều rùng mình.

“Khốn nạn cho Đại đội Bravo”, Gallagher nói, lấy tay gạt muối trên đầu rồi đứng dậy - gã gần như đã giải quyết xong chai whiskey đó - “Làm sao mà thương được những gã dờ hơi đó cơ chứ?”.

Một tối sau giờ quán ăn đóng cửa, Ernest khóa cửa ra vào, tắt hầu hết các ngọn đèn, ông mang ở tầng hầm lên một bình rượu táo ngọt màu hồng, lôi một cái thùng to đựng khoai tây rán giòn đặt ở giữa phòng ăn sau đó rót cho mình một cốc thủy tinh to loại dùng để uống nước quả cỡ một phần tư lít rồi nốc một hơi hết một nửa. Ernest là thủy quân lục chiến trong trận Guadalcanal, ông đã cùng tiểu đoàn của Chandler Johnson đổ bộ lên đảo Iwo Jima^{21[1]} và đã trèo lên đỉnh Suribachi.

Ông ta ngồi giữa phòng ăn, xây lưng lại phía bộ sưu tập đồng hồ treo tường của mình - những chiếc đồng hồ quả lắc cổ dùng cho việc chấm công, những chiếc đồng hồ ở nhà ga, những chiếc đồng hồ thạch anh rẻ tiền đã vàng hoe vì phơi nắng mặt trời, những chiếc đồng hồ có chữ số là hình hoa lá, một chiếc đồng hồ bếp có hình một con mèo con đang cười, đuôi của nó di động theo tiếng tích tắc, và đủ các loại đồng hồ khác nữa.

Đột nhiên ông ta buột miệng, “Cậu bị thương ở Việt Nam hả?”, - kể từ lúc tới làm việc tại Texas Lunch Paco đã gây một sự tò mò; người ta luôn thấy hắt tất bật thu dọn bát đĩa, chiếc gậy của hắt treo trên một cái đinh cứ

lắc qua lắc lại khi hấn chạm vào mỗi khi đi qua, tất cả những vết sẹo trên khắp hai cánh tay của hấn.

Paco đáp “vâng” vọng ra từ trong góc nhà bếp, hấn đứng thẳng người lên để nghỉ tay một lát, “bị ở Việt Nam. Dĩ nhiên rồi”. Nước rửa bát chảy thành giọt trên hai tay hấn và tiếng bát đĩa kêu lách cách ở phía dưới.

“Tôi đây từng bị thương trong trận Guadalcanal và trận Iwo Jima”, Ernest nói. “Tôi cứ tưởng nhờ việc có mặt ở đó mà tôi đã trở thành một kẻ ái quốc ghê gớm lắm, nhưng tôi thích đéo chịu được nếu như được người khác chứng kiến mình đang phất lá cờ. Không phải là vào ngày kỷ niệm Lá cờ⁷²[2] hay ngày 14 tháng 7⁷³[3]. Không phải là vào ngày Chiến sĩ Trận vong⁷⁴[4] hoặc Ngày Cựu chiến binh⁷⁵[5] - trước đây từng được gọi là Ngày Đình chiến⁷⁶[6], biết chưa? Không phải là vào bất cứ ngày lễ chết tiệt nào hết. Và tôi không phất cho lá cờ dựng theo chiều thẳng, lộn ngược, lượn chéo, lượn ngang, giật lùi hoặc theo chiều ngớ ngẩn nào khác”.

Ông ta ngồi lên cái thùng đựng khoai tây rán giòn, rót cho mình một cốc vang hồng ngọt thứ hai và có thể nhìn thấy hình xăm màu hồng to gần bằng quả bóng chày trên bắp tay của ông ta, James. “Cái hình xăm này”, ông ta nói như hét để Paco nghe thấy và biết ông ta đang nói gì, “tôi đã xăm nó tại New Zealand, để tôi nói cho cậu nghe, chàng trai ạ, ngày ấy ở New Zealand có nhiều phụ nữ tỏ ra *biết ơn* khi được đụ. Họ đụ bất cứ cái gì biết đứng yên. Trong thời gian chúng tôi lưu tại đó ngay cả gã bị thịt trong đại đội cũng có gái theo.

“Trên đảo Guadalcanal có một gã Nhật liều lĩnh cố thủ trên một chỏm núi mà chúng tôi đã đánh nhau hơn một tuần để giành giật. Một đại đội đã bị tiêu diệt hoàn toàn và một đại đội khác bị tiêu hao một nửa quân số - những người còn lại thì đau ốm khổ sở như chó. Chúng tôi đang ngồi xõm trong giao thông hào bắn như cứt thì gã Nhật ăn mặc rách rưới đó đứng phắt dậy, bộ dạng của gã có vẻ như là một viên hạ sĩ quan, một tay gã đó cầm khẩu súng ngắn của sĩ quan còn tay kia nó cầm thanh kiếm này đây”. Và Ernest lấy ra một thanh kiếm dài cỡ một con dao bầu trong một cái bao bằng da cứng có trang trí một quả tua đã bạc màu. “Gã đó - chắc là lính của Hải quân Hoàng Gia - đứng ở đó giơ thanh kiếm lên cao, theo cách như đánh tín hiệu

bằng cờ, tường như nó muốn khoe thanh kiếm với tất cả mọi người trên hòn đảo chết tiệt đó, và cả những người ở bên cảng nữa. Sau đó gã thét lên một tiếng rồi gào đến đỏ cả mặt, một gã lính trẻ quê ở Omaha ngồi cùng hào với tôi bèn giơ khẩu M-1 lên cao để lừa gã Nhật đó, nhưng chúng tôi can, “Đợi một chút, chàng trai, chuyện này có khi lại vui đây”. Gã Nhật liền lĩnh đó run run đút thanh kiếm vào bao, giậm chân xuống đất, tay bấu chặt vào bao kiếm - chỗ gã đứng cỏ mọc xanh tốt - đoạn gã kê khẩu súng lục lên đầu, xoay đi xoay lại như thể nó đang vít chặt nòng súng vào trong hộp sọ, rồi khi đã biết chắc tất cả mọi người đều đang quan sát gã - có người hét to để khuyến khích “Làm đi, đồng cốt tội nghiệp, tự bắn vào đầu mày đi! Tự cắt cổ đi, đồ mắt lé bắn thiu!” - gã bóp cò, đầu lật sang một bên và người đổ gục xuống, chết tươi. Tất cả chúng tôi tin chắc đó là gã Nhật cuối cùng ở trên đó cho nên trước khi viên trung úy kịp ra lệnh, chúng tôi đã nhảy ra khỏi hào rồi chạy và bò lên cái chòm núi dốc đứng như mái của một ngôi nhà cổ. Tôi nhào xuống lấy thanh kiếm, và đây chính là nó. Tôi còn lấy được một đôi ghệt nhưng hôm sau tôi đã đổi lấy một chai rượu vớ vẩn (loại rượu được nấu từ hoa quả hộp, James ạ).

“Two Jima là một hòn đảo bé như cục cứt xu, cậu có hiểu không”, và Ernest ngoái nhìn phía sau qua cánh cửa ra vào như thể hòn đảo đó là một đốm nhựa đường trên mặt đường, “nó nằm lọt thỏm giữa một nơi xa xôi hẻo lánh. Lính Nhật chôn xác chết trên khắp hòn đảo khiến nó nom giống một miếng bọt biển bị cứng lại. Và cậu thực sự có thể đứng ở trên đỉnh Suribachi ở bên này hòn đảo và đá sang tận đầu bên kia của hòn đảo”, ông ta vừa nói vừa nhấp đều từng ngụm vang và vẻ rất xúc động. “Tôi nhớ nhất là cái mùi khó chịu, mà có đủ thứ gây ra mùi khó chịu, cậu có hiểu không? Cát có mùi lưu huỳnh. Mùi khói thuốc súng. Mùi mồ hôi khét lẹt. Mùi của khói dầu diesel. Hàng tấn, chắc phải đến hàng tấn cứt - cứt người và cứt của động vật khác - có bốn sư đoàn lính thủy đánh bộ và hơn 20.000 lính Nhật, cậu có biết không, họ ăn uống và ỉa đá. Và lính chết như ruồi. Lính Nhật chết như ruồi - có những xác chết bốc mùi thối ra khỏi mặt đất ở khắp mọi nơi. Có một gã khi chúng tôi tìm thấy thì chỉ còn lại một đoạn ruột dài bằng sợi tay nằm phơi giữa hai vết lún của bánh xe giữa đồng không mông quạnh như thế

nó bị nảy lên và bắn khỏi thùng sau của một chiếc xe tải. Cái ngày chúng tôi cầm lá cờ ấy - tôi không phải là người làm chuyện đó, nhưng tôi ở gần đó - quá, tất cả mọi người trên đảo đều đứng lại để nhìn. Tất cả những chiếc tàu đang tuần tra trên biển hoặc đang neo đậu hoặc đang khẩn trương dỡ hàng tiếp tế lên bờ - hàng ngàn thủy thủ - đều dừng lại để nhìn. Tất cả mọi người đều cảm thấy cái công việc chết tiệt này cũng bỏ công phần nào mặc dù chiến sự sau đó còn tiếp diễn thêm ba tuần nữa. Cách đây khoảng hai năm trên đường tới chỗ em gái tôi ở Virginia Beach, tôi lái xe qua Washington D.C và tình cờ đi qua gần bức tượng Iwo Jima cao lớn nằm gần nghĩa trang, thậm chí từ bờ sông bên kia cậu có thể nhìn thấy rõ bức tượng đó. Sáu gã đang găng hết sức, gồng mình để dựng cái lá cờ mắc dịch đó - một gã chỉ dùng các đầu ngón ra sức đẩy nâng lá cờ lên. Về đích mà không chiến thắng thì vẫn chưa phải là chiến thắng thực sự, tôi nhớ lại lúc đó mình đã nghĩ như thế. Nhiệm vụ là nhiệm vụ thôi, nhưng từ đáy lòng tôi nói với cậu rằng Iwo Jima là trận đánh đẫm máu không cần thiết, giống như là đụ vào lỗ đít.

“Tôi chứng kiến hai gã hăng máu được nhận Huy chương Danh dự của Quốc hội. Những thằng đại ngu, đồ chết tiệt, đồ chó đẻ. Đồ dở hơi. Cả hai đã bị trúng đạn chết ngay sau đó”, Ernest kể. “Tôi chứng kiến chính đại tá Chandler Johnson lúc ông ta đang nhận khẩu phần bữa trưa. Ông ta bị trúng một quả đạn súng cối đường kính như cái thùng 200 lít hoặc một quả thủy lôi. Đù mẹ - thịt vung vãi khắp nơi. Sau khi khói tan, ông ta đơn giản chỉ còn là một xác chết nữa, một mùi hôi thối nữa, một cái hố nữa trên mặt đất”.

“À, cái này là ở trên đảo Iwo - một mảnh đạn to như một cái đinh đóng đường ray đã bay xuyên qua người tôi rồi cửa đứt cánh tay của một gã khác, ở phần gần giữa bắp tay. Chúng tôi không có bông băng, không garô, chẳng có cái đéo gì cả. Tay y sĩ quân y dùng hai bàn tay trần giữ chặt phần còn lại trên cánh tay giống như người ta gập đôi cái vòi dẫn nước tưới vườn - kẹp chặt tất cả các mạch máu, như thế này này. Tôi bị vết thương này ở ngực” - Ernest kéo tay áo phông để lộ ra một vết sẹo màu đỏ tía hình lưỡi liềm to gần bằng một lát chanh - “cái vết thương chết tiệt ở ngực này không chịu liền miệng”, Ernest nói, lúc này đã say lắm rồi. “Sau hai mươi hai ngày trên cái hòn đảo mắc dịch đó, rất nhiều người bị giết ở khắp xung quanh, còn tôi

thì sợ vãi cứt, tôi đã hình dung đến lượt mình sẽ bị kéo lê tới một trạm cấp cứu nào đó và chết, bị chết vì chảy máu trên một cái cáng vương đầy máu me nào đó. Một anh chàng nào đó đã kéo cổ áo sơ mi lôi tôi xuống chân ngọn đồi mắc dịch đó - tôi nghĩ cậu đã từng bao giờ nghe nói tới Đồi Xay Thệt? - và tôi nghe thấy tiếng chiếc áo bị xé toạc và tự nhủ, Ernest, cái thắt chớ để này sắp làm rách toạc lưng áo của mày rồi để mày nằm ngoẻo ở đây, hay đến thế là cùng. Sau đó tôi bất tỉnh. Lúc tỉnh dậy thấy mình đang ở trên một con tàu bệnh viện có tên *Niềm an ủi, Sức chịu đựng, Hãy vững vàng và chóng hồi phục* hoặc một cái tên vớ vẩn khác nào đó kiểu ấy, người bị buộc chặt vào một cái ghế nằm sạch sẽ, ngực quấn đầy băng - thời tiết đẹp, con tàu lắc lư trên những đợt sóng nhẹ nhàng lười biếng”, Ernest vừa nói vừa dùng đưa chiếc cốc.

“Tôi tới Yokohama ngay sau khi kết thúc chiến tranh, chỗ nào cũng thấy có lính thủy đánh bộ đông như ruồi bu. Chúng tôi đi vơ vẩn tới lui trên các con phố và những ngõ hẻm bé tí ở hai bên”, Ernest vừa nói vừa giơ ngón cái và ngón trỏ lên ra dấu thế nào là “bé tí”, “để tìm gái; để tìm lính hải quân Hoàng gia, những thằng mà chúng tôi đã chạm trán trên đảo Guadalcanal. Tôi đi cùng một thằng bạn người New York rất máu gái, hấn đụ bất cứ em nào giơ chân lên. Thế, một hôm chúng tôi tóm được một thằng bú cặc, chúng tôi đưa hấn vào trong sân của một ngôi nhà tranh và đâm đá thằng đó gần chết. Thằng đó mặc quân phục, áo khoác ngoài, quần chèn và xà cạp của Hải quân Hoàng gia - giờ đây nghĩ lại mới thấy lúc đó có lẽ chỉ tại duy nhất trang phục trên người nó - Dù mẹ, vô số lính thủy đánh bộ giỏi giang đã bị giết vì những thằng bú cặc như nó. Chúng tôi nói với nó là nếu còn thấy nó mặc bộ quân phục chết tiệt đó lần nữa chúng tôi sẽ giết nó ngay lập tức. “Sẽ bắn mày gục xuống như con chó, dù mẹ mày”, gã người New York nói. “Sẽ cắt hai hột chết tiệt của mày cho sóc ăn rồi sau đó chặt cái đầu chết tiệt của mày rồi ném mẹ nó đi chỗ khác”; ai cũng biết nếu chặt lia đầu chúng thì linh hồn chúng sẽ không gặp được tổ tiên chết tiệt hoặc một thứ nhảm nhí que mùa chết tiệt thuộc loại đó - một điều có liên quan đến tôn giáo của chúng nó. Chúng tôi bảo với nó là điều duy nhất đã cứu cái mạng sống đê tiện của nó chính là quả bom ở Hiroshima.

“Dĩ nhiên đó cũng là cái duy nhất đã cứu mạng tôi”, Ernest nói rồi rót thêm cho mình một cốc lớn thứ ba rượu vang hồng và uống cạn một nửa.

“Một ngày đẹp trời, tay đại tá nọ bất ngờ xuất hiện trên chiếc xe tải hai tấn rưỡi, ông ta chọn ra một nhóm tình nguyện trong số chúng tôi và thế là chúng tôi ngồi lèn chặt ních trên chiếc xe tải của ông ta và thẳng tiến về phía nam - đi qua những ngôi làng có những ngôi nhà mái rạ, những trại trồng rau, những ruộng lúa bậc thang ngoằn ngoèo, và người dân trông rất rách rưới. Chúng tôi tới Hiroshima nơi người ta đã thả cái quả bom chết tiệt đó. Ôi, chẳng còn thứ gì còn sót lại trong cái thành phố đó đáng để tè vào. Tôi đã đi dọc con đường trên bờ kênh từ điểm bắt đầu đến điểm kết thúc. Tôi đã ở hai mươi hai ngày đêm chết tiệt trên đảo Iwo và không chứng kiến những gã bị chết tan xác mới là chuyện lạ. Trước đó Không Lực đã thiêu trụi hoàn toàn Tokyo bằng bom cháy, nhưng lần này là một quả bom, một phút, một buổi sáng, một ngày trong đời - *tôm*. Bảy mươi ngàn người tử tế như tôi và cậu đây bằng *púp* một cái - nhiều người chỉ còn là một dấu vết trên một bức tường gạch. Chứng kiến những điều tồi tệ kiểu này cuộc đời của cậu sẽ thay đổi”, Ernest nói, tựa người vào mép bàn ăn, trong một thoáng, khuôn mặt ông hiện ra một vẻ chán chường. “Tôi có quyền căm ghét họ đến đào đất đổ đi, nhưng không ai đáng phải chịu cái chết tiệt như vậy. Cậu có hiểu không, điều thiệt thòi là ngay cả gạch vỡ chết tiệt ở đó cũng vô giá trị. Ít nhất ở nước Đức - Dresden và Hamburg, những nơi chúng ta đã ném bom cháy phá hủy hoàn toàn để cho vui, để đơn giản sao cho người ta có thể chụp những bức ảnh rồi giới thiệu với những tướng lĩnh mắc dịch, thì ở những nơi đó người ta có thể phân loại gạch vỡ, xếp lại thành đồng, làm sạch sẽ một chút rồi có thể tận dụng lại. Cậu biết có thằng chó đẻ ngu xuẩn nào lại định sử dụng những viên gạch tại Hiroshima, những viên gạch phát sáng trong bóng tối^{zz[1]}? Từ thùng sau của chiếc xe tải đó nhìn những con người đang tùm tùm lộn xộn quanh những căn lều dựng tạm và những trạm cứu thương bằng lán trại cậu không biết nên cười vỡ bụng hay không (“Đù mẹ! Đù mẹ cả cái hòn đảo chó chết đó!”) hoặc khóc cạn nước mắt khi nghĩ tới gia đình của cậu, thành phố nơi cậu sinh ra. Ý tôi là họ đem con cái họ ra làm thức ăn cho cái máy xay thịt (có đúng họ gọi như thế không?) còn bản thân họ thì trong

suốt nhiều năm chỉ ăn cút. Rút cục cậu sẽ tự hỏi: những con người bình thường này có thể chịu đựng sự tủ nhục đến mức nào? Chúng tôi đi phất phơ quanh một trạm cứu thương nào đó, giúp đỡ họ một tay, giết thời gian, tán gẫu rồi sau đó quay về Yokohama. Ba tuần sau đó tôi được trở về Mỹ, kết thúc thời gian nghĩa vụ quân sự. Say sòng trong suốt chuyến đi trở về nhà - ốm muốn chết.

Paco đứng trước bồn rửa bát bằng sắt cũ kỹ ở cuối phòng, khóa thắt lưng móc vào miệng bồn, hắn đang cọ rửa nốt những chiếc đĩa cuối cùng sau đó đi thu dọn nốt nồi và chảo rồi rửa cốc thủy tinh và đồ dao dĩa, hắn nghe mà không chủ tâm chú ý tới Ernest đang kể chuyện bằng một giọng đều đều, chiếc tạp dề rũ xuống đầu gối của ông ta và cốc rượu sáng lấp lánh dưới ánh sáng của cái bóng đèn nhỏ trong phòng ăn. Ernest nói liên hồi, dùng đưa chiếc cốc sang phải, sang trái, làm động tác nâng cốc lên cao để chào mừng và nâng cốc, ngả người tựa vào cái bàn một lát khi nói xong sau đó vét hết tiền trong ngăn kéo để tiền, đếm số tiền trong đó để mang tiền đến nơi giữ tiền qua đêm tại ngân hàng.

Paco thọc tay nhiều lần vào trong nước rửa bát, nước nóng khiến hắn thấy đau buốt. Hắn nhớ lại lúc Gallagher trở về sau những ngày nghỉ phép, cái hình xăm con rồng màu đỏ-và-đen chạy từ cổ tay tới khuỷu tay, một nhóm chúng tôi đang đứng tắm dưới vòi nước của xe xì-téc trong ánh nắng vàng của buổi chiều. Chúng tôi xát xà phòng khắp người, tráng bằng nước sạch, những cô gái trẻ làm việc tại nhà ăn đang ngắm nhìn. Những cặp đùi và hông trắng nõn của chúng tôi ướt lấp lánh nom như rất nhiều những trái táo - những gã da trắng có làn da sạm nắng màu nâu còn da của những gã da đen thì biến thành màu đen như tro. Gallagher không ngớt mồm khoác lác về quãng thời gian thú vị hắn vừa trải qua. “Em người Thái đó hay cực”, hắn nói, người đứng thẳng để cho một tia nước duy nhất tưới khắp người trong lúc ngo ngoáy các ngón chân. “Em này có cái hăm rộng như chiếc găng tay chơi bóng chày. Các cậu có thể liếm cho tới sái quai hàm. Đụ cho tới khi chim mềm oặt như đất sét nặn. Các cậu có thể chơi và xuất tinh” - tất cả chúng tôi đứng quanh hắn, lấy tay vạt nước, cười đùa, chân lội bì bõm trên nền đất cứng trải sỏi - “đụ từ đằng trước, đụ từ phía sau, đụ ở tư thế kỳ cục

nhất; để cho nó nằm ở trên mà đụ hoặc để cho nó nằm dưới - đối với nó hoàn toàn chẳng có gì khác biệt, nó đều kêu và rên như nhau. Còn cái hình xăm này”, hắn nói rồi giơ cao cánh tay lên cho mọi người nhìn thấy cái hình xăm được cả đại đội gọi tên là hình xăm con rồng đỏ-và-đen của kỳ nghỉ phép của Gallagher tại Băng cốc, “tớ suýt toi mạng khi thằng cha đó xăm cái hình này.

“Lần đầu tiên tớ gặp ả đó - ả bảo ả tên là Nannette - lúc ấy chúng tớ đang đi dạo trên phố và ả hỏi tớ rằng tớ muốn gì. Tớ đáp, vẫn thản nhiên bước, rằng tớ muốn một ly rượu mạnh, tớ muốn đụ và muốn có một hình xăm. Tớ và ả mua một chai whiskey và một chai rượu sơ-náp loại nửa lít rồi mang về phòng tớ, làm hai ly rượu mạnh cực ngon rồi ả cởi quần áo tớ và quần áo của ả rồi ả đụ tớ hăng đến nỗi làm tớ suýt kiệt sức, các cậu có biết không, khi ả chơi xong thì tớ chẳng còn biết trời đất gì nữa”. Gallagher dừng một lát, gãi chỉ một tay về phía nhà ăn còn tay kia chỉ về phía hàng cây ở bìa rừng phía sau đầm lầy. “Sau khi chớp mắt một lát, ả đánh thức tớ dậy lúc nửa đêm và nói, “Xuyt! Đi theo em”. ả mặc lại vào chiếc váy mùa hạ màu trái mâm xôi - chỉ cần nghĩ tới ả là tớ thấy căng hai hòn - tớ mặc quần áo rồi tớ và ả ra khỏi phòng. Tụi tớ nhón chân đi qua gian sảnh rồi đi bộ qua ngã tư. Rẽ vào một con phố rồi lại rẽ sang một con phố khác. Bước qua một cái cổng thoát nước không có nắp đậy. Tụi tớ quay trở lại đường cũ, đi thẳng rồi rẽ sang một hướng khác. Dừng lại một chỗ bán tôm, bánh mì và bia ở trên vỉa hè - các cậu nhớ cho lúc đó đang là nửa đêm thế mà rất đông người đi lại ở ngoài đường - Băng Cốc đúng là một thành phố dễ thương. Tớ và ả tìm thấy một con hẻm hẹp và đi vào trong đó; các cậu giơ tay ra là thế nào cũng chạm vào tường nhà và cửa hiệu ở hai bên - con hẻm bốc mùi thức ăn cay nóng, mùi gái mú và mùi cần sa. Đột nhiên tụi tớ chui tọt vào một ngôi nhà - nhớ cho lúc đó đang là nửa đêm - có hai tá mụ già ngồi trên những chiếc ghế băng đơn sơ đang mạng những chiếc áo. Khi tớ và ả bước vào, họ đứng dậy và cúi chào. Leo lên những bậc cầu thang ọp ẹp. Đi qua một hành lang ở hai đầu có cửa gỗ có chấn song. Ô, mẹ kiếp, lúc này tớ biết chắc mình đã bị lừa rồi! Tớ giấu một nửa số tiền vào trong một bao da nhỏ buộc quanh thắt lưng. Tớ và ả đi tới một cửa ra vào ở cuối hành lang, mở cánh cửa ra rồi bước ra

bên ngoài. Tụi tớ leo lên một cái thứ giống như cái sàn diễn thời trang được đóng vào tường bằng những chiếc đinh dùng để lợp mái nhà, và nó rung lên bần bật. Cút thật! Nhảy lên một mái nhà - đôi dép xăng-đan của ả kêu lộp cộp - rồi tớ và ả đi dọc theo nóc của mái nhà lợp ngói - tớ nghĩ trong đầu “Đù mẹ, người ta sẽ không bao giờ tìm thấy cái xác thối của mày đâu” - bên dưới là phố xá sáng rực. Tớ nhớ lại lúc ấy tớ nhìn ra xa thấy lính Mỹ và gái điếm đi từng đôi dọc theo vỉa hè, nhưng trông họ giống như đang bước đi trên không, đang trôi lơ lửng. Đường phố và bầu trời có cùng một màu sắc, nhưng bởi vì đầu óc vẫn còn váng vất vì say rượu nên tớ ngỡ mình đang nhìn thấy một vật gì đó. Tớ và ả đó nhảy lên một cái ban công, đi qua cửa sổ ở đó có con chó cái trông giống như giống chó Airedale đang cho con bú; một bà già có mái tóc bù xù như phù thủy ngồi ghé mông trên một chiếc giường gỗ rộng sơn đen đang khóc nức nở. Những người đàn ông có vẻ ngoài bình thường, mỗi người đều đang chăm chú làm cái công việc chết tiệt gì đó”.

“Những người da trắng bình thường mắt xanh mũi lõ”, như Jonesy thường nói, “thích đi tìm sự kích thích” - James, không phải vô cớ mà người ta gọi thành phố này là Băng Cốc.

“Những gã mặc áo phong ngồi trong gian bếp chật chội, họ đang hút một loại thuốc lá gì đó. Cuối cùng tụi tớ đi tới chỗ một cái cửa sổ có tấm rèm bằng nhựa màu đỏ ối rung phập phật vì gió”, Gallagher kể.

“Tụi tớ đã tới cái tiệm xăm mình đó. Tớ chẳng biết gì nhiều. Chủ tiệm là lão già có trời biết là bao nhiêu tuổi, ông ta hút một thứ thuốc gì đó có mùi hôi được quấn thành điếu to gần bằng cây bút chì lớn. À, ông ta bảo tớ ngồi xuống một chiếc ghế cắt tóc Pháp kiểu cổ có bộ phận chỉnh cao thấp bằng tay, rồi ông ta nói lải nhải nhăng nhít một lúc sau đó bắt đầu khoe với tớ lần lượt những hình xăm trên cả hai cánh tay. Hình quả tim màu hồng và một con dao găm đâm xuyên qua. Hình một con quỷ trong phim hoạt hình có bộ sừng và cái đuôi chẻ đôi, và hình một bà mẹ cầm một tờ giấy da được trải ra trên đó có dòng chữ “Đồ hỗn láo”. Những biển đề tên ở cửa ra vào vui mắt - “Dành cho cô gái trong mộng”, Nanette nói, ả đang ngồi trên một chiếc máy khâu, hai chân đung đưa. Tớ ngồi trên cái ghế mắc dịch đó, người

bắt đầu vã mồ hôi và đã tỉnh rượu đôi chút, và tớ nói với lão là tớ không muốn những hình xăm vớ vẩn liên quan đến Thủy Quân Lục Chiến. “Ông còn những hình nào khác nữa không, và làm mau mau lên, ông già”. “Được, thưa ngài”, Gallagher kể lại, giọng to và loang ra, rồi bắt đầu cười vì câu chuyện vui của chính mình, “ông ta đi sang phòng bên cạnh gọi bốn hay năm gã pêđê có bộ dạng kỳ cục, họ đang ngồi trong một căn phòng giống như một phòng khách, uống một thứ rượu có mùi hôi rất lạ và đợi đến lượt để bán dâm.

Mấy gã này ăn mặc rất mốt, họ đứng tạo dáng kiểu cách màu mè trong căn phòng đó, mắt nhấp nháy, răng nom xộc xệch, họ cười nhả nhổ như khi. Ông già bảo họ vạch áo choàng bên ngoài và nhìn kìa, Jack, đủ thứ hình xăm trên đời: những con quỷ, các loại hoa, những hình mê lộ, những chân dung, hình những cổ máy, những hình ảnh liên quan đến nhà thờ, những hình ảnh mộng mị - một gã pêđê còn có hình xăm một dải băng ten màu xanh-và-xám thêu quanh dương vật - các cậu có thể hình dung một nhà thổ pêđê chuyên phục vụ những gã mê hình xăm? Tớ rút một điều xì gà rồi nói với ông già, 'Này, bảo những gã pêđê này ra khỏi đây. Ông tưởng tôi là loại người nào chứ?'. Ông già phật ý. Ông ta lôi ra một cái thùng đựng bia chai trong đó có những chồng cái gì đó trông như những tấm thủy tinh in phim âm bản. *Cũ rích*. Lại vẫn là những bức ảnh chụp những gã pêđê. Một bức ảnh chụp cái lưng to bè của ai đó trên một chiếc thuyền buồm được trang bị đầy đủ, buồm đã được kéo lên, nghiêng hẳn về phía trước theo chiều gió. Một bức ảnh khác chụp một gã đang đứng ở đền Taj Mahal^{78[1]}. Một bức ảnh nữa chụp một gã đang đứng bên chiếc mô tô Harley-Davidson do chính hãng Indian sản xuất - kể cả chân chống và tất cả những bộ phận khác. Một bức ảnh khác chụp một nhóm người Pakistan mặc quần đùi hoặc quần soóc, khăn turban, những khẩu súng trường nòng dài hiệu Enfield và người nào cũng đeo thắt lưng bao đạn - bức ảnh chụp rõ nét không khác gì một bức ảnh trên báo. Ông già khoe với tôi những đồ cổ của ông và khi tôi liên tục lắc đầu thì vẻ mặt ông ta như thể tôi vừa tè vào chậu cây phong lữ thảo của ông ta. Ông ta bèn giơ ra bức ảnh một gã người to như cái thùng tô-nô, ở trần, bộ râu rậm và tóc buộc sau gáy; gã đặt một tay lên háng, tay kia giơ ra phía

trước, bàn tay nắm lại để làm nổi cơ bắp, và tớ đã nhìn thấy con rồng này đây - con rồng cười nhe răng, móng vuốt của nó dài, cái mũi lợn và cái cổ đầy vẩy xếp cuộn lại thành những vòng tròn. Tớ bảo “Nó đây rồi”. “Tôi chọn cái này”, tớ nói rồi ngả lưng trên ghế, chỉ vào chỗ trên cánh tay nơi tớ muốn có hình xăm đó. Ông già bắt tay vào làm ngay tức khắc trong lúc đó Nanette đưa cho tớ một cốc whiskey lớn. Chu cha...”.

Paco rửa xong nốt những khay dùng cho lò nướng, món đặc biệt của ngày mai sẽ là cà chua hấp nhồi thịt gà tây, trong lúc đó hần hồi tưởng lại cánh tay mập và ngắn của Gallagher và cái hình xăm con rồng đỏ-và-đen nằm cuộn thành những khúc tròn chạy dài trên cẳng tay anh ta; cái cách anh ta bao giờ cũng nắm bàn tay và gập cổ tay lại mỗi khi khoe con rồng. Đêm hôm đó, trong bóng tối lúc Paco buông mình xuống chiếc gối để tận hưởng cảm giác mê mê nhờ những liều thuốc Librium và Valium thì hần lại nhớ lại cảm giác như bị thôi miên của cả lũ chúng tôi vì cái hình xăm con rồng màu đỏ-và-đen đó của Gallagher.

James, có một điều có thể khiến người ta hơi ngạc nhiên một chút: bất chấp mọi sâu muội, Paco chưa bao giờ đặt câu hỏi “Tại sao lại là tôi?”, - cái câu hỏi vô nghĩa, đại dột mà chỉ những thằng tân binh thậm ngu mới bận tâm đặt ra.

Tại sao lại là *cậu* ư? Cậu không biết thật sao? Chỉ là đến lượt cậu mà thôi, Jack!

Chưa bao giờ hần đặt câu hỏi đó, kể cả lúc hần bị thương rất nặng nằm một mình - tất cả những người khác đều đã biến mất từ lâu, còn Paco bị bỏ mặc trong trạng thái hấp hối. Chưa bao giờ kể cả lúc nằm trên chiếc trục thẳng thu dọn tử thi khi lính cứu thương nhẹ nhàng và khéo léo gắp những mẩu đạn ra khỏi các vết thương của hần trong lúc lòng hần tràn ngập niềm biết ơn và hần khóc thút thít và run rẩy vì lạnh. Chưa bao giờ kể cả trong những ngày vừa qua vào lúc đêm tối sau ngày làm việc Paco thường ngồi yên lặng trên giường, người đau nhức và rã rời, hần nhìn đắm đắm xuống thân thể của mình, cay đắng đối mặt với những vết sẹo dày đặc như một tấm khảm, chờ đợi cho liều thuốc Librium và Valium buổi tối nhấn chìm mình

(cảm giác giống như bị ngập dưới những tia lửa trút xuống như một cơn mưa vào những buổi tối nào đó hoặc cảm giác ngạt thở vì bị đè dưới một khối lông vũ mềm mại).

James, không đâu, Paco chưa bao giờ đặt câu hỏi *Tại sao lại là tôi?* Chính chúng tôi, những bóng ma, những người chết, mới đặt câu hỏi “Tại sao lại là hăn?”.

Paco đã bị dẫn dụ vào mộng mị và hồi tưởng và chúng tôi giúp cho chuyện đó xảy ra theo cách đó, nhất là vào những buổi tối khi hăn làm công việc rửa nốt số bát đĩa còn lại, quét dọn, dọn dẹp rồi đóng cửa một cách rất thoải mái mà không bị ai quấy rầy, khi hăn có thể làm việc theo một nhịp điệu thoải mái nhất, hăn gần như ở trong một trạng thái nhập đồng (“Tôi rửa bát còn Chúa làm cho nó khô”, hăn sẽ nói với ông như vậy, James ạ). Bất chấp vào lúc đó hăn bắt đầu thấy đau ở lưng và đùi - cái trạng thái khó chịu bức bối thường trực suốt đời hăn - các vết thương sưng tấy lên làm người hăn nóng rực như thể bên dưới có một ngọn lửa đều đều của cái lò đốt than. Chính vào những lúc đó hăn ít ngờ vực nhất, dễ mộng mị nhất. Lúc đó chúng tôi bắt đầu tỉnh lại và xuất hiện. Chúng tôi bay lượn quanh đầu hăn nom như một vầng hào quang và chúng tôi xưng tên (một số người dân trong thị trấn khoác lác rằng đã nhìn thấy chúng tôi). Thường thì Paco làm nốt những công việc cuối cùng hầu như trong bóng tối; Ernest, ông chủ, đi gửi tiền thu được trong ngày đã được một lúc lâu; Paco quay người lại, hăn thấy vừa thích thú vừa ngạc nhiên khi phát hiện ra rằng công việc hăn vừa làm thật quá dễ chịu, hăn sung sướng mê mẩn khi nhận ra rằng công việc này mới dễ dàng làm sao, hăn thò tay vào trong cái thùng đựng bát đĩa dính đầy mỡ để xem thử còn gì để ngâm, cọ rửa, rồi tráng nước sạch. Nhưng tất cả đã được rửa và để cho ráo nước; công việc của hăn đã xong.

Hăn cởi chiếc tạp dề ướt đầm và chua loét mùi mồ hôi, treo nó lên một cái đinh, kéo lại cái áo phông cho thẳng, cầm lấy chiếc gậy bằng gỗ óc chó màu sẫm, bước ra khỏi quán qua lối cửa sau đem theo cái cảm giác ấm áp rưng rưng dành cho công việc rồi bước sang đường để tới Khách sạn Geronimo, leo lên căn buồng chật chội bắn thủ nhìn xuống con đường nhỏ lát gạch nằm ở phía sau quán *Earl and Myrna* ở tầng trệt. Hăn thường buông

người nằm vật xuống, nằm vắt chéo giường, các vết thương đau nhói giống như vết rít vì bị một cái tát mạnh.

Vào đúng thời khắc đó, chúng tôi xuất hiện như những đứa trẻ sơ sinh, len lén bò vào và đứng tụ tập đằng sau tấm ván ở đầu giường - đầu ngoảnh về một bên, cắm rứt vào trong, từ đầu đến chân được phết một thứ chất lỏng màu ghi bóng loáng bõn bệt và ướt nhờn nhớt nom như lòng đỏ trứng luộc kỹ và có mùi dầu hỏa. Chúng tôi dần tới rồi đứng dọc theo bức tường ở phía sau hăn - chúng tôi, những bóng ma mỏng dẹt và xanh xao như một ngọn đèn đêm dịu dịu. Tất cả chúng tôi đồng loạt giơ tay ra làm động tác xoa bóp đỉnh đầu của hăn; da đầu hăn lún xuống và có cảm giác buồn buồn. Chúng tôi đưa tay xuống chỗ đoạn cong âm ấm ở vùng gáy - vuốt ve thật nhẹ để làm dịu cơn đau - rồi ấn tay thật sâu vào chỗ bắp thịt ở vai. Mỗi lần như vậy, Paco đều tỏ ra hợp tác với chúng tôi; hăn đuổi người và càng lúc càng đuổi thẳng, dần dần thả lỏng người để cho chúng tôi xoa bóp, hoàn toàn phó mặc cho sự mơn man khích lệ. Và khi Paco đã hoàn toàn bị mê hoặc, hoàn toàn thư thái và lấy lại sự tự tin, vào lúc hăn đang tận hưởng sự thư thái tuyệt diệu nhất, vào lúc hăn đang chìm vào giấc ngủ, lúc ấy chúng tôi thì thâm vào tai hăn điều gì đó để hăn tưởng tượng - một giấc chiêm bao hoặc mơ mộng.

Có đêm hăn nằm mơ thấy đang chạy trốn: người hăn đâm đầu mồ hôi, thở hổn hển, đang bị đuổi trong một nhà kho rộng mênh mông, sàn nhà lát đá và nhằng nhịt những đường ray hẹp dành cho xe gọng chở quặng (giống như đường ray xe điện, cứ cho là như thế), ở trên mái có những cửa sổ rất to bằng kính mờ, mạng nhện dày phủ đầy bụi rử xuống nom như dây tầm gửi. Phía trên cao có những cần trục được bắt chặt vào những thanh xà to bằng gỗ sồi, những sợi xích tời trơn đầy mỡ, thả dài xuống tận gần mặt đất. Có tiếng mỗi bước chân của Paco vọng lại, có tiếng nước rỏ thành vũng từ những đường ống nước bị vỡ trong những căn phòng ở phía xa. Một lát sau, trong lúc đang đi lạc hết căn phòng này sang căn phòng khác thì Paco nghe thấy tiếng xe tải đỗ ở bên ngoài, tiếng lách cách của dây xích ở cốp sau của xe và tiếng rập mạnh của rất nhiều cánh cửa. Paco bắt buộc phải đi tiếp, bắt gặp một chỗ trong tòa nhà mở rộng ra nom như gian giữa của một nhà thờ, rộng thênh thang như một nhà chứa máy bay có thể điều khiển (rất thoáng

rộng). Những bó dây mảnh và nhẹ như bắc rủ xuống từ những thanh xà ngang bằng gỗ trên cao, giống như thứ vải tẩm creozot mà thợ ống nước dùng để bọc đường ống chạy ngầm dưới đất, nó có mùi chua gắt như mùi đắng của thuốc mê. Ở phía sau Paco có rất nhiều giọng nói lầm rầm luôn giữ nguyên khoảng cách, âm thanh nặng nề của rất nhiều đôi giày ống, tiếng động đánh gọn của nhiều cán rìu đập xuống nền cứng hoặc đường ống chạy dọc tường. Mỗi lúc như vậy Paco đều hiểu rằng chỉ trong giây lát nữa thôi họ sẽ bước ra khỏi chỗ ẩn náu, đi qua lối cửa thoát hiểm và tấn công hắn (Paco đang ngủ bỗng giật mình co rúm người, tim hắn đập thành thịch) như một đám đông hành hình kiểu lin-sơ điên cuồng đặng đặng sát khí. Vì thế hắn đứng dậy, tóm lấy một bó dây cầm trong tay như một bó hoa rồi bắt đầu trèo lên bó dây ẩm ướt và phủ đầy lông xơ mịn như lông mèo. Và toàn bộ hành động này diễn ra chậm chạp và đều đều, James ạ, một cơn mộng mị dài vò diễn ra chậm chạp. Hắn ghì chặt bó dây dính ráp đó vào người đến nỗi nước chảy trên cánh tay hắn - nhớt như nhựa tiết ra từ cây. Hắn đu người lên, quàng chân quanh bó dây, buông tay, thả lỏng người bằng nỗ lực phi thường sau đó bằng một động tác nhào có tính toán, hắn giăng tay để gom thêm dây chập làm một đế kéo người lên cao hơn một chút. Hắn càng trèo lên cao thì mùi creozot càng đậm đặc ngọt ngào - mùi hăng hắc như mùi nhang trong chùa. Khi Paco trèo lên tới thanh rui thấp nhất, hẹp và mảnh như lối đi nhỏ trên sàn diễn thời trang (ngay phía trên là những ô cửa kính), Paco bỗng thấy buồn nôn và người ướt đầm mồ hôi, da dính nhơm nhớp như nhựa thông khiến hắn ngứa ngáy kinh khủng. Nhưng trong giấc mơ, dù hắn cố trèo nhanh đến mấy, hắn cũng không sao chạy thoát, hắn chui qua lớp mạng nhện, thả dây ra để trèo lên thanh rui, leo lên phía ô cửa kính đang mở trên mái. Và trong suốt thời gian đó, James, đám người đó vẫn đứng đợi ở dưới, họ lầm bầm chửi rủa, vỗ vỗ cán rìu vào đùi.

Hoặc hắn nằm mơ thấy những phòng đợi - chẳng hạn như phòng đợi của hành khách đi phà: cái sàn bằng sắt rung rầm rầm dưới sức đẩy của động cơ diesel và chân vịt ở đuôi tàu. Đồ gỗ nặng nề, những chiếc ghế băng dài và ghế bành rộng rãi trượt bên này bên kia khi con tàu tròn trành và rập

rình vì sóng lớn, và con tàu lắc mạnh. Con tàu đi ngược dòng chảy giữa hai vách đá lởm chởm trong một cái vịnh sâu (trắng xóa những vết phân chim dày như những giọt nến cháy rỏ xuống), và rành rành là nhiều hành khách có tuổi không được khỏe và lo lắng. Paco đi xiêu vẹo qua phòng đợi, tay bám vào những cây cột (được bọc bằng những sợi dây thường quét sơn) để khỏi ngã trong lúc hấn chìa cái mũ (cảm giác xấu hổ và nhục nhã, James ạ) để xin tiền. “Còn chần chờ gì nữa. Chỉ một chút tiền lẻ để nhớ lại ngày xưa”, hấn nghe thấy hấn nói, giọng vừa cầu khẩn vừa xấu hổ, trong lúc hấn thu tiền xu và tiền giấy vào trong một cái mũ len bẹp gí. Ở bên ngoài, trên boong tàu, xe hơi và xe cẳm hại đổ thành hàng dọc từ mũi tới lái, trên trời đàn hải âu lao vút lên rồi bay lượn nom như một đám mây muối mắt, chúng gọi nhau inh ỏi. Một số hành khách không chịu được cảnh ngồi không một chỗ bèn đi kiếm bánh mì rồi ném những lát bánh lên không trung - giống như người chơi ném đĩa^{79[1]} - và đàn hải âu lao xuống, kêu quạ quạ, đớp những lát bánh mì trên không, chúng nhào xuống để tránh trong khi tranh nhau những mẩu bánh vụn. Và không có một mẩu bánh nào rơi xuống nước; đàn hải âu rất đông và chúng rất thành thạo trò chơi này. Và trong giấc chiêm bao đó, James à, cuối cùng bao giờ túi quần của Paco cũng căng phồng tiền lẻ - túi chật ních tiền đến nỗi hấn hầu như không thể thọc ngón tay xuống - hấn dán mặt vào ô cửa kính lạnh ngắt ở mạn tàu, nhìn đăm đăm ra phía xa để thử đẩy con tàu về phía trước bằng khả năng tinh tường và tập trung của đôi mắt.

Và có những đêm Paco chiêm bao thấy hành quyết. Một tốp lính trong đó có hấn bị dẫn đi dọc một hành lang hẹp sáng choang ánh đèn - nước nóng trong đường dẫn nước nóng ở phía trên đầu kêu o o; sàn được sơn màu thép xám, bóng loáng như nước xi. Tốp lính được dẫn vào một căn buồng nhỏ bằng bê tông trơ trụi, mọi người đứng chật ních như trong thang máy vào giờ cao điểm, tất cả đều thấy ngột ngạt, nóng bức, ngứa ngáy. Tốp lính đó gồm một người được chọn từ mỗi trung đội của ba tiểu đoàn - bằng cách tự nguyện rút thăm - họ sẽ bị hành quyết để trừng trị một tội nào đó mà không một ai nói ra. Hèn nhát? Nổi loạn? Giết chỉ huy? Người ta buộc một sợi dây da thông lọng qua cổ họ rồi thắt nút buộc hai khuỷu tay về phía sau - như thể

đây là một chặng của cuộc áp giải tù binh tử thần ở Bataan^{80[1]}, chẳng hạn thế (họ đứng sát vào nhau như thể căn buồng tầng hầm này là một toa xe chở hàng sắp được đưa tới trại tập trung - để cho nếu một người bị ngã, James, hẳn sẽ không thể ngã xuống, còn một khi hẳn đã ngã xuống thì hẳn không thể đứng dậy được). Một số người mặt đã tái nhợt và cảm thấy chóng mặt trong không gian chật hẹp và quá căng thẳng vì chờ đợi. Một số khác cũng có vẻ ngoài thảm hại không kém và tỏ ra chịu đựng như thể họ đang đứng nghỉ tại chỗ theo hàng ngũ của đại đội vào một buổi chiều Chủ nhật trên thao trường và họ đang mong đợi một cơn mưa giông nổ ra - “Mẹ kiếp, tôi chỉ muốn ngồi xuống!”. Một số người đã thực sự nổi cáu - “Tôi không tập nữa đâu, ông nghe tôi nói rồi đấy!”. Paco đứng ở góc buồng, trán dựa vào tường bê tông - hẳn người thấy mùi bụi ở những vết lõm do cốppha bằng gỗ bu-lô để lại nhìn rất rõ - sợi dây da thòng lọng quanh cổ hẳn thấm đẫm mồ hôi và thiếu chút nữa thì hẳn nghẹt thở. Hẳn cảm nhận thấy bức tường rất dày qua cảm giác cực lạnh và đặc đặc của bê tông (một màu vàng sẫm, tím và đen - giống như màu của một vết thâm tím). Thoạt tiên hơi lạnh khiến hẳn cảm thấy dễ chịu trong căn buồng ngột ngạt đó nhưng sau đó hẳn thấy lạnh cóng vì hơi ẩm nhanh chóng bị lấy đi khỏi cơ thể hẳn. Hai tay y sĩ có sắc diện chẳng có gì đặc biệt, mặc áo bờ lu dài của phòng thí nghiệm, bước vào qua cánh cửa bằng thép tán đinh, một người hai tay cầm một hộp thuốc nhỏ có kích thước như một bộ dụng cụ sơ cứu. Chiếc hộp đựng một chiếc bơm tiêm lớn bằng thủy tinh và thép mạ cơ- rôm có các nắp đánh dấu cho mỗi một phần ba xăngtimét, một bộ năm chiếc kim tiêm to và một chai thuốc độc màu xanh nhạt óng ánh. Hai tay y sĩ nhanh chóng lách qua đám đông, như thể đang bơi bằng hai vai. Khi cuộc hành quyết bắt đầu, hai tay y sĩ đứng ở hai bên một người; tay y sĩ thứ nhất dùng con dao cắt chỗ thắt nút của sợi dây da, người đó buông thõng hai tay, cảm thấy bớt căng thẳng hơn, rồi đột ngột thở dài như thể đang phải chịu một vết bỏng. Sau đó tay y sĩ cầm lấy ống tiêm (trên ống bơm có một cái vòng để đặt ngón tay cái), véo một nhúm thịt trên cánh tay hoặc sau gáy rồi cắm mũi kim và bằng một động tác gọn gàng, gãi ấn ống bơm. Người bị hành quyết không kịp nấc lên một tiếng, một phần vì bất ngờ một phần vì mũi tiêm, rồi bất ngờ run bần

lên như thế hắn bị nhấn chìm vào một cái bồn tắm có nước đá nghiền nhỏ. Trong chốc lát, người bị hành quyết mắt trợn ngược rồi gục xuống đất. Paco tựa lưng vào tường bê tông, hắn có cảm giác lạnh buốt lan khắp người - hắn cảm thấy như có một cái đinh lạnh buốt trong óc khi hắn chạm đầu vào tường. Hắn hồi tưởng lại (vẫn trong tình trạng chiêm bao, James) cái cách người ta giết những con chó hoang tại nơi nhốt chó mèo lạc của thành phố. Một người cầm lấy chỗ da mềm ở gáy của con vật rồi nhấc bổng nó lên, căng mí mắt của nó ra, âu yếm vuốt ve nó, trong lúc đó một người khác thọc mạnh cái kim vào cổ ở chỗ sau tai rồi tiêm thuốc độc. (Con chó gục xuống ngay tức khắc trong tay của gã đó. Và nếu ta đứng ở lối ra vào của nơi chôn cất hàng lên xe của bãi nhốt chó mèo lạc của thành phố, James à, ta có thể nhìn thấy chó chết thành đống, đủ các hình thù, kích thước và màu sắc nom giống như cơ man những tấm thảm rách tả tơi, nhưng chân, tai và lưỡi của chúng đều đen). Hai tay y sĩ hành quyết một người, người thứ hai rồi một người nữa, họ bước qua những xác chết. Có lúc họ làm theo vòng tròn; có lúc họ đi thẳng; có lúc họ đi chéo, giống như những quân cờ; có khi người nọ tiếp theo người kia, lính tráng chúng tôi gọi đó đụ tập thể, James. Trong giấc chiêm bao, cuộc hành quyết diễn ra liên tục, nhưng đám đông vẫn không hề thừa đi - Paco đứng, người co quắp, hắn có cảm giác lạnh lan khắp vùng sau gáy giống như hơi của nước đá khô⁸¹[1] tỏa ra trên mặt bàn. Hai tay y sĩ không hề thay đổi vẻ mặt tẻ nhạt, vô hại - họ liếc nhìn Paco - và họ không lúc nào hết kim tiêm mới hoặc chai thuốc độc óng ánh có mùi vị tanh tanh ấy không lúc nào cạn.

Nhưng Paco cũng thường chiêm bao về những gì đã xảy ra khi hắn sống sót rời Việt Nam cùng tiểu đội 2 thuộc trung đội 2, rảo bước trên một con đường đất đỏ bằng phẳng, trang phục chiến đấu đầy đủ, tua tủa súng ống đạn dược - bộ đàm, súng phóng tên lửa cá nhân, mìn định hướng, lựu đạn và những thứ khác. Tụi tôi tới một tòa nhà lớn lợp ngói đỏ tươi nằm ở giữa một khu đất rộng - có lẽ là một nhà hát hoặc một nhà tập thể dục có những ô cửa sổ bằng kính nâu lấp lánh phản chiếu mờ mờ mọi vật. Paco, trong chiêm bao, thấy hắn liên tục bị thôi thúc bởi một ham muốn đột ngột rất mạnh, bất

thình lình hắt tách ra khỏi túi tôi rồi gọi, “Chào tạm biệt, bảo trọng nhé!”, và túi tôi gọi lại, “Hãy bảo trọng, chúc cậu may mắn”. Hắt nhảy qua một cái rãnh sâu và hẹp ngập nước lợ tù đọng hôi thối, nổi một thứ váng bọt mịn như kem. Hắt vút súng trường và thắt lưng bao đạn, ba lô, áo chống đạn và súng ngắn, vút cả cái túi màu xám đựng mặt nạ phòng độc trong đó nhét đầy những cuộn dây điện màu đen, con dao và đồ nghề để đặt bẫy mìn. Hắt vừa cởi chiếc áo phong ra khỏi người vừa đi tiếp vào trong bóng râm nhàn nhạt của rừng cây cao su cao lớn mọc san sát nhau. Hắt nhảy lên bậc thềm của tòa nhà rồi đi thẳng tới cửa ra vào, hắt cảm thấy gió lạnh cắt thối từng tia qua khe cửa - cái luồng hơi thối mạnh đều đều ấy nung đốt hắt như thể hắt đang bị cắt làm đôi. Cánh cửa tự bật mở và hắt đi vào một gian tiền sảnh trần thấp và rộng có thảm chỉ một màu xám và chật ních những người lính hồi hương khác. Ở cuối gian phòng có một tấm biểu ngữ cũ nát được trang trí cờ màu đỏ-trắng-xanh và có dòng chữ:

CHÀO MỪNG ĐẾN VỚI ĐƠN VỊ BIỆT PHÁI SỐ 45

CỦA CỤC QUÂN NHU VÀ VẬN TẢI

ĐẠI ÚY CHÍ HUY OMAR BERRY

BINH SĨ ĐĂNG KÝ TẠI ĐÂY

Paco đi len lỏi giữa các tốp lính đứng thành từng tốp san sát quay mặt vào nhau - tất cả đều diện bộ kaki bánh nhất, đồ đạc đi đường chõng thành đống ở giữa mỗi tốp. Liệu Paco có nhận ra một người nào không? - tất cả đang chuyện trò tự nhiên, áo khoác bằng dạ kền càng vắt trên tay, lon bằng đồng ở cổ áo lấp lánh như vàng 14k, li quần của họ cứng và thẳng như may; tất cả đều cao lớn và vạm vỡ, mặt mũi hồng hào, vẻ khỏe mạnh và ra dáng quần nhân. Paco - lúc ấy đang chiêm bao, James ạ - cảm thấy mình bé nhỏ, đau ốm, nước mũi chảy ra vì cái cảm giác lợm giọng chua chua và nóng do kiệt sức, da của hắt đỏ tấy lên, bóng rât khi đụng vào. Chung cuộc hắt đi qua cánh cửa nằm dưới tấm biểu ngữ và bước vào một thính phòng lớn - chỗ đó dốc thoải giống như chỗ ngồi ở khán đài không có mái che của một sân vận động Olympic, nhưng được xây bằng bê tông và toàn bộ sàn đều là

thảm một màu xám giống như gian tiền sảnh. Địa điểm luôn chật cứng lính Mỹ - họ mặc quân phục đã chiến rộg thùng thình nhếch nhác - người đông đến nỗi phải chú ý mới có chỗ để đặt chân. Mọi người đang ngủ say, người co tròn tì vào túi vải hoặc túi hải quân, chân gác lên những chiếc rương, hòm xiềng đựng đồ đạc chuẩn bị sẵn để chuyển lên tàu. Họ dùng áo sơ mi hoặc áo khoác làm gối, tay đặt hờ lên những khẩu súng lưu niệm - tất cả đều hợp quy, có đăng ký, có nhãn hiệu (súng trường lên nòng tự động của Pháp, súng trường của Trung Quốc, súng AK của Nga có chữ Trung Quốc). Paco trong đôi giày ống cáu bẩn, quân phục đã chiến đã cũ, đi nhón chân, cường điệu như một diễn viên hề trong một vở ba-lê, giữa những hòm xiềng và bọc đồ và áo khoác được rải ra sàn. Trong suốt thời gian đó, một giọng êm dịu, ngân nga qua hệ thống máy phóng thanh đọc một danh sách dài những cái tên, cấp bậc và phiên hiệu để trong ngoặc đơn - giống như một công thức nấu ăn, James, để triệu tập những người sẽ lên chiếc máy bay thuê đang đợi ngoài kia trên đường băng để trở về nhà. Có tiếng huyên náo không ngớt ở quanh Paco khi hắn cố lách người để tìm cách đi tới chỗ cửa ra. Mặc dù hắn thường xuyên thấy giấc chiêm bao này, James à, mặc dù hắn thường xuyên nghe thấy cái giọng nói ấy (lần nào cái loa ấy đập mạnh trong không khí, rung lên, lạo xạo tiếng tạp âm, Paco đều thấy thịt da ngứa râm ran), nhưng chưa một lần nào hắn phần biệt nổi một cái tên, chưa một lần nào hắn nghe thấy tên của chính mình, “Paco Sullivan, US 54 800 409, bước ra cửa số...”.

Buổi sáng hôm sau, Paco bao giờ cũng giật mình tỉnh dậy khỏi những giấc chiêm bao khi trời đã sáng rõ, ấm áp, hắn cuộn người trong chăn rồi xoay tròn trên giường theo đủ mọi hướng. Còn chúng tôi, James - những hồn ma ám ảnh hắn - đã biến mất từ lâu.

Bấy giờ đang giữa mùa hạ thời tiết nóng bức và nồm, đã thành thói quen, sau khi những khách cuối cùng của giờ cao điểm buổi tối đã ra về, Paco ra ngoài hít thở khí trời trước khi Ernest tắt điện ở mặt tiền của quán rồi khóa cửa.

Paco thường lấy một bình nước cam và một điếu thuốc rồi ngồi trên bậc thềmximăng nhẵn bóng ở chỗ sáng nhất cạnh lối cửa ra vào. Hẳn thường thấy đau nhói ở những vết ăn tay đỏ ửng vì nước rửa bát; những vòng tròn khói thuốc do hẳn thổi lên trời bay uốn lượn; cái tạp dề ướt sũng buông thông xuống đùi hẳn. Hẳn lắc vai, duỗi chân tay, vắt tay ra phía sau để bấm những ngón tay vào sống lưng, cúi gập đầu rồi lắc sang hai bên. Hẳn hút thuốc lá Camel và tu bình nước cam nhãn Mason, ngồi trên bậc thềm cao nhất, phía trước mặt là lối đi nhỏ chạy dọc tiệm bán đồ ngũ kim *Savic and Sons* nom giống như cái máng xối (những cái bóng trên bức tường nhám nom kỳ lạ như một bức tranh quang cảnh mặt trăng), hẳn đếm những thanh sắt trên những chiếc cửa sổ lớn và chờ nghe thấy tiếng Ernest khóa cửa mặt tiền, rót rượu vang hồng vào một chiếc cốc dùng để uống nước quả, hắt một ít nước sô đa lên cái vỉ nướng rồi dùng một con dao găm máttít bắt đầu cạo mỡ và thức ăn bị cháy bám vào cửa ngày hôm đó.

Rồi một tối hẳn chợt để ý tới ánh đèn trong căn hộ phía trước của Khách sạn Geronimo. Paco nhìn thấy một phụ nữ trẻ có mái tóc vàng rồi bù, cô ta đang đi lại quanh buồng trong bộ quần áo lót bằng vải bông mỏng dính, mặc xu chiêng và quần xi líp.

Màn cửa bằng vải mỏng màu xám, bị tuột ra, bay phần phật trong buồng như tấm băng-rôn - chắc là do gió hút từ một chiếc quạt lớn ở cuối buồng, James ạ. Buổi tối hôm đó và nhiều tối khác nữa, Paco ngồi trên bậc thềm, trước mặt là lối đi nhỏ, điếu thuốc đang hút trên tay, ngược lên nhìn cô ta; đôi khi hẳn bắt gặp cô ta đang đi lại trong buồng, một chiếc khăn tắm mỏng buộc quanh ngực - cô ta vừa ra khỏi buồng tắm và đang lắc lắc mái tóc để cho khô (tóc của cô ta mịn và bóng như lông chó con mới đẻ). Có những tối cô ta chỉ mặc độc chiếc quần xilíp, gần như nháy múa, như thể đang khoe cơ thể của mình, và con giống của hẳn ngọ nguậy bên trong chiếc quần làm việc ẩm ướt - qua những tấm màn cửa mỏng tang, hẳn thoáng thấy cô ta đi từ đầu này tới đầu kia căn buồng.

Nhưng có một tối hẳn ra ngoài trời sớm hơn thường lệ và ngồi trong trạng thái chờ đợi như lên đồng ở một góc tối nhất ở xa lối cửa ra vào, bên cạnh cái thùng rác. Hẳn vươn vai, nghe thấy tiếng kêu kèn kẹt của đinh và vít bắt ở xương chân. Chiếc quần lao động ẩm ướt xắn tới đầu gối, bàn chân nhẵn nhéo của hẳn kêu lép nhép trong giày. Hẳn cầm bình nước cam, điều thuốc lá và một que diêm “vạn năng”, hẳn ngược nhìn lên cửa sổ căn buồng của cô gái (James à, tên cô ta là Cathy, sinh viên trường Sư phạm Wyandotte nằm ở phía tây của thị trấn, cháu gái của Earl và Myrna). Hẳn nhìn thấy cô ta, vẫn mặc bộ quần áo trong mỏng dính, kéo một chiếc ghế tới cạnh cửa sổ rồi ngồi phịch xuống và nhìn đắm đắm xuống cửa sau của Texas Lunch.

(James, từ nhiều tuần nay, Cathy tắt hết đèn trong buồng, cô ta đẩy một chiếc ghế đóng bằng loại gỗ dễ uốn mà cô ta lấy ở tầng trệt ra giữa buồng rồi ngồi xuống, hơi còng lưng - lặng lẽ và kiên nhẫn - mắt gần như ngang tầm bậc cửa sổ. Cô ta quan sát Paco làm việc, lúc ẩn lúc hiện trong trường nhìn của cô ta, hẳn nhúng bát đĩa vào nước nóng để tráng rồi để chúng sang một bên cho ráo nước và khô. Hẳn ra ngoài ngồi trên bậc thềm cùng với bình nước cam nhãn Mason - cô ta những nghe thấy tiếng đá khuấy kêu lách tách - hoặc hẳn đứng đái ở sát thềm nhà chỗ cạnh cái thùng rác - đôi khi cô ta bắt gặp hẳn chơi trò phun nước đái thành hình số 8, đại loại thế. Cô ta hoàn toàn có ý đồ cả đấy, James, cô ta theo dõi hẳn đang làm việc, phỏng đoán cái chỗ quần hẳn phồng lên và đôi mông đẹp, quan sát hẳn rùng mình khi đái xong. Rồi một tối, cô ta quyết định bật hết đèn lên và biểu diễn cho hẳn xem trong lúc nhấp từng ngụm nhỏ rượu whiskey pha nước và đá trong cái cốc uống bia mà Paco ngỡ đó là trà - cô ta biết chắc rằng mình sẽ khiến Paco phải chú ý.

Nhiều tuần sau đó, Paco thấy cô ta kéo chiếc ghế ra chỗ cửa sổ ở giữa căn buồng tối; hẳn quan sát cô ta ngồi như bị cố định tại chỗ và đang nhìn chăm chú cửa sau của *Texas Lunch*. Theo bản năng, hẳn bỗng nhiên thấy ớn lạnh (hẳn ngồi ở chỗ tối nhất, lưng cúi gập), hẳn ngoái đầu lại, mắt nhìn ra phía xa, cái tạp dề buong xuống đầu gối, một tay hẳn cầm điều thuốc và que diêm “vạn năng” còn tay kia cầm bình nước cam; hẳn bỗng thấy bầu máu

trong người bị kích thích mạnh - và trong giây lát cơn đau ở lưng biến mất - Paco nghĩ trong đầu “Bao nhiêu ngày, tuần cô ta đã theo dõi mình nhỉ?” - hắn vẫn ở trong bóng tối, cách xa cửa ra vào, tiếp tục quan sát cô ta. Sau khi hắn đã bắt quả tang ý đồ của cô ta, hắn chậm rãi đưa điều thuốc lên miệng, cầm que diêm quẹt vào ngón tay của hắn để lấy lửa.

Cathy, đang ở trên căn gác bên kia đường, những nghe thấy tiếng tanh tách rất gọn của que diêm, nhìn thấy những tia lửa lóe lên - cô ta đang ngồi trên chiếc ghế cách cửa sổ mấy bước, chân duỗi thẳng, gót chân đặt lên chiếc thảm mỏng đã sờn trải từ chỗ chiếc bàn giấy tới chiếc ghế sofa dài ngửa dậm. Và cô ta bị bất ngờ thực sự, James ạ. Hắn đưa lửa tới gần điều thuốc rồi rút điều thuốc, và cả gương mặt của hắn sáng rực lên, hắn ngước mắt lên, nhìn thẳng vào cô ta, James, bằng đôi mắt trong vắt - cô ta bị bắt quả tang. Cô ta đỏ mặt, nghĩ thầm “Khi thật, tay lấu cá này đã tóm được mình” - đồng thời cô ta cúi người xuống rồi trượt ra khỏi ghế. Cô ta bò lồm cồm vào buồng ngủ, mặc quần soóc và chiếc áo ngủ mà cha cô đã mua ở cửa hàng bán quần áo may sẵn rẻ tiền rồi đi xuống dưới nhà. Hắn nghe thấy tiếng “cách” gọn của công tắc đèn buồng ngủ của cô ta, nghe thấy tiếng sột soạt lúc cô ta mặc quần áo và rời khỏi buồng, đẩy cánh cửa ra, và hắn ân hận vì đã làm hỏng trò chơi ngăn ngủi thú vị của họ (hắn vừa lắc đầu vừa nhún nhử cười). Hắn búng điều thuốc ra xa; điều thuốc bay vút kéo thành một hình vòng cung dài, đâm vào bức tường vừa nhám, vỡ tung và tủa ra tro lửa lấp lánh như pháo hoa. Hắn tu nốt chỗ nước cam trong bình rồi quay vào trong để làm nốt công việc của buổi tối.

Paco lơ đãng đi về phía bồn rửa bát, vặn vòi cho nước đầy chậu nước rửa và chậu nước tráng rồi lấy một cái thùng bằng cao su màu xám ở dưới chạn bát đĩa và bắt đầu mẻ thu dọn cuối cùng. Đúng lúc đó, một người đàn ông bước vào, gã mặc quần áo lao động, chiếc áo vét bằng vải bò, đi đôi giày ủng công trường đã cũ rích, vai đeo một chiếc ba-lô của người vẫy xe xin đi quá giang (một chiếc túi ngủ được cuộn lại và buộc ở bên trên). Gã chọn một ghế ở phía cuối phòng rồi đặt ba lô lên chiếc ghế bên cạnh. Ernest, rất bức mình nếu có kẻ phát văng nào đó vào quán vào lúc quán sắp đóng

cửa, bèn ngoảnh nhìn gã đó và nói, “Anh dùng gì?”. Gã đó đập hai bàn tay vào với nhau rồi xoa tay mạnh đến nỗi có thể biết bàn tay gã bị chai khô nứt nẻ. “Ông có món gì nóng?”.

“Món ớt”, Ernest đáp, vừa nhìn dò xét vừa với tay lấy một cái bát và một bát bánh sò trước khi gã đó kịp hít hà.

“Thế thì được, cho tôi một bát ớt hầm thịt bò, một bánh xăng-uých thịt gà tây, một cốc lớn nước ép cà chua, cà phê đen và bánh ngọt”.

Paco bước ra, đi vòng sau lưng Ernest trong lúc ông ta đang phục vụ gã phát văng đó, hẩn nhìn thấy chiếc ba-lô và cái túi ngủ; khi hẩn quay lại sau khi cho thêm một muỗng đá và nước cam vào trong bình, hẩn hỏi gã đó, chỉ là để chuyện trò, rằng anh ta từ đâu đến, đang định đi tới đâu.

Gã đó kéo đĩa ớt hầm về phía mình (gã tên là Jesse), ngả người ra phía sau rồi nói, “Tớ đã đi khắp nơi”; gã đặt một chân lên chiếc ba lô rồi bắt đầu dùng thìa khuấy cho nguội bát ớt hầm đầy ụ”. Tớ đã lết ngang dọc lục địa này. Đã thấy đường ống dẫn dầu ở Alaska, chẳng hạn, và tớ đây có thể khẳng định với cậu” - gã vừa nói với Paco vừa dòm Ernest đang cạo rất mạnh cái vỉ nướng bằng con dao cạo mát-tít - “Tớ đây khẳng định với cậu rằng đó chỉ là một cái đường ống phò phạch dù cậu có nghe kể đủ thứ về nó. Tớ đã đá xuống Grand Canyon^{82[1]} - thật hùng vĩ! Đã qua đêm tại Beaver Falls, Goldsboro, French Lick^{83[2]} - chỉ cần khoe với cậu như vậy. Ăn xúc xích với đậu hạt tại quán Phil, một quán ăn tại Corpus Christi^{84[3]} phục vụ khách ngồi trong ô-tô, ăn cua lột ở Seattle to như cái đĩa Frisbee, món súp cá nấu đặc như súp kem”, gã vừa nói vừa dùng thìa múc thêm bánh phồng tôm cho vào món ớt rồi khuấy lên, “tại một quán ăn tên là Jimmy ở Boston của một gã lừa bịp chặt chém”. Jesse bắt đầu cho cả ớt hầm và bánh sò vào mồm rồi chiêu bằng những ngụm lớn cà phê.

Ernest hút những miếng hành, những khúc khoai tây thái nhỏ và những lát cá trắng, những mẫu vụn bị cháy đen ra khỏi mỡ đang sôi. Paco cúi đầu để tránh cái tờ giấy diệt ruồi hình xoắn tròn ốc treo lủng lẳng ở trước tủ lạnh

- tờ giấy dính lổn nhổn những con bọ - hắn quay lại chỗ bồn rửa bát, lúc đi qua chỗ chiếc gậy bằng gỗ óc chó màu sẫm, hắn va vào khiến nó đung đưa.

“Một hôm tớ đã mua một chiếc xe Jeep”, Jesse nói, “rồi lái lên dãy Pikes Peak⁸⁵[4] . Nhảy từ trên một cái mảng xuống sông Mississippi và gần nửa ngày trôi giạt ở phía nam một nơi hình như có tên là Muscantine⁸⁶[5] - tớ và cô gái đó đã bơi trần truồng, không biết chúng tớ đang ở đâu. Tớ đã đi từ Monpelier⁸⁷[6] tới Santa Fe, từ Yakima tới Đảo Ocracoke, từ Bemidji tới Brownsville rồi tới Sault Sainte Marie”, gã vừa kể vừa chỉ tay và ngả người sang hai bên. Hắn nhón chiếc bánh xăng-uych nhân thịt gà tây, nhặt những lát thịt bị ép chặt. (Ernest ngoái đầu lại nhìn và thấy Jesse đang ăn chiếc bánh xăng-uych của gã - chiếc bánh do Ernest làm và nghĩ trong đầu “Ernest, lúc nào mà cũng phải có một người nào đó để mà lo lắng thái quá; một ngày nào đó có lẽ mà sẽ phải sửa”). “Cậu ở đâu đến?”. Jesse hỏi, nhận ra cái dáng đi tập tễnh của Paco và chiếc gậy đung đưa trên cái đỉnh.

Paco dừng lại ở cuối gian bếp, đặt cái thùng bát dếch xuống. Kể từ đợt rét đột ngột cuối cùng trong những ngày đầu của mùa xuân cách đây nhiều tháng, Paco không thích giao thiệp - làm việc, đi bộ về nhà, uống liền hai liều thuốc giãn cơ và thuốc chống trầm cảm để dập tắt cơn đau ở đùi và lưng. Gần đây hắn đã trở thành một thứ tiết mục công cộng của đám công nhân ở xưởng đúc và trại sản xuất bơ sữa, họ thấy hắn làm việc tất bật ở *Texas Lunch* - tất cả đều rất tò mò muốn biết hắn là ai và hắn ở đâu đến đây. Paco rửa bát đĩa, nhúng tay đến tận khuỷu vào trong nước rửa bát, hút điếu thuốc Camel cho tới khi mẩu thuốc ướt đẫm nước bọt, mép bóng lên vì nicô-tin, lưng hắn quay về phía phòng ăn và hắn không bận tâm nhiều tới những gì diễn ra sau lưng (“Cái gì ở sau lưng là cái thuộc về quá khứ, đã kết thúc”, hắn sẽ nói như vậy, James), ngoại trừ Ernest và rượu vang màu hồng ngọt lịm do ông ta tự làm và câu chuyện của ông ta về Guadalcanal và Iwo Jima.

“Cậu ở đâu đến?”, Jesse nhắc lại to hơn, ngồi thẳng người lên.

“Cái gì?”. Paco nói, tháo thắt lưng của hắn ra khỏi bồn rửa và bước ra từ phía sau quầy rượu cao ở cuối phòng. Ernest ngừng tay, dùng một miếng bọt biển lau mỡ cháy đen của vỉ nướng dính trên con dao cạo mát-tít, chuẩn bị sẵn sàng để nghe, ông ta ngạc nhiên khi thấy Paco coi đó là sự quấy rầy - ông ta tự nhủ rút cục thế nào cũng được nghe một điều gì đó. “Ở đâu ư” Paco hỏi lại. “Không phải người vùng này. Bị thương trong chiến tranh”, Paco nói, chờ đợi một ý kiến phản đối. “Bị nện cho tơi bời tại một nơi có tên là Cứ điểm Harriette gần Phuc Luc”, hắn duỗi cánh tay và xoay đầu sang một bên để cho xem các vết sẹo. “Năm bệnh viện. Xuất ngũ. Đường bệnh tại một lô các bệnh viện dành cho cựu chiến binh tại Việt Nam. Cái gậy này là để giúp tôi đi lại”.

“Có nghe nói về Harriette”, Jesse nói, vừa tỉnh quái vừa sừng sốt, nhưng gã nói bằng giọng nhẹ nhàng - gã bóp một nắm bánh phồng tôm rồi rắc lên món ớt hầm, xoa hai bàn tay vào nhau mạnh đến nỗi có thể nghe thấy tiếng những cục chai tay khô nẻ trong lòng bàn tay gã. “*Bản thân* tớ đã từng nhập ngũ trong Lữ đoàn Nhảy dù 173! Vùng Tam giác^{88[1]} chết tiệt, trận đánh trong rừng Hồ Bò, Bời Lời, Lai Khê, An Lộc, Củ Chi - vào thời đó, Bến Súc vẫn còn là một thị tứ. Chắc cậu có nghe nói tới Bến Súc! Paco thì có, nhưng Ernest thì chưa. Jesse bốc thêm mấy lát thịt gà tây, bỏ vào mồm, ăn cùng với một ít rau diếp và cà chua. “Lính nhảy dù toàn thằng trẻ, anh bạn ạ” gã nói, hướng về Ernest, “những thằng điên khùng thực sự”, giữa bạn bè với nhau tớ nói thật với cậu đấy. Ba tuần huấn luyện: tuần thứ nhất, người ta phân loại những thằng can đảm với những thằng nhát gan, tuần thứ hai người ta phân loại những thằng can đảm với những thằng điên khùng, và tuần thứ ba người ta cho bọn điên khùng đó nhảy dù. Có Chúa chứng giám”, gã nói, bắt đầu dùng bàn tay và các ngón tay lau mồm nhiều lần, “lần đầu tiên tớ lên một chiếc máy bay thì đó cũng là lần đầu tiên tớ nhảy dù. Đã nhảy dù mười hai lần - trong thời tiết tốt, xấu; ban ngày, ban đêm, giữa trưa, đủ cả, anh bạn ạ, sau đó một chiếc máy bay đưa tớ tới bất cứ đâu. Và nơi đó thường là Atlanta - cái thành phố đó có một bầu không khí kỳ cục thế nào ấy, đừng hỏi tớ tại sao. Cậu biết không, khi đến lượt cậu đi đến chỗ cửa để chuẩn bị nhảy dù,

cậu không thét lên “Geronimo^{89[2]} !”. Chỉ những thằng pêđê ông ẹo ở Hollywood đầu óc toàn cứt mới nói như vậy. Khi đến lượt cậu đi đến chỗ cửa và bắt đầu, viên sĩ quan huấn luyện sẽ để mặc cậu la hét bất cứ điều mắc dịch gì tùy thích, bất cứ điều chết tiệt nào nảy ra trong đầu cậu - “Đ.M quân đội”, “Hôn đít tao đi”, “Cứt-cứt-cứt” - hét thật to chừng nào cậu vẫn còn đủ can đảm. Miễn là cậu nhảy ra khỏi đó”, gã nói trong lúc lắc thật nhiều hạt tiêu vào món ớt hầm, cười nhả nhổ và nhìn lên trần nhà. Điều đó hầu như cũng có tác dụng, chỗ bạn bè thân thiết nhau họ nói thế, nhưng tất cả những gì cậu nghe thấy khi đang rơi xuống đất chỉ là tiếng gió rít. Tiếng gió rít và tiếng kêu lách cách của những cái móc trên chiếc dây bật dù tự động^{90[3]} đập lách cách trong khoang máy bay”, gã vừa nói vừa tưởng tượng những bóng đèn chỉ vị trí đang nhấp nháy ở bụng chiếc máy bay lúc gã đang rơi nhanh xuống mặt đất. “Và mặc xác cậu nếu dù không mở hoặc dây dù dự phòng không hoạt động. Cậu sẽ rơi nhanh hơn những gã khác, như một hòn đá đang bay, vù! và dù sẽ bay phấp phới ở phía sau cậu như một lá cờ rách tơi tả, vút-vút, lổp-bổp, phần-phật-phần-phật. Và giả sử cậu nặng 90 cân như tớ đây. Nào, cậu có thêm 60 hoặc có khi 70 cân buộc trên người nên lúc rơi cậu sẽ rơi nhanh hơn, đơn giản là cậu nổ tung – *tôm!* Một mình cậu tự làm cho mình một cái hố nho nhỏ trên mặt đất. Xác của cậu thậm chí không đủ để phết lên một lát bánh mì, tụi tôi thường nói đùa như vậy. Xin lỗi nhé, anh bạn”, gã nói rồi nhìn xuống dưới đất như thể hắn vừa nhìn thấy toàn bộ sự việc, hắn tưởng tượng bụi và nước bắn tung tóe, cỏ cao bị bệt gí quanh cái xác.

“Tớ đi nghĩa vụ quân sự cái lần chết tiệt đó ở nước ngoài hồi năm 1966-1967, hồi ngày xưa, như tụi bạn tớ hay nói, ngày ấy lũ lười biếng xu nịnh ở CBS và NBC^{91[1]} và các hãng khác không đi đâu xa quá cái quán ba ở dưới sảnh của khách sạn Hilton ở Honolulu. “Nói cho cậu hay, anh bạn, năm chục gã như thế bỏ trong một cái bát cũng không giá trị bằng ngòi ia trên bệ xí bệt trong một nhà xí khép kín được trang bị nước nóng lạnh. Cậu sẽ phải tự hỏi không biết những gã đó đang kể gì khi họ liên thuyền xích để những điều nhảm nhí, bởi vì họ rút cục chỉ đánh bạn với thằng đàn nhất trong trung

đội. Mỗi lần nhìn thấy một thằng hề phóng viên như vậy, tụi tớ đều nói đại loại như, “Này, củ khoai, lần sau ra mặt trận nhớ đem cho chúng tôi cái gì đó đựng trong giỏ trái cây của các anh” (tất cả bọn họ đều có một cái túi rất to đeo chéo qua vai, tớ không biết là loại túi gì). “Một em nào đó đoan trang, mắt tròn, chẳng hạn - giá như các anh có thể bắt bỏ vào cái túi đó một hoặc hai con bé xinh đẹp, mũm mĩm”. Nếu những thằng nhát gan ủy mị này chỉ cần ở lại một hôm trên thực địa, biết đâu họ có thể nhìn thấy một điều gì đó. Họ đã có thể biết được những chuyện xảy ra trên đường, như tụi chúng thường nói”. Gã nhìn ra phía cửa ra vào, về hướng xa lộ. “Xác chết của một đêm nhiều tới mức đủ che phủ một khu rừng; xác chết trên dây thép gai nhiều như những con mòng bám trên kính che gió. Tất cả đều chết trong hãnh diện, cậu có thể tin như thế. Tớ nói với cậu một điều này, bọn lính da vàng đó cho thế nào thì nhận thế nấy. Chúng ta căm thù họ và họ căm thù chúng ta; có những đêm hai bên đánh nhau hoàn toàn chỉ vì căm thù. Tớ đã hoàn thành nhiệm vụ chết tiệt của tớ, nhưng tớ đồ rằng cậu có thể biết chút gì về điều gì đó”, gã nói, quay sang nhìn Paco. “Nhưng tớ thề với cậu rằng, anh bạn ạ, sau khi tớ kết thúc thời gian nghĩa vụ quân sự, tớ đã kể cho mọi người hết mọi chuyện; tớ đã báo trước với tay sĩ quan không quân hàm nhất gan nọ quê ở Alabama rằng nếu tớ gặp lại hắn, tớ đẽch cần biết đó là nơi mắc dịch nào - Fennway Park, Furnace Creek, California, hoặc gian tiền sảnh mắc dịch của Khách sạn Palmer House - tớ sẽ đánh hắn như tử bằng cái dụng cụ tháo lốp xe, ngay cả nếu như tớ có buộc phải bắt hắn đứng đợi một chỗ để tớ đi ra ngoài kiếm cái vật ấy. Ốm, tàn phế hay lười biếng; mù, què hay điên - tớ không cần biết - tớ đéo cần, nói cho nhanh, tớ chỉ muốn chuồn khỏi đó. Ngay sau khi cuộc hành quân Cedar Chips⁹²[2] (hoặc một thứ vô nghĩa chết tiệt nào đó thuộc loại ấy) kết thúc, người ta đưa tớ tới căn cứ Fort Lewis, tớ nhận giấy giải ngũ, tiền lương, và nghĩ trong đầu “Mày phải đi để xem cái xứ sở quái đản này hình thù thế nào”. Và kể từ dạo đó tớ đã đi thăm thú những thắng cảnh, mà vẫn chưa tìm thấy một nơi nào để dừng chân.

Paco đi ngang qua chỗ gã đó ngồi, cầm lấy cái nồi ớt hầm rồi mời gã đó dùng nốt chỗ còn lại, đổ đầy đến miệng cái bát của gã. Ernest và Paco vẫn

làm việc, khẩn trương làm nốt công việc dọn dẹp của buổi tối, trong lúc đó gã vô công rồi nghề đó vẫn đang ăn, hắn nói chuyện giữa những lần đưa thức ăn lên miệng - ngoái lại phía sau để nhìn Paco đang cọ rửa nồi và nhìn phía trước Ernest đang kiểm lại tiền bán hàng.

“Đã sống gần một năm trong một túp lều theo lối cổ trên dãy núi Bitterroot ở biên giới Montana và Idaho. Có một đồng cỏ 30 mẫu Anh hoa nở suốt mùa hè, một con suối cách hiên nhà không đầy 100 mét, một vườn cây ăn quả bỏ hoang rộng mênh mông và một hàng rào bằng sắt góc có cánh cổng tôi dám chắc là chưa từng được mở kể từ lúc tớ chưa ra đời. Có một đàn nai thường đến gặm cỏ và tớ gần như phải suýt đuổi chúng để lấy đường đi ra nhà xí ở ngoài trời. Đã sống ở đó gần trọn một năm trời; làm những công việc lặt vặt; lúc nào cũng say bí tỉ; uống rượu như hũ chìm, whiskey và bourbon^{93[1]} và rất nhiều rượu whiskey Scotland hảo hạng - tớ đã tính là nếu mình cứ say rượu, say khướt, tớ sẽ không bị quy trách nhiệm nếu tớ có đánh chết ai đó. Tớ để mặc cho râu tóc mọc dài - cho đến khi tớ cảm thấy đã sẵn sàng để đi hăn khỏi Bitterroot (đôi khi cơ thể con người giống như con sóc), sắc diện của tớ đã trở nên thật kinh khủng. Nhưng tớ đã có thời gian uống rượu thỏa thích và như người ta nói, tớ đã học được điều gì đó, tất cả mọi chuyện là như thế”, gã ngả đầu về phía sau, dùng đưa cái búi tóc đuôi ngựa màu hung ở phía sau, hắn cười rồi bất ngờ găm lên bằng một giọng trầm trầm đầy cay đắng, “thứ nhất, tớ rất tiếc đã không có dịp để đánh phọt cứt một gã dân biểu hoặc bảo với Tướng Schistkoff hoặc Sheetrock hoặc tên cóc gì cũng được đi mà đụ lấp dít. Thứ hai, tớ là một con vật thí nghiệm đã được đóng tem - một loài động vật thành đạt - một loài động vật đã trốn thoát khỏi cái phòng thí nghiệm mắc dịch của chúng”. Gã lại cúi đầu xuống và gõ cái thìa súp lên mặt quầy bọc vải sơn - những âm thanh lách cách rõ và đều đều của kim loại đặc.

“Từ bấy đến nay tớ cứ chờ đợi một em nhỏ nhắn, hay nói, ăn mặc hợp mốt, tốt nghiệp một trường đại học vô danh dám lại gần tớ và nói” - và giọng của gã dâng cao biến thành một thứ giọng the thé cọt nhả, rít lên như thể đã được luyện tập từ trước - “Anh là một cựu chiến binh, phải không?

Anh đã giết cả những bà mẹ và trẻ em. Hiếp bất kỳ phụ nữ nào, có đúng thế không? - *tôi chỉ có hai bàn tay trần thôi, cô nàng ơi!* - “Đừng đụng vào tôi, đồ xấu xa”, như cách họ thường nói, “không đời nào tôi đụng vào người anh, đồ bẩn thỉu, kể cả một cái bắt tay!”. Với tôi thì ô kê thôi, cô gái ạ”, Jesse kể, mắt ngược nhìn lên trời, “bởi vì anh mắc mười bảy loại bệnh xã hội các loại - lở loét và sừng hạch và tất cả những bệnh liên tục rỉ mủ xanh hôi thối, chưa kể những bệnh khác nữa. Nếu chuyện này xảy ra - cái câu chuyện với cô gái đó xảy ra - tớ sẽ tóm lấy cổ áo lính thủy của cô ta (hoặc bất cứ cái thứ chết tiệt nào mà cô ta mặc vào lúc ấy), bộp cho hai cái, ném cho cô ta một đồng mười xu - chỉ có từng này tiền ở đây thôi”, gã vừa nói vừa ngả người để vỗ vỗ vào túi quần dài, rồi tớ nói, “Cầm lấy, em yêu, hai năm nữa hãy gọi điện cho anh lúc em đã trưởng thành”, gã nhìn xung quanh và tỏ ra lúng túng, mặt gã đỏ lên vì nén cơn tức giận và bụng gã nóng rực vì ớn và hạt tiêu. Gã liếm cái thìa, khuấy cốc cà phê đã nguội, xúc nhiều thìa đường đầy, gõ đôi giày ủng lao động đã sờn vào chân ghế - cái thân hình nguên ngoàng xương xương của gã bỗng háo hức những muốn xê dịch.

“Tớ nóng lòng chờ đợi người ta mau mau xây một cái Đài kỷ niệm Việt Nam”. (James, tớ có ý nghĩ này từ nhiều năm trước khi ai đó nghĩ tới). Có phải chi tiền để tới xem tớ cũng vui vẻ. Nhưng cái đám người ưu tú nọ, những thầy cãi lỗi lạc, những cựu anh hùng của Lính thủy đánh bộ, những lính bàn giấy tốt nghiệp các học viện quân sự, như người ta thường nói, chỉ là những kẻ thích phát biểu và thích lên truyền hình, và cả viên tướng mắc dịch William Westmoreland (những gã cả đời chưa bao giờ bắn một phát súng hay đi bộ hành quân quá một trăm mét) - họ sẽ lê đi khắp nơi để lãng phí thời giờ vào những chuyện ngớ ngẩn, vô ích, họ sẽ thối phòng vấn đề để cái thứ ngớ ngẩn đó trở thành một tượng đài anh hùng. Họ sẽ tới tận hãng *Chrysler*, *General Dynamics*, *Hughes Aircraft* và *Boeing* để quyên góp tiền, chỉ việc vơ tiền vào túi. Sau đó họ sẽ tưởng tượng ra một trung úy kỳ cựu bị thương gần chết (“Suốt đời tôi mơ ước được chỉ huy những người lính *dũng cảm* giành *chiến thắng* trong một trận đánh *tuyệt vọng*!”), tay trung úy đó có dương vật chỉ to gần bằng ngón tay cái, bộ ria mép màu hung hung, chiếc

mũ mềm đi rừng nhàu nát và điều xì-gà tẩm lợm mua ở căng tin quân đội, nhưng khi anh ta bị dồn vào chân tường, anh ta không phân biệt nổi sống chết. Cậu sẽ bắt gặp một người như anh ta đang đứng chụp ảnh cùng với một thiếu nữ diễu hành mặc đồng phục, kiểu cách của anh ta giống như một tân binh, nụ cười lịch sự trên khuôn mặt anh ta như muốn nói “Chào Mẹ! Con rất *tự hào* được chết! Trọn đời trung nghĩa, Mac!”. Hình của anh ta sẽ được khắc trên tấm huy chương Trái tim Tím, anh ta đứng, hai chân hơi khuyu xuống như thể đang lướt sóng nhưng đang ôm xác một lính Mỹ giờ cao lên trời, như thể vào đúng giây phút ấy hắn vừa tắm rửa và xóc lọ. Và cậu nên biết rằng bức tượng chắc chắn sẽ là một đồng cốt, một thứ tầm phào kiểu John Wayne^{94[1]} mà bất cứ lính Mỹ nào vừa xóc lọ và xuất tinh xong chỉ nhìn qua thôi sẽ nói “Vớ vẩn! Đúng là vớ vẩn!”. Họ sẽ đặt cái vật có kiểu cách John Wayne đó lên một cái bệ cao rồi đặt cạnh đường đi để những gã quân nhân chuyên nghiệp và những gã mê súng đạn đi dạo trên những chiếc xe Jeep địa hình và xe Caddy đi qua có thể nhìn thấy rõ. Hoặc họ có thể đỗ xe ở bãi rồi đi bộ tới (họ mặc những bộ quần áo may sẵn chật căng mua ở cửa hàng K-Mark^{95[2]}), họ thấy nghèn nghẹn ở cổ họng và háng ướt nhuyễn như kem, họ cảm thấy buồn bã sâu muộn khi hồi tưởng với lòng ngưỡng mộ những ngày xa xưa tươi đẹp.

“Chà, bản thiết kế tượng đài của tớ sẽ còn cường điệu hơn, và *có hương vị*, như người ta thường nói”, Jesse nói, với tay lấy bình cà phê trên mặt quầy và tự rót cho mình một cốc cà phê nữa. Tớ sẽ mua hai mẫu Anh đất tại vị trí đẹp ở Washington D.C., để xem nào, chỗ đó sẽ nằm thẳng hàng với Hồ Gươm^{96[3]}”.

Gã quay đầu lại nheo mắt ngắm một sợi dây tưởng tượng chạy từ hàng ghế ra tới ngoài trời. “Như thế Quốc hội có thể bước lên các bậc của Điện Capitol, ngắm Công viên the Mall^{97[4]} nằm dọc ở bên dưới, Đài tưởng niệm Washington, toàn bộ chiều dài của Hồ Gươm, xa hơn nữa là những chiếc cột của Đài tưởng niệm Lincoln, sườn dốc của Nghĩa trang Quốc gia Arlington nằm ở bên kia sông Potomac, để thưởng thức công trình của họ: hàng ngàn và hàng ngàn dãy mộ những thân thể bị giết tan xác. Và Tượng

đài tưởng niệm Chiến tranh Việt Nam sẽ nằm ở khu vực đó. Phát quang hai mẫu Anh trên đỉnh một ngọn đồi nhỏ cỏ mọc rậm rì. Lát đá cẩm thạch của Carrara^{98[1]}, anh bạn ơi, đó là loại đá trắng nhất do Chúa tạo ra. Khắc lên tấm đá cẩm thạch đó tên của tất cả những người đã chết trong cuộc Chiến tranh Việt Nam - tất cả những thằng công tử bột đó, như người ta thường nói. Sắp xếp các tên đó theo cách quái nào cũng được, tùy thích”, gã nói, giơ tay lên trời và nhìn ra phía cửa như thể gã đang đứng trên bậc của Điện Capitol để giám sát công việc. “Ai đến trước được phục vụ trước có lẽ không phải là một ý tưởng tồi. Ở giữa khu vực đá cẩm thạch đó sẽ đặt một cái bồn khổng lồ bằng đá gra-nít có bề ngoài giống một khẩu súng cối và to cỡ một chiếc xe ben chở rác dài ba mét. Quyên góp hàng nghìn tờ một trăm đôla từ một quỹ ủy thác có rất nhiều tài sản được hiến tặng, chẳng hạn, để có thật nhanh tiền. Sau đó vợ tất tật cái cứt gì cũng được miễn là có giá trị từ khắp các tiểu bang: cứt gà, cứt bò, cứt dính máu, bùn nhiễm phóng xạ điôxin, cứt nhào có mùi thuốc trừ sâu, đờm rãi bệnh lao, bào thai bị hỏng ở mỗi giai đoạn phát triển - và những cái khác nữa mà tớ không biết. Xúc tất cả những cái cứt đó vào trong cái bồn bằng đá granit rồi trộn với hàng chục nghìn tờ đô la. Quấy đều tất cả - dựng một cái giàn giáo và sử dụng các mái chèo nếu thấy thích hợp. Sau đó lùi ra xa và dùng vòi nước để tưới bãi cỏ. Tưới thật nhiều cho cỏ dầm nước, lớp nhớp bùn. Sau đó đăng quảng cáo. “Xin mời tất cả hãy đến! Bất cứ ai! Bất cứ ai cũng đều được phép bôi cái bồn cứt đó và giữ lại những tờ một trăm đôla nếu họ nhặt được”, bôi bằng tay không, nhưng trước hết họ phải cởi giày, xắn quần lên, lội bì bõm ngập đến tận đầu gối trong cái thứ bùn đó và rút cục làm tràn bùn ra khắp mặt đá cẩm thạch.

“Tớ nói cho cậu hay, anh bạn ạ, có thể chào mừng lễ khánh thành bằng một cuộc thi đấu dành cho những ngôi sao trong giới truyền thông toàn cầu trên chương trình Wide World Sports của ABC - những diễn viên nữ vú nở hay cười rúc rích trong những vở hài kịch tình thế, những gã pêđê người vạm vỡ đóng những phim truyền hình nhiều tập, và hai tay cò mồi trong chương trình talk-show^{99[2]} buổi đêm. Toàn bộ cuộc thi diễn ra dưới ánh sáng

hội hè của những trận đấu loại, trong khi Howard Cosell, Evel Knievel và Martha Raye tường thuật trực tiếp bằng những lời bình luận màu mè”.

James, tới *lúc này*, Paco và Ernest không thể nhịn được cười, họ cười vì sự mỉa mai cay đắng đầy khiếm nhã, nhay nghiêng này. Jesse thò tay vào một cái túi ở nách ba lô - gã phải dựa cằm lên mặt quầy tay sờ soạng, mò mẫm, mắt gã trợn ngược - hăn lấy ra một cái lọ đựng men bia và một cái lọ con đựng vitamin dạng viên và dạng con nhộng.

Paco cũng bước ra để thu dọn bát đĩa, đổ đầy nước cam vào bình của hăn. “Anh đi lại bằng cách nào?”. Paco hỏi trong lúc một tay giữ chặt cái thùng sát vào bụng để nhặt bát đĩa của Jesse, những phụ kiện của nồi áp suất, xoong, nồi, tất cả được xếp chồng lên nhau cao ngất. “Ý tôi muốn nói là việc vấy xe đi quá giang ấy. Anh làm bằng cách nào?”, hăn nói rồi dùng cái dụng cụ mà Ernest dùng để phết bơ lên bánh mì nướng để vạch một vòng tròn ở trên đầu hăn.

Jesse trút men bia vào cốc nước cà chua ép của gã rồi khuấy cốc cà phê bằng chính cái thìa gã vừa dùng để ăn món ớt hầm.

“Cậu đang bận à?” gã nói trong lúc vặn cái nắp chiếc lọ đựng men bia vốn là một chiếc lọ đựng sốt mayonne - “Cứ kiên trì bám lấy những xa lộ. Đường địa phương chỉ có ích cho bọn nhà quê, bọn mới vào nghề và bọn đàn bà. Đã là lính thì bắt buộc phải mặc quân phục trên người. Tớ thề trên mộ của mẹ tớ rằng tớ đã nhìn thấy một lính thủy đánh bộ Mỹ trong quân phục màu xanh đang vấy xe đi quá giang xe ở cửa ngõ Norfolk - găng tay và giày được đánh bóng loáng đến khó tin và đủ những thứ khác nữa - và gã công tử bột này đã được một thường dân trong một đoàn xe tang cho đi quá giang. Cậu phải có diện mạo sạch sẽ cho dù cậu thối hoặc, và phải tươi cười, anh bạn ạ. Giữ ngón tay cái cho thẳng và giơ tay cao trên đầu - cậu đứng ở chỗ vắng trên đoạn đường dốc để đón đầu xe cộ đi qua - đứng ở chỗ cao nhất có thể để cho thẳng đần đang ở chân dốc cũng có thể nhìn thấy cậu, hiểu không? Và tốt hơn nữa nếu cậu đứng tại chỗ và nhảy lên. À, cậu muốn làm một tấm biển con phải không? Tất nhiên cậu cứ việc làm, làm một cái

thật nhỏ thôi nhưng sao cho đơn giản và viết bằng chữ to - NYC, WASH DC, UCLA, FLA, FT L'WOOD¹⁰⁰[1]. Chớ có bao giờ viết CHỈ ĐI TỚI CALIF hoặc CHỈ ĐI VỀ PHÍA BẮC, đại loại thế. Tin tớ đi, chẳng có ma nào quan tâm đâu. Đó thực sự là một nụ hôn thần chết, như người ta thường nói. Và đừng bao giờ đi cùng một cô gái. Người ta ngại khi nhìn thấy cậu đi cùng một cô gái; quá nhiều chuyện lừa đảo, có lẽ thế. Và nếu có tức giận thì đừng bao giờ, đừng bao giờ có cử chỉ tục tĩu. Thật đáng thương cho cu cậu này. Một thằng hâm nọ có thể dùng chiếc Buick của hắn, cho xe chạy lùi trở lại đầu dốc chỗ cậu đang đứng với tấm biển:

ĐƯỜNG CẨM KHÁCH BỘ HÀNH

Hắn sẽ rút khẩu 44 li hàng khùng giấu dưới ghế, tưởng cậu là một thằng ngu tinh tướng và sẽ cho một viên đạn thối bay đầu cậu, như người ta vẫn nói. Và người ta sẽ chẳng tìm thấy gì ngoài những móng chân của cậu.

“VẬY, nếu cậu thấy bức bối, hãy huýt sáo. Khi cậu huýt sáo, trông mặt mũi cậu sẽ có một vẻ thân thiện - đừng hỏi tớ tại sao. Nhưng đừng vui vẻ quá thành vô duyên”, gã nói to để Paco đang bận bịu với mẻ bát đĩa cuối cùng có thể nghe thấy. “Người vui vẻ quá bao giờ trông cũng ngớ ngẩn, điên điên - những người lái xe sẽ nghĩ cậu đang phê thuốc, tớ nghĩ vậy. Quan trọng nhất là cậu hãy tạo một vẻ chăm chú, lạnh lợi - đôi mắt sắc sảo, đầu tóc rối bù - cho dù cậu là một thằng lười biếng. Và lạy Giời, khi một chiếc xe đỗ lại, hãy vơ đồ và nhanh nhẹn lên. Chỉ có thằng đầu đất mới chờ đợi người lờ đờ. Nhưng vì Chúa, đừng nhảy vào xe ngay. Trước tiên hãy kiểm tra chiếc xe; nếu không rút cục cậu có khi bị mất cửa. Hãy dò xét kỹ gã lái xe - phụ nữ chẳng bao giờ dùng xe cho cậu đi nhờ nên đừng lo về chuyện ấy. Nếu thấy chiếc xe có vẻ được thì hãy lên. Và vì Chúa, hãy tỏ ra biết cảm kích - phải đi bộ thì cút lăm. Với lại tớ đã chán ngấy đi bộ rồi, tin tớ đi. Nhưng cậu là một gã lính, tớ đồ là cậu hiểu điều đó”.

“Cũng khá”, Paco nói rồi cười.

“Nói cảm ơn với lái xe”, Jess nói, “nhưng đừng khúm núm. Mang một chiếc ba lô - nếu không trông cậu rất giống một thằng dễ bị kích động, giống như một gã híp-pi phát phơ đầu óc rỗng tuếch. Tớ đem theo một con dao đi sẵn nhỏ và tớ để nó trong cái bao buộc ở nách ba lô. Không phải để dọa người khác hay gì đó, mà chỉ là để mọi người biết tớ không tha thứ những điều không thể chấp nhận. Làm như tình cờ cho mọi người thấy con dao sẽ tránh được nhiều cuộc chuyện trò riêng, như mọi người thường nói. Đi đường bao giờ cũng phải có một chiếc ba lô, bởi vì nếu cậu tình cờ gặp một trạm bán xăng, cậu có cơ hội lau rửa qua những chỗ bẩn trên người và thay quần áo một chút. Này anh bạn”, gã nói to với Paco, “cậu đã đi nhiều nơi nên cậu hiểu sướng như tiên khi vớ được một buồng tắm có nước nóng. Sung sướng tột đỉnh, như người ta thường nói, nhưng thực sự là hiếm hoi lắm”.

Ernest đi xuống và giục Paco quay trở lại làm việc. “Chuyện thú vị đấy”, ông ta nói, “nhưng làm cho xong việc rồi về”. Họ tính tiền món ớt hầm, bánh xanguych và những thứ khác - Jesse lấy tiền từ trong một cái ví da sổng; Ernest cộng tiền thu được trong ngày rồi đút vào cái túi đeo ở thắt lưng. “Xong việc cậu đóng cửa, sáng mai gặp lại nhau - như mọi ngày”, ông ta nói với Paco, bước ra cửa, tắt hết chỉ để lại một ngọn đèn.

Jesse giúp Paco làm nốt việc, hẩn lấy khăn lau mặt quầy, ghế đầu, bàn và ghế dựa.

Họ làm việc được một lúc, Paco khua lách cách những chiếc nồi cuối cùng, cái bóng đèn duy nhất rọi từ trên xuống thẳng bồn rửa; Jesse lau rất sạch những tấm nhựa đặt trên ghế dựa, nhẩn nha xem bộ sưu tập đồng hồ của Ernest để trong nhà bếp - ánh sáng trong căn phòng chỉ còn mờ mờ. Đột nhiên hẩn ném giẻ lau xuống đất rồi quay về phía cái quầy bàn cao ở góc trong nơi Paco đứng làm việc ở phía sau, rồi nói, “chuyện xảy ra ở Harriette đúng là khủng khiếp” như thể hẩn đang lật lại trong đầu hẩn cái sự kiện đó - tin tức về sự kiện đó, tác động của sự kiện đó - và hẩn cố nghĩ ra điều gì đó

để nói về điều đó, và về Paco kể từ khi hắn bước vào quán ăn này. Và hắn đã nghĩ ra.

Paco khuấy nước rửa trong cái nồi hầm súp mười lít, rồi đứng thẳng dậy, và nói, “Bác sĩ bảo tôi là thằng duy nhất còn lại trong số chín mươi ba thằng” - hắn nhớ lại mớ cứt khô đã dính vào tóc như thế nào, nỗi sợ hãi đến ngộp thở trước cái chết chờn vờn suốt gần hai ngày, vẻ kinh ngạc tốt độ của tay y sĩ quân y thuộc Đại đội Bravo.

“Thế nào, cậu có thấy cay đắng về chuyện đó không?” Jesse hỏi.

Paco tháo nước rửa ngầu bọt ra khỏi chậu rửa và đặt cái nồi xuống cho ráo nước. Hắn bước vào căn bếp và phòng ăn đã tắt đèn, đứng sững trong một nỗi đau nhức nhối, ánh sáng đèn trong cái tủ lạnh to rọi thành một cái bóng của hắn. Mất một lúc hắn mới nhận ra Jesse đang đứng trong bóng tối, giữa những chiếc bàn ăn. “Tôi đã thức nhiều đêm để ngẫm nghĩ về điều đó, ngẫm đi ngẫm lại, có thể nói như vậy, và ừ, tôi đồ rằng tôi không thể cay đắng hơn được nữa, có thể vì vậy mà tôi không thể nói ra. Nhưng tôi muốn nói với anh một điều khác: được có mặt ở đây là hài lòng rồi - có phải Thurman Munson đã nói như vậy không?”.

“Này, anh còn quanh quẩn ở đây chứ? Paco hỏi, ý hắn muốn nói: hai thằng có thể đi uống và chuyện trò tào lao.

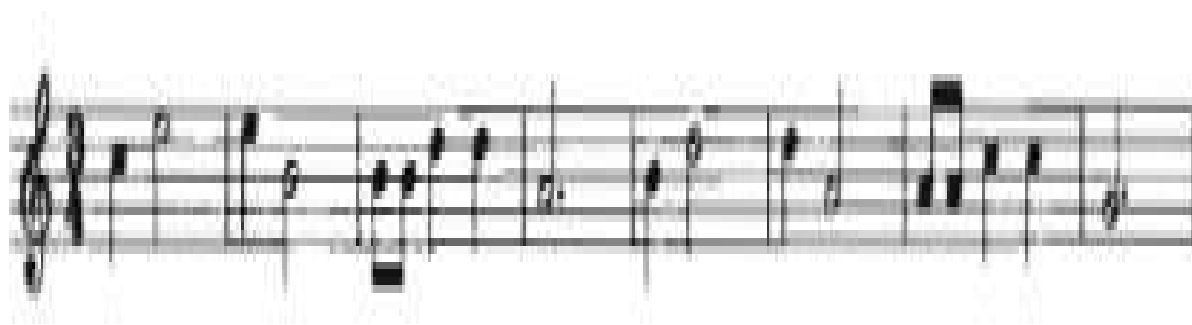
“Không”, Jesse đáp, ý hắn muốn nói: tớ không có ý làm mất lòng cậu, nhưng tớ phải đi tiếp. “Ban đêm dễ bắt xe đi quá giang, với lại tớ vừa có cái gì cho vào bụng rồi. Món ớt hầm ngon quá”. Jesse vắt kiệt cái giẻ lau rồi đặt nó lên mép cái quầy cao. Sau đó hắn chộp lấy chiếc ba lô, quàng nó lên vai và đi ra phía cửa sau.

“Anh định đi đâu?”. Paco đứng ở đó hỏi, người hắn cử động khó khăn vì những vết sẹo.

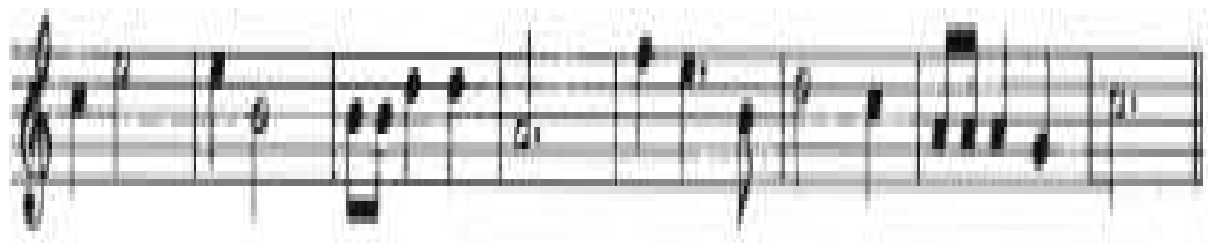
“Phía Tây - đi Cheyenne”, Jesse đáp, nhắc hành trang của hắn lên để xem thử nặng nhẹ trước khi xuất phát, “Sau đó là phía Nam - Taos, “nơi trượt tuyết của dân Texas”, như người ta hay nói. Hắn ra đến bậc thềm cầu

bắn, mở cánh cửa bằng lưới thép, nhìn Paco ở bên trong đang treo cái tạp dề lên rồi cầm lấy cây gậy. “*Cậu nhớ hết sức bảo trọng nhé*”, hăn nói, không biết nói gì thêm.

“*Tớ sẽ bảo trọng!*”. Paco nói, quay lại nhìn Jesse - đôi mắt và bộ râu của Jesse lấp lánh vì ánh đèn đường; gò má của hăn ửng đỏ vì không khí ẩm áp buổi tối. “*Còn anh, đừng dây dưa thêm với cứt nữa nhé. Nghe rõ chưa?*”. Paco nói khi Jesse đã xuống đến đường và rẽ vào một góc phố. Paco khóa cửa sau, lắc lắc ổ khóa để yên tâm rồi bước qua đường để về nhà - liếc mắt nhìn lên những tấm màn cửa bay phấp phới trên cửa sổ nhà Cathy. Hăn nhìn theo Jesse đang đi ra khỏi thị trấn - đôi giày ủng lao động cũ kỹ nghiêng lạo xạo trên sỏi ở vệ đường; hăn đang đi về phía miền quê trên con đường phẳng lì hai làn, trái ngược với ý định lúc nãy của hăn - dáng đi của hăn nhịp nhàng, hăn vừa đi vừa huýt sáo một bài van của Strauss (“*Điệu van của Hoàng đế*”, hăn chọn tình cờ thôi, James ạ):



Hăn huýt sáo giai điệu, vừa thổi ra vừa hít vào.



Chào buổi sáng tốt lành,

Trung úy

James, có thể dừng chân trên đỉnh của ngọn đồi duy nhất đáng gọi là đồi của thị trấn, James à, rồi đứng yên lặng tại chỗ thật thoải mái để lắng nghe những tiếng động vào ban đêm. Vào giờ khuya như thế, tiếng rì rầm đều đều yên ả của nước sông đổ xuống cái đập tràn bằng bê tông nằm bên dưới cây cầu ở phía xa gần như là tiếng động duy nhất có thể nghe thấy. Cái tiếng nước chảy rì rầm liên tục ấy là âm thanh đã từng dỗ giấc ngủ của rất nhiều đứa trẻ sơ sinh khỏe mạnh; rất nhiều người trong giờ phút lâm chung trên giường bệnh đã bất ngờ nghe thấy cái âm thanh đánh thức cuối cùng ấy, cái âm thanh trong trẻo, bình thản, mềm mại giống như cái viên cổ uốn cong của chiếc bình đựng rượu táo.

Nhưng vào giờ khuya này, đó không phải là âm thanh duy nhất nghe được, James à. Ông có thể ngồi trên vỉa hè lát đá đen dày, dưới những cây óc chó trong bãi đậu xe, và nghe tiếng cọt kẹt của những chiếc ghế mây; tiếng những viên đá tan khi rơi xuống đáy cốc coca-côla, trà hoặc whiskey; tiếng chuyện trò thì thầm trong buồng ngủ xen lẫn những tiếng “xuyt xuyt”, và tiếng cúc áo được nới lỏng, bật ra; tiếng vạt áo mùa hè của phụ nữ đứng hóng mát đập phàn phật; tiếng khóc ré đỉnh tai của trẻ con, xuyên qua những đàn đom đóm xoay tít nom đẹp hơn cả trò mèo đuổi chuột; một người nào đó khạc nhổ xuống mặt đường khô khốc; tiếng một đàn chó hoang chạy lon lon qua sân trường học rải nhựa đường. Vào lúc đó bỗng xuất hiện âm thanh hầu như cắt ngang mọi thứ khác, ngay cả những con chó - tiếng bước chân, tiếng lọc cọc phát ra từ anh chàng tàn tật bị thương trong chiến tranh, anh chàng Paco đang đi bộ từ quán *Texas Lunch* trở về nhà.

Tất cả những âm thanh ban đêm ấy vút lên, quét qua quét lại dưới những tán cây, và bất cứ ai ngồi thoải mái lắng nghe thì đều nghe thấy. Và chúng tôi cũng nghe thấy, ông có biết không, James - con sông đổ nước

xuống cái đập tràn, cái vòng gioăng trên nắp chiếc bình, tiếng cười rúc rích, tiếng gõ đánh gọn phát ra từ chiếc gậy của Paco có đầu bịt đồng.

Và cả cô gái có căn hộ ở cuối hành lang của tầng trên của khách sạn Geronimo cũng lắng nghe. James, cô gái đó tên là Cathy, chắc ông còn nhớ - bộ ngực mảnh mai, cánh tay xương xương, nước da mặt sáng bóng, dáng người như một cậu con trai cao dong dỏng. Vào thời gian này, mỗi khi Paco nhìn thấy cô ta thì đều thấy cô ta mặc một chiếc áo ngủ của cha, cổ tay xắn lên một hai lần tới giữa cẳng tay, vạt áo buông tới bẹn, cổ áo hồ cứng như áo của bộ quân phục. Giờ đây hầu như tất cả các tối (những buổi tối buồn tẻ nhất, nóng nực nhất của những tuần lễ buồn tẻ nhất, nóng nực nhất của tháng Tám và tháng Chín, James à), cô gái đó sẽ ngồi co đôi chân xinh xinh sạch sẽ trên bậu cửa sổ rộng đầy bụi nhìn xuống lối đi nhỏ, má tựa vào tấm rèm cửa sổ (cô ta vừa kết thúc trò chơi bí mật theo dõi); “Chẳng có gì kỳ cục cả”, cô ta sẽ nói với ông một cách dí dỏm, James à, nhại điệu bộ bữu môi). Cách cô ta ngồi nghe giống như một người đang chăm chú nhìn một đồng hồ. Cô ta vênh tai lên nghe bằng một động tác rất có tính toán, chăm chú chờ đợi tiếng gậy bằng gỗ óc chó màu sẫm của Paco gõ lách cách trên mặt đường rải nhựa và bước chân dứt khoát, diềm tĩnh và hơi tập tễnh của hắn - tép, táp, tép. Đôi mắt ươn ướt, long lanh của cô ta sẽ nhìn khắp căn phòng, và cô ta sẽ nhìn qua cửa sổ trong lúc xoa tay vào đầu gối rám nắng, nhăn nhui, mát rượi của mình (toàn bộ thân người của cô ta có màu nâu như lát bánh mì nướng phết bơ, James), hơi gió nóng thổi từ mái tôn quét nhựa đường phả lên mặt cô ta, và cô ta sẽ đếm những hàng gạch mòn nhẵn của lối đi ở bên dưới. Cô ta sẽ lơ đãng nhìn những ngón tay móng được cắt sửa gọn gàng trong lúc gõ gõ vào một chiếc vòng nhỏ bằng vàng đeo ở mắt cá chân. Cô ta sẽ tưởng tượng bàn tay của Paco trắng nhợt nhăn nheo vì nước rửa bát ăn tay, chiếc áo phông ướt sũng mồ hôi chua loét dính sát vào cái bụng săn chắc của hắn, cái ánh mắt đờ đẫn như mất hồn của hắn - ở hầu hết những người khác đó chỉ đơn giản là tình trạng kiệt sức do làm việc, ông có hiểu không.

Giờ đây tối nào cũng vậy, mỗi khi nghe thấy tiếng gậy gõ cồm cộp trên mặt đường nhựa chuyển sang thành tiếng động êm hơn, khẽ đi trên bậc thềm của khách sạn, cô ta sẽ nhắc người lên rồi bò như cua tới chỗ chiếc giường. Trong lúc bò cô ta sẽ sửa sang lại sắc đẹp, dùng các ngón tay chải tóc cho thẳng xuống, vuốt phẳng chiếc áo sơ-mi màu xanh nhạt hoặc hồng hoặc nâu (mở hai cúc ở cổ áo) rồi lấy tư thế đứng tựa vào gỗ hấp hơi nóng của cánh cửa buồng. Đôi khi cô ta để cánh cửa mở hơi hé ra, chỉ như thế này thôi, không rộng hơn, đầu và vai thò ra ngoài hành lang như thể cô ta vừa từ buồng tắm đi ra người vẫn còn ướt và không muốn nước rỏ xuống thảm ở hành lang, nhưng cúc áo ngực gần như được cởi hết và ánh sáng sẽ đủ để chiếu sáng phần ngực hở ra của cô ta để sao cho khiêu khích khêu gợi. Đôi khi cô ta chỉ thò đầu ra chỗ có ánh đèn, người khuất sau cánh cửa, và đôi mắt cô ta lúc ấy sẽ long lanh, như thể cô ta đang khóa thân. Và James này, ông nên biết một điều là có những tối đúng là cô ta không mặc gì trên người, nhưng đó là vì lợi ích của cô ta chứ không phải vì Paco, bởi vì việc trần như nhộng khi cười duyên với Paco khiến cho cô ta cảm thấy sồn da gà và ra nước, và có đêm cô ta không nhin nổi cười khúc khích. Cô ta sẽ đợi cho Paco đi vào nhà và dừng lại ở chân cầu thang, lưng cúi gập xuống, chống tay rất mạnh xuống cây gậy mắc dịch đó, có nhiều tối cây gậy đó oằn xuống. Cô ta sẽ đợi cho hắt ngược mắt lên nhìn qua những chấn song của cầu thang và sẽ nhìn thấy cô ta trong ánh sáng mờ mờ màu hổ phách của những ngọn đèn gắn ở tường của hành lang - ánh đèn làm cho cặp giò và khuôn mặt mịn màng rám nắng của cô ta bóng lên nom giống như những đồ cổ bằng ngà hình ôvan được sấy khô nên đã chuyển thành màu vàng, không khí nồng nặc mùi ẩm mốc giống như một cái bát đựng trái cây chín nẫu, và cửa sổ kính ở gần mái nhà phía bên trên cầu thang bị dính nhem nhuốc nhựa đường của mái nhà.

Cô ta sẽ hơi run run, chờ đợi được thấy trong đôi mắt hắt cái vẻ không thể nhầm lẫn của một gã đàn ông đã lâu không ngủ với đàn bà. Và Paco sẽ gật đầu, gần như không thể nhận ra, và từ đây cuộc rượt đuổi sẽ bắt đầu, một trò chơi *mới*, hắt cố gắng leo lên tới bậc thang trên cùng trước khi cô ta lùi

mất vào trong căn phòng rồi đóng cửa sỗ lại. Trong trò chơi của họ, James à, đó là quy tắc duy nhất không đổi. Chỉ cần Paco chạm mũi gậy ở trước căn phòng mà lúc đó cô ta vẫn chưa vào nhà là hẳn có thể bước vào căn phòng đó (“Anh có thể tấn em, anh yêu ơi!”).

Đã bao buổi tối nóng nực Paco khó nhọc leo lên những bậc cầu thang đó, người mệt lử, đôi chân của hẳn đau nhói, ngứa râm ran, thậm chí run lấy bầy, bàn chân của hẳn dẫm mồ hôi, tê cứng - vết ban trên bàn tay vì nước rửa bát chết tiệt đó đổ tấy lên như vết hằn đỏ do dây chảo. James, rửa bát bằng tay không chẳng hề thích thú gì và không phải chuyện đùa đâu.

Và tối nay cũng như mọi tối khác, việc bước qua cửa buồng của Cathy vẫn không xảy ra. Cô ta không có nhà, nhưng hẳn cũng chẳng quan tâm. Hoàn toàn không. Tối nay hẳn đi ngược con phố, chui vào khách sạn, đặt chân lên bậc cầu thang và cứ thế leo lên. Lúc tối Paco đã ngồi bệt trên mặt đất sét cứng ẩm ướt bên bờ sông chỗ gần đập tràn, hẳn nghe tiếng cười đùa ầm ĩ của những người tắm trườn ở chỗ nước nông có nhiều cát ở phía hạ du gần cái trụ của cây cầu đường sắt cũ, hẳn đã uống hết lon bia này đến lon bia khác loại một lít đã hết lạnh trong số một nửa số bia hẳn mua buổi tối ở quán của Rita - hẳn đợi cho không khí dịu xuống - và không thể biết lúc đó là mấy giờ.

Hẳn lên tới bậc thang trên cùng, khập khiễng đi dọc phía bên trái hành lang, một tay cầm chiếc chìa khóa vạn năng còn tay kia cầm cây gậy (những thanh rui trên mái kêu rắc rắc vì co lại khi không khí dịu đi; sợi dây xích ở biển hiệu KHÁCH SẠN vạn vẹo phát ra tiếng kêu ken két - vào những buổi tối trời mưa có thể nghe thấy tiếng đèn nông reo lách cách). Hẳn mở khóa cửa, bước vào bên trong rồi đóng sầm cửa lại (một âm thanh mạnh và dứt khoát mà họa hoằn người ta mới có thể nghe thấy trong khách sạn đó, James). Ánh sáng từ hành lang biến mất khỏi căn buồng ngoại trừ một vệt sáng mảnh và yếu ớt luôn qua cái khe rất nhỏ ở dưới cánh cửa. Hẳn chống đầu vào cánh cửa gỗ nóng hằm hập (vécni tỏa mùi hôi gần như dính nhớp khi chạm vào), hẳn nhắm nghiền mắt lại đơn giản vì hẳn thở phào khi đã trở

về nhà, hắt xả hơi một lát. Căn buồng chật chội của hắt yên tĩnh, kín gió, ngột ngạt, một tấm vải sơn phủ sàn khổ 8 X 10 inch¹⁰¹[1] đã nát, một cái tủ bằng gỗ gụ cũ kỹ lớp dán bên ngoài đã tróc từng mảng, khung giường bằng gỗ màu cà phê và khăn phủ giường màu nâu - toàn bộ đồ gỗ đó toát lên một vẻ đặc già nua. Rác vương khắp các góc trong buồng, giấy dán tường màu nhạt mà cam đoan nếu chà tay vào nó trong bóng tối sẽ vê được bột giấy. Hắt đứng tại chỗ trong căn buồng tối, cởi áo phông, tháo thắt lưng, cởi phéc-mơ-tuya quần, tụt quần, tụt xilíp, cởi tất cả. Sau đó hắt buông người xuống chiếc giường ọp ẹp, giống như người say rượu thường làm. Đầu và hai cánh tay của hắt lúc lắc bên nọ bên kia, chân hắt gác vào mép giường, hai gót chân gần chạm sàn nhà. Hắt dang rộng hai bàn tay trên tấm vải trải giường màu nâu thô ráp, *căng mắt* nhìn những mảng sơn bị tróc ở trên trần, hít một hơi thật dài rồi bất ngờ vừa đẩy mạnh hết hơi ra vừa nhấc bổng hai chân đặt lên giường. Động tác này khiến hắt đau kinh khủng, James ạ. Đôi khi cơn đau lan từ chân lên đùi rồi sống lưng và cánh tay (có đêm hắt có thể nghe thấy những cái chốt và đinh vít kêu ken két trong xương; ôi, khi ấy hắt sẽ nhăn nhó, những vết nhăn ở khóe mắt trông thật dễ sợ). Các đầu ngón tay của hắt tê buốt như có ai dùng kim đâm vào.

Phải mất một lúc lâu hắt mới thấy dễ chịu - hắt mới có thể thực sự xoay sở đôi chân và vùng thắt lưng đau nhức đầy những cục sưng u lên. Không khí xung quanh hắt oi bức và u ám, khăn trải giường đầy dẫm như vải len hong quá khô khiến hắt ngứa ngáy. (Ngày nào cũng vậy, từ sáng đến tối trong nhiều tuần nay, James à, mọi thứ đều nóng hầm hập, nhớp nháp và khó chịu. Bánh mì khó dậy men. Bọt bia trông màu nhợt nhạt, nhờn nhờn và trơn tuột. Quần áo bó cứng ở háng và dính chặt từ lưng xuống cánh tay, chẳng hạn, và mọi người hầu như lúc nào cũng khó chịu, dễ cáu kỉnh, bần gắt).

James, bây giờ chúng tôi tạm dừng để nghiêng xuống bên đùi, đầu gối và bắp chân của Paco, mặc ánh sáng mờ mờ trong căn buồng của hắt; một

mảnh trăng bé tí trên bầu trời, một ngọn đèn 40 oát ở cửa sau và một ngọn đèn vàng ở ngoài hành lang hắt ánh sáng qua khe cửa vào bên trong căn buồng - nhưng thứ ánh sáng yếu ớt tỏa ra sức nóng khó chịu và ngột ngạt này lại tạo cho căn buồng một không khí ân cần, thân mật, giống như bất cứ một nơi yên tĩnh và ngột ngạt nào chúng ta có thể tìm thấy vào những buổi tối nóng nực, ngột ngạt mà không tiện nghi nào còn tác dụng. Nếu cúi thấp xuống nữa, chúng tôi có thể nhìn thấy rất nhiều những vết sẹo rất nhỏ để lại do dao mổ, những vết sẹo do mảnh xương đâm vào (đủ mọi hình thù) to như những mảnh dăm ở gốc cây thông sau khi đổ, những vết sẹo dóm đó do bỏng (do đầu đạn bị nung nóng) nom giống như hằn bị người ta hất một xẻng đầy than đang cháy dổ vào người, một vết sẹo hình tròn mờ mờ ở chỗ bắp đùi do vết thương bị hoại tử để lại, đó là chỗ tay y sĩ của Đại đội Bravo đã dùng chiếc khăn buộc đầu của Paco để buộc garô nhiều vòng mặc dù thời điểm cần buộc garô đã qua từ lâu. Tay y sĩ có khuôn mặt mảnh mai, nước da vàng búng đã vỗ vào chỗ khuỷu tay gấp lại của Paco để tìm ven, Paco và một nửa đại đội đã nghe thấy gã cầu nhàu: “Cố lên, dù mẹ cái thằng lính đàn này, để tao lấy ven cho”, và Paco cảm thấy một vết chích đau nhói đeo chịu được ở cánh tay - thẻ bài ghi tên của tay y sĩ kêu lách cách trên mặt Paco. Nếu nhìn gần cánh tay của hắn, người ta có thể thấy cái vết sẹo kích thước bằng đầu cây bút chì ở phần trong của cánh tay, đó là chỗ ống xông bị rách toạc ra khi mấy thằng đầu đất khên cáng của Đại đội Bravo đã thả phịch Paco xuống một đường mòn trơn tuột vì nước mưa, cả người lẫn cáng. (“Lũ mắc dịch trời tru đất diệt của Đại đội Bravo, tao cầu cho chúng mày chết gục đầu vào cứt!”. Paco vừa khóc vừa lẩm bẩm).

Chúng tôi có thể nghiêng xuống để nhìn từng chi tiết, và nhìn thấy hết, James à, ngay cả dưới ánh sáng yếu ớt này. Chúng tôi có thể lùi lại sau khi chúng tôi biết mình đã nhìn thấy gì, và những vết sẹo trông như đang ngo nguậy, uốn éo, uể oải bò bên này, bên kia giống như cách của những con giòi và những con rận đêm khi ta chọc cái ngạnh của lưỡi câu vào người chúng. Nhưng đó chỉ là một ảo giác thôi, James à, một trò chơi khăm tai quái của con mắt - biết bao điều khủng khiếp trên thế gian này cũng đột

nhiên sống dậy dưới ánh trăng nhợt nhạt hoặc chỉ cần ánh sáng của một ngọn đèn.

Paco nằm trên giường, cố dỗ giấc ngủ, ráng chịu đựng không khí oi bức, vải trải giường bắn thui dính nhớp nháp mồ hôi và cảm giác đau như có kim châm, nhưng ở bên ngoài cửa sổ - chéo với cửa sổ căn buồng của hắn - Paco nghe thấy tiếng Cathy đang chỗi tới bởi tưởng như không bao giờ dứt với một gã (cô ta gọi gã là *Marty-Boy*). Không thể lẫn được cái tiếng va chạm lép nhép, nhơn nhớt, tiếng cọt kẹt của lò xo giường mềm mại dễ lún xuống, những âm thanh thú vị tràn ngập căn phòng trong lúc họ phủ nhau (James, giống như tiếng gừ gừ của con mèo tràn ngập một căn phòng). Marty-boy di chuyển nhịp nhàng vào ra người cô ta, mông của gã nhấp nhô lên xuống, hai chân bắt chéo nhau, gan bàn chân khô nẻ của hắn thò cả ra ngoài giường. Gã cúi đầu xuống để liếm bầu vú trắng ngà của cô ta; Cathy cong người dùng cả hai tay và hai gót chân ghì chặt lấy gã, cô ta thực sự thấy thích kiểu này.

Được nằm với cô gái này là điều mà Paco mơ tưởng nhiều lần trong lúc hắn dang tay dang chân trên cái giường ọp ẹp, con cu mềm nhũn (đầy những vết sẹo rạch) rũ xuống một bên bẹn của hắn - chao, vào những buổi tối như vậy lưng hắn mới đau nhức làm sao - lông mu của hắn dựng lên giống như gai, gần giống như cỏ khô cháy lổp đổp trong lửa.

Paco ghen điên cuồng - mái tóc cắt gọn gàng của Marty-boy, tấm lưng nhẵn nhụi cuồn cuộn bắp thịt (không một vết chàm trên lưng cái thằng chó đẻ đó, James à); tiếng Cathy thở hỗn hển mạnh, mặt cô ta co rúm lại trong lúc hất mạnh mái tóc mềm sang hai bên, quất vào mặt của Marty-boy; trong lúc đó gã nhắm cả hai mắt, toàn thân gã run bắn lên vì ráng sức. Paco chẳng cần phải đóng tai nghe - hắn hầu như có thể lùa cả bàn tay và cánh tay ra bên ngoài bậu cửa sổ có những vết thuốc lá và những dấu hình tròn do cốc cà phê để lại, ngả người ra ngoài một chút là đầu ngón tay có thể chạm vào tóc của cô ta. Cathy thở chậm rãi, hơi thở nhẹ và êm - đã thỏa mãn, Paco nghĩ

trong đầu (con cu của hắn cứng lại, dựng đứng lên) - lòng hắn tràn ngập sự thanh thản và vui sướng.

Lúc trước Cathy đã nghe thấy tiếng Paco loay hoay tra chìa vào ổ khóa; nghe thấy tiếng hắn dò dẫm trong căn buồng chật chội ẩm đạm; thậm chí ngửi thấy hơi thở của hắn có mùi bia. Vì thế bây giờ sau mỗi cú dướn người mềm mại cô ta lại vươn cái cổ thon thon về phía cửa sổ rồi thở thật mạnh. Cô ta bám chặt cái móng trắng nhợt đang rung bần bật của Marty-boy - bằng những móng tay được chăm sóc kỹ, nom giống như những cái móng vuốt - rồi cô ta lắc người sang hai bên, gót chân cắm xuống đệm. Sau đó cô ta đứng đưa đôi chân lên cao - lông tơ ở chân lấp lánh - đôi chân lúc đầu giật mạnh từng hồi, sau đó thì uể oải, sau mỗi lần thừa thãi sung sướng, hoặc cô ta đập mạnh hai gót chân chai cứng vào vùng thắt lưng của gã đó (cái lưỡi nhỏ màu hồng nhạt giữa hai hàm răng và cô ta không nén nổi một nụ cười sung sướng như thể muốn nói: thực sự mình rất thích khiêu khích anh chàng què kia, nhưng mình cũng thích thế này).

Paco mong Marty-boy (một gã đang theo học trường Sư phạm ở Wyandott và cũng học chuyên ngành giáo dục tiểu học giống như Cathy) ngừng lại và cuốn xéo đi. Hắn thấy hồi hộp, hắn vừa muốn ước gì hắn tỉnh táo lại vừa muốn ước gì hắn ngồi dậy và ra khỏi buồng (cố ý bước thật chậm, men theo một bên hành lang - đi bằng gót và đầu ngón chân - tay úp vào tường để dò đường, để giữ thăng bằng). Paco run lên, hắn bỗng có cảm giác thôi thúc khó tin là len vào phòng của Cathy, mặt trở tráo đứng chặn ngay sau lưng Marty-boy, tóm lấy hông gã đó rồi kéo sang một bên giống như đó là một ma-nơ-canh. (Marty-boy sẽ sửng sốt, lạng người đi vì sửng sốt, rồi hắn chống cự lại, giãy giụa giống như một con cá to bị mắc lưỡi câu chum đang bị lôi vào bờ). Cathy lúc đó vẫn đang giật tóc của chính mình, hông của cô ta nhấc bổng khỏi giường, đùi và bụng ưỡn cong lên, cái hăm chảy nước của cô ta bóng loáng. Paco tưởng tượng hắn trèo lên giường rồi chui vào giữa hai đùi của cô ta, nằm đè lên người cô ta. Hắn còn tưởng tượng hắn đi vào trong người của cô ta dễ dàng giống như một bàn tay âm ẩm, sạch sẽ đút vào một chiếc găng tay được bôi trơn; rằng cô ta rên rất to,

ngay lập tức dùng cả tay và chân ôm vòng quanh người hắn, ôm chặt lấy hắn vào người giống như một chiếc chăn ấm.

Đến lúc này, con cu của Paco đã cứng như sắt và to như chai cô-ca-cô-la. Hắn cũng chỉ là một gã đàn ông như tất cả chúng ta thôi, James à, hắn muốn làm tình để xua đi cơn đau và bù đắp cho cơ thể của hắn. Để làm dịu cảm giác đau nhức do hàng tá, hàng tá vết sẹo màu đỏ tía nổi cuộn cuộn uốn lượn nom như rất nhiều con rắn đang nằm ngủ hoặc những chồng tiền xu gỉ. Hắn muốn khám phá một sự thanh thản có thể chung sống - tựa như hắn đang leo lên con đường mòn trong một khu rừng rậm rất rộng và đột nhiên phát hiện thấy một ngôi nhà gỗ trông ấm cúng và đẹp như một tháp pháo đài, và hắn tiến lại gần, gọi “Chào mọi người trong nhà”, hắn được mời vào nhà, được cho ăn một bữa nóng bổ béo sau đó người ta chỉ cho hắn một cái giường trên tầng áp mái (nệm làm bằng cỏ khô và vỏ bào gỗ thông thơm phức) và hắn thi u thi u ngủ.

Paco nằm ngửa, cảm thấy mùi vải hồ cứng trên chiếc giường của Cathy, mùi nước hoa và phấn hồng, mùi nhựa đường hăng hắc của mái tôn lợp hiên nhà - mùi mồ hôi khét lẹt, ngòn ngọt của họ. Paco nhìn chăm chú lên trần nhà tối và rất nhiều những mảng sơn quăn queo bong ra rủ xuống nom giống như một con chim rụng lông vào mùa đông. Đột nhiên hắn nhớ lại cái hình xăm mà Gallagher đã thuê trổ khi đi nghỉ phép ở Băng Cốc, cái con rồng màu đen-và-đỏ chạy từ cổ tay tới khuỷu tay của hắn (mọi người đều nói đó là một tác phẩm nghệ thuật của nợ, một kiệt tác thực sự tởm đéo chịu được). Hắn nhớ lại cái hình xăm đó và bất ngờ hắn hồi tưởng lại vụ hiếp dâm một đứa con gái người Việt và những lần hắn đã nằm mơ về vụ hiếp dâm đó.

Hắn nhăn mặt, oằn oại người lại; toàn thân hắn co giật, nhưng hắn không thể cưỡng nổi và hắn nhớ lại.

Gallagher túm lấy tóc đứa con gái đó. Nó không phải như bất kỳ đứa con gái nào khác, ông có hiểu điều đó không, James - nó không phải là vợ một gã nông dân chân đất hay một ả điếm xấu như ma ở những căn cứ quân sự; nó cũng không phải là một đứa em gái hay nhõng nhẽo của một thằng

khốn nào đó hoặc một lính trơn không cấp bậc ở hậu cứ (họ chẳng biết cái cút gì về các bài tập huấn luyện cận chiến), họ làm công việc bàn giấy và băng bó thương binh, và cười duyên toe toét trước khách du lịch từ tít tận Thụy Điển sang. Không đâu, James, nó là một đứa Việt Cộng dày dạn thứ thiệt (nhìn vẻ phong trần trên mặt nó thì biết). Nó đã phục kích địa điểm do thám ban đêm của trung đội 1 vào ngay lúc trước bình minh và đã bắn chết hai người của họ (người thứ ba đã chặn đường bắt được nó khi nó đang bỏ chạy, trong lúc dẫn giải nó về đã nện cho nó một trận tơi bời), còn cả đại đội người ướt sũng, rầu rĩ, cúi kinh ngồi đợi trực thăng cứu thương và hai cái túi đựng tử thi. Gallagher đang gặm một thanh sôcôla Hershey Tropical (màu cút chó) và nhấp từng ngụm nước của cặng tin nồng nặc mùi clo, hẩn nhìn đứa con gái đó ngồi xồm đang ăn ngẫu nhiên khẩu phần C gồm trứng và dăm-bông mà một thằng tân binh đeo nào đó vừa đưa cho nó - nó dùng cả cái thìa nhựa lẫn ngón tay để tọng thức ăn vào mồm - rút cục Gallagher thấy chán ngấy. Ngay lập tức, ông hiểu không, James, hẩn vừa gào những lời tục tĩu vừa túm lấy tóc đứa con gái đó rồi lôi xềnh xệch trước mặt cả đại đội (nước bọt sùi bong bóng ở mép khiến người ta không nghe rõ lời hẩn nói) để tới một ngôi nhà nhỏ xây bằng gạch trát vữa không mái nằm bên cạnh một khoảng rừng trống, đạn cối và đạn pháo đã phá hủy lỗ chỗ phần trên của một bức tường và phần dưới của một bức tường khác.

Paco quan sát cái thằng Gallagher hợm mình (điệu bộ kiểu như “Biển mẹ mày đi, nhóc”) đang kéo đứa con gái đó qua khu vực hạ trại ban đêm; hẩn nhìn thấy mấy gã nào đó rời khỏi vị trí gác đêm rồi vượt qua con đường bằng đất nện để bám theo, chép môi như muốn nói “chúc ngon miệng” - nhiều thằng trong đại đội muốn chơi đứa con gái Việt Cộng này. Gallagher quăng nó vào trong căn buồng ở mé bên, chắc là buồng ngủ. Trong suốt thời gian đó, nó cứ liếc nhìn cái hình xăm màu đỏ-và-đen giống như một con chó đại đang lông lộn. Nó chỉ có thể nhìn thấy cái đuôi dằm mỡ hôi cuộn tròn và những cái chân bè bè như chân thằn lằn; cái lưỡi dài màu hồng cuộn quanh cái mũi và đầu và cái cổ dài uốn cong lên và hai chân trước, nhưng nó không nhìn rõ bởi vì cái cách Gallagher túm tóc nó.

(Hãy thử nắm lấy cổ tay của ông, James, rồi giơ nó lên cao vòng qua đỉnh đầu, một tay ông túm lấy tóc càng nhiều càng tốt sau đó ép chặt cánh tay đó vào một bên đầu của ông rồi liếc nhìn thật nhanh cánh tay của ông. Con nhỏ đó chỉ có thể nhìn thấy cánh tay của Gallagher theo cách như vậy).

Ngôi nhà có tường dày và những buồng nhỏ, ngọt ngào và ngửi như mùi lông chó già dính nước mưa. Gallagher và tất cả chúng tôi sặc mùi chua gắt khó chịu của kem chống muỗi, thuốc màu nguyệt trang và cần sa, quần áo sũng nước và mùi ẩm mốc của cây cối (ở vùng bẹn và nách). Đứa con gái đó bốc mùi ẩm mốc vì sống lâu trong rừng sâu và mùi của chất co-đit - thuốc súng không khói, James à - và mùi nước đá.

(Nếu đứa người Việt này là một gã đàn ông thì chúng tôi kể mẹ nó, ông có hiểu không? Gallagher hay ai cũng được sẽ túm lấy tóc của thằng chó đó - gã người Việt đó sẽ nhìn trừng trừng vào cái đuôi cuộn xoắn tròn trịa màu đỏ-và-đen của cái hình xăm làm ở Băng Cốc vào lần đi nghỉ nọ, gã sẽ hiểu rõ có lẽ đó là thứ cuối cùng gã được nhìn hằn hoi trên cõn đời này. Gallagher sẽ kéo gã đó đến ngôi nhà này, đi vài bước lại xốc gã đó lên hoặc cần thiết thì giật đầu gã theo đủ mọi hướng vừa lăm bầm trong miệng về phương pháp duy nhất làm cho bọn người Việt này phải rùng mình. Chúng tôi sẽ dẫn gã đó đi vòng ra phía sau, bắt gã đứng dựa vào bức tường của ngôi nhà gạch trát vữa đỏ nát đó - gã người Việt đó sẽ trợn tròn mắt nhìn, co rúm người lại vì sợ. Chúng tôi sẽ nện thẳng chó đó như tử; cho đến khi mỏi tay thì thôi - “Còn ai muốn nện nó nữa không? Một thụi. Hai thụi. Đù mẹ, ba thụi. Sau đó một người sẽ giữ gã đó trong khi Jonesy lấy ra con dao cạo có cán nạm xà cừ bằng một động tác chậm rãi, không hề phát ra một tiếng động, giống như một thợ cạo chuẩn bị tia tốt quanh vùng tai của ông. Bằng một động tác gọn và khoa trương, Jonesy sẽ bật dao, giơ ra trước gã người Việt mặt đầy máu me, hai mắt sừng húp, cái lưỡi thép Thụy Điển dài mười xăngtimét đẹp đẽ chịu được mà chắc chắn gã đó chưa bao giờ có dịp nhìn thấy, sau đó bằng một động tác chậm rãi, bình tĩnh và bình thản giống như để bố một quả dưa, James à, Jonesy sẽ cắt đứt cổ họng gã người Việt đó từ bên này sang bên kia. Và hẳn không cắt theo như cách hẳn đã xẻo những cái tai; hẳn không cắt cổ

gã đó giống như cách hấn vót hộ Paco cọc để buộc dây bẫy mìn; không đâu, hấn cắt cổ gã đó bằng một động tác vung tay chậm rãi giống như thợ gặt vung lưỡi hái có tay cầm dài - động tác vung rộng làm bắn những giọt mồ hôi trên cánh tay để trần và lúa mì vàng ươm nằm rạp xuống thành những lượm dày. Trông đẹp mắt nhưng thật khủng khiếp.

Máu trào ra khủng khiếp ở vết cắt, sự sống của gã người Việt đó túa ra ở cổ thành những tia lớn, đôi mắt gã nhìn ngơ ngác, mặt gã trắng bệch như sáp. Cứ như thế gã đã được buộc garô chặt đúng cách chỉ có điều dây buộc garô vẫn không tài nào giữ cho vết cắt khỏi bị xì bong bóng, chảy ồng ộc.

Ông nên hiểu là, James, nếu đứa người Việt đó là đàn ông, chúng tôi sẽ đánh nó như tử rồi mới giết tại chỗ rồi bỏ mặc cho nó chết).

Nên Gallagher nắm tóc kéo đứa con gái đó trong lúc nó cứ cố nhìn cái hình xăm màu đỏ-và-đen. Nó lồm lổ từ eo trở lên, nhưng chẳng có gì đáng để nhìn nên không một ai nhìn nó chăm chú, nó dùng tay quạt, định móc mắt Gallagher và quăng chân định đá vào dái của hấn, nhưng Gallagher khéo léo tránh được những cú đánh và ngăn nó lại (Gallagher từng là một đô vật). Nó gào lên bằng tiếng Việt không ai hiểu nổi nhưng hoàn toàn có thể luận ra, “Đồ *con lợn*, mày là đồ *con lợn*. Lính Mỹ là đồ *con lợn* ăn cứt xấu xa nhất. Tao *nhổ* vào mày!”. Gallagher né người để tránh, vừa cười sằng sặc vừa nói, “Đồng ý, cô em xinh tươi, đồng ý!”. Hấn lôi đứa con gái đó - nó đập tay, đá chân, gào rất to những câu điên dại không thể hiểu nổi. Và tất cả mọi người đang đứng ở bãi đất đó đều hiểu rằng họ sẽ không bước vào ngôi nhà đó để tranh cãi xem ai là người có động tác ném bóng mạnh đáng nhớ nhất - Lyle Walsh hay Dub Patterson. Ngay cả Trung úy John Ridley Stennert (Dartmouth, năm 1967) cũng hiểu đây là sự đối gió thú vị đeo chịu được. Xin chào Trung úy!

Chúng tôi đưa đứa con gái đó vào trong gian buồng bên cạnh, mái hầu như không còn lại gì, nhưng có những mảnh ngói vỡ và những mảnh vụn của trái pháo nổ trên không và những gì còn sót lại của một vài đồ đạc nằm vương vãi khắp căn buồng. Khi bước trên nền nhà lát đá, những mảnh ngói

vụn bằng đất nung kê lạo xạo dưới chân giống như thủy tinh vỡ. Ngôi nhà đó là một đồng đồ nát, James à, một đồng lộn xộn đồ nát thực sự. Gallagher và đứa con gái đó, Jonesy và Paco cùng tất cả chúng tôi đứng giữa ánh sáng của bầu trời đầy mây nhưng vẫn sáng sủa (giống như một tia sáng rất mạnh nhưng bị khúc xạ) khiến cho chúng tôi vô tình nheo mắt như thể đang đọc những chữ cái bé li ti trong một bản hợp đồng.

Jonesy lấy một đoạn dây điện dài màu đen và quất mạnh vào không khí. Sợi dây bay qua thanh xà ngang rồi vụt vào chân của Paco trước khi rơi xuống đất. Gallagher và Paco ghì mạnh đứa con gái đó xuống đất trong lúc Jonesy trói hai tay nó ra sau lưng rồi kéo sợi dây đó giống như nó thương cờ buổi sáng, nhanh và gọn như hướng dẫn của cuốn *Cẩm Nang Quân Dụng*, James à, ngày ấy chúng tôi gọi là hướng dẫn “22-5”. Đứa con gái phải cúi người xuống một chút nếu không nó bị trật khớp tay, vì thế nó cúi gập người xuống một cái bàn gỗ để mặc to bằng cái bàn ăn. Đứa con gái sợ vãi cứt, lạnh run lên, mồ hôi bóng nhẫy, và hình như nó định van xin bọn họ rằng giữa người với người đừng hiếp nó, đừng giết nó, nhưng nó không nói được tiếng Anh.

Mọi người chen lấn nhau rất dữ, huých nhau, cãi cọ nhau hoặc cầu nhau lẫn nhau, nhưng dù sao tất cả đều cũng đứng thành hàng dọc nên ngay lúc đó Paco đứng ở vị trí có thể nhìn kỹ đứa con gái đó. Một đứa con gái nông dân, không quá mười bốn hoặc mười sáu tuổi. Và trông cái lưng của nó thì biết nó đã làm việc cực nhọc hàng ngày suốt cả đời nó. Nhưng người nó vẫn gầy guộc. Không có người Việt nào béo tốt cả, mà con cái những người làm ruộng thì lấy đâu ra khỏe mạnh, hoạt bát. Hãy hỏi một người biết rõ nghề làm ruộng hẳn sẽ nói với ông rằng làm ruộng là công việc cực nhọc triền miên mà chẳng thể khấm khá. Thằng ngu nhất quả đất này (thằng chỉ biết mỗi đi sau con trâu với cái cày) cũng biết rằng làm ruộng là công việc tồi tệ; nó biết không thể cả đời chia sẻ vụ thu hoạch với chính bản thân hẳn chứ đừng nói tới chia sẻ với Địa chủ. Nhưng ai mà biết được, có thể người Việt thích thân hình gầy gò, miệng móm mém. Có thể. Họ tự xoay xở để có cái ăn - ngoài những gì họ trồng và kiếm được - và đó không phải là việc dễ

dàng đầu, James à. Nông dân Việt ăn gạo, rau và đầu cá, đại loại bất cứ cái gì họ lượm được, bất cứ cái gì họ có thể kiếm được bằng tay không.

Jonesy tiến lại gần phía sau đứa con gái đó, hấn rút con dao cán nạm xà cừ bằng một động tác vung tay của nhà ảo thuật - hấn có khả năng hành động cực kỳ khoa trương, cầu kỳ - rồi hấn rạch chiếc quần đen mỏng từ gấu tới cạp giống như người ta kéo phéc-mô-tuya áo tới tận cổ. Sau đó hấn kéo, nhắc bổng đứa con gái đó cho tới khi vai của nó trắng bệch (Trung úy Stennert từ đầu bên kia của doanh trại có thể nghe thấy rõ tiếng sợi dây điện nghiêng cột kẹt trên thanh xà). Sau đó Gallagher bước lại gần phía sau đứa con gái, đứng giữa hai chân của nó, mở khóa quần rồi rút cu của hấn ra. Hấn đè cả người lên nó, James à, cọ xát cho tới khi cu hấn cứng lên rồi mới đút vào người đứa con gái đó. Sau đó hấn bắt đầu ấn thật mạnh, James, bàn tay to nần nần thịt của hấn cùng ấn xuống giữa sống lưng của đứa con gái.

Gallagher và Jonesy bắt đầu cười nhảu nhở, hai đứa muốn cười phá lên, và một vài thằng công tử bột đã thực sự cười thích thú bởi vì đã một tháng bốn Chủ nhật nay không ai trong đại đội được chơi gái (trừ Trung úy Stennert vì ông ta gia nhập đội quân đàn ông này chưa lâu).

Sau khi Gallagher xong thì đến lượt Jonesy, và sau khi Jonesy xong thì một nửa đại đội khốn nạn đang đứng xếp hàng bắt đầu đè nó tã tưởi. Đứa con gái hóp má lại để kìm nổi cảm giận. Tụi công tử bột đang xếp hàng thì chen chúc ở chỗ cửa ra vào hẹp và thấp, chúng uống nước vừa chua vừa đắng của cãng-tin và bia không ướp lạnh mang theo, hút xì-gà hoặc cần sa và nhìn từng thằng lần lượt đè đứa con gái đó dưới gạch vụn. Đứa con gái mở mắt nhìn như con thú, những mảnh vụn vôi vữa gạch ngói cắm vào da đầu và mặt nó, vào ngực và bụng của nó, và đeo mề, hai lỗ mũi của nó giãn ra, răng cắn chặt lại và mắt nó nheo lại, nó đau đớn tui nhục tột cùng vì bị hiếp. (Paco nhớ lại hấn đã có giảm giác toàn thân đứa con gái đó dúm đó lại; hấn có cảm giác ngay lúc này lại nhìn thấy bụng của nó xoắn lại như người ta vắt kiệt một cái giẻ rách, James; hấn lại nhìn thấy cái vết đỏ to tướng ở giữa sống lưng của nó; lại nhìn thấy nước mũi, nước dãi của nó chảy ra mà

nó không biết; lại nhìn thấy cái vũng máu rộng trên mặt bàn rõ như ban ngày; lại nghe thấy tiếng những thằng công tử bột đang đứng giậm chân trên gạch ngói vụn). Thịnh thoảng chúng nhòm qua cửa, hét to để cổ vũ, đến lượt mình, sau đó thì lảng vảng ở bên ngoài - một số quay lại để xếp hàng lần hai.

Và ở phía bên kia bãi đất trống - ở tít tận đầu bên kia của doanh trại, ở cuối cánh đồng về phía khuyết của mặt trăng - Trung úy Stennert đang ngồi trên cái nôi quân dụng, đầu gối của ông ta nhô cao, lưng quay lại phía những gì đang xảy ra trong ngôi nhà kia, ông ta đang pha cho mình một cốc cà phê. Những gã ở cuối hàng yên lặng nghe tiếng rít nhẹ của một miếng thuốc nổ C-4 và tiếng rào rào của cành tre bị miếng thuốc nổ đó lay động, nhưng ông có biết không, James, chúng tôi thậm chí không buồn mở mồm nói “đừng bận tâm”. Trung úy nghe thấy tiếng cười rít lên hoặc khàn khàn ở phía sau lưng mình; nghe thấy tiếng cái bàn gỗ để mộc phát ra tiếng động cọt kẹt, kéo kẹt, di trên nền nhà, bị xô đẩy giống như một người dùng tay đập thành thành lên mặt bàn ăn. Và nếu ông ta có ý định, ông ta có thể ngoái đầu lại để nhìn hàng người đang đứng xếp hàng đợi và sợi dây điện vắt qua thanh xà gỗ màu gụ đó. Ông ta biết có chuyện gì đang xảy ra trong ngôi nhà đó, chắc chắn thế - ông ta có thể đoán, James, nhưng ông ta không phải là hoàn toàn đoán. Ông ta lắc vai để cố làm nhẹ bớt cái cảm giác buồn ngủ ẩm ướt, nhơm nhớp như dính chặt vào sống lưng. Ông ta vẫn cúi xuống chăm sóc cái đồng lửa bé kêu xèo xèo của thuốc nổ C-4, dùng một que tre có nhiều đốt quấy mạnh cà phê vón cục của khẩu phần C quen thuộc cho tới khi nếu ai không biết lại tưởng ông ta đang định làm một cái lỗ trong đó; ông ta nghiên cứu nó như thể đang nghiên cứu một bộ lòng.

Và sau khi tất cả đều đã xong lượt của mình bao nhiêu lần tùy thích (Paco bị hút vào cái vết màu đỏ ở giữa sống lưng của đứa con gái đó), bao nhiêu lần tùy khả năng, Gallagher đưa đứa con gái đó ra khỏi ngôi nhà bằng gạch vữa, hắt nắm cả mớ tóc trên đầu nó mà giật (vào lúc muộn chiều hôm đó chúng tôi nhìn thấy tóc đen dính trên cánh tay của hắn). Hắn túm đứa con gái đó giống như người ta bóp cổ một thằng nhóc con đeo nào đó - thành thạo và gọn gàng đeo chịu được - hắn gí đứa con gái dựa vào tường rồi nhấc

bồng nó lên đến nỗi các ngón chân xương xẩu của nó chỉ vừa vịn chạm đất. Nhưng đứa con gái đó đeo quan tâm nhiều lắm, James à. Nước miếng và nước mũi, máu và nước dãi và tình trùng bắn khắp người nó, và nó đã vãi đái. Nó nhìn bằng ánh mắt vô hồn, thờ ơ và có vẻ như nó không còn biết điều gì đang xảy ra nữa. Gallagher rút khẩu súng ngắn 357 Magnum ra khỏi bao rồi đặt nhẹ nòng lên xương đòn của đứa con gái. “Tao và mày sắp chơi một trò nho nhỏ. Chúng ta sẽ chơi trò đuổi bắt”, hắn nói bằng giọng rõ và vang, “nhưng ai là người đuổi bắt?” hắn nói, lắc mạnh đứa con gái, và nó chớp mắt. “Ai là người đuổi bắt? Đó chính là mày đấy, cô em xinh tươi ạ”.

Sau đó hắn đặt họng súng vào trán của đứa con gái, ở chỗ nằm giữa hai lông mày. Hắn nắm chặt tóc của nó, chỉnh vị trí ngón tay để cầm khẩu súng cho chặt (một khẩu 357 nhé, James, nó không phải là một khẩu súng vớ vẩn tự tạo có thể mua ở cửa hàng kim khí). Đứa con gái nhìn trừng trừng vào hình xăm con rồng màu đỏ-và-đen, mặt nó ở sát cánh tay của Gallagher đến nỗi có thể chìa môi ra hôn những ngón tay của hắn. Và giữa lúc mọi người đang vừa văng tục vừa chen hích nhau, Gallagher bóp cò. Bùm.

Khẩu súng chồm lên và toàn thân Gallagher rung lên vì sự chấn động; tất cả chúng tôi lập tức quan sát hắn. Một số thằng tân binh đeo nào đó giật nảy mình còn Trung úy Stennert thì thực sự giật bắn tay khiến cà phê bỏng rẫy bắn ra tung tóe. Khói bay ra thành cuộn từ nòng súng và bàn tay của Gallagher. Nếu để ý, người ta có thể nghe thấy một tiếng ngân đanh gọn của kim loại va vào kim loại giống như ông nghe thấy tiếng dội lại từ một quả đạn pháo 105 li: *tăng*; một âm thanh giống hết âm thanh phát ra khi ông dùng một chiếc búa 5 cân để kéo một thanh rầm chữ I dài 10 mét - một thứ âm thanh ông cảm nhận được trong tận cùng xương tủy.

Đầu của đứa con gái đó ở sát tường nên chúng tôi nghe thấy đồng thời tiếng súng lẫn tiếng những mẩu xương bắn vào tường gạch vữa kêu lách cách. Viên đạn súng lục và những mẩu gạch vụn nảy bật trở lại cắm vào chỗ mềm nhất trên lưng của nó giữa hai bả vai. Cùng lúc ấy máu bắn khắp nơi, bắn lên tất cả chúng tôi, và những mẩu xương và gạch vữa cắm vào quần áo

của chúng tôi, vào chỗ da để hờ trên cánh tay và lên mặt. Và đứa con gái đó chết ngay lập tức (ý tôi muốn nói là chết *tươi*, James à) và nó đổ sụp xuống trên vũng máu lênh láng. Bàn tay và cánh tay của nó nẩy lên giống hệt một con chó lúc đang nằm mơ.

Paco còn nhớ tia máu phun ra, những mảnh gạch và xương vụn văng tung tóe lên người Gallagher và Jonesy và *tất cả mọi người*, nhiều như những đốm tàn nhang và lấp lánh như những giọt nước. Hắn nhớ lại tia máu ấy phun nhanh, gây ngứa nhẹ trên da, như một đám mưa phùn thổi xuyên qua màn cửa. Hắn còn nhớ những vết máu màu nâu trên ống quần trước của chúng tôi nhiều ngày sau đó; nhớ lại lúc Gallagher quay lại phía chúng tôi, tay vẫn nắm tóc của đứa con gái, nhớ lại lúc chúng tôi đứng dẹp sang một bên để lấy lối cho hắn đi ra, nghe thấy hắn nói to (bằng giọng to lạnh lạnh rất oai) như thể chúng tôi đang ở trong một thánh phòng, “*Đây là cách để bọn người Việt không phải đau đớn*”.

Một vài người trong chúng tôi vùng ra khỏi trạng thái thức mộng và cũng bỏ đi khỏi đó, nhưng những người khác vẫn nán lại vì bị cuốn hút do hiếu kỳ pha lẫn phần nộ, họ nhìn gan bàn chân bắn thiu dính đầy máu của đứa con gái đó, đầu nó ngoẹo sang một bên và khuôn mặt dẹt nom như đàn ông. Toàn bộ biểu hiện cơ thể của nó tập trung ở đôi môi khô nẻ cong lại và cái lưỡi lè ra ngoài. Chúng tôi nhìn nó và nhìn nhau, thỉnh thoảng lại lấy hơi, và hiểu rằng đây là một thời khắc của cái ác và sẽ không bao giờ chúng tôi trải qua một thời khắc như vậy nữa. Ngay cả Trung úy Stennert, học chuyên ngành Anh ngữ tại đại học Dartmouth, cũng bắt đầu lơ mờ tin như vậy, ông ta vẫn đang ngồi bó gối ở đầu kia của doanh trại, lưng to bè và nhẵn bóng như hòn cuội, ông ta vẫn đang khuấy cà phê của khẩu phần C và bận tâm tới những vấn đề nhỏ nhặt của cá nhân cứ như thể ngày mai không tồn tại. Chào buổi sáng tốt lành, Trung úy. Cà phê của ông vẫn chưa đủ nóng à?

Đúng lúc đó, chúng tôi nghe thấy tiếng thùm- thùm-thùm, òm-ôm-ôm của chiếc trực thăng cứu thương vừa tới để lượm xác chết. Nó lượn một vòng trên doanh trại, bay ngược chiều gió rồi đậu xuống giữa sân của ngôi

nhà. Chúng tôi lần lượt lảng ra xa khỏi chỗ cái xác của đứa con gái đó để giúp đưa các túi tử thi lên trực thăng, và trong lúc đó xác đứa con gái - tên của nó là thế nào cũng được - vẫn nằm nguyên ở đó. Sau khi các túi tử thi đã được chất hết lên chiếc trực thăng, nó cất cánh rời rời khỏi chỗ đó. Trung úy Stennert nhận được lệnh lên đường tới Cứu điểm Carolayne từ Đại tá Hubbel. Chúng tôi kết thúc bữa điểm tâm, khoác ba lô, quay lưng lại ngôi nhà và đi khỏi chỗ đó - chúng tôi chưa một lần quay lại chỗ đó. Có thể xác của đứa con gái sau này được người ta tìm thấy rồi đem chôn, nhưng chúng tôi chẳng bao giờ biết được.

Paco nằm dang chân tay trên giường của hăn trong căn hộ một buồng, hăn ngửa ran người và say bí tỉ, hăn đang nhớ lại cái hình xăm màu đỏ-và-đen của Gallagher, cô gái và vụ hiếp dâm, và ánh mắt của tụi lính cứu thương ném về phía chúng tôi.

Để chống lại cái nóng quật-ngã-ông-xuống thì cách tốt nhất là nằm bất động - đó là cách duy nhất để chịu đựng thời tiết quá ngột ngạt. Cathy và Marty-boy vẫn đang vật nhau âm ỉ ở một khoảng cách rất gần, hai cơ thể cùng bập bênh lên xuống, tiếng Cathy thở dài thỏa mãn. Con cu của Paco vẫn cứng như sắt và hăn thấy từng tức ở vùng bụng dưới - hăn không thể kìm nổi cảm giác cương cứng. Và sau khi bọn họ xong, Cathy nói bằng một giọng mệt mỏi của người quá chén, “Ôi, Marty-boy, thật là tuyệt vời!”. Marty-boy rót nốt chỗ rượu sủi bọt âm ỉ vào cốc nhựa dùng để uống đồ lạnh, và Paco nghe thấy tiếng bước chân trần vang đùng đục trên tấm thảm rẻ tiền trong lúc họ uống chung cốc rượu. Marty-boy vẫn bình thản và yên lặng, quanh anh ta vương vãi những mẩu vụn bánh quy mặn và những vết ố rượu vang, cảm thấy hơi lạnh vì không khí buổi tối thổi qua cửa sổ lớn đang mở nên anh ta mặc vội chiếc quần dài làm tiền xu và chùm chìa khóa kêu lạch cạch. Anh ta vừa cài thắt lưng và buộc dây giày vừa nhìn Cathy đang lăn uể oải trên giường - cô ta đang tự vuốt ve cơ thể đẹp đẽ sáng bóng của mình. Paco nghe thấy tiếng Marty-boy ra khỏi buồng, đi rón rén xuống cầu thang và ra khỏi khách sạn, đóng cánh cửa lưới thép lại ngay ngắn (hăn thấy vui trước sự láu cá của anh ta). Paco nghe thấy tiếng anh ta đi bộ ra đến giữa

đường, đi qua quán *Texas Lunch*, tiếng bước chân kéo lê dọc theo vạch kẻ bằng những dấu chấm màu trắng ở chính giữa đường.

Cathy nằm ườn trên giường, miệng lẩm bẩm. Paco nằm dài người trên giường, mắt nhắm lại nhưng vẫn tỉnh, hẳn đang mơ màng, chạm nhẹ mu bàn tay vào giấy dán tường đã mủn và chờ đợi bình minh, thời gian mát mẻ nhất trong ngày.

Paco, gã láu cá

Buổi tối hôm sau - James, tình cờ lại là thứ Sáu - Paco đi làm về, mở cửa, bật đèn lên và ngay lập tức linh cảm có người đã vào buồng của hắn. Hắn đứng ở chỗ cửa ra vào, chống tay lên cây gậy vì mệt, hắn nhìn kỹ đồng quần áo chưa gấp, giường chưa dọn, những đồ trang trí rẻ tiền và đồ lặt vặt tung tóe trên mặt bàn (cả cái lọ đựng những mảnh đạn, đầu đạn và những mảnh xương người nhỏ như lưỡi câu). Nhưng ngoài ra còn có một mùi thoang thoảng hắn không thể nhớ ra - nước hoa? Mùi quần áo lạ? Mùi cơ thể thông thường? Có chuyện rồi! Có người đã ở trong buồng của mình, Paco nghĩ trong đầu. Vết tay để lại trên lớp vécni màu hạt dẻ của giường; một ngăn kéo chưa được đẩy hẳn vào trong; có một vật gì đó đã bị lấy ra để xem rồi không để lại đúng chỗ cũ. (Và James này, ông có biết người duy nhất mà hắn nghĩ tới là Cathy, cô gái lẳng lơ sống ở căn hộ ở cuối hành lang?)

Buổi sáng hôm sau, thứ Bảy, hắn thức dậy lúc trời đã sáng bảnh, quay lưng về phía cửa sổ, hắn nghe thấy tiếng ồn ào của một trận đấu bóng mềm trong công viên cạnh bờ sông, ở phía sau tiệm cắt tóc của Hennig và đối diện với quán Tender Tap của Rita - các cầu thủ phòng ngự¹⁰²[1] đang hát¹⁰³[2] chế giễu cầu thủ đập bóng của đối phương:

Này, đập-đập-đập, ĐÁP ĐI!

Gã này không biết đập!

Gã này không biết đập!

Nào, gã thọt, ĐÁP ĐI!

Các cầu thủ phòng ngự vừa nhảy đổi chân vừa vỗ tay để khiêu khích; cầu thủ ném bóng giả đồ ném những quả bay dưới tầm vai:

Ra ngoài rồi! Ra ngoài rồi!

Gã này không biết đập!

ĐÁP ĐI, đồ ngốc!

*A, ĐÁP ĐI, đập gì mà như con gái!
Gã thọt này không biết đập!
Này, đập-đập-đập, ĐÁP ĐI!*

Sau đó Paco nghe thấy tiếng Cathy và Marty-boy rời khỏi căn hộ (cả hai ăn mặc cho chuyến đi chơi trong một ngày thời tiết ấm áp; Cathy mặc một chiếc váy mùa hè quen thuộc bó sát người “bằng vải mỏng dính”, cổ hở; cánh cửa đóng lại kêu “tách” một tiếng. Paco vẫn nằm ngửa, nghe ngóng những tiếng ồn khó phân biệt ở cầu thang - Earl và Myrna đang ăn điểm tâm ở quầy ba, vừa ăn vừa xem một bộ phim cũ do Dan Dailey và James Cagney đóng; Cathy bảo bà dì và ông chú của cô rằng mình và Marty-boy đi thăm họ hàng và sẽ về vào tối Chủ Nhật; Myrna nhìn thật lâu chiếc váy rồi nghĩ, *Dĩ nhiên rồi*, nhưng sao lại là Martin Hubbard nhỉ? Paco nghe thấy tiếng họ chui vào chiếc Mustang cũ kỹ đã gỉ gần hết của Marty-boy, đôi mắt to màu hạt dẻ của hắn chuyển sang vẻ ranh mãnh khi chiếc Mustang khởi động rồi lăn bánh - hắn đã có thể lén vào phòng của Cathy để xem thử cô ta đang làm trò gì. Lại có tiếng ồn ào rất to vọng lại từ trận đấu bóng mềm, các cầu thủ tháo giày để cãi nhau về một cú đẩy người ác ý (họ đứng ở chỗ đất quanh gôn nhà bị người đập bóng cày lồm xuống - “Cậu tưởng đã dòn được cậu ta vào thế bí”, một cầu thủ nói. “À, vợ vẫn, rõ ràng tôi nghe thấy tiếng dây da quất vào sườn cậu ta, mẹ kiếp. Tôi khó chịu rồi đấy”, một gã từ vị trí phía dưới bước lên, vừa nói vừa chỉ tay vào anh chàng thứ nhất, “mẹ kiếp. Chỉ là không may thôi, nhưng chơi xấu là chơi xấu...”).

Suốt ngày thứ Bảy hôm đó, trong lúc làm việc Paco chỉ nghĩ tới việc sẽ tìm thấy gì trong căn hộ của Cathy - hắn nghiền ngẫm. Và tối hôm đó hắn leo luôn lên giường bất chấp tiếng ồn ở quán ba dưới nhà và hắn ngủ ngay lập tức.

Hắn thức giấc vào lúc sáng sớm khi ánh sáng ở chân trời vừa bắt đầu dịu dần. Bằng một động tác mau lẹ và hiệu quả, hắn ra khỏi giường, mặc chiếc áo phông màu sẫm và bộ quần áo lao động cắt ngắn (đã bạc phếch vì

giặt nhiều và rất nhiều chỗ mòn xơ cả chỉ trông giống như những hạt muối, chỉ ở gấu quần bị xô tung vì thuốc tẩy) - James, mặc càng ít quần áo thì càng ít gây tiếng động - rồi hắn khẽ mở cửa và bước nhanh ra ngoài hành lang. Hắn cứ để cửa mở, chỉ là để đề phòng, (phải luôn tin vào vận may, James, nhưng tại sao lại liều thử vận may nhỉ?) rồi hắn đứng nép về một bên tường một lúc lâu, đi chân đất, để mắt quen với ánh sáng. Hắn chăm chú quan sát góc hành lang và tay vịn cầu thang dẫn lên phòng của Cathy. Hắn đi men dọc hành lang, thăm trải hành lang mềm như sân đất nện dưới ánh nắng ấm áp, giấy dán tường ráp như tường bê tông, cọ vào tay và vai hắn. Hắn dừng lại ở bậc cầu thang trên cùng, đứng sát vào tay vịn cầu thang, lấy về tự nhiên và hoạt bát (cầu thang gác tỏa ra một hương vị bụi bặm cổ kính), hắn nghe ngóng nhà ăn và quán ba ở tầng dưới để phát hiện ra dù chỉ một việc nhỏ nhất như một ai đó đang lên giầy một chiếc đồng hồ, nhưng hắn chỉ nghe thấy tiếng tích-tắc chậm rãi đều đều của chiếc đồng hồ quả lắc cổ đặt cạnh máy điện thoại trả tiền ở nhà dưới. Ở bên ngoài, những chiếc ghế ở ngoài hiên va nhẹ vào nhau lách cách mỗi khi có một cơn gió nhẹ; trong phòng ăn, cánh cửa chiếc quạt máy va vào tấm lưới bảo vệ bị cong kêu lanh canh, không khí ban mai tràn vào nhà và lùa lên cầu thang. Hắn vẫn đứng bên cạnh tay vịn cầu thang, hắn thấy bình tĩnh và quyết tâm như thể toàn bộ khả năng trí óc hắn được huy động hết để quan sát khách sạn - hắn nghe thấy rất rõ âm thanh vù vù của cánh quạt, tiếng động phát ra từ những chiếc ghế va vào nhau và tiếng gió lùa lên cầu thang (và nước đổ xuống cái đập tràn ở bên dưới cây cầu ở cuối phố). Paco bước rón rén men theo tay vịn cầu thang bằng gỗ gụ và dừng lại ở bậc thang trên cùng; hắn dừng lại một lần nữa để nghe ngóng thêm. Im lặng như tờ - không có tiếng người nói. Hắn đi từ từ về phía cửa phòng của Cathy và dừng lại, đứng ở tư thế thẳng băng trên hai đầu mũi chân để căng tai nghe qua khe cửa. Sau đó, hắn ngoái đầu lại nhìn chệnh chênh về phía sau, nhìn qua khe hở của những thanh gỗ cầu thang ở phía dưới, đây là điểm nhìn thuận lợi của Cathy khi cô ta thường đứng trong ô cửa ra vào để nhìn khiêu khích hắn lúc hắn đi làm về. Hắn thử tưởng tượng hắn đang đứng ở chân cầu thang, bên cạnh máy điện thoại trả tiền, người bắn thiu, mồ hôi nhễ nhại, hơi hám sau giờ làm, tay chống lên cây gậy

bằng gỗ óc chó màu sẫm - có tối hắc ngà ngà say, mỗi lần như vậy cơn đau ở lưng lại hành hạ hắc mệt muốn chết.

James, ngày ấy nếu Gallagher là tay sát thủ và thẳng hay pha trò của đại đội, hắc diện về chiếc bật lửa Zippo nổi tiếng của gã và cái hình xăm màu đỏ-và-đen được làm trong kỳ hắc đi nghỉ phép ở Băng Cốc, và mỗi lần đột ngột thay đổi tâm trạng gã lại nói luôn mồm làm cho Trung úy Stennert khó chịu đến phát điên; nếu như binh nhất Lester, cái gã làm công việc ghi âm tất cả các trận đánh của chúng tôi, hắc đã tình nguyện theo học một lớp dạy bắn súng (để được chuyển về hậu cứ) rồi ba tuần sau đó gã quay lại cùng với một khẩu M-14 có kính ngắm để trong một cái hòm xách tay và một chiếc ống nhòm của pháo binh giá 1000 đôla - tay lính bắn tỉa ưu tú của đại đội có khả năng ngắm bắn một tên Việt Cộng (đàn ông, đàn bà hoặc trẻ em) đang đi trên đường từ khoảng cách 500 mét hoặc hơn, bắn gục họ ngay tại chỗ đến nỗi họ không kịp biết chuyện gì đã xảy ra với mình; nếu như toán phục kích chuyên nghiệp của trung đội 3 gồm bốn gã trông vẻ ngoài chất phác có tên là Huey, Dewey và Louie, thêm Dorothy quê ở Kansas, gã nào mắt cũng lé, vẻ mặt đần độn, quê mùa, không gã nào kém gã nào, và họ tránh tiếp xúc với người khác như tránh quan ôn; thì Paco là tay đặt bẫy mìn của đại đội, hắc biết đặt bẫy khi nào và đặt ở đâu (thành hàng lối hay thành những cụm hoặc ở điểm đầu và điểm cuối của một nơi rất có thể là lối đi, để có góc bắn tốt nhất - ở dưới một khe núi, chẳng hạn, hoặc ở bên dưới một vị trí có thể đặt lính bắn tỉa), và hắc dường như nắm được độ căng của nửa tá loại dây thép.

Chẳng hạn, chúng tôi tới Cự điểm Harriette và đi giữa những hầm boongke và vị trí hỏa lực pháo được gia cố bằng rất nhiều cây gỗ to và bao cát - tất cả đều được nối với nhau bằng giao thông hào nhằm nhiet cao tới ngực. Nhìn từ trên cao, Cự điểm Harriette nom như cái nắp của lọ hạt tiêu rẻ tiền, ông có hiểu không; thẳng ngốc nhất của đại đội cũng hiểu rằng Harriette là chỗ ngon ơ. Sau một bữa tối rất ngon, Trung úy gọi điện cho Đại

tá Hubbel trong hầm boongke chỉ huy trên đỉnh đồi và vui vẻ báo cáo rằng không có chuyện gì đáng để báo cáo và rằng ông ta - Trung úy Stennert - đang bố trí lính gác, đang cắt cử các vị trí theo dõi ban đêm (chúng tôi gọi là LP¹⁰⁴[1]) và các điểm phục kích (Huey, Dewey, Louie cộng với Dorothy quê ở Kansas tại một vị trí nằm ở hướng bắc - tây bắc của la bàn cách đó 1500 m trong rừng sâu. Trung úy Stennert chúc đại tá ngủ ngon, ra hiệu cho các toán lên đường, cởi dây giày, nằm xuống, kéo cái ruột chần poncho lên tít tận cằm, mau chóng rơi vào giấc ngủ.

Những người khác của đại đội - lũ lính trơn chúng tôi - làm vệ sinh súng ống và những thứ khác, chúng tôi dùng chổi cạo râu tẩm dầu để lau chùi súng; sau đó chúng tôi trải túi ngủ xuống đất ở phía sau đường hào, hút một ít cần sa để thư giãn, tháo giày và đi ngủ, mọi người tán gẫu trong lúc quan sát những ngôi sao xuất hiện trên bầu trời, có cảm giác như bóng tối đáng sợ của khu rừng tụ lại trên người chúng tôi và hơi lạnh từ mặt đất ngấm vào lưng - đôi chân giống như những chiếc nan hoa cắm vào vành xe, đều hướng về phía trục.

Nhưng Paco thường bắt đầu vào lúc trời chạng vạng, hân bày các loại bẫy ra trước mặt - bẫy mìn định hướng, lựu đạn cắt ngăn bớt ngòi nổ rồi đặt lên cọc hoặc đặt trong hộp đựng khẩu phần C hoặc nối với dây cháy chậm (một sợi dây có chất magiê khi cháy sẽ bắn ra những tia lửa và kêu xèo xèo rất dữ, bốc khói như người ta đốt một đồng cỏ đại trong vườn), thuốc nổ dẻo C-4 được ấn lôm xuống rồi cắm những những cái đinh và mảnh sắt nhỏ xin ở bên Công binh; một cuộn băng dính, mấy chiếc kìm cắt dây điện, một cái kìm ép loại nhỏ, một bó những đoạn tre (để làm chông bôi phân)¹⁰⁵[1], và mấy cuộn dây điện bôi đen - ngoài ra còn có một con dao tông nhãn hiệu Chicago Cutlery dài 20 xăngtimét và khẩu súng lục cỡ 45 li mượn của Lester để dùng ban đêm. Paco chọn bẫy, nhét chúng vào chiếc túi màu xám đựng mặt nạ phòng độc hân đã chuẩn bị sẵn, buộc chặt cái túi quanh thắt lưng, đút con dao tông vào bên dưới cái dây da quần quanh bụng sau đó đợi trời tối để bò vào rừng. Gallagher, Jonesy và Jigs, tay y sĩ quân y, và một vài người trong chúng tôi nằm nghỉ, hút cần sa và uống rượu trong bi đông mua ở cái ấp

nằm bên kia đường cái, thức để chờ hăn. Mấy tiếng sau, lính gác trong hầm boongke nghe thấy một tiếng huýt gió rõ vừa đủ nghe. “Suýt! Này!”. Paco nói nhỏ. Mấy người lính gác vươn vai đứng dậy rồi vẫy tay ra hiệu cho hăn vào. Hăn vừa từ ngoài rừng trở về, bò sấp bằng khuỷu tay và xương hông, nhẹ nhàng, lặng lẽ, kín đáo giống như một con rắn đang bò qua một tảng đá phẳng - cái túi màu xám đựng mặt nạ phòng độc xếp xuống bẹp gí, con dao tông cắm ở túi sau nom như một cái tuốc-nơ-vít dự phòng, khẩu súng lục cỡ 45 li của Lester cầm sẵn sàng ở tay. Hăn trườn thẳng vào hầm, đi tới chỗ chiếc túi ngủ của hăn, ngồi xổm sắp xếp lại các dụng cụ. Hăn uống liền một mạch mấy bi đông nước, mồ hôi túa ra khắp mặt: “Công việc này làm mất rất nhiều nước, Jack!”, hăn vừa cười vừa nói rồi cởi giày. Sau đó hăn hút một điếu cần sa, uống một chút rượu, cuối cùng hăn thấy buồn ngủ.

Lâu lâu giữa đêm khuya chúng tôi lại nghe thấy một tiếng bùm rất to ở trong rừng, một chớp sáng lóe lên như một tia lửa điện (tiếng nổ cũng phát ra từ phía Cứ điểm Francesca hoặc Carolyne - toàn đại đội ngạc nhiên vì tiếng nổ quá gần khu vực bảo vệ vòng ngoài của doanh trại) và mọi người đều hiểu rằng bấy mìn của Paco vừa lừa được một gã người Việt nào đó - khói bốc lên qua tán cây rừng giống như một đồng lửa trại bị dập. Trung úy Stennert rất sốt ruột, ông lặng lẽ bò tới chỗ Paco, ông ta muốn đánh thức hăn - anh chàng đang nằm dưới đất, người cuộn tròn trong chiếc chăn poncho, cái thằng có khả năng giết chết một thằng khác mà không bị phát hiện, vẫn đang ngủ say trong khi tất cả chúng tôi toát mồ hôi vì hồi hộp. Trung úy Stennert không dám đánh thức hăn - James à, ở ngoài mặt trận người ta có thể làm những chuyện kỳ cục khi giữa đêm bị đánh thức trong lúc đang ngủ say.

Bất kể thế nào, bao giờ Paco cũng nói rằng dựa vào mức độ to nhỏ của tiếng bùm đó người ta hầu như có thể đoán được có một tên đã chết hay chỉ bị thương.

(James, hãy đồng ý ngay từ đầu với nhau rằng bấy mìn - được biết với tên gọi là bấy cơ học - là hoàn toàn bất hợp pháp và bị cấm tuyệt đối căn cứ

theo Công ước Genève về những Nguyên tắc Chiến tranh, và sử dụng chúng là một tội ác chiến tranh giống như lao động nô lệ, tra tấn và hành quyết tù binh, sử dụng vũ khí hóa học và vũ khí sinh học, bắn tỉa, đại loại thế. Nhưng người Việt đã sử dụng bẫy mìn - những thiết bị cồng kềnh, được làm công phu, có khả năng sát thương tàn bạo và hiệu quả - và bởi vì cái gì có thể áp dụng cho một người thì cũng có thể áp dụng cho người khác trong trường hợp tương tự, cho nên tất cả mọi người đều sử dụng chúng; “Đéo mẹ”, Paco nói trong lúc dùng băng dính quấn một quả lựu đạn cắt ngắn ngòi nổ và một miếng thuốc nổ C-4 vào một cái cọc tre, “thà làm thằng khốn còn sống còn hơn là làm một thằng khốn bị giết, *hiếu không?*”).

Một lần tại địa điểm hạ trại buổi tối gần Cứ điểm Francesca, Paco bò ra một con đường đất cứng chỉ nhỏ như một vết trứng xuống trên mặt đất có cỏ mọc - con đường đó đi vào một cái ấp có ba nóc nhà và chạy vòng phía sau một khóm tre to - đi qua chỗ đó người ta phải cúi gập hẳn người xuống, dò dẫm từng bước như thể đó là một thân cây bắc qua một con suối. Paco nằm sấp. Cỏ ướt đầm sương khiến hắn có cảm giác như có kim châm; con đường đất đó chỉ rộng chưa tới một sải tay, James à - ướt nhớt nhát nhầy nhầy như một lát cá bị ươn. Hắn sắp đặt xong cái cuối cùng trong một dây bẫy lựu đạn, hơi đất ẩm và lạnh ngấm vào háng và bụng hắn trong lúc hắn căng sợi dây cuối cùng - một sợi dây căng thì khó phát hiện hơn, không ai biết tại sao. Đột nhiên hắn phát hiện ra một sự im lặng không thể nhầm lẫn trong khu rừng, một giọng thì thầm khàn khàn bị nghẹt lại, tiếng lạo xạo của lá tre, tiếng kim loại chạm nhẹ vào lá cây. Toàn thân hắn bỗng cứng lại và ngửa ran; hắn ngửi thấy mùi hôi như mùi nước cống của những người Việt sống lâu trong rừng - họ đang leo lên con đường đất đó. Hắn ước tính họ còn cách khoảng hai mươi bước nữa và chắc chắn một tên đi đầu nào đó sẽ giẫm lên lưng hắn. Hắn lập tức đặt đồ nghề xuống và nhặt một quả lựu đạn còn dư, cầm chắc trong tay và rút nhanh cái chốt, tay vẫn giữ nguyên mở vệt, nhưng sẵn sàng ném thật xa nhất có thể. Sau đó hắn nhặt khẩu 45 li của Lester ở dưới đất lên, mở chốt an toàn - trong ổ có bảy viên đạn và một viên đã lên nòng. Hắn nằm sấp, quăng quả lựu đạn - giống như một động tác truyền

bóng về phía trước; cái vật đó rơi xuống con đường đất như một trái trứng - hấn lấy hai tay che đầu và đếm thời gian hẹn giờ nổ: một nghìn linh một, một nghìn linh hai, một nghìn linh ba, một nghìn linh bốn, một nghìn linh... và bùm, một tia chớp lóe lên, gã người Việt lĩnh trọn trái lựu đạn, bị thổi bay về phía sau - mắt và phần trước người gã đó bị cắm đầy những mảnh lựu đạn. Gã người Việt lăn lộn dưới đất như thể vừa ăn một cú đá, làm rung bụi tre, hai tay gã ôm chặt lấy mặt - gã không nhìn thấy gì, la hét chí chết; Paco nghĩ thầm “Tuyệt, bây giờ thì tất cả người Việt trong vùng này đều biết chúng ta có mặt ở đây”. Hấn giắt khẩu 45 li vào bên dưới thắt lưng, rút con dao tông ra và thận trọng bò về phía trước, lặn trong bóng tối để tìm những sợi dây thép, lần lượt vô hiệu hóa từng cái bẫy một, nhẹ nhàng và gọn ghẽ như người ta đóng gấp một cái kéo to lại. Phải mất một lúc lâu Paco mới tới được chỗ gã đó, gã đang rên ri, quằn quại như thể vừa bị bỏng nặng nước sôi. Paco phát hiện bằng tay vị trí quả lựu đạn nổ (đất trơ ra sần sùi như da chưa thuộc) và hấn nhìn thấy ngay bàn chân và cẳng chân của gã đó, người gã đó bị vỡ toác giống như một quả mận bị vỡ làm đôi (hồi ức về cái mùi tanh ghê tởm bốc ra từ những vết cắt đầy máu khiến hấn thấy lợm giọng; lúc này hấn đang đứng ở một góc hành lang, trước cửa phòng của Cathy và đang nghe ngóng những tiếng động ở dưới nhà). Sau đó Paco dùng cả hai tay tóm lấy vạt áo trước của gã đó rồi ghì người gã xuống mặt đường, gã lẩm bẩm điều gì đó giống như tiếng một con mèo già béo núc nhảy từ đầu gối của một người xuống đất. Hấn vẫn giữ người gã, không bỏ tay ra. Hấn sờ ngực gã đó để tìm vị trí nằm giữa xương sườn thứ tư và thứ năm bên ngực trái rồi lấy ra con dao hiệu Chicago Cutlery sau đó lách mũi dao vào chỗ đó, đầu tiên là rạch vào da sau đó ấn mũi dao xuống thật mạnh - giống như cắt một miếng pho mát cứng và nóng hổi. Cả hai đều nghe thấy tiếng lưỡi dao cắt xuống giữa hai xương sườn. Gã đó há miệng thở hổn hển, người ngọ nguậy, giãy giụa. Paco, một tay vẫn nắm lấy áo của gã, đầu gối ghì bụng, ấn con dao vào tim của gã (chỗ cơ rắn chắc nhất trên cơ thể con người, ông có hiểu không), chọc thẳng vào tâm thất trái của gã. Gã há to mồm để thở - như thể hít một hơi dài như vậy bằng cách nào đó sẽ làm dịu đi sự đau đớn khủng khiếp, kinh hoàng này, không cho cơn đau đó xuất hiện

- hơi thở rít lên qua hai hàm răng lúc gã đó há miệng thở hỗn hển (lưỡi dao nóng rực lên). Con dao xóc mạnh trong tay của Paco khi chạm vào cơ tim, máu ộc lên dữ dội đầy bàn tay của Paco và tràn đầy chỗ hõm trên ngực và cổ của gã đó; tất cả biến thành một vết thương lớn màu tím sẫm. Paco ấn lưỡi dao thép tôi cacbua sắc ngọt. Gã đàn ông đó thở gấp như thể bị hụt hơi và cố lấy lại hơi, nhưng gã thì thầm rất rõ bằng giọng đàn ngoài, “*Lạy ông, xin đừng giết tôi. Trời ơi! Xin đừng làm vậy*”¹⁰⁶[1]. Gã ngược nhìn Paco, như người-với-người - cảm giác đau và buốt mỗi lúc một tăng cho tới khi gã không chịu nổi nữa; gã nói “Xin đừng” như thể nói với người anh trai của gã, như thể gã tin cậy vào mối quan hệ máu mủ ruột thịt, *xin đừng* làm vậy. Paco giữ chặt người gã, đầu gối đè vào bụng gã. Máu từ vết cắt trào ra bàn tay của hắn đang giữ chặt cán dao: Paco cảm thấy quả tim của gã đó giật mạnh từng hồi; cảm thấy mạch máu giật giật trong bàn tay của hắn, chạy dọc theo cánh tay đầm mồ hôi của hắn. Cái cán bằng gỗ thường của con dao sùng máu, rung lên bần bật.

“*Chết tôi rồi*”¹⁰⁷[2], gã đó nói - rồi ngất đi vì sốc; Paco biết chỉ một lát nữa là gã đó sẽ chết - gã thều thào qua đôi môi khô nẻ nhưng bằng một giọng rõ ràng. Gã vẫn thở, tiếp tục thở thêm một lát nữa rồi thở hắt ra; người gã mềm nhũn và nét mặt chùng xuống - gã đã chết.

Về sau, sau khi Paco đã dọn dẹp sạch sẽ, kéo xác của gã đó vào bụi tre rồi đặt bầy mìn xung quanh, thu dọn đồ nghề và quay trở về chỗ đóng quân, hắn đã kể cho Gallagher, Jonesy và một số người trong chúng tôi về điều đã xảy ra. Hắn ngồi đè lên túi ngủ của hắn, uống liên mấy bi đông nước trong lúc kể lại câu chuyện bằng một giọng thì thầm. Gương mặt hắn bóng nhẫy như thể được bôi một thứ sáp nhờn nhớt có mùi hôi, và ánh mắt dữ tợn của hắn dường như liên tục hướng về một nơi cách đó độ một cây số - hắn đang ở trong tình trạng tập trung căng thẳng (tai hắn bị ù, tim đập thành thịch; nước uống âm ỉ chảy trong cổ họng hắn), toàn thân hắn run rẩy - Paco không bao giờ quên những giọt nước mắt của gã người Việt lúc gã thều thào bằng giọng rất rõ, “*Vĩnh biệt. Vĩnh biệt. Vĩnh biệt*”¹⁰⁸[3]. Đêm hôm đó hắn vớ

được bi đông nước nào là uống bằng sạch và hút cần sa cho tới khi phê không còn biết gì nữa.

Đến sáng, Trung úy Stennert cử một tốp tới chỗ đó xem có gì đáng chú ý không và họ đã tìm thấy xác gã người Việt đó - bầy lựu đạn quần quanh người gã, chúng tôi nghe kể lại, gã nằm trên vũng máu rộng như một khăn trải giường, ruồi bâu ở mắt - Gallagher đã chụp rất nhiều ảnh.

Paco đứng trước cửa phòng của Cathy (con số 5 to đùng được vẽ nhiều lần bằng sơn tời nom giống như lớp bùn khô), hấn che lòng bàn tay lên tai ghé đầu gần sát vào cánh cửa để nghe ngóng bên trong - bàn tay hấn chống nhẹ vào khung cửa như để nghe rõ hơn dù một dấu hiệu nhỏ cho thấy Cathy có thể đã trở về nhà sớm. Sau đó hấn tra cái chìa khóa vạn năng bằng đồng của hấn vào ổ khóa, nắm cái núm cửa bằng sứ (toàn bộ cái cơ chế cổ lỗ nom thảm hại đó đã bị mòn và xộc xệch) và chậm rãi xoay để mở khóa như thể hấn đang chỉnh một bộ chế hòa khí. Sau đó bằng một điệu bộ như đùa, hấn xoay mạnh hơn và cảm thấy cái lưỡi khóa đã nhả ra và cánh cửa (khung cửa oằn xuống) bật ra he hé kèm theo một tiếng động nhỏ giống như tiếng động của khóa vòi nước ở quầy ba. (Ô hô, Ông Thỏ, Paco nghĩ thầm trong đầu, hấn nhắc lại một câu nói trong một chuyện cổ dân gian).

Và thế là hấn bước vào bên trong, cẩn thận khóa cửa lại. James, trời sắp sáng, nhưng mặt trời màu đỏ cam ở chân trời mới chỉ to bằng một nắm tay.

Căn hộ của Cathy nóng và ngột ngạt (các cửa sổ đều đóng và khóa lại), bốc mùi nước hoa đắt tiền và sạch như li như lau. Căn buồng phía trước với ba cửa sổ lớn nhìn xuống phố hầu như vẫn mát rượi mặc dù thời tiết nóng bức ngột ngạt của một ngày Chủ nhật cuối hè như thế này. Màn cửa trong suốt treo bên ngoài những bức màn bằng giấy dày (được kéo xuống gần sát sàn nhà) - những bức màn kiểu cổ, hai mép được cuộn lại, bị ố nước nhiều chỗ, đã ngả màu nâu nom như giấy báo cũ. Mặc dù mới là sáng sớm nhưng căn phòng đã sáng rực một thứ ánh sáng màu hổ phách gợi cảm giác hồi cổ; không khí có vẻ gì đó khắc khổ. Paco đứng chân trần trong ánh nắng ấm áp

có màu như bơ, lặng lẽ quan sát căn phòng, và một sự yên tĩnh tuyệt diệu bao bọc lấy hắn - gần giống như trạng thái tập trung tuyệt đối lúc phục kích (cái cảm giác thêm được giết người dâng lên chậm chậm nhưng dữ dội); một cảm giác rùng mình vì sốt ruột lan ra gờn gợn khắp chân và các ngón tay của hắn; hắn dựng hết cả tóc gáy; lưng hắn cứng đờ; vẻ mặt hắn bất động - sáng bóng - mắt hắn lạnh lợi hắn lên. Hắn ngỡ như được bao bọc trong một cảm giác thanh thản rất lạ (và cả chúng tôi cũng vậy, James), giống như có người đã lộn trái hắn và biến hắn thành vô hình.

Paco lên vào buồng ngủ của Cathy - chặn được gấp phẳng phiu nom như giường trong doanh trại, thẳng hàng với nhiều gối con có diềm ở xung quanh; một chiếc ghế bập bênh to, cũ, trông có vẻ bất tiện đặt cạnh cái giường, một đèn cây đặt ở giữa. Tủ com mốt cao đặt sát tường được phủ một chiếc khăn vải dài thêu những cây nhung tuyết màu hồng và những vòng hoa của cây nhựa ruồi. Phấn hồng thơm vương đầy trên bàn chải và lược (lẫn với những sợi tóc vàng rụng quần vào nhau thành búi to như nắm tay) và đồ nữ trang rẻ tiền đựng trong chiếc hộp nữ trang bằng sợi liễu gai màu trắng. Một nửa tá áo ngực bằng vải bông (mấy cái mũ trùm đầu dính những vết son bôi môi) và những chiếc áo tắm bé tí được vắt trên cánh cửa gương kiểu cách của chiếc tủ com mốt và trên lưng chiếc ghế bập bênh. Hắn luồn tay vào ngăn kéo đựng quần áo, mân mê những chiếc quần lót nữ để lộn xộn, lật những chiếc áo cánh, áo chui không tay kẻ sọc, quần soóc chơi tennis và áo thun mùa hè. Hắn lật qua những chiếc váy mùa hè khác được treo trong một cái tủ treo áo làm tạm bằng bìa cứng. Hắn luồn tay có chủ định xuống dưới tấm đệm (nồng nặc mùi làm tình còn sót lại của Cathy và Marty-boy, mùi nước hoa hăng hắc của cô ta, mùi cần sa mốc và phấn hồng). Cuối cùng hắn tìm thấy cuốn sổ nhật ký của cô ta, một cuốn vở bìa bọc vải nom giống như một cuốn sổ cái kế toán có kích thước bằng một cuốn sách khổ to và (Paco kiểm tra lướt qua) đã viết kín khoảng hai phần ba.

Hắn đứng ở cuối giường của cô ta, cuốn sổ nhật ký bìa bọc vải thô kẹp dưới nách và qua cửa sổ hắn có thể dễ dàng nhìn thấy căn buồng của hắn -

quần áo lao động bẩn ở dưới gầm ghế, cây gậy bằng gỗ óc chó màu sẫm treo trên cái móc ở sau cánh cửa ra vào, giường chiếu bề bộn.

James, có những đêm Cathy ngồi bó gối trong bóng tối, lưng tựa vào thành giường, cuốn nhật ký đặt trên đầu gối và quan sát Paco đang trong phòng của hắn - đôi mắt của Paco sáng quắc trong ánh sáng trắng mờ mờ (dạo đó các vết thương làm hắn khổ sở và hắn thường xuyên phải dùng thuốc). Cathy ngẫm nghĩ về chỗ phòng ra màu sẫm ở giữa hai ben của hắn, về cái tấm khảm vô tận được ghép bằng những vết sẹo, quả là một kỳ quan, vừa nguệch ngoạc ghi chép và gõ ngón tay vào chiếc vòng đeo chân bằng vàng 14 cara.

Cái biển hiệu bằng đèn tuýp ở trước căn hộ của Cathy nhấp nháy và kêu lách cách; Paco thấy tai ong lên vì tiếng rì rầm từ xa đều đều dội lại từ chỗ nước sông đổ xuống cái đập tràn ở cuối phố. Hắn vào nhà tắm, lấy một cốc nước đầy - một vài đồ mỹ phẩm lật vật của Cathy được đặt trên một cái khăn tắm ở trên téc nước của bồn cầu. Hắn quay trở lại căn phòng tràn ngập ánh nắng ấm áp có màu như bơ, kéo cái ghế mà Cathy ngồi (lưng hơi còng xuống) lúc cô ta theo dõi Paco đang làm việc (cúi xuống bên công việc của mình, khóa thắt lưng móc vào bồn rửa bát). Hắn ngồi xuống, chạm nhẹ vào cái tì tay của chiếc ghế bập bênh cũ của cô ta, chân gác lên bàn viết - một cái bàn giáo viên to cũ bằng gỗ dẻ trên mặt bàn có một tấm thảm to bằng loại giấy kraft, một chiếc máy chữ hiệu Smith-Corona của hãng Sears, Roebuck, một cái đèn làm việc xấu xí rẻ tiền có chụp đèn bằng thủy tinh màu xanh, và một cái bình cắm hoa bằng gốm hình một con sóc đậu trên cành cây (được cắm đầy bút chì).

Từ bậc thềm ở cửa sau của quán Texas Lunch Paco thường nhìn thấy Cathy ngồi viết ở cái bàn làm việc này, lưng cô ta quay lại phía cửa sổ - cô ta đang viết vào cuốn sổ này, bây giờ hắn đồ là như vậy; hai chân bắt chéo để tạo tư thế thoải mái - cô ta mặc bộ quần áo lót bằng vải bông đã mòn xơ cả chỉ hoặc vừa ở nhà tắm ra với chiếc khăn lau dành cho người chơi thể thao quần quanh người, lắc mạnh đầu cho khô tóc (Paco nhìn thấy những giọt

nước bay lấp lánh). Cô ta thường ngồi ở đó, cuốn nhật ký đặt trên bàn mở ra ngay ngắn trước mặt, cầm chắc cây bút chì gần như bằng cả năm đầu ngón tay - bàn tay có móng sơn màu trắng co cứng lại - cô ta giấu xuống dưới trang sách một miếng bìa cứng có những dòng chữ to viết bằng mực đen. Chữ viết của cô ta sáng sủa và rõ ràng, nét chữ nhỏ nhất như đầu bút chì cho phép (cô ta gọt bút chì bằng một con dao nhíp, một thói quen học từ người cha là kiến trúc sư, than chì ở những trang đầu tiên đã bắt đầu mờ). Và đôi khi cô ta nằm giạng chân trên chiếc ghế bập bênh cũ, lưng quay về phía một chiếc đèn cây xấu xí mà cô ta đã dùng một cái khăn màu hồng phủ lên để cho đỡ chói mắt - Cathy thức đến gần nửa đêm để đọc hoặc ghi nhật ký, tất cả các cửa sổ đều mở và chiếc quạt bàn được bật ở số to nhất, cô ta quên phắt cái nóng nực cứ như thể cô ta bị trơ trước cái nóng.

Paco đặt cái cốc xuống sàn nhà - một vòng tròn nước được tạo thành ngay lập tức - rồi mở cuốn nhật ký, cẩn thận không làm rách gáy (mặc dù Cathy đã làm hỏng gáy cuốn vở mỗi lần cô ta lật trang rồi dùng tay vuốt cho phẳng). Cuốn nhật ký đã gần một năm tuổi, đó là món quà mẹ tặng trước khi cô ta xa nhà ("Đã đến lúc con bắt đầu ghi lại những gì con thấy quan trọng", mẹ bảo cô ta), và Paco đọc lướt cuốn nhật ký, chỗ này một trang, chỗ kia một trang:

Mình đã có một căn hộ "suite", không thua kém gì... Bố bảo rằng Earl, em rể của mẹ, là hôm thì mới đi mua cái đồng rác này. Gọi Myrna là dở hơi. Nơi này được xây cất vào năm 1904, ngửi mùi đồ gỗ và vải sơn lót sàn nhà thì biết chắc chắn đó là sự thật. Nhưng tiền thuê nhà là hợp lý, ông bạn ạ...

Lẽ Tạ ơn lại là một thảm họa khác. Frank đưa về nhà một cô bạn gái rất tồi, Virginia Crowley. Cô ta rất xinh. Mình phải thừa nhận điều đó. Và như Frank nói, mình trích ra ở

đây "Người to như cái thùng tô nô", hết lời trích. (Frank đúng là có tài ăn nói). Hình như đó là một nét tính cách rất quan trọng của anh ấy. Nhưng cô ta ngớ ngẩn không để đâu cho hết. Theo như mình biết, họ đã ngủ với nhau từ một năm nay. Dù sao mình cũng đã ở đó vào Lễ Tạ ơn. Mình có bốn phận ngồi vào bàn ăn, điềm đậm và lễ phép, ăn bữa tối mà mặt không nhăn nhó và nói lời cảm ơn với chữ "C" viết hoa. Mụ béo đó đã đánh đổ nước xốt vào cốc rượu vang của mình, đánh rơi một cái đĩa con bằng sứ của Pháp đựng khoai lang vào cái đĩa lớn của mình. "Chà, nóng quá!" cô ta nói rồi thổi thổi vào các ngón tay như thể có ai vừa cắn cô ta. Ôi, tha cho tôi, Virginia, hãy để dành tiết mục đó cho xi- nê. Lại còn thế này nữa, suốt bữa ăn cô ta mắt thì liếc Bô còn chân thì chọc ghẹo tình tứ với Frank. Nói thật, mình đã định nói với Frank, "Bọn anh làm chuyện ấy trên giường chưa đủ hay sao?"

Sau bữa tối, sau món tráng miệng và tất cả mọi thứ khác, mình không thể chịu đựng thêm được nữa bèn đánh xe tới chỗ Muriel và hai đứa đã chơi bài đến tận bốn giờ sáng.

Nhận được mẫu thư về món quà mình sẽ mua tặng mẹ nhân Giáng Sinh. Bộ vét nữ mà mẹ và mình đã xem ở tiệm Walther và đặt mua dài hạn tạp chí Cầu đường Arizona chỉ để "cho vui".

Tất cả những gã đó cứ nhìn mình chăm chăm. Cả tụi giáo sư nam cũng vậy. Mình có cảm tưởng như mình là một khúc thịt, chẳng hiểu họ tưởng tượng thấy gì bên trong chiếc áo vét và áo pun lúc mình đi ngang qua sân trường, chưa kể chồng sách mình đang cầm trên tay, nhưng mình đồ rằng mình đã chọn được gã hay nhất trong đám này. Tên anh ấy là Martin Hubbard. Anh ấy cũng nhìn chăm chăm như những gã khác, nhưng anh ấy là người duy nhất no mắt rất nhanh.

Lynette gọi anh ấy là Marty-boy. Cậu ấy chưa bao giờ ngủ với đàn ông, vì thế cậu ấy không phải là người cạnh tranh...

Paco ngẩng đầu lên, rời mắt khỏi cuốn nhật ký và không nhin được cười; hắn ngoái đầu lại nhìn căn phòng, cái xu-chiêng dính vết son vắt ở gương, và hắn thấy bụng dưới động đập. Hắn lật qua hai trang, cúi xuống cầm cốc nước để uống rồi đọc tiếp:

... cậu ấy nói thầm vào tai mình (lúc ấy Fuller đang mô tả ruột của con ếch) rằng có một anh chàng nom ưa nhìn đang làm việc ở quán Texas Lunch. Mình đạp xe về nhà rồi nhảy sang bên kia đường làm tách cà phê để nhìn anh ta. Ôi dào, tưởng ai, mình ngạc nhiên muốn ngã ngửa người ra. Đó là anh chàng sống ở đây trong căn buồng ở cuối hành lang tầng dưới. Anh ta ưa nhìn thật, mỏng nhỏ gọn xinh xinh. Anh ta đi vòng quanh quán để thu dọn khay đĩa rồi mang vào phía trong.

... ngồi với June quen ở lớp thần học. Hai đứa đang ngồi bên cốc cà phê thì anh ta đi tới gần cùng với chồng bát đĩa. Anh ta trông xinh trai, nhưng biết không, người anh ta đầy những vết sẹo. Bị thương trong chiến tranh, ông chú mình bảo thế. Chỗ nào cũng thấy có sẹo. Nhưng như thế sẽ có cái để kể với con cháu là mình đã ngủ cùng một lúc với hai người đàn ông.

Paco nhớ lại rất rõ những buổi chiều Cathy và cô bạn bước vào quán Texas Lunch linh kinh với sách và túi, họ uống cà phê và la cà ở đó cho tới giờ ăn tối. Có một điều thật kỳ quặc (ngay cả Ernest cũng thấy rất kỳ quặc), bởi vì đám sinh viên của khóa học mùa hè ít giao thiệp với những khách quen của Texas Lunch - vào buổi tối cuối tuần họ đi chơi rất khuya (Lão gác rừng béo ị chạy ra đuổi những đôi trai gái đang ôm ấp hôn hít nhau ở dọc những lối đi trong rừng; thú vui duy nhất khiến lão béo đó thấy sướng lên tận chín tầng mây), những gã sinh viên đó say khướt, mặt mũi tái nhợt và nhếch nhác, họ la cà ở ngoài đường để cho già rượu một chút rồi mới quay về ký túc xá trước giờ đóng cửa. Ông nên nhớ là những gã sinh viên này không bao giờ chơi gái đâu, James. Thỉnh thoảng một gã trong bọn bỗng chuyển sang một vẻ mặt rất buồn cười, hấn nháy căng lên, chạy ở phía sau mọi người rồi nôn thốc nôn tháo xuống đất (“U-ọe!”; đôi khi họ chạy tiếp sức nhau, đôi khi họ chạy thành tốp như thế đó là một cuộc thi - xem ai có thể nôn to nhất, kinh tởm nhất hoặc cao nhất lên bức tường của cửa hàng ngũ kim. Paco đứng ở bên bồn rửa bát ở phía nhà trong, mặt nhăn nhó vì đau đốn, hấn nhìn đám sinh viên đang đi ngoài đường - tụi chúng bốc mùi bia rẻ tiền - và hấn cười vào mũi tụi đó, nghĩ trong đầu “Này, thằng nhà quê, nếu mày không đủ khả năng giữ lại cái mày nốc thì tốt nhất đừng có nốc nữa”. Liệu có thằng nào trong đám sinh viên đó còn có thể đứng vững được nữa?

(Tôi nghĩ thế này, James à, nếu có một điều quan trọng chúng tôi đã học được ở trong quân đội - không kể tất cả những điều khác - thì đó là làm

sao để uống bất cứ loại rượu nào mà chúng tôi có thể mở nắp chai và sau đó biết cách giữ lại nó).

Paco lật tiếp mấy trang nhật ký của Cathy rồi đọc:

Đã muộn lắm rồi. Tối nay Marty-boy đã lên phòng của mình. Rút cục mình đã giấu Chú để đưa anh ấy lên vào, nhưng mình chắc là dì Myrna đã biết. Dì giữ sổ sách ở đây giỏi không kém trông nom nhà cửa, và dì kiểm soát mình chặt lắm nên chẳng có chuyện gì qua được mắt dì.

(Cathy khóa thân ngồi trên một chiếc khăn tắm bên cạnh chiếc bàn giấy của cô ta, nhấm nháp whiskey pha với rất nhiều đá trong chiếc cốc uống bia, người vẫn còn ướt sau khi làm tình và lưng lấm chấm những giọt nước hoa).

Cách đây hai ngày, dì hỏi mình có dùng thuốc không, có dùng vòng không, có biết gì về bao cao su không, những biện pháp phòng ngừa, đó là từ dì đã dùng. Có ạ, thưa dì Myrna. Dì tưởng cháu là đứa ngốc hay sao, dì Myrna? Cháu vẫn rất ổn, thưa dì Myrna.

Marty-boy thiu thiu ngủ trên chiếc đi-văng ở phía sau mình. Mình bắt anh ấy nằm đợi trong lúc mình mặc chiếc áo ngủ màu quả mâm xôi. Không mặc quần lót. Và như một cậu bé con ngoan ngoãn, anh ấy nhìn chăm chăm bộ ngực của mình. Chỉ nghĩ tới vẻ mặt của anh ấy lúc đó mình đã có cảm giác kích thích ở giữa hai đùi. Tụi đàn ông bị phụ thuộc vào các tuyến nội tiết và cơ quan của cơ thể. Nhưng dù sao mình cũng khen ngợi Marty-boy ở một điều. Thân mình và cò súng của anh ấy

đẹp. Không ưa nhìn như gã Paco kia, nhưng thế là đủ. Nó làm mình nhớ lại cái vật rỗng hình bút chì màu vàng mà hồi học lớp hai và lớp ba mình nhét cả bút máy và bút chì vào trong đó. Ở phải, cò súng của Marty-boy giống cái vật đó, chỉ có điều nhỏ hơn. Và về mặt làm tình thì mình sẽ cho anh ấy điểm 7. Hay một cái là anh ấy làm bất cứ điều gì mình yêu cầu. Đó chẳng phải là điều Bố vẫn kể về Lính thủy đánh bộ hay sao? Đi bất cứ đâu và làm bất cứ việc gì.

Paco ngồi thẳng người lên để cho chiếc ghế trở về vị trí dựng thẳng - “có phải người ta nói về Lính thủy đánh bộ như vậy không nhỉ” hắc lăm bầm một mình, suýt cười phá lên. *Bất cứ việc gì? Hắc nghĩ. Bất cứ đâu?* - Gallagher thường nói thế nào nhỉ: “*Bất cứ việc gì, chắc chắn điều đó đã nói lên hầu như tất cả, Jack!*”. Paco lại ngả người ra phía sau trên ghế rồi lật qua các trang nhật ký, lúc này cô ta chuyển sang viết bằng bút bi bằng kiểu chữ in khá vuông vức. (Viết chữ in sẽ dễ hơn cho Cathy với cuốn sổ nhật ký đặt trên đùi - đầu gối dựng cao lên và bàn chân vùi trong đồng gối). Paco đọc tiếp:

Anh ta bước vào phòng và móc chiếc gậy lên tay nắm của tủ quần áo. Anh ta lột cái áo phông ra, có những đốm anh ta vùng vẫy cật lực để chui ra khỏi nó và khi anh ta nắm nó trong bàn tay nó trông giống một mớ giẻ rách sũng nước xám xịt. Anh ta rửa mặt và ngực trong chậu. Và những vết sẹo đó. Trông như những hình xoắn màu tím sẫm hoặc nâu hay

uể, ăn sâu xuống và bó lấy nhau ở chỗ này chỗ kia nom như những đường may thô kệch trên một tấm chăn. Anh ta cất hai lọ thuốc to trong tủ quần áo. chú mình bảo đó là toa thuốc dành cho cựu chiến binh, nhưng ai mà biết được. Và đôi khi anh ta uống nửa lít hoặc hơn rượu vodka Thunderbird hoặc chai vang Morgen David 20/20 mua ở quầy hàng dưới nhà.

(Cathy ngừng viết để nhấp một ngụm whiskey pha nước, cô ta có thể nhớ lại rất rõ cái mùi dưng phẩm của loại rượu rẻ tiền đó - Chú mình gọi là “Chó Điên 20/20¹⁰⁹[1]”. Cô ta ngoái đầu lại phía sau để nhìn xuống dưới đường, bên kia đường chỗ cửa sau của quán *Texas Lunch*, nghe thấy những âm thanh lộn xộn phát ra khi Paco sắp xếp lại bát đĩa trên chạn cho ráo nước; chốc chốc Paco lại lau mồ hôi chảy thành giọt bằng ống tay ngắn của áo phông, cọ mạnh vào mặt đến đỏ ửng da, James).

Anh ta uống hai viên thuốc rồi tu chai rượu sau đó ngồi xuống để cởi giày. Dây giày va vào da phát ra tiếng kêu. Sau đó anh ta cởi chiếc quần jean hoặc chiếc quần mặc lúc rửa bát rồi ném tất cả xuống gầm ghế. Anh ta mặc nguyên quần áo lót hoặc trần truồng nằm trên giường, lăm bắm một mình trong lúc cọ hai bàn chân nhẵn nheo trắng bột vào với nhau. Có khi anh ta đi lại trong buồng nhưng đi kiểu tập tễnh, người cúi thấp xuống để đi cà nhắc chậm chạp. Anh ta lấy thuốc và chai rượu ở trong tủ. Uống mỗi lúc một say hơn, hai tay

ôm lấy đầu. Vỗ lòng bàn tay khum hình chén vào bụng PỐP PỐP PỐP. Thều thào bằng giọng khàn khàn, "Lại đây, bắn tao đi! Bắn tao đi! Bắn tao đi!" rồi thông thả lắc lắc chai rượu, vừa uống vừa vẩy rượu, và nói lấp bắp "Pằng! Pằng! Pằng-pằng-pằng!". Anh ta lắc cổ tay tưới rượu ra khắp căn buồng.

Và căn buồng của anh ta trông thật phát ớn. Giấy dán tường thì bạc hết màu, không còn biết nó nói về chủ đề gì, vải sơn lót sàn nhà thì trông tồi tàn, dính nhơm nhớp, đã hỏng hết, còn anh chàng đó thì bắn thiêu, ảm đạm, hôi hám, tiêu tụy, tiêu tụy.

Thà sống bắn thiêu vẫn còn hơn là chết, Paco thét to - đột nhiên hẳn thêm uống một chút thứ rượu Chó Điên đó - rồi hẳn lật sang trang nhật ký tiếp theo của Cathy:

Anh ta khiến mình sờn gáy. Anh ta làm việc quần quật như chó. Anh ta thức dậy buổi sáng, mặc quần áo. Sạch hay bẩn đối với anh ta chẳng có gì khác nhau. Đi thẳng tới chỗ làm, hầu như chẳng nói chuyện với một ai. Lúc nào anh ta cũng giữ cái vẻ mặt bất động. Mình thấy rùng mình, chú mình bảo rằng Chú tự hỏi không hiểu một nửa thời gian trong ngày anh chàng này có biết mình đang ở đâu

hay không. Buổi chiều anh ta lẳng lặng đi qua lối cửa sau để trở về nhà và uống một ly.

Paco bước vào quán bar và cá là có thể uống một cốc rượu trắng mà không cần dùng đến tay. Và James này, hầu như bao giờ cũng có một thằng đàn nào đó nhận lời đánh cược, chỉ là để xem anh ta thực hiện động tác đó.

Dì Myrna kể rằng anh ta có kiểu đứng thẳng người lên rồi nhìn xuyên thấu người khác. Như thế anh ta là một bóng ma. Hay chúng tôi là bóng ma. Làm sao tôi có thể tin rằng ngủ với anh ta có khi sẽ thú vị? Chú mình bảo rằng nên loại bỏ những kẻ tàn tật như anh ta và Chú sẽ bắt đầu từ anh ta...

... như tối hôm qua, chẳng hạn. Lúc đó đã rất khuya và mình không ngủ được. Mình bật quạt bàn to hết cỡ rồi đọc cuốn Bác sĩ Jivago cũ của dì Myrna. Anh chàng đó bắt đầu rên rỉ và lăn lộn thành thạch trên giường. Mình đã quen với cái tiếng động rất to và đùng đục của đệm trải giường. Rồi anh ta khóc - mình định nói là khóc thút thít - "Ôi đừng! Đừng giết anh ta!".

(Paco đang nằm mơ thấy cuộc hành quyết, James à, hẳn đang đứng, bả vai tì vào tường bê tông lạnh buốt, hẳn ôm ghì lấy gã đứng trước mặt trong khi tay bác sĩ mặc áo bờ-lu trắng chọc kim tiêm vào người anh ta rồi ấn cái

ống bơm. Anh ta chết ngay lập tức, chuội ra khỏi hai bàn tay ôm chặt của Paco).

... rồi sau đó anh ta giật mình tỉnh dậy, trấn tĩnh lại và ra khỏi giường. Anh ta uống nốt chỗ rượu trong chai. Nghe tiếng động phát ra thì biết chỗ nửa lít đó đã không còn một giọt.

Sau đó anh ta quay lại giường, chà mạnh tay lên sống lưng, rên rĩ...

(James ạ, tỉnh dậy sau giấc mơ, Paco thấy kiệt sức, hãn mệt mỏi và cảm thấy nóng bức; hai mắt hãn vằn đỏ vì mệt và hãn thấy nhức đầu và buồn bã).

... Anh ta xanh xao nhợt nhạt. Và tàn tật. Thành thật mà nói, anh ta xấu xí. Nằm cuồn tròn trên giường giống như người hấp hối được cứu sống. Anh ta giống như một người trở về từ chỗ của những người chết. "Tôi chỉ muốn ngủ. Hãy để cho tôi ngủ", anh ta nói như thể có người đang ở trong buồng hoặc có lẽ anh ta định nói với mình cũng nên. Mình nghe thấy tiếng anh ta duỗi lưng, xương sống kêu răng rắc. Sau đó anh ta nâng bàn chân lên đặt ở vùng bẹn rồi xoa bóp. Lại có thêm những tiếng động của xương khớp. Lúc này đã là ba giờ sáng và những gì anh chàng này

*đang máy mó với cơ thể của mình trông thật
tục tũu...*

*... và chẳng hiểu sao, đêm hôm qua mình
đã nằm mơ và mình không sao tổng khứ giấc
mơ đó ra khỏi tâm trí của mình.*

(Cathy ngồi ghé trên mép chiếc ghế bên cạnh bàn giấy, cô ta đang uống
cà phê đen lạnh ngắt còn sót lại trong bình ở dưới nhà từ tối hôm qua, miệng
cô ta cảm thấy vị đắng của cà phê pha đặc).

*Paco bước vào phòng của mình cùng với
cây gậy của anh ta. Mình mặc chiếc váy bằng
vải bông xù. Chúng tôi đứng hôn nhau ở ô cửa
của phòng ngủ. Người anh tỏa ra mùi táo,
khuôn mặt rần rỗi và ấm áp. Bàn tay của anh
rần rỗi và ấm áp. Cả anh lẫn mình đều sốt
ruột muốn lên giường ngay. Anh cởi cái nút
trên váy của mình rồi vòng tay ôm ngay lưng
mình. Mình cởi thắt lưng của anh, cởi quần
dài rồi tụt nó xuống. Những vết sẹo trên cổ
anh nom có màu tím thẫm. Sau đó chúng tôi
lên giường và mọi việc cứ thế diễn ra. Chúng
tôi làm tình. Mình không thể nào gượng gạo
chạm vào người anh nên mình bám tay vào
thành giường. Anh đã xong, nhưng vẫn nằm
giữa hai đùi mình. Anh chống tay ngồi dậy rồi
cúi cong lưng xuống, đặt tay lên trán và bắt
đầu véo lớp da ở đó, nhưng anh lại làm cho da
bong ra, và sau đó bắt đầu lột từng miếng da
như thể chúng là chiếc mặt nạ. Trông như anh*

đang mở cúc một chiếc áo vét. Giống như chúng ta nhìn thấy người ta gỡ những cọng mì spaghetti khô cứng ra khỏi bàn bếp. Anh nắm chặt những cái sẹo trong tay nom như một cuộn dây rồi tung thành một cái búi khủng khiếp. Mình nhắm mắt và quay mặt đi chỗ khác, và dùng hông đẩy anh ra khỏi người mình - nhưng giờ nghĩ lại lúc đó chắc hẳn anh đã tưởng mình muốn làm tình thêm.

Anh đè mình xuống bằng cả cái bụng cứng nhắc của anh rồi đặt những cái sẹo lên ngực mình. Sẹo bốc cháy...

(Cathy đặt tay lên cổ và nuốt nước bọt).

... và mình nghĩ mình nghe thấy những tiếng gào, dường như mỗi cái sẹo là một tiếng gào, và mình lại ngược nhìn anh và anh đang lột những cái sẹo dọc theo cánh tay, nom như những dải da dài ngoẵng rám nắng, màu nâu sẫm như hành phi. Rồi anh quỳ lên vai mình giống như người ta thường làm khi xoa nóng bụng một đứa bé và đặt những cái sẹo ấy lên mặt mình, và mình bắt đầu ngạt thở. Rồi anh đưa cả hai tay ra sau lưng như sắp cởi một cái áo phông, anh túm và kéo những cái sẹo ra khỏi lưng. Và mình có thể nghe thấy những đường khâu bị rách toạc. Và anh đặt chúng lên vú và bụng mình - mình thấy nhột và nóng bỏng - đặt chúng lên tóc mình, quăn quanh

đầu mình như một cái mũ chỏm. Và mỗi lần cái sẹo chạm vào mình, mình lại cảm thấy nóng đến nghẹt thở, lại nghe thấy tiếng gào.

Đến đó thì mình tỉnh dậy. Người run bắn... sờn gai ốc.

Paco, lúc đó vẫn đang lâng lâng trong cảm giác dễ chịu như được bao bọc trong một cái gì dễ chịu nhưng xa lạ, đột nhiên có cảm tưởng như hẫng đã gặp hồn ma của mình. Hẫng không muốn đọc tiếp nữa, gấp cuốn nhật ký lại và đứng dậy, để chiếc ghế vào chỗ cũ và đặt cuốn nhật ký trở lại vị trí khi hẫng tìm thấy nó. Hẫng kéo tấm vải trải giường lại cho căng và vuốt các mép cho phẳng. Hẫng đi rón rén ra cửa, đẩy cửa mở từ bên trong rồi ra khỏi phòng, nghĩ trong đầu “Mày muốn gì thì muốn nhưng cái điều mày muốn không có trong thị trấn này đâu. Ô, mày đâu phải là một viên gạch trên cái bức tường đéo nào đó, mày chỉ là một miếng thịt trên sạp hàng của gã bán thịt nào đó”. Trở về buồng của mình, Paco mặc quần áo đi đường rồi cho đồ vào cái túi xách nhà binh. Hẫng bước qua đường để tới quán *Texas Lunch*, tự động lấy nốt số tiền lương còn lại của hẫng để trong cái máy tính tiền quay tay của Ernest rồi để lại mẫu thư:

Cảm ơn vì đã nhận tôi vào làm. Tôi phải đi.

Hẹn có ngày gặp lại ông.

Paco

Hẫng đứng bên lề đường, một lát sau hẫng xin đi quá giang xe của một gã mặc áo sơ mi kẻ ca rô đang trên đường chở cỏ khô tới Griffin, gã đó nhận ra hẫng là anh chàng bị thương trong chiến tranh đang làm công việc rửa bát tại quán *Texas Lunch*, và gã hỏi hẫng định đi đâu. “Tới *Texaco*”, Paco đáp, “để bắt xe buýt đi về phía tây. Càng đi xa về phía tây bao nhiêu, càng bớt vớ vẩn bấy nhiêu”. James, đến đây chủ đề khép lại.

Paco mất cả buổi sáng tha thẩn ở Texaco, hẩn vào nhà vệ sinh nam để uống thuốc, chịu đựng lòng hiếu khách của Chuck và Duck cho tới khi xe buýt đến. Hẩn leo lên xe, trả tiền mua vé, và xe buýt khởi hành - chiếc xe buýt tắt máy lặn xuống đoạn **đường dốc dẫn vào trạm xe buýt¹¹⁰[1]** - và một lát sau mất dạng.

Đôi lời về Chuyện của Paco

♦ Phạm Anh Tuấn

Chuyện của Paco mở đầu như sau: “James, hãy bắt đầu bằng điều nói thẳng thứ nhất: đây không phải là câu chuyện chiến tranh”.

Tại sao lại là “lời nói thẳng” (clean fact)? Có thể nào “nói toạc ra” một điều như vậy hay không? Ai có thể thản nhiên nói như vậy sau khi đã tận mắt chứng kiến những cảnh chết chóc tàn bạo khủng khiếp của chiến tranh, sau khi đã trải qua nỗi sợ hãi thường trực ở ngoài chiến trường, sự phi nhân hóa không tránh khỏi, và cái chết có thể đến với bất cứ ai vào bất cứ lúc nào?

Có thể nào thuật lại chiến tranh như một điều “sạch sẽ” (clean)? Sau khi câu chuyện được kể xong thì mọi người quay lại với công việc riêng của mỗi người, giống như trong một buổi tối mùa đông lạnh lẽo người ta ngồi quây quần bên bếp lửa ấm áp để nghe kể chuyện cổ tích hoặc chuyện ma? Câu chuyện có thể gieo nỗi sợ hãi, khiếp đảm vào lúc ấy, nhưng nó vừa thật lại vừa không thật đối với người nghe kể chuyện.

Nhưng có những người hiểu rõ chiến tranh là điều thực sự khủng khiếp. Họ cường điệu pha chút mỉa mai, rằng sẽ là thảm họa, giống như Ngày Tận Thế (Apocalypse), nếu như những câu chuyện chiến tranh được kể lại cho công chúng (folks). Song trớ trêu thay, Ngày Tận Thế đã không xảy ra! Chuyện chiến tranh chỉ làm cho người nghe ngồi ngủ gật trên ghế (dụ ngôn Ngày Tận Thế ở Chương 1).

Người lính Mỹ từ chiến trường Việt Nam trở về đã va chạm với thực tế nói trên. Họ gặp phải thái độ gần như hờ hững, vô tình của công chúng. Đôi khi họ cũng nhận được những lời tri ân, nhưng là theo kiểu “Thế là các bạn đã trở về nhà! Xin cảm ơn!”. Có một cảm giác thở phào nhẹ nhõm chung,

giống như sau khi đã hoàn thành một công việc khó khăn, như thể công chúng coi chiến tranh là một trận thi đấu thể thao gay cấn, nhưng rút cục phải có tỉ số chung cuộc, có thắng bại!

Đối với những người lính ngoài chiến hào, chiến tranh đã kết thúc, song chưa chấm dứt. Khi họ bắn giết, họ không chỉ bắn giết những con người cụ thể. Họ đồng thời giết chết một nguyên lý, một lời răn: không được giết đồng loại. Họ giết chết nhân tính ở bên trong họ. Trở về nhà, họ thấy bơ vơ, lạc lõng kèm theo một cảm giác đau đớn thường trực giữa đồng bào của họ, giữa những người thân của họ: những người chưa bao giờ thực sự biết chiến tranh là như thế nào, những chuyên viên của bộ máy chiến tranh, những kẻ coi chiến tranh đơn thuần như một nghề nghiệp - những kẻ sáng vác ô đi tối vác ô về, ngồi trong những văn phòng sạch sẽ ngăn nắp để quan sát chiến tranh từ xa (the ticket-punching lifers) và một công chúng dễ tin vào những lời dối trá (dụ ngôn hội chợ ở Chương 1). Các nhà tâm lý học gọi trạng thái tâm lý của những người lính từ mặt trận trở về nhà là rối loạn tâm lý sau chấn thương (post traumatic stress disorder) hoặc hội chứng chiến tranh (war syndrom). Nhưng nhiều nhà thơ, nhà văn cựu chiến binh Mỹ như Kevin Bowen, Philip Caputo, Bruce Weigl, Tim O'Brien, Yyseg Komunyakaa và Larry Heinemann đã dùng một từ lóng để diễn tả tâm trạng của họ: *piss-off* - một trạng thái bị chọc tức, không phải là nổi giận, mà là cáu và tức mà không biết thổ lộ với ai. Giống như cảm giác khi bị thúc giục phải làm một việc gì đó mà ta không thích hoặc rất giống với cảm giác chạy hộc tốc tới bến đậu xe buýt để rồi tới nơi và chỉ kịp nhìn thấy chiếc xe buýt vừa lăn bánh - một cảm giác bị bỏ rơi lại phía sau.

Vào một đêm, tại cứ điểm có tên Harriette ở một địa danh gần Skator-Gator (giống như nhiều địa danh khác trong cuốn sách như Scat Man Doo, Gookville hay Goongone Forest v.v. đây chỉ là một từ do tác giả bịa, một từ gợi hiệu ứng âm thanh (sound-word) chứ không có nghĩa, đó có thể là bất cứ nơi nào tùy trí tưởng tượng của người đọc), Đại đội Alpha đã bị tấn công và anh lính Paco là người duy nhất sống sót trong số 93 lính của đại đội. Paco bị thương rất nặng, nằm thoi thóp một mình trong rừng trong gần hai ngày,

cho tới khi lính cứu thương tìm thấy anh ta và đưa bằng trực thăng về một bệnh viện dã chiến.

Toàn bộ câu chuyện về anh lính Paco được thuật lại qua giọng kể của một người nào đó cho một người tên là James. Người đọc chỉ có thể đoán giọng kể lúc thì là của một lính Mỹ nào đó hoặc toàn thể lính Mỹ tử trận tại Việt Nam hoặc hồn ma của một người lính đại diện cho Đại đội Alpha hoặc giọng tập thể của toàn bộ những người lính của Đại đội Alpha bị tử trận tại Cứ điểm Harriette. Người đọc cũng không biết James là ai, già hay trẻ, làm nghề gì. James có thể là bất cứ ai, có thể là người đại diện cho bất cứ tầng lớp nào. Người đọc có thể đoán câu chuyện về anh lính Paco đã được kể đi kể lại cho rất nhiều người, thậm chí có những người không thích nghe kể lại những gì đã xảy ra tại Cứ điểm Harriette. Suốt cuốn sách, người đọc chỉ thấy người kể thỉnh thoảng gọi một người nào đó là “James” hoặc có khi là “Jack”.

Sống sót trong trận đánh kinh hoàng tại Cứ điểm Harriette, Paco trở về nhà với tấm thân tàn tạ, đi lại phải dùng một cái gậy gỗ, trên người đầy những đinh, vít, vết khâu, và sẹo nhiều tới mức trông như có một tấm khảm trên người anh ta. Anh ta thường xuyên phải chịu đựng những cơn đau đầu và cơn đau nhức ở những vết thương cũ, và anh ta phải dùng hằng ngày thuốc giãn cơ Librium và thuốc chống trầm cảm Valium. Paco trở nên lầm lì, ít nói, hầu như không bao giờ kể lại chuyện anh ta đã sang Việt Nam. Mỗi khi bị hỏi lý do phải dùng tới cái gậy, anh ta bao giờ cũng chỉ trả lời cộc lốc “Tôi bị thương trong chiến tranh”.

Một hôm Paco dốc hết tiền trong túi để mua một vé xe buýt đường dài, đi hết tiền thì thôi, đến đâu thì đến. Anh ta xuống xe tại một thị trấn có tên là Boon. Xin được làm chân rửa bát tại quán *Texas Lunch*. “Công việc nhếch nhác nhưng có phương pháp”. Hằng ngày có mặt tại chỗ làm vào lúc 10 giờ 30. Thu dọn bát đĩa, nồi niêu xoong chảo bẩn rồi đem tới chỗ chậu rửa. Cái gì rửa trước, cái gì rửa sau, mỗi đồ vật đều có chỗ để riêng của nó, tất cả tuân theo một quy trình máy móc. Công việc tuy vớ vẩn, bẩn thỉu, nhưng nó

đem lại cho Paco một cảm giác an bình, an tâm. Một cách dùng sự vớ vẩn để chống chọi lại sự vớ vẩn của cuộc đời. Giữa những đợt thu dọn bát đĩa, Paco có thể tranh thủ ăn sáng, uống cà phê, đi tiểu hoặc hút nhanh một điếu thuốc. Hết giờ anh ta lặng lẽ đi qua cửa sau để trở về căn buồng thuê ở khách sạn Geronimo. Anh ta làm việc chăm chỉ, lúc nào cũng im lặng, thỉnh thoảng nghe trộm câu chuyện của mọi người, và nếu có người kể chuyện trực tiếp với anh ta thì anh ta cũng chỉ nghe một cách lơ đãng. Trong lúc làm việc thỉnh thoảng Paco nhớ lại quãng thời gian ở Việt Nam, nhớ lại chuyện này chuyện nọ do đồng đội kể với anh ta ...

Người đọc chỉ biết về quá khứ của Paco tại Việt Nam qua những mẩu chuyện rời rạc do một người kể cho người tên James hoặc thông qua câu chuyện do một đồng đội của Paco kể lại và được người kể thuật lại cho người tên James.

Người đọc cũng chỉ biết được những vết sẹo trên người Paco thông qua cuốn nhật ký của Cathy, một cô gái cũng sống trong một căn hộ của khách sạn Geronimo. Cathy đã theo dõi Paco vì tò mò. Cô ta ghi nhật ký tất cả những gì cô đã quan sát cuộc sống hàng ngày của Paco. Lúc Paco đang rửa bát trong quán Texas Lunch nằm ở bên kia đường, lúc Paco rời quán để đi bộ trở về nhà, lúc Paco sau giờ làm việc ngồi ở bậc thềm trước quán hút thuốc, uống một bình nước cam nhãn Mason, đứng đái ở một góc mờ mờ tối, lúc Paco trở về căn buồng của mình, cởi quần áo, uống liều thuốc Librium và Valium dành cho buổi tối, uống rượu, say rượu, mê sảng v.v... Giữa Paco và Cathy có một mối liên hệ khá thân thiết nhưng không nói ra. Paco ao ước được ân ái với Cathy. Cathy cũng vậy, mặc dù cô ta đã có bạn trai.

Một hôm Paco lẻn vào căn hộ của Cathy và tìm thấy một cuốn nhật ký. Trong suốt quãng thời gian rón rén đi từ buồng của anh ta tới căn hộ của Cathy rồi lẻn vào buồng ngủ của cô ta, tìm thấy cuốn nhật ký và ngồi đọc, những hồi ức chiến tranh đã sống dậy trong Paco. Anh ta nhớ lại những hồi

ức khủng khiếp trong đó có lần anh ta đã giết một người lính của đối phương theo cách cực kỳ dã man.

Tuy phải chịu đựng những cơn đau đớn cơ thể và nỗi khổ đau tinh thần, nhưng Paco chưa bao giờ tự hỏi “Tại sao lại là tôi?”. Đường như Paco thấy cần rút vì một mình anh ta được sống sót trong khi tất cả đồng đội tử trận. Đường như anh ta ao ước giá như được chết cùng đồng đội.

Nhưng Paco có thực sự trong trắng đến thế không? Cái cách anh ta cần mẫn chế tạo bẫy mìn, cách đặt bẫy và cách giết người của anh ta khiến người đọc có cảm giác ngược lại. Cuộc sống khủng khiếp trong chiến tranh đã làm cho tâm hồn con người trở nên tàn ác. Paco vừa là tác nhân lại vừa là nạn nhân.

Sau khi đọc xong cuốn nhật ký của Cathy, Paco trở về buồng của mình, lấy đồ đạc rồi đi khỏi thị trấn Boon. “Càng đi xa về phía tây bao nhiêu, càng bớt vớ vẩn bấy nhiêu”. Tại sao Paco lại bỏ đi? Và tại sao càng đi xa về phía tây thì càng bớt vớ vẩn (bullshit)? “Mày muốn gì thì muốn, nhưng cái điều mày muốn không có trong thị trấn này... mày chỉ là một miếng thịt trên sạp hàng của gã bán thịt”. Phải chăng đi về phía tây tức là trở về với nước Mỹ thuở lập quốc, cái thời nước Mỹ còn là một vùng đất hoang vu, hoang dã. Phải chăng đi về phía tây tức là chạy trốn khỏi nước Mỹ văn minh, hiện đại? Người đọc chỉ có thể phỏng đoán.

Cuối cùng xin giới thiệu đôi lời về tác giả. Larry Heinemann sinh năm 1944 tại Chicago, bang Illinois. Gia đình của Larry Heinemann năm đời sinh sống tại Chicago. Cha ông làm nghề lái xe buýt, mẹ làm giữ trẻ cho một gia đình bác sĩ. Nhà ông có ba anh em trai. Cả ba đều đi lính. Ông và người em trai cùng nhập ngũ năm 1966, cùng sang Việt Nam năm 1967. Người anh cả một hôm bỏ nhà đi biệt tích. Người em trai của ông sống sót sau hai năm ở Việt Nam nhưng khi trở về Mỹ đã tự vẫn (trong một lần trả lời phỏng vấn

Larry Heinemann có nói nhân vật Paco có nhiều nét rất giống em trai của ông). Larry Heinemann là lính của Sư đoàn Bộ binh số 25 đóng tại Củ Chi và Dầu Tiếng. Ông giải ngũ năm 1968. Năm 1977 ông xuất bản cuốn tiểu thuyết đầu tay *Close Quarters* (Giáp lá cà), được coi là một trong những tiểu thuyết đầu tiên của Mỹ viết về cuộc chiến tranh Việt Nam.

Năm 1986, Chuyện của Paco được trao giải thưởng **Sách Quốc gia dành cho thể loại hư cấu**. Khi cái tên Larry Heinemann được đọc to tại phòng khiêu vũ lớn của Khách sạn Pierre ở thành phố New York, hầu hết mọi người đều sững sốt bởi vì họ đều định ninh người được trao giải sẽ là Toni Morrison, người 5 năm sau đó đã được trao Nobel Văn học.

Chuyện của Paco sau khi ra mắt đã gây cho người đọc nhiều phản ứng (ngay cả biên tập viên của cuốn sách - Pat Starchan) bởi cuốn sách được viết bằng ngôn ngữ thô mộc, cục cằn với rất nhiều tiếng lóng và biệt ngữ của “lính tráng”, thậm chí cả những tranh cãi xoay quanh một số cảnh giết người rất tàn bạo (chẳng hạn, vụ hiếp dâm tập thể). Trong một lần Larry Heinemann đọc Chuyện của Paco tại Đại học Wisconsin, một giáo sư sử học đã nói với Larry Heinemann rằng nếu ông ta gặp những người lính như Larry Heinemann ông ta sẽ nhổ nước miếng vào mặt họ. Larry Heinemann đã trả lời: “Bắn người bằng súng hoặc nhổ nước miếng vào mặt họ cả hai hành vi đó đều xuất phát từ cùng một chỗ ở trong con tim” (Larry Heinemann trả lời phỏng vấn năm 2003). Larry Heinemann nói rằng không ai hiểu được sự tàn bạo của chiến tranh bằng những người lính bộ binh bình thường và ông muốn viết một câu chuyện trung thực để hất tất cả cái thứ bắn thiu đó vào mặt những kẻ đã gây ra những thứ bắn thiu đó. Là người ngưỡng mộ nhà văn Mỹ Herman Melville với tiểu thuyết *Moby Dick*, Larry Heinemann có lần đã trích một câu của thuyền trưởng Ahab “Tôi chỉ có thể kể lại điều đó theo cách ấy” (Larry Heinemann trả lời phỏng vấn năm 2006).

Notes

[[← 1](#)]

[1] Black Elk (Nai Đen) là biệt danh của Hehaka Sapa (sinh 1863, mất 1950), một thầy phù thủy của bộ tộc da đỏ Oglala Sioux ở Dakota, Hoa Kỳ. Khi còn nhỏ ông đã chứng kiến những trận đánh giữa người da đỏ và quân đội Hoa Kỳ, trong đó có vụ quân đội Hoa Kỳ tàn sát hơn 200 người da đỏ ở suối Wounded Knee ngày 29 tháng 12 năm 1890. Năm 1932 Black Elk kể lại cuộc đời của ông với John Neihardt bằng tiếng Lakota thông qua phiên dịch. John Neihardt viết lại thành một cuốn sách có đầu đề *Black Elk Speaks* (Black Elk kể). Xin mách đọc giả một thông tin: *Chuyện của Paco* có nhiều ẩn dụ, ám chỉ, liên hệ tới người da đỏ. (Tất cả chú thích trong sách đều của người dịch).

^[1] Home, James: nguồn gốc của câu nói này là từ một Nữ Hoàng của nước Anh ở thế kỷ 19, bà có người đánh xe ngựa tên là James Darling (trong tiếng Anh, Darling có nghĩa là "Bồ"). Nhưng chẳng nhẽ Nữ Hoàng ra lệnh "Home, Darling", - "Đưa tôi về nhà đi "Bồ"! (vì người cao quý như bà ắt phải gọi người khác bằng tên thánh (ở trường hợp này là "Darling"), nhưng như thế thì bị hiểu lầm, nên bà đành gọi bằng tên tục (James), và như thế thật không xứng với địa vị của bà, cho nên câu nói của bà trở thành "giễu cợt". Về sau câu nói này trở thành một câu sáo, rập khuôn ngụ ý "hãy đưa tôi về nhà ngay". Larry Heinemann kể khi bắt đầu viết Chuyện của Paco trong đầu ông chợt nhớ lại câu nói này (nhưng lúc đó ông không nhớ toàn bộ câu chuyện). Chữ "home" (nhà, về nhà, gia đình, thậm chí tổ quốc) vừa hay lại là một gợi ý làm thành cái giống như chủ đề của một bản nhạc, của một câu chuyện cảm động về nhân vật Paco (theo *Writing Vietnam, Writing Life* của Tobey C. Herzog, Nhà xuất bản Đại học Iowa Press, 2008).

[← 3]

^[2] Đây là chi tiết có thật. Larry Heinemann viết chương 1 liền một mạch hai tuần sau đó ông đưa cho Pat Strachan là bạn ông đồng thời là biên tập viên một nhà xuất bản để xem thử. Pat Strachan đã hỏi "James" có phải ám chỉ nhà văn James John hay không (Larry Heinemann trả lời phỏng vấn trong cuốn *Writing Vietnam, Writing Life* của Tobey C. Herzog, Nhà xuất bản Đại học Iowa Press, 2008).

[← 4]

^[1] Đúng ra là một trạm xăng Texaco. Texaco là tên một thương hiệu như Shell hay Exxon Mobile (Texaco gas station). (Những phần tô đậm là của người làm ebook, đánh dấu phần dịch không chính xác của dịch giả.)

[[← 5](#)]

^[2] Motel: khách sạn cạnh các quốc lộ dành cho người đi ô-tô.

[← 6]

^[1] Street punk: loại nhạc rock xuất hiện vào quãng năm 1980 rất được giới lao động bình dân ưa thích.

[← 7]

^[2] Ấn dụ lấy từ sách Khai Huyền: người ta đã cường điệu việc kể những câu chuyện chiến tranh giống như một điều gì đó khủng khiếp, giống như Ngày Tận thế (theo sách Khai Huyền, bốn người cưỡi ngựa sẽ lần lượt xuất hiện và hủy diệt toàn bộ vũ trụ, họ lần lượt tượng trưng cho sự chinh phục, chiến tranh, nạn đói và cái chết). Điều trở trêu là người ta chỉ kể vừa đủ những câu chuyện chiến tranh để cho người nghe có thể chấp nhận được (câu chuyện chỉ dừng lại ở cổ hòng).

[← 8]

^[3] Đây là hai địa danh hư cấu, những từ ngữ không có nghĩa, chỉ gọi âm thanh nào đó (sound word) mà khi đọc lên gọi một cái gì xa xôi, xa lạ. *Chuyện của Paco* có rất nhiều những từ bịa như vậy.

[←9]

^[4] Punji stik or Punji stake is a type of booby trapped stake. It is a simple spike, made out of wood or bamboo, which is sharpened and heated. Punji sticks are usually deployed in substantial numbers. Other additional measures include coating the sticks in poison from plants, animal venom, or even human feces, causing infection or poisoning in the victim after being pierced by the sticks, even if the injury itself was not life-threatening. Punji sticks are banned from use as weaponry under the 1980 Convention on Certain Conventional Weapons. (Wiki).

[[← 10](#)]

^[5] Simon Boccanegra: vở opéra gồm ba hồi của nhà soạn nhạc người Ý Giuseppe Verdi (1813-1901).

[← 11]

^[6] The Flying Dutchman: một câu chuyện mang tính dân gian của những người đi biển xuất hiện vào thế kỷ 17 về những con tàu không bao giờ cập bến, phải chịu số phận lênh đênh mãi mãi trên biển. Nhà soạn nhạc vĩ đại người Đức Richard Wagner (1813-1883) đã soạn một vở opera cùng tên lấy cảm hứng từ câu chuyện dân gian này.

[← 12]

^[1] Tên các diễn viên điện ảnh nổi tiếng của Mỹ chuyên đóng các vai người hùng.

[\[← 13\]](#)

^[2] Goongone Forest: một từ không có nghĩa, được bịa ra để chỉ một khu rừng nào đó hoặc bất kỳ khu rừng nào mà tác giả có thể biết tên hoặc không biết tên, gợi một chốn xa xôi, xa lạ.

[← 14]

^[3] Phuc Luc: tên một địa danh, có thể là Phúc Lộc hoặc Phú Lộc hoặc bất kỳ một địa danh nào. Lính Mỹ thích đọc chệch sang tiếng Anh nghe gần giống như "fuck luck" nghĩa là "xui xẻo". Chúng tôi để nguyên cách viết trong nguyên bản.

[← 15]

^[1] Housecat: tiếng lóng chỉ những người không tham chiến họ làm việc trong các văn phòng, cơ sở dịch vụ tại các căn cứ.

[← 16]

^[2] Pom Pom: quả bóng làm bằng vải để các cổ động viên lắc lắc khi cổ vũ.

[[← 17](#)]

^[3] Việt Nam của nợ.

[← 18]

^[1] Theo truyền thống của Học viện quân sự West Point, mỗi khóa học viên tốt nghiệp đều đeo một chiếc nhẫn được thiết kế riêng.

[← 19]

^[2] Một mẫu Anh bằng 0.4 ha.

^[1] Chiến dịch Guadalcanal trong Thế chiến II (một hòn đảo nằm ở phía nam Australia) kéo dài từ tháng 8 năm 1942 đến tháng 2 năm 1943. Người Nhật đã áp dụng một chiến thuật làm tiêu hao sức lực, tinh thần của quân Đồng Minh: hàng đêm người Nhật cho máy bay mang động cơ phát tiếng động ầm ỹ tới không cần ném bom mà chỉ quấy nhiễu, cốt cho quân Đồng Minh không thể ngủ được.

[[← 21](#)]

^[2] Tên của tờ báo này là hư cấu.

[← 22]

^[3] Tên của cứ điểm là hư cầu.

[← 23]

^[4] Một cách gọi của Philadelphia.

[← 24]

^[5] United Service Organization: một tổ chức phi chính phủ của Mỹ chuyên cung cấp những dịch vụ giải trí nhằm khích lệ tinh thần của binh lính Mỹ.

[← 25]

^[1] Military Payment Certificate: một thứ giấy chứng nhận dùng thay tiền của quân đội Mỹ trong chiến tranh tại Việt Nam.

[← 26]

^[1] Doo-dah: chỉ một người hoặc vật gì đó bé nhỏ, vô danh tầm thường.

[← 27]

^[2] Lick: những chỗ đất có muối, thú rừng thường đến liếm.

[← 28]

^[1] Dead on arrival.

[← 29]

^[1] Túi bỏng ngô và lạc bọc caramen xuất hiện từ rất sớm tại Mỹ. Trong mỗi túi bao giờ cũng có một phiếu lĩnh thưởng.

[← 30]

^[1] Ba chữ cái đầu của Long Bình Jail (trại giam Long Bình nằm ở ngoại ô Sài Gòn). LBJ còn là ba chữ cái viết tắt của tên Tổng thống thứ 36 của nước Mỹ, Lyndon Baines Johnson.

[← 31]

[1] Một tập đoàn xây dựng và thiết kế cầu đường được thành lập năm 1955. Quân đội Mỹ là một khách hàng lớn của tập đoàn này.

[← 32]

[2] Judge Advocate General: Luật sư chuyên ngành về luật quân sự.

[← 33]

[3] Poncho liner: một loại áo ngực trang nhẹ của lính Mỹ có thể dùng làm chăn, nặng gần một cân.

[\[← 34\]](#)

^[1] Mardi Gras: lễ hội nổi tiếng được tổ chức từ ngày Thứ Ba ăn mặn (tức một ngày trước tuần chay - Ash Wednesday) cho tới hết tuần chay (Lent) diễn ra vào tháng Ba.

[\[← 35\]](#)

[1] AWOL bag: Một loại túi bằng da mà lính Mỹ được phát để đựng những đồ dùng thiết yếu. Lính Mỹ gọi vui là túi AWOL, chữ tắt của “absent without official leave” nghĩa là vắng mặt không phép.

[← 36]

[2] Rượu Whisky nhưng nấu bằng ngô, khác với loại được nấu bằng lúa mạch.

[[← 37](#)]

^[1] Salvation Army: tổ chức từ thiện Cơ đốc giáo hoạt động tại 120 quốc gia. Tổ chức này có trụ sở tại Atlanta, Mỹ.

[← 38]

[1] Timing light: dụng cụ dùng để chỉnh tầm đánh lửa của bu-gi xe ô tô.

[← 39]

[2] Một loại búp bê rất nổi tiếng có xuất xứ từ Đức vào đầu thế kỷ 20.

[← 40]

[3] Necker's knob: tiếng lóng chỉ cái nút trên vô lăng xe hơi có bán kính lớn trong những năm 1950. Người lái có thể điều khiển xe bằng một tay còn tay kia quàng qua cổ ôm, chẳng hạn, một cô gái ngồi bên cạnh.

[← 41]

[4] Công ty đường sắt thành lập năm 1847 và tàu khách bắt đầu hoạt động vào năm 1851. Tuyến đường sắt chạy qua rất nhiều tiểu bang của nước Mỹ. Đoàn tàu mang tên Hiawatha bắt đầu được đưa vào hoạt động vào năm 1935 nối thành phố Chicago thuộc tiểu bang Illinois với Twin Cities thuộc tiểu bang Minnesota.

[← 42]

[5] Loại xe ở buồng lái có một ghế băng dài chứ không phải là hai ghế rời.

^[1] The Purple Heart: huy chương do Tổng thống Hoa Kỳ trao tặng cho lính Mỹ bị thương hoặc hy sinh trong khi đang tại ngũ. Huy chương này ra đời vào năm 1917.

[← 44]

^[2] The Bronze Star: huân chương do quân đội Mỹ trao tặng vì lòng dũng cảm, công lao phục vụ quân đội. Huy chương này ra đời năm 1944.

[1] Đúng ra thì phải viết là Olds (số nhiều là Oldses). Ở đây dịch giả có vài nhầm lẫn. Nguyên văn chú thích của dịch giả như sau: “*Old (tên gọi ngắn của Oldsmobile) và Buick, Chevy (tên gọi ngắn của Chevrolet) là các nhãn hiệu xe của hãng General Motors của Mỹ. Caddy là một nhãn hiệu của hãng xe Volkswagen của Đức.*”

Thực ra Olds là Oldsmobile, Merc là Mercury, Caddy là Cadillac và Chevy là Chevrolet. Tất cả đều là nhãn hiệu xe của General Motors, ngoại trừ Mercury là nhãn hiệu xe của hãng Ford.

[← 46]

[2] Không phải là bộ phận rắc cát mà là rắc muối. Nguyên văn : *dump trucks with the salt srpeaders still mounted on back.*

[[← 47](#)]

^[1] Nhãn hiệu whiskey nổi tiếng của bang Tennessee.

[← 48]

[2] Nhãn hiệu của lạc chao dầu đóng hộp của hãng Beer Nuts của Mỹ.

[← 49]

[3] Một loại đồ ăn nhanh bằng thịt chế biến sẵn dưới dạng que.

[← 50]

^[4] Đây là hai câu đầu trong một bài thơ dân gian của trẻ nhỏ.

[← 51]

^[1] 1 feet bằng khoảng 30 cm.

[← 52]

[1] Corinthian column: thuật ngữ kiến trúc chỉ một trong ba loại cột (kiểu dáng, kích thước, tỷ lệ...) của kiến trúc Hy Lạp và La Mã cổ đại. Hai loại cột kia là Doric và Ionic.

[← 53]

^[1] Ellis Island: một hòn đảo tại New York, từ năm 1892 đến 1954 có hàng triệu người nhập cư vào nước Mỹ qua cửa khẩu này.

[← 54]

^[1] Một điệu múa của Hawaii.

[← 55]

[1] Tên đầy đủ là Benevolent and Protective Order of The Elks (gọi tắt là The Elks Club), một hội mang tính xã hội được thành lập năm 1868 có nhiều ảnh hưởng tới chính trị tại Hoa Kỳ. Hội chỉ tiếp nhận thành viên là công dân Hoa Kỳ. Hội từng có nhiều hội viên nổi tiếng như các tổng thống Franklin D. Roosevelt, Harry S. Truman, John F. Kennedy và Gerald R. Ford.

[← 56]

^[1] Có thể là Hàm Luông ở Bến Tre.

[\[← 57\]](#)

[2] Bữa ăn kiểu Mỹ gồm món cá viên ăn với khoai tây chiên kiểu Pháp, chanh quả, Ketchup, nước xốt. Bữa Fishfry thường được phục vụ vào các tối thứ Sáu của Mùa chay trước lễ Phục sinh.

[← 58]

^[1] Một môn bóng gần giống với bóng bầu dục.

[← 59]

[1] Oyster crackers: mặc dù có từ “oyster” nghĩa là sò, song món này hoàn toàn không có thành phần sò. Đó là những chiếc bánh giống hình con sò, có vị mặn và bơ để ăn kèm với món súp hoặc món ớt hầm thịt bò như trong câu chuyện này.

[← 60]

[1] Front: thuật ngữ khí tượng chỉ mặt tiếp xúc của hai khối không khí có gốc khác nhau, vì thế khi *front* đi qua sẽ tạo ra sự biến đổi đột ngột thời tiết ở nơi đó.

[← 61]

[1] Nguyên văn là: the runny pickle relish is served out by the great dripping dollop with an Ekco-brand gravy ladle, hammered flat. (dịch giả dịch sai. Pickle relish không phải là nước dấm, dripping dollop không phải là rót từng giọt, ladle không phải là chiếc thìa, hammered flat không phải là có đáy bằng.).

[← 62]

[2] Enrico Caruso (1873 – 1921): ca sĩ giọng nam cao nổi tiếng người Ý.

[← 63]

[1] Phong cách hát không cần có nhạc đệm, ban đầu được áp dụng trong các hoạt động âm nhạc tôn giáo ở trong nhà thờ.

[← 64]

[2] Ivy League: liên đoàn thể thao gồm tám trường đại học ở miền Đông Bắc Hoa Kỳ.

[← 65]

[3] Nguyên văn “...now they are just likely to be Persian...”: bây giờ họ có thể là người Ba Tư.

[← 66]

[4] Loại ấm đun trà của người Nga.

[← 67]

^[1] Một thể loại âm nhạc phát triển từ Mỹ rồi lan ra toàn thế giới trong những năm 1950-1960.

Rock and Roll kết hợp nhiều thể loại nhạc khác nhau, blues, thánh ca, nhạc đồng quê, jazz.

[← 68]

[2] Ban nhạc Anh rất nổi tiếng được thành lập năm 1962 ở London.

[[← 69](#)]

^[1] Slug: tiếng lóng chỉ người làm biếng.

[← 70]

[1] Dub-ya: cách phát âm bình dân của chữ “W”, chữ đầu của “Walker”. Ở đây đang nói tới chai Johnnie Walker.

[← 71]

[1] Diễn ra từ ngày 19 tháng 2 đến 26 tháng 3 năm 1945, một trận đánh thuộc mặt trận Thái Bình Dương giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản. Đỉnh Suribachi nằm trên đảo này. Đảo Iwo Jima trong tiếng Nhật có nghĩa là Đảo Lưu Huỳnh.

[[← 72](#)]

[2] Flag Day: được tổ chức vào ngày 14 tháng 6, được coi là ngày lễ chính thức bắt đầu từ năm 1916 dưới thời Tổng Thống Woodrow Wilson.

[[← 73](#)]

[3] Quốc khánh Mỹ.

[← 74]

^[4] Memorial Day: được tổ chức vào ngày thứ Hai cuối cùng của tháng 5.

[[← 75](#)]

^[5] Veterans Day: được tổ chức vào ngày 11 tháng 11.

[[← 76](#)]

[6] Armistice Day: Ngày đình chiến chấm dứt Thế chiến I, tên cũ là Ngày Cựu Chiến Binh.

[[← 77](#)]

^[1] Do tác động của radium, một nguyên tố phóng xạ trong bom nguyên tử.

[← 78]

^[1] Một ngôi đền rất nổi tiếng ở Ấn Độ, được xây năm 1632 và hoàn thành năm 1648.

[← 79]

[1] Tên một trò chơi giống ở bên trên như bóng đá. Mỗi đội có từ 4 đến 8 người, bàn thắng được tính khi người của một đội bắt được cái đĩa tại vị trí cầu môn của đội kia.

[\[← 80\]](#)

[1] Sự kiện xảy ra năm 1942 trong Thế chiến II trên đảo Bataan ở Philippine. Người Nhật sau khi thắng quân Mỹ đã áp giải 75 ngàn tù binh Mỹ và Philippine trên quãng đường dài gần 100 km. Gần 10 ngàn tù binh đã bị giết hại rất dã man trên quãng đường áp giải đó.

[← 81]

^[1] Dry-ice: hợp chất các-bon đi-ô-xít ở dạng rắn dùng làm chất ướp lạnh trong y tế. Đá khô khi gặp không khí thì bốc hơi.

[← 82]

[1] Một thung lũng dài 446km, rộng từ 0,4 – 24km ở độ cao 1600m so với mực nước biển.

Thung lũng được tạo ra bởi sông Colorado ở bang Arizona. (Đúng ra phải dịch Canyon là hẻm núi chứ không phải là thung lũng).

[← 83]

[2] Các địa danh thuộc các bang Pennsylvania, Bắc Carolina và Indiana.

[← 84]

[3] Thành phố biển ở phía Nam Texas.

[← 85]

^[4] Một ngọn núi nằm ở bang Colorado.

[[← 86](#)]

^[5] Một thành phố ở bang Ohio.

[← 87]

[6] Montpelier nằm ở bang Idaho, Santa Fe nằm ở bang New Mexico, Yakima nằm ở bang Washington, Ocracoke nằm ở bang Bắc Carolina, Bemidji nằm ở bang Minnesota, Brownsville ở Texas còn Sault Sainte Marie ở bang Michigan. Có thể thấy là nhân vật này đúng là đã đi ngang dọc nước Mỹ.

[1] Iron Triangle: do Mỹ đặt tên, chỉ một vùng mật khu rộng hơn 300 cây số vuông cách Sài Gòn từ 30-50 cây số về phía Bắc và Tây Bắc, đỉnh của tam giác là các huyện Củ Chi, Bến Cát (thuộc Bình Dương) và Trảng Bàng (thuộc Tây Ninh). Hồ Bò và Bời Lời nằm trong vùng Tam giác sắt.

[← 89]

[2] Một thủ lĩnh của người da đỏ Apache (1829-1909). Lính Mỹ, nhất là lính nhảy dù, thường hô tên của ông khi xung phong.

[← 90]

[3] Static line: giống như dây bảo hộ của thợ xây dựng làm việc ở trên cao. Phương pháp này thường được dùng trong huấn luyện hoặc nhảy dù ở độ cao không lớn.

[← 91]

^[1] CBS và NBC là hai hãng truyền hình lớn của Mỹ.

[← 92]

[2] Từ 8-16 tháng 1 năm 1967, quân Mỹ và quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã mở các trận càn tại vùng tam giác sắt hòng phá vỡ các cơ sở của quân Giải Phóng Miền Nam Việt Nam tại đây.

[← 93]

^[1] Một loại rượu Whiskey nấu bằng ngô.

[← 94]

[1] 1907 – 1979, một huyền thoại điện ảnh Mỹ, nổi tiếng với những phim cao bồi miền Viễn Tây, nhưng trong chiến tranh Việt Nam lính Mỹ thường dùng từ này với nghĩa xấu.

[← 95]

[2] Một chuỗi cửa hàng bách hóa hảng giảm giá.

[← 96]

[3] Reflecting Pool: một cái hồ thường được xây cạnh các công trình tưởng niệm nhằm làm tăng vẻ đẹp tôn nghiêm. Ở đây muốn nói tới hồ trước mặt đài tưởng niệm thống thống thứ 16 Abraham Lincoln.

[← 97]

[4] Một bãi cỏ dài hơn 2 cây số, một đầu là điện Capitol – trụ sở của Quốc Hội Hoa Kỳ, còn một đầu là đài tưởng niệm Lincoln.

[← 98]

^[1] Thuộc vùng Tuscany, Italia nổi tiếng về loại đá cẩm thạch trắng.

[← 99]

[2] Chương trình phát thanh hoặc truyền hình mà một nhóm người ngồi với nhau để thảo luận một chủ đề do người dẫn chương trình đề ra.

[← 100]

[1] Các chữ viết tắt tiếng Anh của thành phố New York, Washington DC, Đại học California ở Los Angeles, Florida, căn cứ quân sự Leonard Wood ở Missouri.

[← 101]

^[1] Một Inch bằng 2,54 cm.

[← 102]

[1] Infielder: Sân bóng mềm có hai khu vực, sân trong (infielder) và sân ngoài (outfielder). Mỗi đội có 9 cầu thủ, 4 cầu thủ phòng ngự đứng trong sân trong và một trong bốn cầu thủ này có nhiệm vụ giao bóng (pitch) để cầu thủ đập bóng của đội đối phương tấn công (bater) đập bóng. Trong bóng chày và bóng ném thì đội phòng ngự là đội giao bóng.

[\[← 103\]](#)

[2] Một truyền thống trước khi bắt đầu một trận đấu. Cầu thủ hai đội hát, hét reu chọc nhau bằng những từ ngữ đôi khi rất thô lỗ kèm những động tác chửi tay.

[[← 104](#)]

^[1] Viết tắt của “Listening post”.

[1] Punji stik or Punji stake is a type of booby trapped stake. It is a simple spike, made out of wood or bamboo, which is sharpened and heated. Punji sticks are usually deployed in substantial numbers. Other additional measures include coating the sticks in poison from plants, animal venom, or even human feces, causing infection or poisoning in the victim after being pierced by the sticks, even if the injury itself was not life-threatening. Punji sticks are banned from use as weaponry under the 1980 Convention on Certain Conventional Weapons. (Wiki).

[← 106]

^[1] Tiếng Việt trong nguyên bản.

[[← 107](#)]

[2] Tiếng Việt trong nguyên bản.

[[← 108](#)]

[3] Tiếng Việt trong nguyên bản.

[← 109]

[1] Rượu Morgan David 20 được gọi tắt là MD 20/20 nên ông cậu của Cathy gọi đùa là Mad Dog 20/20.

[[← 110](#)]

[1] Nguyên văn là: entrance ramp. Là đường dẫn vào xa lộ, chứ không phải là đường dốc dẫn vào trạm xe.

Table of Contents

[Notes](#)